Nº 173 Juin 1932

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CÂU CHUYỆN LẬP-HIẾN

(Thư cho bạn)

Nguyễn Huynh-ông,

Huynh-ông có bức thư dài chất-vấn về câu chuyện lập-hiến. Xin vui lòng trả lời từng khoản, thuật rõ đầu đuôi.

Trước hết hằng xin cám ơn mấy lời tri-kỷ, thật rõ bụng nhau. Nhà văn có nên làm chính-trị hay không? Tôi đã thường khi tự-vấn như vậy. Nhưng làm chính-trị là thế nào? Làm chính-trị ở nước ta là thế nào? Nước ta không có chủ-quyền về chính-trị thời cũng không có một cái đời riêng về chính-trị, không có cái trường-sở phân-minh cho người nước làm chính-trị được. Mười-lăm hai-mươi năm trước nói đến chính-trị như nói chuyện quốc-cấm, ai còn dám công-nhiên làm chính-trị! Cho nên làm chính-trị ở nước ta không giống ở các nước khác, không phải là cái nghề riêng của một phái chính-khách châu-tuần ở nơi chính-phủ, ở chốn nghị-trường, ở các hội-đảng. Làm chính-trị ở nước ta chẳng qua là thời-thường bày tỏ một vài cái ý-kiến về việc nước, mong cho kẻ cầm quyền châm-chước mà thi-hành cho được phần nào chăng. Gọi thế là làm chính-trị thời cũng quá lạm, nhưng mà thôi, « không có cá lấy rau mà làm ngon », hằng cứ tạm gọi như vậy cho nó đẹp lời cũng bất-phương. Song đừng có nên ngộ-nhận mà tưởng rằng mình cũng làm chính-trị như người ta đâu.

Nếu làm chính-trị theo cách đó, thời phàm người nào có bụng về việc nước hà không làm được sao? Nhà văn cũng như nhà buôn, nhà nông, nhà nghề, khởi-hữu không có ý-kiến về việc nước dư? Có ý-kiến khởi-hữu không có quyền được bày tỏ ra dư? Thiết-tưởng không những là có quyền, mà lại có cái nghĩa-vụ phải như vậy nữa. Cho nên cổ-nhân đã nói: Nước nhà có việc, kẻ sất-phu cũng có trách, huống là sĩ-phu. Mà hiện nay chẳng phải là cái cơ-hội nước nhà có việc đó dư?

Huynh-ông đã hiểu rõ các lẽ đó, nên huynh-ông cho làm chính-trị theo như cái nghĩa vừa giải ở trên, là một nghĩa-vụ cần-cấp của mọi người có thể cho là bậc kiến-thức trong nước.

Cũng vì nghĩ như vậy mà cách hai năm nay tôi mới xướng lên cái thuyết « lập-hiến ». Tôi có cái ý đó đã lâu, từ hồi đức Khải-định mới thăng-hà mà ở Huế có ký cái hiệp-ước ngày 6 Novembre 1925. Nhưng hồi bấy giờ Tiên-đế vừa khuất núi, Kim-thượng còn ấu-sung, bàn chuyện cải-cách chính-trị không tiện. Tờ hiệp-ước kia cũng chỉ coi là một cái kế-hoạch tạm-thời mà thôi.

Gần đây trong nước có biến-động, dai-dẳng mãi mới tạm yên... Lại vừa dịp đức Bảo-đại đã trưởng-thành, sắp rục-rịch trở về nước. Tưởng là cái cơ-hội tốt nên bàn về việc cải-cách.

Cải-cách ra thế nào?

Trong ba kỳ thời Nam-kỳ là thuộc-địa, Trung Bắc-kỳ là đất Bảo-hộ. Nghĩa là Nam-kỳ thuộc hẳn quyền Đại-Pháp

trực-trị... Chính-phủ là chính-phủ Pháp, các quan-chức cai-trị là người Pháp cả, người Nam chỉ đứng cái địa-vị thừa-hành mà thôi. Còn dân thời coi như là dân của Đại-Pháp: nói là « coi như », vì đã không phải là dân nước Nam nữa thì tất là dân nước Pháp, nhưng chưa được hẳn là tư-cách công-dân của Đại-Pháp, và còn lâu đời nữa chưa chắc đã được vậy. Duy cũng có được tham-dự vào quyền chính-trị ít nhiều: là cử đại-biểu vào Hội-đồng Quản-hạt, là một hội-nghị nửa người Tây nửa người Nam. Gần đây mới được cái đặc-ân cử một đại-biểu An-Nam sang dự Thượng-Hội-nghị Thuộc-địa bên *Paris*, xem ra các đồng-bào trong Nam đại-đề cũng lấy làm hoan-nghênh. Nhưng xét cho kỹ ra, cứ cái chế-độ hiện-thời, cũng chưa ai lấy làm mãn-nguyện... Tuy có những chức phủ huyện cùng đốc-phủ, nhưng chẳng qua đều là chức thừa hành hết cả. Ấy cái chính-sách trực-trị, kết-quả tất phải đến thế. Hoặc-giả nói: Không có quyền làm việc, nhưng có quyền giám-đốc, vì có người An-Nam được tham-dự vào Hội-đồng Quản-hạt, và Hội-đồng này chính là cái cơ-quan giám-đốc công-việc của chính-phủ địa-phương. Vẫn biết thế, nhưng Hội-đồng Quản-hạt chỉ bằng cái hội-nghị hàng quận ở bên Pháp, quyền-hạn hẹp-hòi, chưa gọi là một cơ-quan chính-trị được ... đã là thuộc-địa của Đại-Pháp, thời nhất-thiết là nhờ ở cái lượng của Đại-Pháp rộng tăng cho quyền-hạn được chút nào hay chút đó, chứ không có thể căn-cứ vào giấy-tờ gì mà yêu-cầu định lại chính-thể cho phân-mình được. Đã làm con-cái người thì vận-mệnh là ở trong tay người hết cả.

Vẫn biết rằng cứ thực-sự ra thì ở Trung-Bắc-kỳ rút lại cũng rưa-rứa như vậy. Duy có cái hình-thức khác mà thôi. Chính vì hình-thức có khác mà thực-sự không khác mới cần phải cải-cách.

Luật-pháp-thượng, quốc-tế-thượng, Bắc-kỳ với Trung-kỳ không phải là thuộc-địa của nước Pháp, chỉ là đất thuộc quyền bảo-hộ của nước Pháp mà thôi. Nghĩa là quốc-vương nhường một phần chủ-quyền cho nước Pháp, nhưng đất nước vẫn của mình, khác nào như văn-tự vẫn tên mình, chỉ cầm đợ tạm-thời, chứ không có nhượng hẳn như Lục-tỉnh...

Đã vậy thời cải-cách duy có hai đường:

Một là đã chỉ có tên là bảo-hộ mà thực là thuộc-địa, thì thà bỏ quách cái tên đi mà giữ lấy cái thực còn hơn. Đã muốn làm thuộc-địa thì công-nhiên làm thuộc-địa đi. Cùng chung một số-phận như đồng-bào Nam-kỳ, tưởng còn hơn là ở trong cái tình-trạng bất-phân bất-minh như bây giờ.—Lời đó tựa như lời nói phải mà thực là lời nói phẫn. Chứ nước đời nào lại có ai của cầm-đợ mà nỡ cam chịu làm của bán đứt bao giờ? Huynh-ông thử nghĩ xem có người An-Nam nào lại có thể thành-thực thốt ra một lời nói như vậy không?

Hai là đã giữ cái tên là bảo-hộ, thì xin làm cách bảo-hộ cho chân-chính, hoặc trước vì tình-thế khiến nên mà quyền-hạn không rõ, nay nên định lại cho phân-minh, lấy cái điều-ước căn-bản của hai nước làm bằng-cứ. Theo điều-ước ấy thì quyền nội-trị vẫn thuộc vua quan An-Nam, Đại-Pháp chỉ giữ quyền giám-đốc và chủ-trương việc ngoại-giao cùng việc quân-phòng mà thôi. Nay lại nhân trên thời Hoàng-thượng đi du-học bên Pháp sắp về, đã hấp-thụ được những tư-tưởng mới, dưới thời trong nước cũng đã có ít nhiều nhân-tài kiêm-thông Âu Á, có thể ra đương việc nước được, thật là một cái dịp vô-song để cho Bảo-hộ trao

trả lại cho Nam-triều cái quyền nội-trị và ra tay giúp cho chỉnh-đốn duy-tân vậy. Vì phép trị nước đời nay không thể như đời xưa được nữa. Lối quân-chủ chuyên-chế quyết là không thích-hợp với cái xu-hướng thời nay. Một mình ông vua, dẫu là bậc thiên-tài nữa, cũng không thể quyết-định việc nước bằng cái ý riêng mình được. Tất phải có một cái cơ-quan để cầm quyền, một cái cơ-quan để giám-sát. Cơ-quan cầm quyền tức là tòa Nội-các có trách-nhiệm (chữ Nội-các theo nghĩa mới, chứ không phải Nội-các như ở Huế bây giờ đâu); cơ-quan giám-sát tức là Nghị-viện do dân cử. Vua là tiêu-biểu cho nước, thần-thánh bất-khả xâm-phạm, gồm cả cái quyền thống-trị trong nước, nhưng tự mình không thi-hành, ủy cho các quan Bộ-trưởng có trách-nhiệm làm việc. Nghị-viện là thay mặt dân để đạo-đạt lòng dân và cũng giám-sát công việc của Nội-các nữa. Còn Bảo-hộ là giữ chức cố-vấn, đứng cái địa-vị vừa giám-đốc vừa trọng-tài, để chỉ-bảo, khuyên-răn, điều-hòa, giúp-đỡ, nói tóm lại là thi-hành hết cái chức-trách «bảo-hộ». Định các quyền-hạn đó sẽ có giấy-tờ phân-minh: trong khoảng Quốc-vương với Bảo-hộ thời đã có điều-ước ngày 6 juin 1884, là cái « văn-tự cái », cách thi-hành có thể châm-chước cho hợp-thời, nhưng cái nguyên-tắc thì vẫn phải tôn-trọng; còn trong khoảng Quốc-vương với Quốc-dân thời là một bản hiến-pháp sẽ do Quốc-vương thương-đồng thỏa-hiệp với Bảo-hộ mà ban cho quốc-dân, để cho quốc-dân được tham-dự vào việc nước bằng một cơ-quan hội-nghị chân-chính.

Cải-cách theo lối trực-trị, thì không phải là cải-cách nữa. Vì cái lối trực-trị vẫn đã thi-hành rồi, còn phải xin gì? Có lẽ chỉ xin làm cho thẳng tay, đừng để cho người Nam còn có chút quyền gì về hành-chính, về tư-pháp, về giáo-dục nữa chăng? Điều đó mà tự người An-Nam xin ra thì thật tôi không hiểu là thế nào vậy. Một là để đẹp lòng các quí-quan, hai là đối với nhân tài trong nước tỏ ra hoài-nghi quá-đáng, cho người mình là hèn hết cả, không có tư-cách cai-trị được nhau. Nhưng các lẽ đó đều là không chánh-đáng cả: ..., cái đức tự-khiêm, đối với cá-nhân, hoặc có giá-trị, chứ đối với một dân một nước tự-khiêm quá thành ra tự-hạ, đã tự-hạ thì mất lòng tự-tin, có tổn-hại đến dân-khí nhiều. Người Pháp bình-phẩm người Nam ta, cho ta là không ra gì, hoặc còn có lẽ, chứ tự ta cũng cam-tâm nhận là ta chẳng ra gì, thì thực là tự-hạ quá vậy.

Thành ra bây giờ muốn cải-cách về chính-trị ở Trung Bắc-kỳ, chỉ cải-cách theo cái kế-hoạch thứ hai là ổn-thỏa hơn cả, kế-hoạch này chính là gồm có hai phần: một là xin với Bảo-hộ trao trả lại quyền nội-trị cho Quốc-vương, theo đúng như nguyên-tắc trong điều-ước Pháp-Nam năm Kiến-phúc nguyên-niên (6 juin 1884), nghĩa là xin thi-hành cho đúng cái chính-sách «bảo-hộ», mà bỏ hẳn cái chính-sách « trực-trị » như từ trước tới nay; hai là xin với Quốc-vương ban-hành một đạo hiến-pháp cho quốc-dân, nghĩa là định cái chương-trình cải-cách việc chính-trị trong nước trong giới-hạn điều-ước bảo-hộ: Bảo-hộ đã trả quyền cho Quốc-vương, thời Quốc-vương lại nhường một phần quyền đó cho quốc-dân, mà đặt ra một bên có Nội-các trách-nhiệm, một bên có Nghị-hội giám-sát.

Cải-cách theo phương-pháp như vậy, thì vừa bảo-toàn được quyền-lợi của Bảo-hộ, của Quốc-vương và của Quốc-dân, và có nhiều sự lợi-ích về ba phương-diện như sau này:

1o) Về phương-diện tinh-thần. Nước Nam vẫn còn là nước Nam, vẫn còn

lưu tên tuổi trên lịch-sử địa-dư thế-giới mãi mãi...

2°) Về phương-diện xã-hội. Nước ta vốn sinh-trưởng trong cái chế-độ gia-trưởng, gia-đình, xã-hội, quốc-gia đều như đúc trong cái khuôn thiên-cổ đó đã tự mấy nghìn năm đến giờ. Nay giữ cái chính-thể quân-chủ mà lại cải-cách duy-tân đi, đổi quân-chủ chuyên-chế ra quân-chủ lập-hiến, thời nhất-diện giữ được cái nguyên-tắc lập-quốc và nhân đó duy-trì được trật-tự trong xã-hội, nhất-diện gây ra cái chính-thể quân-dân cộng-trị, khiến cho quốc-dân cũng được tham-dự vào quyền nước, thuận cái phong-trào bình-dân đời nay, có thể giữ cho xã-hội điều-hòa...

3°) Về phương-diện chính-trị. Về phương-diện này sự lợi-ích lại càng nhiều lắm nữa. Có hiến-pháp phân-minh thời tiện-thị gây ra một cái đời chính-trị chung, người có tài, kẻ có chí có một cái trường-sở để ra ganh-đua mà mưu-toan việc nước, hoặc ở nơi chính-phủ, hoặc ở chốn nghị-trường. Lại những nhân-tài trong nước có chỗ mà dùng, được những chức-việc chủ-trương cai-quản, xứng-đáng với cái tài-học của mình... Hoặc lúc đầu có vụng-về thiếu-thốn, đã có người Pháp làm cố-vấn, sẵn lòng chỉ-bảo cho, tức cũng là một cách « tập-sự » để lo việc nước vậy.

Bởi các lẽ đó nên tôi đã nghĩ đi nghĩ lại, cân nhắc kỹ-càng, nhất-quyết chủ-trương cái thuyết bảo-hộ và lập-hiến mà bài-xích cái thuyết trực-trị cùng kiêm-tính.

Huynh-ông còn nhớ hồi tôi mới xướng-suất lên cái thuyết mà đã thành danh là « thuyết lập-hiến » đó, thiên-hạ nhao-nhao lên, kẻ tán-thành, người phản-đối. Nghĩ lại cũng hay: dư-luận đương tịch-mịch cả, chẳng ai bàn gì đến việc cải-cách hết, nhân cái thuyết lập-hiến đó ra đời mà làm cho kích-thích hết thảy, dư-luận bỗng-nhiên có vẻ hoạt-động lạ. Dù cái thuyết của tôi không ra gì mà chẳng đắc-dụng nữa, nhưng nó đã đánh thức cho quốc-dân phải để ý đến việc cải-cách trong nước, tôi cũng lấy làm mãn-nguyện. Huống vị-tất nó đã là vô-giá-trị hẳn, vì chính những người công-kích nó cũng không thấy bàn được cách gì là hay là diệu hơn.

Tuy-nhiên những lời phản-đối đó, — trừ kẻ thừa-cơ công-kích về cá-nhân, tôi không cho vào đâu, — lời phản-đối đó không phải là tuyệt-nhiên không có ích cho tôi. Nhờ đó mà tôi biết được thiên-hạ bằng-cứ ở những lẽ gì mà dị-nghị.

Đại-khái có mấy lẽ như sau này:

1° Phái bảo-thủ thời nói rằng: — Lập-hiến vẫn là hay lắm. Nhưng trình-độ dân hãy còn kém, trong dân-gian được mấy người hiểu hiến-pháp là vật gì. Bày ra lắm chuyện càng thêm phiền. Bây giờ chỉ cần quyền trên cho mạnh, giữ được trị-an, thế là đủ.

Xin trả lời rằng: — Dân là rất ngu mà cũng rất thiêng. Lúc bình-thường thì vẫn phục-tòng đó, mà khi bị kích-thích thì vô-sở bất-vi. Kẻ cầm quyền biết lựa chiều dẫn-đạo thì khiến gì cũng được, nếu đi ngược phong-trào, thì khó lòng lung-lạc vậy. Nay người thức-giả ai cũng công-nhận rằng cái phong-trào bình-dân ở nước ta ngày một thêm mạnh, nếu không thuận theo cái phong-trào đó mà để cho nó uất-tích lại thì dù có lấy sức mạnh mà giữ trị-an, cũng không phải là cái kế trường-viễn được. Lập-hiến là thừa-nhận cho dân được tham-dự việc nước, tức là khéo dẫn-đạo cho cái phong-trào đó vậy. Chắc là không thể nhất-đán cho dân được hưởng những quyền-lợi to-tát quá, chửa biết dùng, như quyền phổ-thông đầu-phiếu, quyền Nghị-viện được khuynh-đảo Chính-phủ, v. v., nhưng miễn là cái nguyên-tắc được thừa-nhận, còn thời quyền-hạn rộng hẹp

thế nào là tùy ở trình-độ, trước hẹp sau rộng, tùy sự tiến-hóa chung mà càng ngày càng tăng-gia lên vậy. Nhưng có một điều chắc hẳn : là ngày nay đã đến cái thời-kỳ phải nhường cho dân một phần quyền chính-trị. . .

2º Phái cấp-tiến thời nói rằng : — Đã lập-hiến phải lập-hiến hẳn-hoi như các nước Âu-Tây, cho Nghị-viện được toàn-quyền giám-đốc Chính-phủ, thời-thường chất-vấn các quan Nội-các, nếu đầu-phiếu bất-tín-nhiệm thời phải lập-tức từ-chức, như vậy Nội-các mới là có trách-nhiệm và Nghị-viện mới hẳn có thực-quyền. Chứ làm cách dở-dang thì chỉ dối người mà chẳng bổ công. Đại-Pháp là một nước bình-đẳng tự-do, là tổ dân-quyền trong thế-giới, không khi nào giúp cho ta khôi-phục quân-quyền. Bất-nhược xin Đại-Pháp nhất-phiên đình-cách mà công-nhiên gây lấy cuộc dân-trị cho nước ta.

Xin trả lời : — Trình-độ nước ta còn kém các nước Âu-Tây, chưa thể bắt-chước như các nước ấy được. Chúng ta mới trong thời-kỳ tập-sự, miễn là có cái trường-sở để tập việc, thế đã là tốt lắm rồi. Đặt ra Nội-các chắc cũng chưa được hẳn như Nội-các các nước, đặt ra Nghị-viện chắc cũng chưa được hẳn như Nghị-viện các nước. Vì nhân-tài nước ta chưa phải đã dồi-dào chi. Nghị-viện khuynh-đảo Nội-các thì dễ, nhưng Nội-các ấy đồ lấy ai mà thay lập Nội-các mới ? Miễn là Nội-các với Nghị-viện có thể hiệp-tác với nhau được, thế đã là hay rồi. Nội-các thì cầm quyền thống-trị, Nghị-viện thời đạo-đạt dân-ý, thời-thường thông-đồng, không có cách-trở, tức là lợi-ích cho dân vậy. Còn như nói nước Pháp là nước dân-chủ, không lẽ giúp cho quyền quân-chủ, thời cũng là một cách ngụy-biện : nước Pháp có ký ước với vua nước Nam, nước Pháp không thể bãi bỏ quyền quân-chủ ở nước Nam được, không những không thể thay-đổi được chính-thể nước Nam, mà lại cam-đoan phải bênh-vực cho quốc-vương An-Nam đối với mọi sự ngoại-xâm nội-loạn nữa. Nước Pháp có giúp cho quốc-vương An-Nam đổi chuyên-chế ra lập-hiến, chẳng qua là thuận-tình cả hai bên mà làm cái nghĩa-vụ cao-thượng của nước bảo-hộ vậy.

3º Phái hoài-nghi là phần đông nhất thời bác bằng mấy lẽ như sau này :

a) Hiện nay quyền chủ-trương về chính-trị của người Pháp ở đây là tuyệt-đối. Nếu đặt ra một chính-phủ Việt-Nam, có hiến-pháp phân-minh, thời tất giảm mất cái quyền chủ-trương ấy đi, giảm cả số các viên-chức Tây đi nhiều. Như vậy thời chắc là quí-quốc không tán-thành nào ; dẫu có chiều lòng mà cho làm nữa thời cũng là miễn-cưỡng không thể thực-lực tán-trợ cho được. Mà Đại-Pháp không giúp sức cho thì không thể nào làm được.

b) Vả lại cứ bình-tình mà xét, người An-Nam ta phỏng đã thực có tư-cách gây được một cái chính-phủ lập-hiến chưa ? Suốt trong nước phỏng được mấy người là có thể sung chức Nội-các có trách-nhiệm ? Phỏng được mấy người là có thể làm được tay nghị-viên xứng-đáng nữa ? Nhân-tài có thể đếm đốt ngón tay được hết, mà cũng là miễn-cưỡng, chứ chửa được hoàn-toàn. Như vậy mà nói lập Nội-các, mở Nghị-viện, có khỏi là cái hình-thức hư-không hay không ?

c) Hiện nay theo cái chính-sách nửa bảo-hộ, nửa trực-trị, tuy không phân-minh nhưng cũng không đến nỗi luộm-thuộm. Là nhờ có các viên-chức người Tây, phần nhiều là những hạng lương-quan hảo-lại, sẵn có cái nền-nếp chính-trị một nước văn-minh, cách cai trị kể cũng dễ chịu. Bây giờ đặt chính-phủ lập-hiến Việt-Nam, tức là khôi phục lại quyền vua quan An-Nam, mà quyền

quan An-Nam nặng-nề khó chịu cho dân An-Nam thế nào, không cần phải nói ai cũng biết. Cái án quan-trường đã rành-rành ra đó. Gần đây quan-trường bị công-kích rất kịch-liệt, không phải là oan...

Đó là những lời của phái hoài-nghi bài-bác cái thuyết lập-hiến. Phái này mạnh hơn cả phái bảo-thủ, mạnh hơn cả phái cấp-tiến, chỉ lấy cái thái-độ tiêu-cực mà làm cho người ta phải nản lòng. Theo phái này thì chớ nên tin người mà cũng chẳng nên tin mình, người là giả-dối hết mà mình thì hèn-mạt cả. Như vậy thì còn muốn làm công-chuyện gì nữa? Chỉ nên khoanh tay mà phó mặc cho nước triều lên xuống.

Song ở đời không nên quá lạc-quan mà cũng không nên quá bi-quan. Đeo kính đỏ thời trông mọi vật ra đỏ hết, đeo kính đen cũng trông mọi vật ra đen cả. Chi bằng cứ lấy con mắt tự-nhiên mà xem-xét thời-thế cùng việc đời, sẽ thấy cuộc đời không khó mà cũng không dễ, khó hay dễ là ở cái tài cái chí mình một phần và ở cơ-hội bên ngoài một phần vậy. Nếu có cái chí hữu-vi mà lại biết thầm thời-thế, thời ngõ-hầu sớm trưa cũng đạt tới mục-đích. Miễn là phải biết rõ cái mục-đích ấy ở đâu. Phái hoài-nghi này có lẽ chưa biết cái mục-đích ở đâu, cho nên không cho cái phương-tiện gì là hay cả.

Tuy-nhiên những lời bác-bẻ đó cũng cần phải xét kỹ mà trả lời cho phân-minh.

Nói rằng nước Pháp sẽ không thành-thực giúp ta trong việc lập-hiến, vì lập-hiến giảm mất cái chủ-quyền của nước Pháp ở hai xứ Trung Bắc-kỳ này, nói thế mới nghe tưởng là có lý mà kỳ-thực là sai-lầm. Hiện nay phàm người trí-thức trong nước ta dẫu nhiệt-thành yêu nước, cũng không hề phản-đối nước Pháp, vì biết rằng phản-đối là vô-ích. Sự nước Pháp ở đây là một sự dĩ-nhiên, sức mình không thể nào thay đổi được. Như vậy thời thà vui lòng nhận lấy còn hơn là vận-động phá đi. Thừa-nhận cái tình-trạng hiện-thời tức là phải ra hiệp-tác với cái tình-trạng ấy. Đó là tình-thế tất-nhiên, chứ không phải là cái câu hát « đề-huề » ngoài cửa miệng đâu. Muốn hiệp-tác cho có thiệt-tình và cho được thực-lực, thì phải định rõ quyền-hạn đôi bên; bởi thế nên phải lấy điều-ước làm căn-cứ, lập hiến-pháp làm phương-châm. Nhưng định rõ quyền-hạn không tất-nhiên là giảm bớt quyền-hạn đi đâu. Sự lạm-quyền chỉ là sự tạm bợ nhất-thời mà thôi, tức là thuộc về trường-hợp đặc-biệt, không thể giữ mãi-mãi được, sớm trưa tất phải trở về định-lệ thông-thường. Tiêu-yết cái định-lệ ấy lên cho rõ-ràng, không phải là giảm bớt quyền cho hẹp đi, chính là định lại quyền cho vững-bền vậy. Các quí-quan, người nào có kiến-thức xa, có độ-lượng rộng, cũng đã thừa hiểu như thế rồi. Các ngài đều biết rằng phàm chế-ngự một dân-tộc, muốn cho được lâu bền, thì nên chịu bỏ những cái quyền-lợi nhỏ-vặt mà cố giữ lấy cái đại-quyền thống-trị còn hơn. Nay cái đại-quyền thống-trị của nước Pháp ở bên này, chúng ta đã kiêng-kỵ không dám đả-động tới, mà cũng không thể đả-động tới được rồi, thời qui-quốc hẹp gì mà không giúp cho ta tổ-chức kinh-doanh lấy những cái quyền nhỏ thuộc về việc nội-trị trong dân-gian, khiến cho ta được hài lòng... Giản-hoặc cũng có thiệt-hại ít nhiều cho những hàng tiền-quan hạ-lại người Pháp, vì dùng người Nam tất phải bớt người Pháp đi, nhưng là thuộc về sau này không tuyển-cử thêm người mới nữa mà thôi, hữu-khuyết vô-điền (hay điền bằng người An-Nam), chứ hiện bây giờ thì quyền-lợi của các hạng ấy vẫn phải tôn-trọng, cho đến khi về hưu hay đến khi mãn-ước vậy. Còn các bậc thượng-quan có tài chuyên-

môn thì dẫu đến chính-phủ ta cũng phải mời mà làm quan cố-vấn vậy.— Nói tóm lại, nước Pháp giúp cho ta lập-hiến, không phương-hại gì đến đại-quyền của qui-quốc, mà lại có thể khiến cho thế-lực qui-quốc ở xứ này có cơ vững-vàng trường-cửu vậy.

Nay xét đến điều thứ hai nói về trình-độ người An-Nam còn kém, chưa có thể mong dựng được một cái chính-phủ lập-hiến. Câu này cũng tựa như đúng mà thực không đúng. Sánh với liệt-cường trong thế-giới, thì nước ta kém-cỏi thật. Nhưng mà nước ta cũng là một nước văn-hiến xưa nay. Tuy chưa quen lối chính-trị mới, nhưng có tập rồi có quen, chứ không phải tài-trí người nước ta kém-hèn gì mà không làm nổi. Vả chưa được làm bao giờ thì biết đâu là làm nổi hay không làm nổi? Xin cứ cho thử làm, có vụng-về thiếu-thốn đã có Đại-Pháp ở đây dìu-dặt chỉ-bảo cho. Nếu cứ bảo rằng chưa có nhân-tài, chưa đủ tư-cách mà không cho ra thử làm, thì bao giờ cho có nhân-tài, cho đủ tư-cách được? Tư-cách không phải sẵn có, tư-cách phải tập mới nên; nhân-tài cũng chỉ là sức gỗ tốt, phải đem ra đẽo chạm mới thành đồ.

Còn điều thứ ba nói về quan-trường, thời lại cần phải biện-bạch lắm nữa. Bảo rằng lập hiến chính là tăng quyền quan, chỉ tổ hại dân, cái ý-kiến đó có người cho là phải, vì hiện nay có một phần trong quốc-dân đương ác-cảm với quan-trường. Bởi sao lại có cái phong-trào ác-cảm đó? Bởi nhiều lẽ, thuộc về chính-trị, thuộc về xã-hội, thuộc về tâm-lý nữa. Thuộc về chính-trị là thiên-hạ trách quan-trường chỉ khéo siểm-mị người trên để bác-tước kẻ dưới; thuộc về xã-hội thời quan-trường là phái phú-quí, thành như một cái giai-cấp đặc-biệt, các phái bình-dân có ý ghen-ghét; thuộc về tâm-lý thời quan-trường vốn là hàng thượng lưu, vẫn có oai-quyền, có danh-giá, bởi phong-tục tập-quán trong xã-hội công-nhận như vậy, các phái tân-tiến tự so-sánh thấy không được bằng, lấy làm căm-tức. Bởi các duyên-cớ đó mà gây thành ra một cái dư-luận không tốt cho quan-trường. Bảo là oan cũng không phải, mà bảo là đáng thời cũng quá. Vì quan-trường ngày nay cũng tạp lắm, người hay người dở lẫn-lộn. Nhưng cứ bình-tĩnh mà xét cho kỹ, thời nhận thấy một điều như sau này: là người dở vẫn dễ làm bậy lắm, mà người hay thì khó làm tốt được. Bởi sao như vậy? Bởi cái chế-độ không phân-minh vậy. Chế-độ không phân-minh thời lợi cho kẻ xấu, mà hại cho người tốt. Ngạn tây thường có câu: Được người tốt thời chế-độ tốt. Câu ấy đối với quan-trường nước Nam hiện nay có lẽ không đúng, vì người không phải là xấu cả mà làm sao chính-sự thường không tốt như vậy? Âu cũng là bởi cái tình-thế nó khiến nên như thế. Khổng-tử đã nói: «Danh không chính thời ngôn không thuận». Nay cái danh-nghĩa của quan-trường ta bây giờ thế nào? Có lẽ nhiều người cũng không biết là thế nào nữa. Danh đã không chính thời nói làm sao cho thuận, nói đã không thuận thời làm làm sao cho nên vậy! Sở-dĩ kẻ hay không thi-thố được, mà kẻ dở lại càng tùng-sinh nhiều. Bây giờ cứ a-dua mà công-kích quan-trường thì cũng cực cho quan-trường lắm. Phải biết cái tình-cảnh của quan-trường thế nào. Lại phải biết những duyên-cớ sâu-xa gây nên cái tình-cảnh ấy. Muốn chữa bệnh, phải tìm căn bệnh; căn bệnh không một ở người hư, căn bệnh chính ở cái chế-độ không minh, ở cái danh-nghĩa không định vậy. — Nay lập-hiến chính là minh chế-độ mà định danh-nghĩa đó. Nếu chế-độ đã minh, danh-nghĩa đã định, thời tất gây ra một cái hoàn-cảnh mới, lợi cho kẻ hay mà hại cho kẻ dở...

Vả lại quan-lại là ai ? Há không phải là người An-Nam dư ? Há không phải là một phần trong phái thượng-lưu An-Nam dư? Nếu lời bình-phẩm mà nghiêm-khắc quá, cho quan-lại hầu hết như một hạng người bất-lương cả, thời không khỏi khiến cho người ngoài dễ khái-luận mà nói rằng: Nếu bọn thượng-lưu của họ còn như thế, thì cả dân họ còn ra gì nữa! Lời phán-đoán đó e có phương-hại đến cả tiền-đồ chính-trị của nước ta vậy.

Sau nữa vấn-đề lập-hiến là một việc, vấn-đề quan-trường là một việc, không nên buộc hai cái với nhau mà bằng-cứ ở cái nọ để giải-quyết cái kia. Vấn-đề lập-hiến là vấn-đề cải-cách chính-thể của quốc-gia, là việc to-tát quan-hệ đến vận-mệnh cả nước. Vấn-đề quan-trường chỉ là vấn-đề một đoàn-thể những người thừa-hành về việc nước, được việc thì thưởng, không được việc thì phạt, Chính-phủ nghiêm sự thưởng phạt tất trừ được kẻ xấu mà dung được người tốt vậy. Nếu thành hiến-pháp phân-minh thời một bên có Chính-phủ đốc-suất, một bên có Nghị-viện đàn-hặc, trên có Quốc-vương cùng Bảo-hộ giám-đốc, quan-trường tất phải trung-thành nghĩa-vụ, muốn làm bậy cũng khó lòng mà làm bậy được. Cho nên nói câu chuyện quan-trường là câu chuyện phụ, câu chuyện lập-hiến mới là câu chuyện chính.

Nay huynh-ông hỏi về chuyện lập-hiến, tôi đã trả lời tường-tận từng khoản, tưởng cũng rõ-ràng lắm vậy.

Huynh-ông lại hỏi : Lý-thuyết đã vậy, thực-hành làm sao?

Phận-sự nhà ngôn-luận là chỉ biết bày tỏ ý-kiến, còn sự thực-hành thế nào, có thuộc đâu quyền mình.

Tuy-nhiên nếu nhân Hoàng-thượng về nước mà hiệp-đồng với Bảo-hộ muốn cải-cách chính-trị theo như phương-châm trên đó, thời tưởng cũng không có sự gì là khó-khăn cho lắm. Tài-liệu đã sẵn-sàng cả, chỉ việc sắp-đặt cho chỉnh-đốn, và thứ nhất là chủ-trương xướng-suất cho gây lấy một cái tinh-thần mới, một cái hoàn-cảnh mới. Nội-các tức là viện Cơ-mật bây giờ. Nghị-viện tức là viện Dân-biểu bây giờ, nên cứ nhân cái nền-móng cũ đó mà dựng lên lâu-đài mới, duy phải dùng những nhân-tài mới cùng những phương-pháp mới, cho nó rõ cái thâm-ý muốn cải-cách duy-tân vậy.

Liền với cuộc cải-cách về chính-trị đó, phải khởi-hành một cuộc cải-cách về hành-chính nữa, nghĩa là về những lề-lối cai-trị trong dân-gian cùng những phương-pháp làm việc ở các nơi tổ-tào bộ-sảnh, về danh-hiệu cùng chức-quyền các quan-liêu, v. v..

Việc cải-cách phải chung cho cả Trung-kỳ cùng Bắc-kỳ, duy cách thi-hành nên châm-chước cho thích-hợp với mỗi xứ, vì tình-thế hai xứ cũng có điều khác nhau. Hoặc có thể bắt đầu ở Trung-kỳ trước, rồi Bắc-kỳ theo sau cũng được.

Nói về cách thực-hành thời chi-tiết nhiều lắm, không thể nói cho hết được.

Vả bức thư này đã dài, xin phép dừng lại đây, và cùng huynh-ông ước-ao rằng sau khi Hoàng-thượng về nước, quốc-dân ta sẽ được trông thấy những sự cải-cách to, cho thỏa lòng khát-vọng bấy lâu nay.

PHẠM QUỲNH

Tái-bút. — Huynh-ông có bảo sao-lục những bài của tôi bàn về vấn-đề lập-hiến từ năm ngoái năm kia. Nhưng hiện tản-mát trong các báo, cóp nhặt lại cũng lâu. Còn cuốn sách tôi sưu-tập mấy bài trọng-yếu bằng pháp-văn và quốc-văn, thời in ra có mấy trăm quyển, hiện nay hết cả rồi.

Sau đây xin đính một bản lược-kỷ về vấn-đề lập-hiến của tôi viết bằng chữ Pháp năm trước để gửi cho mấy nhà chính-trị cùng mấy hội-đảng ở bên Pháp. Xem đó cũng có thể biết được đại-khái.

∴

Lược-ký về vấn-đề lập-hiến
(*bản dịch*)

Chính-trị ở Đông-dương hiện nay, đương qua một hồi khủng-hoảng. Nước Pháp ở đây không phải là đối với một dân-tộc còn dã-man, nhưng là đối với một quốc-gia chân-chính, đã có tổ-chức, có thống-hệ hẳn-hoi.

Làm sao điều-hòa được cái chủ-nghĩa «quốc-gia» của người Việt-Nam với cái chính-sách «bảo-hộ» của nước Pháp, đó là vấn-đề cốt-yếu phải giải-quyết.

Chính-sách bảo-hộ hiện nay làm sai lạc cái đời quốc-gia của dân An-Nam đi. Nhân đó mà sinh ra một cái tình-trạng khủng-hoảng thâm-trầm. Nhân đó mà gây ra cái hiểm-tượng lớn-lao cho sau này. Không thể cứ để mãi như thế được.

Bây giờ cần phải chấn-chỉnh cả cuộc chính-trị ấy lại. Cần phải cải-cách to mới được.

Về phần người Pháp cũng như về phần người Nam, hiện đã đồng-tình nhau lấy câu dề-huề hiệp-tác làm tôn-chỉ : nhưng muốn đem ra thực-hành thời phải thỏa-hiệp nhau mà định rõ địa-vị, quyền-lợi cùng nghĩa-vụ của đôi bên thế nào.

Về phần nước Nam thời công-nhiên nhận quyền bảo-hộ của nước Pháp, coi cái quyền ấy là thần-thánh bất-khả xâm-phạm, kiêng-kỵ không dám dị-nghị tới, lại chịu rằng về đường thực-tế là ích-lợi, là cần-thiết cho sự tiến-hóa của quốc-dân Nam-Việt.

Đổi lại chỉ xin nước Pháp tôn-trọng cái ước bảo-hộ, tôn-trọng những lời đã ký-kết thuộc về cách thi-hành việc bảo-hộ, nghĩa là xin theo đúng như điều-ước ngày 6 Juin 1884, là cái giấy «văn-tự cái» làm gốc cho sự giao-thiệp của hai nước.

Điều-ước đó hiện đã thành một món tử-vấn, vì lỗi cả hai đàng, lỗi tại Triều-đình Huế, lỗi tại cả Bảo-hộ nữa. Nay theo điều-ước thời quyền nội-trị vẫn phải ở người An-Nam, Bảo-hộ chỉ có cái chức-trách kiểm-sát cố-vấn mà thôi.

Cứ như điều thứ 16 trong ước, thời « Hoàng-đế nước Nam vẫn có quyền được cai-quản việc nội-trị trong nước như xưa. »

Nay sự cai-quản ấy phải tổ-chức ra thế nào ?

Nước Nam ngày nay không thể là một nước như xưa được nữa. Vả lại nhân tự Bảo-hộ thỏa-hiệp với Nam-triều mà đặt ra, hiện nay ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ mỗi xứ đã có một hội-nghị tư-vấn gọi là « Nhân-dân đại-biểu-viện ». Thế là Đại-Pháp đã đồng-ý với Quốc-vương An-Nam bắt đầu nhóm lên cái chính-thể lập-hiến rồi đó, nay chỉ xin quả-quyết thực-hành cho được phân-minh chắc-chắn. Quyền quân-chủ ở nước Nam từ nay sẽ là quyền quân-chủ lập-hiến vậy.

Quốc-vương là chúa-tể quyền hành-chính, trên có quyền giám-đốc của Bảo-hộ. Chính Quốc-vương không thi-hành quyền mà ủy cho các quan Thượng-thư cầm quyền thay và giữ trách-nhiệm đối với Quốc-vương, đối với Bảo-hộ, cùng đối với một nghị-hội có quyền giám-sát, quyền-hạn của nghị-hội này rộng hẹp thế nào, sẽ định về sau.

Nghị-viện có hai viện, một Thượng-viện và một Hạ-viện, bầu theo lối đầu-phiếu có hạn-định, thể-thức bầu thế nào lâm-thời sẽ tùy định.

Khi Chính-phủ Việt-Nam với Chính-phủ Bảo-hộ có điều xung-đột, thời việc phân-tranh sẽ đem điều-đình tại *Paris* bằng phương-pháp ngoại giao, và ở *Paris* sẽ đặt một phái-bộ An-Nam thường-trực để thay mặt cho Chính-phủ Việt-Nam ở trước Chính-phủ Pháp.

Muốn giúp cho việc tổ-chức chính-trị được thành-công, thời ở các Bộ thuộc về phần việc nào cũng phải có

chức chuyên-môn cố-vấn người Pháp, chức này sẽ coi là quan-chức của Nam-triều, chứ không phải là đại-diện của Bảo-hộ. Quyền kiểm-sát của Bảo-hộ, cách-thức thi-hành thế nào sẽ định rõ-ràng, đại-khái thời ở các Bộ có các quan Hội-lý thay mặt quan Khâm-sứ, ở các tỉnh có các quan Công-sứ, theo điều thứ 7 trong ước Bảo-hộ thời « chức công-sứ không nên can-thiệp đến những điều chi-tiết trong việc cai-trị hàng tỉnh. »

Quan-lại ngày nay thời tức là nhân-viên hành-chính của Chính-phủ, vừa về trung-ương, vừa về các tỉnh, trực-thuộc về bộ Nội-vụ và sẽ cải-cách chấn-chỉnh cho thích-hợp.

Theo như điều-ước thời nước Nam đã có nước Pháp thay mặt đối với ngoại-quốc, vậy không cần phải có một bộ Ngoại-vụ. Lại việc quân-phòng đối với ngoài, cũng là Đại-Pháp đương lấy cả, vậy cũng không cần phải có bộ Lục-quân, Hải-quân gì. Lại công-chính, thương-chính là các bộ chuyên-môn, cũng thuộc quyền Bảo-bộ quản-đốc, duy đặt ra mấy tơ-sảnh nhỏ để liên-lạc Nam-triều với Bảo-hộ mà thôi. Vậy chính-phủ Việt-Nam sẽ có những bộ lớn như sau này : Nội-vụ, Tài-chính, Tư-pháp, Giáo-dục, Vệ-sinh và Cứu-tế, Hiến-binh (coi về lính cơ và lính khố xanh). Có thể thêm một bộ coi việc trong Đại-nội, và kiêm cả bộ Lễ trước nữa.

Các cơ-quan hành-chính ở địa-phương thời vẫn như bây giờ, có quan tỉnh, quan phủ huyện châu, cùng các hội-nghị để giúp việc ; dưới cùng thời xã-thôn tự-trị có hương-hội, rồi đến hội-nghị hàng phủ, hàng huyện, hàng châu, rồi đến hội-nghị hàng tỉnh, mỗi bậc quan chủ-trương một quản-hạt sẽ có một hội-nghị dân-cử để giúp việc và giám-sát nữa.

* *

Cái chương-trình cải-cách đó mà thi-hành được thời nước Nam sẽ bước vào một thời-kỳ mới. Muốn dự-bị cho các lớp thanh-niên sau này có đủ tư-cách mà tham-dự việc nước, thời phải gây lấy một cái nền giáo-dục cho thích-đáng.

Nay về đường giáo-dục, tình-thế nước Nam cũng hơi tương-tự như tình-thế nước Nhật hồi mới duy-tân. Vậy thiết-tưởng học-chế của Nhật-bản đã thành-công kiến-hiệu, chúng ta cũng có thể châm-chước cái đại-cương mà theo được.

Các bậc học có thể tổ-chức theo cái chương-trình như sau này, kể cũng không khó gì lắm, vì hiện nay cơ-sở đã có, tài-liệu đã sẵn cả.

I. — Bậc tiểu học. Có hai bậc :

Bậc tầm-thường tiểu-học (đại-khái từ 6 đến 10 tuổi)

Bậc cao-đẳng tiểu-học (đại-khái từ 10 đến 14 tuổi)

Dạy thuần dùng tiếng bản-quốc, và học thêm ít chữ Hán cùng chữ Pháp cần dùng.

II.— Bậc trung-học. Có hai bậc :

Trường trung-đẳng (từ 12 đến 18 tuổi, học trò vào trường trung-đẳng phải học qua hai năm ở trường cao-đẳng tiểu-học mới được.)

Trường cao-đẳng (từ 19 đến 20 hay 21), để dự-bị vào trường Đại-học.

Dạy bằng tiếng Pháp, có thêm khoa cổ-điển Hán-Việt thay vào khoa cổ-điển La-Hi.

III.— Bậc đại-học (từ 3 đến 5 năm). Phải có tốt-nghiệp trường cao-đẳng mới được vào trường Đại-học. Đại-học ra thi cử-nhân.

Còn học các khoa chuyên-môn cho cao hơn nữa thời sẽ đặt học-bổng cho sang du-học ở các trường Đại-học bên Pháp.

Ngang với bậc tầm-thường tiểu-học sẽ có các trường tập-nghề (Nhật-bản gọi là các trường đồ-đệ, *écoles d'apprentis*) ; ngang với bậc cao-đẳng tiểu-học có các trường công-nghệ sơ-đẳng và ngang với bậc trung-học có các trường công-nghệ cao-đẳng.

Cổ-tích đảo Java: Chùa Boroboedour
(ở giữa có tháp lớn và tượng Phật)

Gương Thanh-niên

Ông Nguyễn Mạnh-Tường

22 tuổi

đã đỗ Luật-khoa Tiến-sĩ,

lại đỗ Văn-khoa Tiến-sĩ

(Ảnh mặc áo trạng-sư ở tòa Thượng-thẩm Montpellier)

∴

Bản thảo này là phác-họa ra cái đại-cương đó mà thôi. Chỉ cốt bày tỏ ra rằng hiện nay cần phải cải-cách, và nếu thành-thực muốn làm thời cũng không khó-khăn cho lắm, miễn là không được sai cái nguyên-tắc như sau này : Về phần nước Nam phải công-nhận quyền Bảo-hộ, về phần nước Pháp thi-hành đúng điều-ước bảo-hộ, và hai bên hiệp-tác để gây cho dân-tộc Việt-Nam một cái chính-thể thích-đáng.

(*Thảo tự năm 1928*)

P. Q.

GƯƠNG THANH-NIÊN

Thanh-niên là tương-lai của nước nhà. Người nào chăm lo cho hậu-vận tổ-quốc cũng là thiết-tha kỳ-vọng cho thanh-niên được càng ngày càng tấn-tới, tài-giỏi, sắc-xảo, hoạt-bát, linh-lợi hơn người trước. Cho nên trông thấy cái cảnh hỗn-độn khủng-hoảng của thanh-niên buồn bao nhiêu, thời trông thấy những sự thành-công đắc-thắng của thanh-niên lại vui bấy nhiêu. Vui là vui rằng sau này nước nhà tất có người, chứ không đến nỗi nhân-tài thưa-thớt như bây giờ nữa.

Mới đây được tin ông Nguyễn Mạnh-Tường, mới có 22 tuổi mà đã thi đỗ Luật-khoa tiến-sĩ, vào ưu-hạng, được hội-đồng ban khen, lại đương thi Văn-khoa tiến-sĩ nữa ở trường Đại-học Montpellier. *Nguyên-quán là trường-nam ông Nguyễn Văn-Cát, phán-sự ở phủ Toàn-quyền, sang du-học bên Pháp từ năm 1927, sau khi đỗ tú-tài ở bên này rồi, trong khoảng năm năm, không năm nào là không thi đỗ một món gì, toàn là ưu-hạng bình-hạng cả, thật là một người học-trò lỗi-lạc phi-thường, dẫu ngay ở bên Tây cũng không thấy mấy khi được một người như vậy.*

Sang tới Pháp vào khoảng Octobre 1927, vào học ngay lớp thi cử-nhân ở ban Văn-học trường Đại-học Montpellier.

Ngày 2 Mars 1928, đỗ bằng học cao-đẳng về văn-chương Pháp Certificat d'études supérieures de Littérature française), *đỗ đầu sổ và được phê « bình »* (assez bien).

Ngày 6 và 7 Mars 1929, đỗ bằng học cao-đẳng về cổ-văn Hi-lạp và cổ-văn La-mã (Certificats d'études supérieures d'études grecques et d'études latines), *cũng được đỗ đầu về phê « bình ».*

Ngày 14 Juin 1929, đỗ « Văn-khoa cử-nhân » (Licencié ès-lettres), *kiêm bốn khoa : 1) Văn-chương Pháp ; 2) Cổ-học Hi-lạp ; 3) Cổ-học La-mã ; 4) Văn-phạm và Bác-ngữ* (Grammaire et Philologie).

Trong khi theo về Văn-học, lại kiêm cả Luật-học nữa.

Ngày 10 Juillet 1930, đỗ « Luật-khoa cử-nhân » (Licencié en droit), *được phê « siêu-ưu »* (très bien) *và được hội-đồng ban khen ; lại được phần thưởng nhất-hạng* (premier prix) *về khoa thi Dân-luật* (Droit civil) *và thi Vạn-quốc tư-pháp* (Droit international privé), *và phần thưởng danh-dự* (prix d'honneur) *của thành* Montpellier *tặng cho người học-sinh Luật giỏi nhất trong cả ba lớp.*

Ngày 13 Février 1931, thi đỗ « bằng-cấp cao-đẳng về ngữ-ngôn văn-tự cổ-điển » (diplôme d'études supérieures de langues et littératures classiques), *được phê « siêu-ưu »* (très bien), *tức là dự-bị thi văn-khoa tiến-sĩ vậy.*

Ngày 26 Mai 1931, vào tập ở lớp dự-bị thi Văn-khoa tiến-sĩ (bằng Nhà-nước = doctorat d'Etat, *chứ không phải*

bằng nhà trường = doctorat d'Université), định đến Juillet 1932 này thì ra trước trường Đại-học trình bài luận-văn thi. Có lẽ hiện nay đã thi và chắc là đã đỗ Văn-khoa tiến-sĩ rồi.

Luận-văn thi tiến-sĩ có hai bài: bài chính đề là « Luận về giá-trị diễn-kịch của các kịch-bản của ALFRED DE MUSSET » (Essai sur la valeur dramatique du théâtre d'Alfred de Musset); bài luận phụ về « Nước Nam trong văn-chương Pháp: Nói về văn-sĩ JULES BOISSIÈRE » (L'Annam dans la littérature française: Jules Boissière).

Hồi cuối năm 1931, Nguyễn-quân đã từng diễn-thuyết về JULES BOISSIÈRE ở Clermont-l'Hérault là nơi bản-quán của nhà văn-sĩ này, lại cổ-động lập một hội-đồng để dựng tượng kỷ-niệm văn-sĩ. Bài diễn-thuyết được thiên-hạ hoan-nghênh lắm, và đã có ảnh-hưởng sang tận bên này.

Nhưng xuất-sắc nhất là kỳ thi tiến-sĩ luật vừa rồi, ngày 28 Mai 1932. Bài luận-văn thi đề là « Cá-nhân trong xã-hội cổ nước Nam: tổng-luận về luật nhà Lê » (L'individu dans la vieille Cité Annamite: essai de synthèse sur le Code des Lê). Thì được trúng-cách, vhê « siêu-ưu », và được cả Hội-đồng ngợi khen, trước mặt công-chúng. Xin dịch lời khen của quan Chánh Hội-đồng như sau này, sẽ biết danh-giá là đường nào:

« Ông còn trẻ tuổi, nhưng người tài-giỏi không phải đợi tuổi mới lộ ra. Ông học trong trường Đại-học mấy năm đều đứng đầu cả, công học-tập sắc-xảo một cách lạ thường; nay bài luận-văn tiến-sĩ đem trình Hội-đồng thật là cái kết-quả mĩ-mãn của công-phu học-tập bấy lâu. Hội-đồng phải phục cái tài cao, học rộng, chí-khí cao-thượng của ông. Bài luận-văn của ông là một nền kiệt-tác về luật-học (un chef-d'œuvre juridique), một nền kiệt-tác vừa về luật-học vừa về văn-học nữa (un chef-d'œuvre juridique et littéraire). Nội-dung đã súc-tích, không còn ai bẻ-bác được gì. Văn-thể lại sán-lạn, đáng làm một áng văn-chương tuyệt-tác. Ở hai ban luật-học cùng văn-học trường Đại-học Montpellier này, ông đều đồng-thời đoạt-giáp tranh-khôi cả. Tài đã lỗi-lạc, học lại chăm-chỉ, ai cũng phải phục. Cái gì cũng là thắng hơn người hết. Hai-mươi-hai tuổi đầu mà đã rõ ra mặt bác-học toàn-tài. Bài luận-văn của ông sẽ được cả các nhà thượng-lưu tri-thức ở nước Pháp cùng ở ngoại-quốc đọc đến và thưởng-thức. Hai-mươi-hai tuổi đỗ luật-khoa tiến-sĩ, lại sắp thi văn-khoa tiến-sĩ, thật là cổ-lai hãn-hữu, vì ở nước Pháp chưa hề thấy có một người 22 tuổi mà đỗ Văn-khoa tiến-sĩ bao giờ. Ông có trí thông-minh mới được kết-quả lạ-lùng như vậy. Nói về cái công-phu học luật của ông thì Hội-đồng chúng tôi chỉ phê-bình một câu này là đủ cả: bài luận-văn của ông có lực-lượng, thật là một nền kiệt-tác hoàn-toàn, đọc đến mà khiến cho người ta phải suy-nghĩ. Thật là xứng-đáng với tài-học của ông mà danh-giá cho cả trường Đại-học. Hội-đồng xin tặng cho ông lời phê đặc-biệt hơn cả, là: « Siêu-ưu, được Hội-đồng khen. » (Très bien, avec éloges du Jury). »

Đọc lời khen của quan trường đó, thời đủ biết cái tài-học lỗi-lạc của ông Nghè mới, không cần phải tán-dương thêm nữa.

Ông Nguyễn Mạnh-Tường đáng làm cái gương sáng cho thanh-niên nước ta.

Bản-chí vui lòng giới-thiệu Nguyễn-quân với quốc-dân và in ảnh trong số báo này.

N.-P.

NỮ-QUYỀN

Gần đây ở nước ta đã nhóm lên cái phong-trào nữ-quyền. Tuy chưa phát-biểu ra một cách kịch-liệt như ở các nước, nhưng trong các giới nữ-lưu đã thấy có vẻ hoạt-động, các bà các cô đã thấy nóng-nảy muốn ra tham-dự các công-việc công. Hướng-lai chỉ bị hạn-chế ở trong cái đời riêng, nay cũng hâm-hở muốn ra cuộc đời công, để chen vai thích cánh với bạn đàn ông. Có lẽ đương lúc hăng-hái, chưa lượng biết những nông-nỗi khó-khăn ở trong cái cuộc đời công ấy thế nào, dẫu đối với đàn ông cũng lắm sự gay-go, vì thời-thế trắc trở, vì nhân-tài hiếm-hoi, huống đối với đàn-bà chắc lại còn gian-nan hơn nữa. Nhưng kể cũng là cái xu-hướng tự-nhiên của cuộc tiến-hóa trong loài người, không lấy gì làm lạ.

Duy có điều lạ, là có nước văn-minh hẳn-hoi, xét bề ngoài tưởng như người đàn-bà là chúa-tể hết thảy, mà kỳ-thực quyền-lợi chẳng hơn gì đàn-bà nước Nam ta: về pháp-luật vẫn là vô-tư-cách, coi như đứa trẻ vị-thành-niên, về chính-trị tuyệt-nhiên không được tham-dự chút nào. Nước ấy chính là nước Pháp vậy.

Ai trông thấy cái cảnh sung-sướng của các bà « đầm » mà không thèm? Được đàn-ông nể-vì yêu-quí, nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, tưởng như tiên giáng-thế, còn ai bằng! Thế mà các bà vẫn không bằng lòng, các bà còn đòi cho được quyền bầu-cử kia!

Bây giờ các bà các cô ta ước-ao những gì? Nên hẳng ước-ao cho bọn đàn-ông biết qui-trọng bằng các bà « đầm » đã, tuy chỉ mới là cái bề ngoài mà thôi, nhưng tưởng cũng thỏa lòng. Còn các quyền-lợi khác, về sau sẽ hay. Vả chính ngay đàn-ông đã có quyền-lợi gì chưa?

Nay cứ xem như bài báo tây sau này thời biết ngay ở nước Pháp mà sự vận-động cho đàn-bà được có chính-quyền cũng còn khó-khăn thay!

* *

La question du féminisme

Pour l'observateur désintéressé, — il y en a encore quelques-uns, — la question du féminisme n'est pas sans présenter de curieux points de vue. On sait avec quelle âpreté le droit au vote a été jusqu'ici refusé aux femmes en France, terre classique de la liberté et de l'égalité. Mais, égalité et liberté, la majorité de nos hommes politiques estiment que ce sont des attributs masculins, dont nos compagnes ne sauraient se servir utilement, — utilement pour eux bien entendu. Il y a là un dédain, et même un mépris, pour la femme française, fort singulier chez nos compatriotes et que l'on ne saurait nier. On se souvient du chœur d'éloges qui a salué celle-ci, à la fin de la guerre, quand on s'est avisé du travail ac-

Vấn-đề nữ-quyền

Đối với kẻ quan-sát vô-tư-kỷ, — hiện cũng còn một vài kẻ như vậy, — vấn-đề nữ-quyền không phải là không bày ra lắm cái phương-diện lạ. Ai cũng biết rằng ở nước Pháp là đất cổ-điển của chủ-nghĩa tự-do bình-đẳng, hướng-lai hễ nói đến quyền bầu-cử của đàn-bà thì người ta khăng-khăng không chịu. Nhưng bình-đẳng với tự-do, phần nhiều các nhà chính-trị ta cho là quyền của đàn-ông, đàn-bà dùng không có lợi, — nghĩa là không có lợi cho các ông ấy. Đó cũng là một cách người Pháp khinh-bỉ người đàn-bà, kể cũng lạ, mà quả có vậy. Còn nhớ hồi sau chiến-tranh, thấy trong khi đàn-ông vắng, đàn bà làm công-việc gì cũng

compli par elle un peu partout, et particulièrement aux champs, pendant l'absence des hommes: l'opinion publique n'en revenait pas de son endurance, de son énergie et de son intelligence. Cet état d'esprit semblait appeler tout naturellement une modification de son existence civile, mais lorsqu'il fallut passer des boniments aux actes, un sage silence s'établit et la femme reprit tout naturellement son rôle modeste d'incapable, — au sens légal du mot, j'entends.

En effet, la Française est assimilée aux enfants, aux fous, aux déchus de toute espèce; un alcoolique peut voter, et Mme Curie ne le peut pas; un demi-idiot peut voter, et Mme la comtesse de Noailles ne saurait le faire; les nègres de certaines colonies peuvent être élus députés, — M. Diagne en sait quelque chose, — et une avocate comme Mme Miropolska, un peintre comme Mme Marie Laurencin, une actrice comme Mlle Gaby Morlay une directrice de journal, l'organisatrice d'une grande exploitation n'ont droit qu'à se taire. On objectera que toutes les femmes ne sont pas Mme Curie, Mme la comtesse de Noailles, Mme Miropolska ou Mlle Gaby Morlay, mais tous les hommes sont-ils M. Bergson, le docteur de Martel, M. Henri Robert ou M. Philippe Berthelot ?

Quand nos ancêtres signèrent la fameuse déclaration des Droits de l'homme, il semblait que cette charte dût enregistrer la nouvelle position sociale de l'être humain et non uniquement celle du mâle. D'ici peu de temps, la question va de nouveau se présenter devant les élus, représentants du peuple; vont ils consacrer une fois de plus une aussi bouffonne iniquité ?

Je n'ignore pas les objections que l'on peut formuler contre ces droits politiques :

được, nhất là công-việc đồng-áng, thiên-hạ đồng-thanh khen-ngợi biết bao nhiêu : dư-luận không ngờ đàn-bà nhẫn-nại, mạnh-bạo và thông-minh đến thế. Lòng người như vậy, tưởng tự-nhiên tất có thay đổi đến cái thân-phận người đàn-bà về pháp-luật, nhưng đến khi không nói hão nữa mà phải làm thực, thời thấy yên-lặng cả, thế rồi người đàn-bà lại trở về cái địa-vị nhỏ mọn kém hèn như trước, — là kém hèn đối với pháp-luật mà thôi.

Thực thế, về pháp-luật đàn-bà Pháp cũng cho là vô-tư-cách như con trẻ, như người điên, hay người bị truất mất công-quyền; một người đàn-ông nghiện rượu có quyền đầu-phiếu, mà Bà Curie không có; một kẻ đần-độn dở-hơi có quyền đầu-phiếu, mà Bà Bá-tước Noailles không có; dân đa đen ở mấy nơi thuộc-địa kia có thể bầu làm nghị-viên được, — cứ xem như ông Diagne thì biết, — mà một nhà nữ-biện-hộ như Bà Miropolska, một nhà nữ-hội-họa như Bà Marie Laurencin, một nhà nữ-diễn-kịch như cô Gaby Morlay, một bà chủ báo, một bà chủ-trương một sở kinh-doanh lớn, chỉ có quyền ngồi yên nín lặng mà thôi. Hoặc giả cãi lại rằng tất cả đàn bà không phải là Bà Curie, Bà Bá-tước Noailles, Bà Miropolska hay Cô Gaby Morlay, nhưng tất cả đàn ông có phải là ông Bergson, bác-sĩ de Martel, trạng-sư Henri-Robert hay ông Philippe Berthelot không ?

Khi các tiên-dân ta kỷ đạo Tuyên-ngôn trứ-danh về Nhân-quyền, thời tưởng rằng cái hiến-pháp đó là định cái địa-vị mới của người ta trong xã-hội, chứ không phải chỉ một người đàn-ông mà thôi. Nay mai đây, vấn-đề này lại sẽ trình bày ra ở trước Nghị-viện các đại-biểu của dân : các ông có lại chuẩn-y một lần nữa cái tình-trạng tối-bất-công-bằng đó không ?

Tôi không phải là không biết những lời dị-nghị về quyền chính-trị của đàn-

il en est de puériles et il en est de sérieuses. Je ne prétends pas soulever ici la fameuse question de la soi-disant infériorité des femmes. Il ne s'agit plus en ce moment de savoir si la femme est inférieure à l'homme, problème qui relève plus de la philosophie que de la politique, il s'agit simplement de savoir si la Française est inférieure à la presque totalité des femmes du monde. Si nos sénateurs, une fois de plus, refusent de leur accorder leurs droits, ils affirmeront donc, très haut et courageusement, qu'ils le pensent. Et si des hommes de leur autorité et de leur expérience le proclament ainsi publiquement, il faudra donc bien croire que c'est une vérité.

Les femmes votent en effet, dans la Grande-Bretagne, dans l'Etat libre d'Irlande, en Norvège, en Suède, au Danemark, en Islande, en Finlade, en Allemagne, en Autriche, en Hongrie, dans les Pays-Bas, en Belgique, en Italie, en Espagne, en Tchécoslovaquie, en Russie, en Pologne, au Portugal, dans l'Etat libre de Dantzig, en Esthonie, en Lithuanie, en Lettonie, en Roumanie, en Grèce et même en Turquie. Elles votent aux Etats-Unis, au Canada, à Terre-Neuve, à Cuba, au Brésil, dans la Jamaïque, à la Trinidad et dans l'Equateur. Elles votent dans la Rhodesia du sud et dans l'Union sud-africaine. Elles votent en Chine et dans l'Inde. Elles votent enfin dans la Nouvelle-Zélande, en Australie, aux Nouvelles-Hébrides, aux iles Samoa, et Hawaï. Et le seul pays où votent des Françaises c'est les Nouvelles-Hébrides, où, par suite de l'accord survenu entre Anglais et Français pour le gouvernement de ce condominium, les femmes ont les mêmes droits politiques que les hommes. Ajoutons qu'en passant de l'Allemagne à la France les Alsaciennes et les Lorraines ont perdu les leurs, ce qui n'a pas été sans les étonner beaucoup; il est vrai qu'elles n'avaient pu les exercer que pendant deux mois.

bà ; có điều thì lần-thần, cũng có điều thì chánh-đáng. Tôi cũng không muốn giở-dói ra đây cái vấn-đề náo-nhiệt mà vô-lý về đàn-bà kém đàn-ông. Bây giờ không phải là lúc xét xem đàn-bà có thật kém đàn-ông không, đó là một vấn-đề thuộc về triết-học, hơn là về chính-trị ; chỉ xét xem đàn-bà nước Pháp có thật là kém cả đàn-bà hầu hết các nước trong thế-giới không. Nếu các ông thượng-nghị-viên ta lần này cũng lại không cho đàn-bà có chính-quyền nữa, thì là các ông mạnh-bạo quả-quyết rằng cho đàn-bà nước Pháp là kém đàn-bà các nước thật. Những người có quyền-thế, có lịch-duyệt như các ông, mà công-nhiên tuyên-bố như vậy, thì phải là sự thực, chứ không sai.

Ở các nước sau này, đàn-bà đều có quyền đầu-phiếu cả : *Angleterre, Irlande, Norvège, Suède, Danemark, Islande, Finlande, Allemagne, Autriche, Hongrie, Hollande, Belgique, Italie, Espagne, Tchécoslovaquie, Russie, Pologne, Portugal, Dantzig, Esthonie, Lithuanie, Lettonie, Roumanie, Grèce,* cho đến cả *Turquie* nữa. Ở Tân-thế-giới thì *Etats-Unis, Canada, Terre-neuve, Cuba, Brésil, Jamaïque, Trinidad, Equateur*. Phi-châu thời *Rhodésia*, và Nam-Phi liên-hiệp-quốc. Á-châu thời Tầu và Ấn-độ. Đại-dương-châu thời *Nouvelle-Zélande, Australie*, đảo *Samoa* và *Hawai*. Chỉ duy có một nơi đàn-bà Pháp được quyền đầu-phiếu, là ở đảo *Nouvelles-Hébrides*, thuộc quyền cai-trị của cả hai nước Pháp Anh, hai bên có hiệp-ước với nhau cho đàn-bà cũng được đồng quyền chính-trị như đàn-ông. Lại đàn-bà ở hai châu *Alsace* và *Lorraine* trước thuộc Đức thì có quyền chính-trị, sau về Pháp thì mất cả, họ cũng lấy làm lạ lắm ; duy quyền ấy ở Đức họ cũng chỉ mới được hưởng có hai tháng mà thôi.

L'argument de la Grande-Bretagne a été un de ceux qui ont servi aux ennemis du vote des femmes pour effrayer l'opinion. On attribua, en effet, à celui-ci l'avènement au pouvoir du parti travailliste. Et d'abord il n'est pas prouvé que ce soit l'action féminine qui ait fait pencher dans ce sens le plateau de la balance électorale, et puis il s'agit ici d'une question de droit. Or, le droit n'a rien à voir avec la querelle des partis : que ceux-ci se débrouillent pour triompher de leurs adversaires momen anés ! En pratique, le programme féministe en Angleterre s'est voué exclusivement aux problèmes d'hygiène et d'éducation, c'est-à-dire ceux qui sont presque exclusivement du ressort des femmes. En deux ans, celles-ci ont fait voter plus de lois pour améliorer la situation de leurs sœurs qu'elles n'en avaient obtenu pendant les vingt années précédentes.

Si l'on compare le vaste mouvement qui englobe la plus grande partie de l'univers à notre refus d'y collaborer, on est bien contraint de se demander les raisons profondes qui nous poussent. Dans ces circonstances, il nous faut faire un examen de conscience quasi national ; et nous découvrons alors que nos deux façons traditionnelles d'envisager le rôle des femmes — l'une, fort délicate et chevaleresque, l'autre, égoïste et grossière — concourent toutes deux au même résultat qui est de séparer la femme de la vie publique et presque de la vie générale.

Pour les uns, en effet, — et ce sont les héritiers du culte féminin du moyen âge héroïque, - la femme est un être sensible, frêle, d'une essence plus pure que l'homme et que celui-ci doit défendre et protéger, à laquelle il doit épargner les épreuves, les fatigues, les duretés de l'existence moyenne. Mais pour les autres, — et je

Những người phản-đối việc cho đàn bà được quyền đầu-phiếu, thường lấy cái gương nước Anh để mà nạt dư-luận. Vì họ cho là tại đàn-bà được bầu-cử nên ở Anh đảng lao-động mới lên cầm quyền được. Trước hết không lấy gì làm chứng-cớ rằng vì có đàn-bà tham-dự vào việc bầu-cử nên mới thiên về đảng lao-động, sau nữa câu chuyện đây là câu chuyện công-lý. Công-lý không có quan-hệ gì với sự cạnh-tranh của các đảng : đảng nọ thấy đảng kia nhất-thời thắng mình thì cứ việc mà xoay thế nào cho mình thắng được người ta ! Cứ thực-tế thì cái chương-trình của đảng nữ-quyền ở nước Anh thuần chuyên-chủ về các vấn-đề vệ-sinh và giáo-dục, nghĩa là những vấn-đề toàn thuộc về phận-sự đàn-bà cả. Trong hai năm phái nữ-quyền đã làm cho quyết-nghị được nhiều đạo luật để tăng-tiến cái thân-phận của đàn-bà hơn là trong hai-mươi năm từ trước.

Nếu đem so-sánh cái phong-trào nó bao gồm cả phần lớn trong thế-giới với cái thái-độ của người Pháp không muốn tham-dự vào đó, thời tất phải hỏi vì những duyên-cớ sâu-xa gì mà khiến nên như thế. Đối với tình-trạng như vậy, quốc-dân Pháp phải tự sát-hạch lại mình xem ; bấy giờ sẽ thấy người Pháp có hai cách cố-hữu quan-niệm về địa-vị người đàn-bà,—một cách rất phong-nhã cao-thượng, một cách duy-kỷ mà bỉ-tiện, — hai cách kết-quả cùng như nhau, là khiến cho người đàn-bà xa-cách cái đời công, và hầu như xa-cách cả cuộc sinh-hoạt chung nữa.

Thực thế ; đối với một phái, — mà phái này là những người thừa-kế cái chủ nghĩa tôn-sùng người đàn-bà về đời trung-cổ hào-hiệp, — thời người đàn-bà là một giống mềm-mại ẻo-lả, đa-cảm đa-tình, có cái phẩm-cách thanh-cao hơn đàn-ông, đàn-ông phải che-chở chống-giữ cho, không nên để

pense ne choquer personne en avouant que ce sont les plus nombreux. — la femme est considérée soit comme un objet de plaisir momentané (c'est l'amour), soit comme une personne investie des plus hautes vertus, mais dévouée au soin du mâle, à l'entretien de la maison et à l'éducation des enfants (c'est le mariage), ou le jouet que l'on rejette quand il a cessé de plaire ou la mère de « ses enfants ». Chacun pour soi, d'ailleurs, car la mère des enfants d'autrui, contrairement à ce qu'elle était en Grèce et à Rome, devient aisément une aventure possible pour les autres.

Dans aucun de ces cas, la femme ne peut aspirer à jouer auprès de l'homme un rôle de camarade, de confidente, d'amie, d'associée, d'égale en un mot. Sous notre galanterie apparente — et peut-être à cause d'elle — se cache en réalité une impitoyable misogynie.

La chose paraîtra d'abord presque improbable, tant on a peu l'habitude de reconnaître ses défauts, mais considérez notre littérature. La femme y est presque toujours, et dès le début, un être dangereux, perfide, qu'il faut mater et même battre (c'est l'esprit des fabliaux), et dont il faut toujours se méfier, car elle n'est capable que de vilaines actions. Voyez la manière dont parle d'elle Rabelais, rappelez vous les charmants monstres peints par Racine, les sarcasmes de La Fontaine (qui les aimait d'ailleurs, mais à sa façon, qui n'était que sensuelle), le mépris rancunier de Molière, la conception uniquement libertine que s'en formait le dix-huitième siècle, les diatribes empoisonnées de Vigny, de Musset et de Baudelaire, les sottes ou les coquettes de Balzac et de Flaubert, les nymphomanes

cho phải xông pha những sự lầm-than khó-nhọc ở trong cái cõi đời bình-thường. Nhưng đối với một phái khác, — mà phái này lại đông hơn nhiều, nói thế tưởng cũng không mếch lòng ai, — thời đàn-bà hoặc coi như cái đồ-vật để chơi-bời trong chốc-lát (đó là gái giang-hồ), hoặc coi như một người có phúc-đức lớn, nhưng chỉ để phụng-sự người đàn ông mà thôi, trông nom cửa-nhà, dạy-dỗ con cái (đó là gái chính-chuyên), nghĩa là hoặc coi là cái đồ chơi không ưng nữa thời bỏ đi, hoặc coi là người mẹ của « con cái mình ». Vả cũng chỉ người nào biết phần người ấy mà thôi, vì trái với cái cổ-tục của Hi-lạp La-mã xưa, đời nay mẹ của con-cái thiên-hạ, kẻ khác vẫn có thể mon-men mà gian-díu được.

Trong cả hai trường-hợp đó, người đàn-bà đều không thể mong đối với đàn ông đứng cái địa-vị làm người bạn-bè tin-cẩn, người đồng-chí hiệp-tác, nghĩa là bằng-đẳng với đàn-ông được. Ngoài mặt là chiều-chuộng người đàn bà, — và có lẽ cũng vì chiều-chuộng ngoài mặt, — mà kỳ-thực là khinh-miệt người đàn-bà rõ-ràng.

Mới xét ra thì tưởng không lẽ nào như thế, vì người ta vẫn không quen tự nhận biết sự lầm-lỗi của mình, nhưng thử xét văn-chương nước Pháp mà xem. Ngay từ hồi đầu, người đàn-bà trong văn-chương đã hầu hết coi như một giống gian-hiểm, cần phải đàn-áp, có khi phải đánh-đập nữa (đó là tinh-thần của các «truyện» cổ), bao giờ cũng không nên tin, vì chỉ biết làm ác mà thôi. Thử xem cái cách Rabelais nói về người đàn-bà thế nào ; lại cái cách Racine tả người đàn-bà như giống quái-vật mà có nhan sắc ; lại cái cách La Fontaine mỉa-mai người đàn-bà (ông này vẫn yêu đàn-bà, nhưng yêu về phần nhục-dục mà thôi); lại cái cách Molière oán-giận mà khinh-bỉ đàn-bà ; lại cái quan-niệm thuần phóng-đãng về

des naturalistes. Mettez à côté la galerie des héroïnes de la littérature anglaise, pures, nobles et dévouées, depuis les Cordelia, les Desdémone et les Imogène de Shakespeare jusqu'aux jeunes filles de Dickens, de Walter Scott et de George Meredith. Il est bien entendu que cette règle comporte des deux côtés certaines exceptions, mais elle n'en a pas moins un caractère général, qui est indubitable. C'est cette misogynie secrète, latente et sournoise, qui a inspiré le code Napoléon et qui maintient chez nous la femme dans la situation inférieure où elle est encore.

Si vous voulez voir cette misogynie se montrer dans toute son ampleur, lisez dans l'*Officiel* du 4 mars le discours prononcé au Sénat le 3 par M. Duplantier. Ce discours *si spirituel*, comme l'a qualifié un confrère de M. Duplantier, M. Morand, a étalé avec une joyeuse verve ces finesses d'esprit, ces observations plaisantes et ces grâces de langage qui ont immortalisé la figure de Gaudissart. M. Duplantier en a appelé aux sentiments de tous pour stigmatiser le féminisme, c'est à-dire « au Français moyen à l'homme de la rue... » Ce n'est donc pas lui qui me contredira si je parle du mépris que le Français moyen a pour sa compagne; tout son discours en fait foi. Et le genre de plaisanterie dont il s'est abondamment servi prouve mieux que n'importe quel argument à quel emploi spécial il entend condamner la Française. Mais je doute que celle-ci puisse se montrer très fière de la façon dont elle est

đàn-bà của thế-kỷ thứ 18 ; lại những giọng thóa mạ thâm-độc về đàn-bà của VIGNY, của MUSSET, của BAUDELAIRE, những gái ngu-xuẩn cùng gái lẳng-lơ của BALZAC và của FLAUBERT, những chàng hiền-sắc của phái tả-chân. Đối với những vai nữ trong văn-chương Pháp đó, thử lược-kê những vai nữ trong văn-chương nước Anh kia, thanh-tân, cao thượng, trung-thành biết bao nhiêu, từ những vai CORDELIA, DESDÉMONE, IMOGÈNE của SHAKESPEARE cho đến những vai thiếu-nữ của DICKENS, WALTER SCOTT và GEORGE MEREDITH. Cố-nhiên là cái công-lệ đó, về phần văn-chương Pháp cũng như về phần văn-chương Anh, đều hàm có đặc-lệ cả, nhưng vẫn có cái tính-cách phổ-thông rõ ràng. Chính cái tính ghét đàn-bà của người Pháp đó, tính bí-mật, tiềm-tàng mà âm-hiểm, nó đã chủ-trương cho bộ luật NAPOLÉON và khiến cho người đàn-bà ở nước Pháp bị cái địa-vị kém hèn cho mãi tới bây giờ.

Muốn biết cái tính ghét đàn-bà đó nó lộ ra thâm-trầm là dường nào hãy xem trong « Quan-báo » ngày 4 *Mars* bài diễn-thuyết của ông nghị DUPLANTIER đọc ở Thượng-Nghị-viện ngày 3 *Mars*. Bài diễn-thuyết đó, ông MORAND là bạn đồng-viện của ông DUPLANTIER đã cho là lời-lẽ « đình-ngộ » lắm, đem hết cả những giọng mỉa-mai diễu-cợt, những câu bóng-bẩy hoạt-kê của lão GAUDISSART nói về đàn-bà trong tiểu-thuyết BALZAC mà được nổi danh thiên-cổ, phô bày ra một cách khoái-hoạt lắm. Ông DUPLANTIER thóa-mạ cái chủ-nghĩa nữ-quyền, ông lấy công-ý của mọi người làm chứng-cứ, nói đó là ý-kiến của người Pháp trung-bình, của người khách qua đường kia vậy. Vậy thời nếu tôi nói rằng người Pháp trung-bình chính là khinh-bỉ vợ mình, chắc ông không phản-đối tôi nào ; cả bài diễn-thuyết của ông là làm bằng-cứ cho lời tôi đó. Và cái giọng hoạt-kê ông dùng

traitée dans l'enceinte sacrée du Sénat. Du moins, le jour où elle votera, ces demi-outrages lui seront épargnés car elle passera de ce dédain offensant à la plate adulation que mérite tout électeur.

Comme il sied, M. Duplantier se plaint de ce que les progrès du féminisme risquent encore d'éloigner la femme de la maternité et des devoirs qui en résultent pour elle. Mais ceci est une feinte. Si la femme demande à entrer dans la vie publique, c'est justement afin de défendre la maternité et les enfants. Il ne tenait qu'au Parlement de faire à ce sujet les réformes impérieuses qui s'imposent depuis tant d'années. Presque rien n'a été tenté. Il en s'agit plus de se servir des arguments du quatorzième siècle ou de ceux de Molière, comme le font les hommes de bon sens si le bon sens avait existé au temps des cavernes, en serions-nous jamais sortis? Il y avait alors un culte si traditionnel de la caverne!) mais d'agir d'une manière à la fois humaine et moderne. Sur certains problèmes, — celui de la mortalité infantine, entre autres, — les hommes ont fait faillite ; tôt ou tard, ce sera aux femmes de prendre la parole sur ce point, comme sur beaucoup d'autres du même genre. Nous saurons dans quelques jours si le Sénat accepte que les Françaises soient considérées dans le monde comme les égales des femmes des autres nations, ou si elles doivent continuer d'y être traitées comme une espèce humaine particulièrement inférieure.

EDMOND JALOUX.

trong suốt bài diễn-thuyết ấy, thừa chứng rằng ông định buộc người đàn-bà phải làm thứ công-việc riêng gì, không cần phải lý-sự khác nữa. Nhưng tôi chắc rằng đàn-bà Pháp thấy cái cách các ngài ở Thượng-Nghị-viện đãi mình như vậy thật, cũng chẳng lấy làm tự-cao gì. Duy ngày nào các bà được quyền bầu-cử, thời không đến nỗi phải chịu những cách nửa nhục như vậy, vì đã có quyền đi bầu thì họ đương khinh nhờn tất họ sẽ nịnh-hót ngay.

Theo câu sáo thường, ông DUPLANTIER phàn-nàn rằng nữ-quyền thinh thời có cái ngay-hiểm làm cho người đàn-bà trễ-biếng việc sinh đẻ cùng các phận-sự về việc đó. Nhưng đó là lời giả-thác vậy. Đàn-bà yêu-cầu được tham-dự vào đời công, chính là để bênh-vực cho người mẹ, cho đứa con. Việc là việc cần-cấp phải cải-cách, Nghị-viện vẫn có quyền làm được đã lâu. Vậy mà hầu như không làm được chút nào cả. Bây giờ không thể viện những cái lý-sự từ thế-kỷ thứ 14, hay tự đời MOLIÈRE, để làm ra bộ người có minh-thức được, (nếu đời ăn lông ở lỗ đã có cái minh-thức như thế, thì chúng ta làm sao mà thoát ra nhỉ? Đời bấy giờ vẫn kế truyền tôn-sùng cái lối ăn lông ở lỗ ấy lắm mà !), nhưng phải hành-sự một cách vừa hợp nhân-đạo và vừa mới-mẻ nữa. Có mấy cái vấn-đề, — như vấn-đề con trẻ chết non, — đàn ông đã tỏ ra bất-lực, không giải-quyết được rồi ; sớm trưa tất đến lượt đàn-bà phải có quyền ăn nói về việc đó, cũng như nhiều việc khác cùng một loại đó. Mấy ngày nữa ta sẽ xem Thượng-Nghị-viện có thuận cho đàn-bà Pháp đứng trong thế-giới cũng được bình-đẳng như đàn-bà các nước khác, hay là cứ phải coi như một giống hèn-hạ trong loài người vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch*

MỘT NGƯỜI CỐ CÔNG VỚI QUỐC-VĂN

ÔNG ĐÔNG-HỒ

Ông thân-sinh tôi, nhân trong khi du-hoạn đến Hà-tiên, được quen với ông bác ông là Lâm Tấn-Đức.

Rồi, tôi lại được quen với ông vài năm sau. Tôi còn nhớ buổi tương-tri, ngày bắt đầu kết nên đôi mối tình thân-ái. Hôm đó, về một buổi tối, đi học Cần-thơ về, ông lại nhà thăm tôi. Nhân lúc đọc báo, tôi nói về địa-vị và quyền-lợi người Nam người Pháp, và than rằng người mình hiện còn chưa có địa-vị gì và chưa hưởng-thụ được bao nhiêu quyền-lợi. . .

Ông biết tôi trước hết ở lời nói ấy. Rồi sau này, lui tới nhau thường mà ngày một quen biết hơn thêm.

La gì thanh-khí lẽ hằng. . .

Cụ Tiên-điền đã nói như thế, nay kẻ tiện-sĩ tôi xin nói lại lời xưa.

.˙.

Mồ-côi thuở mới lên năm, được nhờ có ông bác đem về nuôi dạy.

Người ông gầy lắm mà thâm-thấp, lại đa-bệnh vì đa-sầu. Ở về thời-buổi đua theo « mốt » mới mà ông vẫn bền lòng giữ khăn áo lối quốc-phục.

— Ông học có nhiều không? Ông học nhà trường có được nhiều năm không?— Bạn có người hỏi như thế.

— Khi nhỏ, ông học ở trường tiểu-học tỉnh nhà được tấn-tới lắm. Sau vào học trường tư Võ-văn-học-đường ở Cần-thơ lại cũng được tấn-tới lắm. Từ ngày biết cầp sách đi học, thì năm nào trường nào cũng là người học-trò nhất nhì trong lớp. Nhưng rất đáng tiếc là vì việc nhà trở-ngại mà cảnh-ngộ chẳng chiều, nên trên dưới mười-sáu tuổi đã phải dời bỏ ghế nhà trường. Tài ấy, thông-minh ấy mà không được đến bậc cao-đẳng-học, âu cũng là một điều khiến cho ông ân-hận suốt đời. Đời đã được mấy ai là người « thân tự lập thân ».

Nhưng nghĩ: như ông kể cũng đã sớm biết cảnh-ngộ nó chẳng may, mà xoay-sở cho cuộc đời mình có được một chút thú-vị, một chút tăm-tiếng ngày nay; chứ không khéo thì kết-quả chỉ là một người tầm-thường già chết ở chỗ quê mùa! Cái thú-vị kia và cái tăm-tiếng nọ, tôi biết, thật là tự tay ông gây-dựng lấy nó vậy. Đó là tôi muốn nói cuộc đời ông nớ có duyên với văn-chương mà cái tình đan-díu của ông với chữ Quốc-ngữ nó có một mối ái-ân đằm-thắm. Văn-chương thật chẳng phụ ông, mà đáp lại cái thâm-tình kia, Quốc-ngữ đã giúp cho ông gây dừng nên sự-nghiệp; rồi tất cùng ông chung-thủy mà kết nên một mối tình-duyên thiên-thu giai-lão.

— «... Đệ trước sau vẫn nguyện làm một người tri-kỷ với Quốc-văn, lòng này đã cùng với Quốc-văn ước-nguyền sông núi ». (N.-P. 135)

— «... Nhà Học-xá Trí-đức với tôi đã có một mối cảm-tình thân-thiết, chữ Quốc-ngữ với tôi đã có một mối duyên-nợ thâm-trầm ». (N.-P. 162).

Lời ông thường nói ra như thế, mà nghĩ cũng xứng-đáng thay, đối với người bạn tri-kỷ hữu-tình, Quốc-ngữ văn-chương đã hậu-đãi ông nhiều vậy.

.˙.

Ông là người có hoa tay lắm. Nghề hội-họa, nghề điêu-khắc, cũng có tập chơi qua; chỉ thấy rồi vụt chốc làm ra

để cầu vui mà thôi, tất là không phải học-tập có phép-tắc.

Ông vẽ mấy bức tranh thủy-mạc về phong cảnh Hà tiên đã in ở báo *Nam-Phong*, và bức vẽ cây hoa lan, lối nhất thi nhất họa để tặng ông Tùng-vân. Ông Đông-hồ lại có tự tay chế-khắc đưa tặng ông Tùng-vân đôi ngọn bút tre, trên quản bút khắc câu thơ cổ: « *Vi xuất thổ thời tiên hữu tiết* » Ông Đỗ-nam-tử, tác-giả tiểu-thuyết *Quả dưa đỏ*, sau khi được xem vật tặng ấy có gửi thơ vào cho ông Đông-hồ: « Hôm nọ ra Hà-nội, ông Tùng-vân có cho xem hai cái quản bút có chữ ngài khắc tặng ông ấy, chữ sắc-sảo tươi đẹp lắm. Một nhà văn mà kiêm được cả học-thuật và mĩ thuật như thế, thật có chí lắm ».

Ông Cúc-nông vào chơi Hà-tiên, nhờ ông khắc hai chữ tên hiệu vào cạnh cái nghiên mực bằng huyền. Ông chỉ dùng con dao con mũi nhọn để rọc giấy, chứ tịnh không có đồ nghề nào khác.

Thời-thường, ông cũng hay vẽ trên hoa-tiên, cảnh mai, cảnh trúc, để thơ vào, hoặc để trên quạt, trên lụa, hay chế khắc các thứ quản bút làm quà tặng các bạn bè.

. . .

Cuộc sinh-hoạt của ông rất tầm-thường giản-dị, không xa-hoa phiền-phức như phần nhiều bạn trẻ. Từ cách ăn-ở, lối phục-sức cho đến việc chơi-bời đều giữ cho thanh-đạm bình-thường. Là người an phận đạm-bạc để vui trong thú văn-chương, cõi tinh-thần cao-thượng mà không băn-khoăn thắc-mắc về những chuyện danh-lợi nhỏ-nhen. Đời cạnh tranh để « sống còn » mà ông cố giữ cái chí-thú như kia, tất có nhiều phương-hại cho cuộc đời thực-tế. Ông còn có một cái dở đó!

Những ngày nhàn-hạ, thường cùng các bầu-bạn và kẻ học trò, đai cơm bầu nước, đi chơi các vùng thắng-cảnh đất Phương-thành. Lang-thang từ sớm đến chiều, vơ-vẩn trên bãi biển, trên cánh đồng, bên chân đồi, hay bên cái lăng xưa cái miếu cổ. Đó là muốn học theo cái phong-thú, cái vận-sự « tắm mát ở sông Nghi, hứng gió ở nền Vũ-vu, ca hát rồi về » của Nho-giả. Khi đi, lại thường là đi chân không, đội nón lá, đó là muốn tập theo cái cách hành-động của Đồng-tử-quân bên Âu-châu, và muốn biết cái lao-khổ nhọc-nhằn trong khi dãi nắng dầm mưa của hạng bình-dân nước Việt-Nam yêu-quí này. Thỉnh-thoảng lại tổ-chức các cuộc chơi xa, hoặc giong buồm cưỡi sóng, tự tay chèo lái đi chơi các đảo-dữ theo miền duyên-hải, ở lưu-liên lại đó theo bọn ngư-nhân chài lưới, hoặc đi chân đôi ba ngày chơi các rừng núi, các hang đồng về miền Hòn-Chông để thấy cái cảnh « cầu sương điểm nguyệt ».

. . .

Ông làm văn không thường, vì còn phải nghĩ đến việc no ấm thường ngày, dầu là đạm-bạc, nhưng cũng phải kiếm cho có đủ mà đạm-bạc mới được. Không viết được thường, mà viết được nhiều lối:

Văn khảo-cứu thì như tập: *Hà-tiên Mạc-thị-sử* (N.-P. 143).

Văn du-ký thì như bài: *Thăm đảo Phú-quốc* (N. P. 124), và các bài tả-cảnh Hà-tiên mỗi khi đi chơi về viết.

Văn nhật-ký thì như tập *Lệ-kỳ Linh-phượng* (N.-P. 128), đã khiến cho nhiều người biết ông và đã khiến cho nhiều người vì ông mà ngùi-ngậm.

Có người hỏi: — Linh-phượng là chuyện có thực như thế chăng?

Ông nói: — Chính là một đoạn nhật-ký chép cái sầu niệu-nội của tôi. Khi đăng báo tôi sao-lục y theo như vậy. Trước bài, sau bài đều có mấy chấm chỉ rằng đó là một khoảng giữa trong cuộc đời của tôi.

Văn diễn-thuyết thì như bài đọc bữa khai-giảng Quốc-ngữ ở Trí-đức học-xá và mỗi khi có lễ tết, hoặc mỗi khi làm lễ kỷ-niệm đệ-niên của học-xá (N. P. số 115, 135, 157). Như bài nói về cảnh thiên-nhiên đối với sự đọc sách, đọc bữa phát phần thưởng cho học-trò, trong dịp nghỉ hè, dẫn lời học-giả, thi-gia Trung-hoa, Ấn-độ, văn đối-đáo mà phong-thú lắm (N. P. 144).

Văn luận-thuyết thì như những bài: *Tinh-thần quốc-văn*; *Xã-hội giáo dục*; *Ý-nghĩa ngày tết*; *Chân giá-trị của người ta*; *Thế nào là một nước bị chinh-phục?* vân-vân, và một bài có giá-trị và ảnh-hưởng là bài: *Quốc-văn Nam-Việt*, bàn về lẽ người nước ta nên học Quốc-ngữ, trong có vạch một cái chương-trình toát-yếu cho các bậc học. Bài ấy đăng luôn mười số ở *Đông-Pháp thời-báo*. Ngay sau khi đó thì báo đình-bản.

Từ đó rồi ông cũng không viết báo thường ngày nữa. Chỉ thỉnh-thoảng có bài nói về học-xá Trí-đức gửi đăng báo *Nam-Phong* mà thôi; mà từ sau khi *Linh-phượng* ra đời, cuộc đời ông những mang-bách là mang-bách, dẫu có muốn theo đuổi mãi về sự cao-thú phong-lưu trong việc nghiên bút văn-chương cũng khó mà được như ý vậy.

Ông Đông-hồ làm văn trong bản-thảo chữa xóa rất dụng-công, như dẫn-đo, như cân-nhắc từng chữ một.

Khi viết, ông nói chỉ cốt ý nhất là có trật-tự rõ-ràng, lời-lẽ sáng-sủa, cho người đọc dễ nhận thấy mạch-lạc trong bài, rồi lại cần phải thận-trọng khi dùng chữ đặt câu. Ông lại nói: « Cái trách-nhiệm nhà văn, cái giá-trị ngòi bút rất là thiêng-liêng cao-thượng, khi viết ra, ta sao dám cẩu-thả, dẫu đến một cái dấu phẩy, dấu chấm cũng không nên lấy làm khinh-dị, huống là từng câu từng đoạn ». Ông thường lấy câu: « Một chữ là một cái linh-hồn, khi viết, tay bút kinh động — *Un mot est un être vivant, la plume tremble en l'écrivant* — » để làm răn.

***

Thời-thường ông cũng hay soạn bài hát ngắn-ngắn, lời-lẽ giản-dị, cho các học-trò hát về những ngày giai-tiết. Lúc bấy giờ thì thầy trò quây-quần lại trên bãi cỏ dưới bóng trăng cùng nhau gõ dịp ca ngâm, hoặc là leo lên trên đồi hái các thức hoa rừng cầm tay, hay cái giật lên mái đầu, rồi vừa chầy vừa hát, lấy làm vui thích. — Dưới đây chép một bài hát nghỉ hè:

Cái ve kêu,
Con cuốc gọi.
Nồng-nực thay,
Mùa hạ tới.
Mùa hạ tới, gió Nam-phong dìu-dặt thổi.
Dìu-dặt gió Nam thổi,
Tơi-tả cảnh sen bay;
Mùa đổi thay,
Cảnh đổi thay.
Cây cung giương mãi cũng trùng giây;
Người cố học lâu tâm-trí mỏi.
Nên có dịp nghỉ hè,
Như các mùa thay đổi.
Mùa thay đổi, kịp đến khi thu sang:
Trăng thu dãi sáng,
Lá thu bay vàng.
Cảnh trời thanh-tĩnh,
Lòng người nhẹ nhàng.
Sẽ cùng theo đuổi nghiệp văn-chương
Nghiệp văn-chương,
Núi sông trường!

Đó là lối đặc-biệt ông làm theo dịp vừa vỗ tay vừa hát, còn thường làm theo thể thơ tràng-thiên lục-bát cũng nhiều.

Ông Đông-hồ có tiếng là tài làm thơ, lối thơ thanh-nhã trang-nghiêm, nền-nếp tinh-thần thơ cổ mà hàm có giọng bông-bẩy nhẹ-nhàng, tình-cảm lãng-mạn thơ mới. Ông Đông-hồ hay thơ, không phải là việc lạ. Sinh-trưởng

một nơi sơn-thủy thanh-kỳ như đất Phương-thành ; từ thuở lọt lòng, chung quanh ông, đã sẵn bao nhiêu cảnh nên thơ phản-chiếu vào cõi tâm-hồn nhà thi-sĩ : bóng trăng thanh-tĩnh, chấp-chới mặt hồ, chòm mây biến-di, tơi-bời trên đầu núi, con chim bạt gió, chiếc lá lìa rừng, mặt biển chân trời, bao-la man-mác, ngần ấy cảnh đã nuôi nên tấm hồn thơ cho ông rồi, tấm hồn thơ ấy như cùng với cảnh nước-non dịp-dàng điều-độ mà rung-động lên khúc ca-nhạc êm ái thâm-trầm.

Câu :

Đông-hồ, làn sóng đất trời dợn,
Tô-lĩnh, chòm mây kim cổ đưa ;

và câu :

Áo mực Đông-hồ, nghiên hãy đậm,
Ngòi sương Tô-lĩnh, bút chưa long ;

xem hai câu thơ ấy thì biết cảnh thiên-nhiên chung quanh ông thực đã có ảnh-hưởng đến « thơ Đông-hồ » nhiều vậy.

Cũng như tản-văn, vận-văn ông làm được nhiều lối. Từ thể thơ ngũ-ngôn, thất-ngôn, Đường-luật, cổ-thể, liễn-đối, từ-phú, văn-tế, đến lục-bát, song-thất lục-bát, hát nói, vân-vân, ông đều thiệp-liệp cả. Sau đây tiện chép một vài bài ngắn-ngắn.

Thơ ngũ-ngôn luật như bài hạ báo *Nam-Phong* thập-chu-niên, về thể thơ thù-tặng :

Dìu-dặt mười năm thời,
Hòa vui một cõi nồng ;
Vẻ-vang nòi giống Việt,
Tươi-tỉnh nước non Hồng ;
Biển học tràn sông Nhị,
Nền văn vững núi Nùng ;
Bàn ta, ta gẩy lấy,
Một khúc Bắc Nam Trung.

Gần đây, cô Đoàn Tâm-Đan có phỏng theo bài ấy để mừng báo *Phụ-nữ thời-đàm* ; đề là « Gánh giang-san » :

Khẳng-khít ta cùng lòng,
Giang-san của của chung ;
Vẻ-vang nòi-giống Việt,
Rực-rỡ nước non Hồng ;
Biển học ba kỳ khắp,
Rừng văn một lối thông ;
Chị em vai cắt lấy :
Một gánh Bắc Nam Trung.

Hát nói như bài đề tự sách *Quả dưa đỏ* ; trích lục hai đoạn :

... Duyên tao-ngộ bỗng đâu xui gặp-gỡ,
Ả « Việt-nga » má đỏ răng đen.
Cõi Viêm-thiên có cảnh Lạc-viên,
Trời nắng bức cũng người cơn nóng-nực.

... Cõi hoang-đảo bỗng nên nơi văn-hóa,
Nước non nhà sự-tích cũ, chí cương-cường, gương tráng-sĩ để nghìn sau.
Có tin, thì lấp bể không lâu,
Không tin, dẫu qua cầu chẳng trót.
Buổi nắng hạ nhấm miếng dưa ngon-ngọt,
Nhớ công ơn tài-lược ai làm !
An-tiêm có chi « đồ Nam » !

— Thơ thất-ngôn tứ-tuyệt như ba bài :

Thêu-thùa

Lụa hồng phản-chiếu vẻ hồng-nhan,
Dìu-dặt tay tiên, ngón nhặt khoan ;
Mối chỉ đường kim thoăn-thoắt nhẹ,
Lạc-Hồng tô-điểm bức giang-san.

(Mĩ-nhân thập-vịnh)

Buồn trông mặt biển

Biển bạc vời trông sóng bạc trùng,
Lòng sầu lai-láng nước mênh-mông ;
Phong-ba từng lắm lần nghiêng-ngửa,
Gửi ấy biển cùng ai một tấm lòng.

(Giai-nhân nhân-sầu thập-vịnh)

Khóc hoa

Một lặng nhìn hoa một cúi đầu,
Bông hoa tươi-tốt mặt hoa sầu ;
Vô-tri nào biết đời linh-lạc,
Riêng để hồng-nhan giọt lệ châu.

(Ngọc-nhân thập-vịnh)

— Thơ thất-ngôn luật, ông làm trang-trọng tề-chỉnh không mau lời như thơ tuyệt-cú :

... Lơ-lửng chân mây thân hạc bồng.
Lênh-đênh mặt sóng gót bèo trôi ;
Gió trăng góp lại duyên tao-tế,
Non nước dài thêm mối cảm-hoài. .

(Trích ở bài « Chơi về »)

... Nghĩa cả trước nên mây gió đẹp,
Tình sâu sau ước huệ lan tươi ;
Cỏ sương xa gởi lòng mong nhớ,
Châu nếm vàng gieo những lắng tai.

(Trích ở bài « Cầu bạn »)

.. Bắc tạt hồ Đông nổi sóng sầu,
Rước nhau âu phải tiễn đưa nhau...
... Lạnh-lẽo vừa ngồi chung ngọn gió,
Chia phôi đã đứng cách ngàn lau !
Trông theo ngảnh lại, người xuôi ngược,
Nước biếc trời xanh lẫn một màu !

(Trích ở bài « Trên sông nước tiễn bạn »)

...Lòng nước lâng khuâng mưa gió rộn,
Cảnh hoa lạnh-lẽo tuyết sương gầy !...

(Trích ở bài « Nhớ bạn nước mây »)

.. Hạc lan hoa thoảng mùi hương cũ,
Đào trúc cảnh lay vẻ gió xưa..

(Trích ở bài « Nhớ học-sinh T. d. h. x. »)

Thơ Đường-luật thì trang-trọng tề-chỉnh như thế mà đến thơ lục-bát thì nhẹ nhàng di-dỏm lắm, lời mau mà chuyện rõ, gần như lối ca-dao, thử đọc bài thơ lưu-biệt :

Về nhân

Ngọc-hà chân bước xuống lầu,
Máy hơi xình-xịch con tầu Vĩnh-đông.
Mấy lần ngoảnh lại sau trông,
Nước sông trăng-trắng, cỏ đồng xanh-xanh.
Nhẩn nơi gió mát trăng thanh,
Nhẩn nơi mặt nước lênh-đênh con thuyền.
Nhẩn nơi trước có hồ sen,
Chung quanh có ruộng mà trên có trời.
Nhẩn nơi mầm sống cà tươi,
Cảnh kia vì nọ đợi người trùng-lai.
Phương-thành Hòa-thuận đôi nơi,
Nhưng lòng vẫn mộ xa-xôi ngại gì.
Sông Ô còn lối về đi,
Hồ Đông thuyền khách còn khi đi về.

Bao nhiêu tên cảnh, ông đều thu-xếp vào bài thơ được cả ; là một bài thơ đặc-biệt ở nơi ấy mà không thể lẫn-lộn với một nơi nào khác. Ngọc-hà tức là một nơi biệt-thự của người bạn ông tên là Ngọc-hà-lâu, Vĩnh-đông là tên chiếc tàu máy hơi, Hòa-thuận là tên làng người bạn ông ở, mà sông Ô tức là con sông Ô-môn thông với tỉnh Rạch-giá vậy.

Ông Đông-hồ là người sống trong cảnh nước non và tình bè-bạn, cho nên thơ ông phần nhiều là thuộc về hai mối đó.

... Mối sầu khôn dài cùng trời đất ;
Chén rượu dành khuây với nước non;
Nghĩa chốn ái-ân loan phượng lỡ,
Tình trong bạn-hữu trúc-lan còn...

Đó là bốn câu trích ở một bài thuật-hoài ông làm ra sau khi chim Linh-phượng biệt ông mà « vỗ cánh » tiêu-dao ở chốn gió mây thiên-cổ.

Vắng cảnh thì buồn rầu, xa bạn thì mong nhớ ; cái buồn rầu vẩn-vơ, cái nhớ mong ngơ-ngẩn :

Mây êm nước lặng, tin nhàn vắng,
Hoa rụng chim kêu, giấc mộng dài! ..
... Khi biệt dễ-dàng, khi gặp khó,
Chốn vui ai nhớ chốn sầu chi!...
... Sương phủ mây chùm ngọn núi Tô,
Buồn-hiu mưa gió cảnh Đông-hồ !...
.. Văn-chương trí-kỷ từ nay vắng,
Tiễn khách lầu Nam, bước ngẩn-ngơ ..
... Tình nhớ thả theo dòng nước chảy,
Hồn sầu gởi với đám mây bay..
... Phương-thành non nước nhớ người,
Gió mây man-mác phương trời Bắc-liêu.
Ngàn Tô bảng-lảng bóng chiều,
Hồ Đông trăng dãi đìu-hiu đêm trường..

Mới biết tình bè bạn và cảnh nước non là hai thứ dưỡng-khí cho tinh-thần ông vậy.

Trong làng văn biết ông nhiều là ở sự làm thơ, mà trong làng thơ biết ông nhiều là ở hai bài *Phú Đông-hồ* và bài cảm hoài *Nhớ Tri-đức học-xá*. Bài trên có người phê rằng : « Đọc bài phú Đông-hồ như thấy lại trước mắt cái cảnh thiên-cổ trong vùng gió mây trăng nước, khiến người sinh một mối cảm kích-thích thâm-trầm; lời mở thì phảng-phất như bài *Xích-bích phú* của Tô Đông-Pha mà lời kết thì tương-tự bài *Le lac* của LAMARTINE. » Mà quả có thế thực. Đọc những câu :

« ... *Muốn nhận ra cái dấu vết tiền-triều, thì vẩng-vẻ nước non một sắc ; muốn nhìn lại cái hình-tung cố quốc, thì mịt-mù mây khói mây tầng*

« *Ngọn gió thu-phong kia cổ-nhân đã từng đạn mặt ; làn nước thu-thủy nọ cổ-nhân đã từng nhúng chân* .

« *Nghĩ những truyện tang-thương mà than nước ; trông những cơ hưng-phế mà khóc trăng* . . »

Thì tất khiến nhớ đến những câu : « ... *Tây-vọng Hạ-khẩu, đông vọng Vũ-xương. Sơn-xuyên tương liễu, uất hồ thương thương* .

« ... *Trục lư thiên-lý, tinh kỳ tế không ; súy tửu tâm giang, hoành xáo phú thi. Cố nhất-thế chi hùng nhi kim an tại tai* ! .. », mà người bạn đồng-du với ông Tô Đông-Pha đã ngỏ lời bàn-hoàn than-thở trên mặt sông Xích-bích.

Và đọc những câu :

«.. *Nghiêng bầu hướng với giang-san mà say rượu ; mài mực đối với phong-nguyệt mà chuốc thơ.*

« *Một khối văn ấy, nghìn năm hãy còn phiêu-dương dưới vùng tinh-nhật ; một vết mực ấy, muôn thủa hãy còn bảng-bạc trong cõi giang-hồ...*

« ... *Chỉ nước chỉ non hề cảm-vận ;*

« *Gọi trăng gọi gió hề hẹn hò,*
« *Non Tô một dẫy hề cao dựng ;*
« *Hồ Đông một vũng hề nông sờ.*

« *Này nước này non, ghi lấy cuộc hôm nay hề cuộc hành-lạc ; hỡi trăng hỡi gió nhớ lấy đêm hôm nay hề đêm thưởng-thu !* » (N.-P. 158)

Thì tưởng chừng như dịch thoát lấy ý từ đoạn :

Ô lac ! rochers nuets ! grottes ! forêt obscure !
Vous que le temps épargne ou qu'il peut rajeunir,
Gardez de cette belle nuit, gardez, belle nature,
Au moins le souvenir !...

cho đến đoạn cuối cùng trong bài *Le lac*.

— Bài dưới, có người phê rằng : — Chẳng những là lời cảm nhớ Tri-đức học-xá mà thôi, chính là lời của một kẻ cô-độc cùng-đồ, bơ-vơ quãng vắng, trông trước trông sau, tiêu-diêu hiu-quạnh, nghĩ mình cảm cảnh rồi mà phát lên tiếng thở than làm-li não-nuột :

... Còn đâu nữa gió đưa mây đón,
Còn đâu là lá mỏn hoa tươi ;
Còn đâu sóng bãi trăng đồi,
Còn đâu khúc hát câu cười non sông ?
Hỡi nghiên bút tao phùng đâu nữa,
Lệ văn chương giọt ứa cảm-hoài ;
Mịt-mù trong cõi trần ai,
Cao-sơn lưu-thủy ai người tri-âm !
Hoa lan mọc âm thầm hang tối,
Qua đường, ai kẻ hỏi mùi hương.
Liên-thành giá ngọc ai thương,
Nắm xương thiên-lý nghìn vàng ai mua !
Thôi đành chịu người thua cảnh-ngộ,
Cảnh không may thực khó mà nên.
Hồn Đại Việt giọng Hàn-Thuyên,
Năm năm ba bận tình duyên lỡ-làng !

(N.-P. 16.)

— Ngày xưa, các cụ học chữ Hán, thường đua nhau ở tài dịch thơ Tàu, như *Tì-bà hành*, *Thu-hứng*, vân-vân; nay thời-buổi học chữ Pháp, cũng nên nói qua về cái ngôn dịch thơ Tây của ông Đông-hồ.

Cái bình vỡ

(Dịch bài *Le vase brisé* của SULLY PRUDHOMME, lối trường-thiên cổ-thể)

Bình hoa mã-tiên héo khô cành,
Quạt ai vô-ý chạm vào bình;
Chạm phải bình hoa khe-khẽ nứt,
Nhưng không tiếng động, ai hay tình..
. . . . . .
Thành-thót bên bình giọt nước rơi,
Vị nhạt, hương phai, hoa hết tươi;
Nỗi ấy người đời ai có biết,
Chớ động! bình kia đã vỡ rồi!
Thường tình người ta có khác chi,
Phải tay người yêu chạm đến khi,
Chạm đến quả tim tê-tái vỡ,
Hoa ái-tình kia cũng héo đi!

Đưa con lấy chồng

(*A une mariée*, của V. HUGO)

Yêu người nào đã có lòng yêu,
Tình hiếu sao cho vẹn mọi chiều;
Bên ấy biết bao điều lạc-thú,
Ở đây chỉ xiết nỗi đìu-hiu;
Cha toan cầm lại, chồng toan cưới,
Con phải thế rồi, vợ phải sao?
Bên những tiếc thương, bên những đợi,
Ra thì buồn lắm, đến vui nhiều.

Cõi tinh-thần

(Dịch bài thơ thứ XXXV ở sách *Gitanjali* của R. TAGORE)

Đó là chốn lăng-tẳng khí-cốt,
Đó là nơi khoát-đạt tâm-hồn;
Là nơi tình-cảm chan-chan,
Là nơi đời chẳng tương-tàn tương-ly.
Đó là chốn « trí-tri cách-vật »,
Đó là nơi nỗ-lực thành-công;
Là nơi đạo-lý quán-thông,
Thanh cao chẳng lẫn trong vòng tối-tăm.
Đó là chốn vững cầm thiên-ý,
Bước vào nơi ngõ trí đường nhân;
Thảnh-thơi trong cõi tinh-thần,
Giang-san tổ-quốc muôn phần tỉnh-tươi.

Ông Đồ-nam-tử, sau khi xem mấy bài thơ dịch ấy rồi, có thơ về khen rằng: « Tôi lại xem kỹ ba bài thơ Tây mà ông đã dịch. Xem ông dịch đúng mà thoát và chọi, hóa được sang thành thơ ta ».

∴

Trái với hoàn-cảnh thiên-nhiên, ông Đông-hồ ở vào cái hoàn-cảnh người không ấm-áp, không lợi cho việc tu-luyện học-hành, có trở-ngại cho ông về mọi sự hành-vi tư-tưởng. Ông phải lắm cái không may cho việc sinh-hoạt hằng ngày, nhưng cái không may đó tưởng chẳng riêng gì một mình ông, mà là cái không may chung cho các người đọc sách, con nhà văn-chương xưa nay vậy.

Ông Tùng-vân khi dịch xong bài thơ ông Liễu Tôn-Nguyên đưa ông Lưu Vũ-Tích ở đất Hành-dương, có phê rằng: « Đọc đến câu: *Mấy hàng chan-chứa những xui nên...*, ai không bảo là ông Liễu khóc về nỗi biệt-ly. Nhưng không phải, ông Liễu với ông Lưu, cùng là một nhà văn-chương, cùng là một cảnh uất-ức, ông Liễu khóc đó, không phải là khóc về nỗi biệt-ly đâu, chính là khóc về sự văn-chương vậy. Con nhà văn-chương xưa nay, vác cái tài-nghệ ưu-trội, cầm cái chí-khí lỗi-lạc, đối với đời, không những không chịu a-dua, lại thường có ý kiêu-ngạo ngầm, đó cũng là một cái bệnh chung của con nhà văn-chương xưa nay, mà thật là khó chữa vậy. Văn-chương càng hiển, thì giá-trị càng cao; cái giá trị càng cao lên bao nhiêu, thì cái mối ghét-ghen nó lại càng xúm lại bấy nhiêu, đó cũng là một cái thói chung của trò

đời xưa nay đối với con nhà văn-chương. Than ôi!

Dở hơi đã chịu cho đời ghét,
Hay chữ đừng mong lắm kẻ khen!

Đọc đến câu ấy, nghìn năm còn đau-đớn lắm thay! Nhưng có hại gì, văn-chương có trải qua mấy hồi uất-ức, rồi mới thấy lạ thấy hay; hai chữ uất-ức đó, lại thật là một món quà của ông tạo-hóa, vừa cay-đắng, vừa chua-chát, vừa thơm-tho, vừa có thú-vị, để đãi riêng cho con nhà văn-chương vậy...» (*N. P. 78*)

Nay tôi lại xin mượn câu thơ ông Liễu Tôn-Nguyên và lời bình-luận của ông Tùng-vân mà an-ủi ông Đông-hồ vậy.

Việc nhà ông lại cũng lắm chuyện không vui.

Tập «Lệ-ký» có câu:

Mới khóc chi năm rồi, thảm gợi mạch sầu chưa ráo giọt;
Nghĩ thương mình thủa nọ, cười đưa mẹ mất khác gì con!

Thơ «Tục-huyền» có câu:

.. Tơ-tóc đã bẽ-bàng duyên-nợ,
Hồi lòng xuân còn có gì đâu
Ngày xanh lỗi hẹn bạc đầu,
Bành ôm một khối hận sầu nghìn thu!...

... Tục-huyền dễ không người đứt ruột,
Nối giây tơ, nối được lòng ru!..

(N.-P. 151)

Lại thơ «Cảm hoài» như bài:

Đối cảnh giang-san

Tình nước bâng-khuâng lẫn sự nhà,
Sáng chiều đối với mặt san-hà;
Mỗi lần trông cảnh lần sa lệ,
Tuổi dẫu chưa già, lệ đã già!

Thơ ông tả-thuật về thân-thế thường hàm có một giọng buồn phảng-phất xa-xôi, không phải là tiếng khóc than vỡ-lở mà là một tiếng thở dài ngùi-ngậm như tiếng con chim vạc buông tỏa trên tầng mây giữa khoảng đêm thanh lặng-lẽ.

* *

Trước tôi đã nói ông Đông-hồ là trưởng-giáo Trí-đức học-xá. Vậy lại xin có mấy lời giới-thiệu về cảnh trường ấy, mà tưởng ông có công với Quốc-văn cũng là ở việc lập ra nhà học kia vậy.

Học-xá lâu nay chỉ có tinh-thần mà chưa có hình-thức, chuyện đã trái-ngược!

Trường chưa có thế-lực lớn-lao như Pháp-quốc liên-hiệp hội, cũng chưa có qui-mô rộng-rãi như Thế-giới học-đường.

Trường mới chỉ là một lớp học nhỏ, để luyện-tập và cổ động Quốc-văn mà thôi. Ông Trần Bá-Hùng, ông Phan Hữu-Bích, ông Bùi Thế-Mỹ, ông Lê Quang-Liêm đã qua chơi Hà-tiên đều biết việc như thế cả.

Ông Trúc-hà nói rằng: cái «nhà máy đào-tạo tinh-thần» của ông Đông-hồ nó chẳng khác nào cái nhà máy xay gạo của ALPHONSE DAUDET ở truyện *Le secret de maître Cornille* (*Lettres de mon moulin*; quyển I).

Làm như thế là mong cho các học-trò thường thường lưu-tâm chú-ý về việc học Quốc-văn để hưởng-ứng theo cái «phong-trào Quốc-văn» ở Trung Bắc, chớ nào đâu là phải muốn lòe ai.

Hiện, tuy học-xá đã thôi giảng nơi gần mà vẫn còn giảng-tập ở nơi xa. Các chỗ cũng có người gửi thơ đến học như lối dạy các nhà học bằng thơ bên Âu-châu.

Trên kia nói ông Đông-hồ là nhà thi-sĩ tình-cảm du-dương, tâm-hồn lãng-mạn, xin ai đừng ngờ là ông đem thi-ca réo-rắt, tư-tưởng mơ-màng mà dạy học trò, hay đem thơ Đường thơ Tống mà nhồi vào óc con trẻ đâu. Ông R. TAGORE há chẳng phải là một nhà đại-

thi-hào mà tiếng « con hạc trên sông Hằng-hà », há cũng chẳng là véo von réo-rắt, nhưng ông chủ trương trường đại-học *Santiniketan*, ai dám bảo là trường kia vô giá-trị. Người chủ-trương Tri-đức học-xá chính cũng là cố ý muốn tổ-chức theo cái lối « giáo-dục gần với cảnh thiên-nhiên », mà nhà trường dựng ngay ở chốn núi rừng giữa chỗ lộ-thiên không-khoáng như bên Ấn-độ.

Huống-chi nhà thơ là nhà thơ, mà nhà giáo là nhà giáo, ở hai địa-vị khác nhau. Nhân tiện, giới-thiệu qua lối văn « mô-phạm » của ông Đông-hồ.

∴

BA BÀI VĂN GIÁO-KHOA CỦA ĐÔNG-HỒ

1. — Lời ton-hót và lời khuyên răn

Lời ton-hót ví như thứ rượu ngọt, uống vào thì thấy dịu ngon dễ chịu, nhưng khi uống rồi thì ngà-ngà mà say, lâu ngày mới thấy rất công-phạt tạng-phủ, đến làm cho trí-não yếu-đuối tối-tăm mà tự người uống rượu cũng không biết, cứ khen là rượu ngọt mãi...

Lời khuyên-răn ví như vị thuốc đắng, uống vào thì thấy cay gắt khó chịu, nhưng khi uống rồi thì dần-dần mà bổ, lâu ngày mới thấy rất bồi-dưỡng tâm-hồn, đến làm cho tinh-thần mạnh-mẽ sáng-sủa mà tự người uống thuốc cũng không biết, cứ giận là thuốc đắng mãi.

Khách trần, ai say vì rượu rồi ai hay chừa rượu; ai mạnh vì thuốc rồi mà ai hay thích thuốc?

2. — Lừa-lọc lòng người

Núi non là nham-hiểm mà lòng người lại còn nham-hiểm hơn nhiều. Núi non có nham-hiểm nhưng ở trước mắt cho thấy được mà tránh; chứ lòng người nham-hiểm thì ngầm-ngấm kín-đáo khiến cho không biết sao mà tránh được. Bởi vậy nên kẻ ra làm việc đời, dù việc lớn hay việc nhỏ cũng vậy, sao có nên vội tin người ta là thực bụng với mình. Ít ra cũng phải dò xét đến nơi, lừa-lọc đến chốn rồi mới có thể đem gan ruột ra gửi cho người ta; khi ấy mà có phải mắc lận nữa thì cũng đành vì đã hết sức giữ-gìn. Chứ bỗng dưng ngơ-ngẩn thiệt-thà mà tin bụng người như bụng mình để đến phải hư-lỡ công-việc, có khi thiệt-hại thân-danh, những kẻ ấy thì đáng nên cười là ngu!

3 — Lòng trung-thành

Làm việc gì mà hết lòng hết sức lo cho xong là trung. Đối với ai mà thực bụng thực tình, không giả-dối là thành.

Người có lòng trung, khi đã lãnh vào mình một cái phận-sự rồi thì việc người mà cũng như việc mình, dẫu khó-khăn ngăn-trở thế nào cũng cố cho tròn phận-sự. Chứ những kẻ làm việc cho mình thì lo-lắng chăm-nom mà đến việc của người thì thờ-ơ chểnh-mảng, thấy khó thì thôi, kẻ ấy sao gọi là trung được.

Người có lòng thành, khi đã đem gan ruột mà hứa với ai rồi thì có gặp phải cảnh-ngộ éo-le cay-nghiệt thế nào cũng không hề đổi-dời, dẫu đứng trước gươm-đao sóng-gió mà cũng chẳng sai lòng, nếu có thể lấy cái chết mà đền tình cho người tri-kỷ cũng lấy làm vui. Chứ những kẻ: chơi với ai, khi bình-an thì biết bao là tiếng khảng-khái, lời chân-thực, mà đến khi gặp cảnh gian-nan thì lại lật-lừa điên-đảo, kẻ ấy sao gọi là thành được.

Người mà bất-trung bất-thành thì làng nước không ai dám dùng, bè-bạn không ai dám chơi. Người mà đến không ai dám dùng, không ai dám chơi thì còn sống ở đời với ai được nữa.

(Ba bài lấy ở tập « Lời Trác-chi »)

Xem như ba bài ấy thì giọng thuần nôm mà văn gẫy-gọn rắn-rỏi, như lối văn Cổ-học của Tàu.

* * *

Người khuyến-miễn ông Đông-hồ kể cũng nhiều và kể cũng hầu khắp cả ba kỳ :

1 — Ông Nguyễn Kim-Đính chủ-nhiệm sáng-lập *Đông-Pháp thời-báo* và ông Trần Huy-Liệu chủ-bút báo ấy là hai người trước nhất đã sẵn lòng cho đăng các bài của ông Đông-hồ.

2 — Thứ là ông Phạm Quỳnh chủ-nhiệm *Nam-Phong tạp-chí*.

3 — Rồi đến ông Vân-Trình chủ-nhiệm *Kỷ-lân-báo*.

4 — Báo *Trung-Bắc tân-văn* ngày 24-4-1926 có đăng lại bài «Xã-hội giáo-dục», trước đã đăng ở *Đông-Pháp thời-báo*.

5 — Ông Dương Quảng-Hàm, giáo-sư Trung-học ở Hà-nội có trích-lục một đoạn trong bài : « Việc giáo-dục ở Phương-thành » (N.-P. 144) vào tập Nguyệt-báo của nha Học-chính (*Bulletin général de l'Instruction Publique*).

6 — Ông cử-nhân Trịnh Đình-Rư có phê-bình thơ ông Đông-hồ rằng : « Xét gần đây có tập văn mới xuất-bản, thật đã có nhiều bài lắm giọng bi-tráng đáng khen, sau này bình-giả sẽ trích-bàn dần đến. Nay hãy lấy một câu của một nhà văn trong Nam tặng một bậc chí-sĩ mà xem :

Hai mươi năm lẻ thân cô-khổ,
Nặng một lòng thương giống Lạc-Long!

thì lời thật là bi-ai, mà lại có ý-khí hùng-hồn vô-cùng. Gọi là thơ bi-tráng thật là đúng vậy. (*An-Nam tạp-chí* số 2, tháng 7, năm 1926)

7 — Nói về Trí-đức học-xá, ông Thiếu-Sơn đã có câu : « Ở Hà-tiên lâu nay có một cái đoàn-thể học-vấn, kêu là Trí-đức học xá, chỉ chuyên học Quốc-văn, người chủ-trương nó là ông Đông-hồ Lâm Tấn-Phác ; thường chỉ lấy *Nam-Phong* làm sách giáo-khoa và cũng dùng *Nam-Phong* làm cơ-quan để đăng những bài luận-văn của mình». (*Phụ-nữ tân-văn*, số 93, 30-7-1931)

8 — Ông Phạm Quỳnh lại nói : « Ở Hà-tiên có một trường tư-thục tên là Trí-đức học-xá, do mấy nhà giáo-dục nhiệt-thành về Quốc-văn khởi-xướng lên, mục đích là dùng Quốc-văn để dạy học-trò, muốn bày tỏ cho thiên-hạ biết rằng tiếng nước nhà có thể dạy được con em nước nhà, bất-tất phải mượn đến tiếng ngoại-quốc vậy.

« Trường này đã có kết-quả tốt : cứ xem những bài quốc-văn nhỏ của các nam-nữ học-sinh soạn mà bản-chí đã đăng độ trước, thì đủ biết.

« Các nhà chủ-trương trường Trí-đức đã lấy Quốc-văn làm khí-cụ, lại lấy Quốc-gia làm tinh-thần. Dùng quốc-văn để dạy cho con trẻ biết yêu-mến nước nhà, còn cách giáo-dục nào đích-đáng bằng ! » (N.-P. 150)

Các lời giới-thiệu, khen-lao ấy thật qui-báu thay. Đã đành ra làm việc đời phải là người kiên-tâm trì-chí lắm, nhưng có khuyến-miễn tưởng-lệ như thế, mới mong có kẻ khác « lo sửa mình» cho mỗi ngày mỗi gần cõi hoàn-toàn, may ra sẽ giúp dân giúp nước được một phần nào trong muôn phần chăng.

* * *

Ông Tùng-hoa bàn về nhân-vật truyện *Kiều* có nói : « Tiếng khen, tiếng chê không phải là tiếng thừa. »

Ông JULES FERRY đến khi già có nói : « Những lời phản-đối, công-kích ở các báo nó làm cho mòn-mỏi các nhà chính-trị ».

Hậu-thế mới biết việc làm của ông J. FERRY, đối với người Pháp, rất là có ích.

Kẻ công-kích nên có bằng-cứ và có ý-thức, lại người công-kích không dễ gì mà biết được hành-vi tâm-sự người

ta. Có kẻ ăn nửa quả đào rồi dâng cho vua miếng thừa, khi thương thì vua bảo là thảo ăn, khi ghét thì bảo là khinh mệnh.

Thương nhau nước đục cũng trong,
Ghét nhau nước chảy giữa dòng cũng dơ;

mà

Khen chanh, chanh ngọt, chê hồng, hồng chua.

Tự cổ đã mấy ai khỏi tiếng « đụng chạm » của kẻ đồng thời.

Nhưng mà không, các nhà thi-nhân, dù làm việc gì, ở địa-vị nào, cái tâm-hồn cũng vẫn lấy trong-sạch thanh-cao làm chủ-nghĩa. Hết-thảy đều như câu thơ của Cao Bá-Nhạ trần-tình:

Hồn nghĩa-lý chơi giong mây bạc,
Lệ văn-chương sái-lạc suối vàng.
Mai sau còn kẻ tình thương,
Vài thiên ai cảm, mấy chương phẩm-bình.

Than ôi! để đến khi « mây bạc suối vàng» rồi mà mới « ai cảm phẩm-bình », thì nghĩ thực nào đã có ích gì cho « hồn nghĩa-lý » !

— Cái địa-vị, cái hoàn-cảnh ông Đông-hồ hiện nay đã làm cho ông mệt-mỏi và làm cho ông bại-hứng rất nhiều.

. . .

Ông Đông-hồ quen với ai, là muốn cho mối tình giữ được lâu dài, không nồng nàn, mà cũng chẳng vội-vàng. Ông thường lấy câu: « *Quân-tử chi giao, đạm nhược thủy* » làm câu châm-ngôn trong đạo giao-hữu.

Cái kính trọng ngoài môi: « Bẩm ông, chào ông, cám ơn ông », ông ít khi dùng với các thân-hữu; không phải là làm ra cách khiêm-nhã vô-lễ, mà chỉ sợ dùng thường quá rồi mất chỗ thành-thực.

Có khi tôi đến chơi, ông không ngỏ lời chào hỏi, mà khi tôi ra về, tôi cũng không từ-giã chủ nhà; thế mà không phải dám lãng sự kính-trọng lẫn nhau.

. . .

Tôi biệt đất Phương-thành, về làng Tân-trụ, được ít lâu thì có ông Đông-hồ theo về chơi. Ông mang tặng tôi bài thơ song-thất lục-bát, viết trên bức lụa bạch, nét chữ bay múa dịu dàng:

Nghe tin bác Trọng-Toàn từ-biệt Phương-thành

Ngoài quán khách nghe tin ly-biệt,
Trong quan-hoài chi xiết bồi-hồi.
Trông về mây nước ngậm-ngùi,
Mây bay nước chảy là đời hợp-tan.
Kể từ thuở bút nghiên duyên bén,
Đem văn-chương mà hẹn với lòng.
Cảm chung một mối non sông,
Mắt xanh giữa đám bụi hồng thấy nhau.
Thấy nhau lại nhận nhau tri-kỷ,
Bạn phù-sinh vui lẽ trăm năm.
Cõi trần được mấy tri-âm,
Dễ đem gan ruột mà cầm cho ai?
Đem gan ruột tặng người tri-kỷ,
Tấm lòng riêng chung-thủy bạn lòng.
Cuộc đời gió cuốn bụi tung,
Vững vàng cột đá giữa dòng phong-ba.
Chuyện ly-hợp gần xa nỏ bận,
Chỗ tâm-giao xa vẫn như gần.
Biết nhau trong chốn tinh-thần,
Dầu xa non nước vẫn gần tấc gang.
Hận vì khách dặm trường giong-ruổi,
Những mê-man gió bụi giang hồ.
Giang-hồ phong vị say-sưa,
Thế mà trên tiệc tiễn đưa vắng mình.
Hôm tạm-biệt đinh-ninh mọi nỗi,
Cầm tay nhau mà hỏi ngày đi.
Bên lòng cảm chuyện phân ly,
Lòng riêng riêng những sầu-bi bàn-hoàn.

Khi tôi đi bác còn dùng-dằng,
Tôi đi rồi bác cũng ra đi.
Tôi còn, bác chẳng ra đi,
Tôi đi, bác lại ra đi, não lòng !
Nay xa cách mấy trùng mây nước,
Khiến nên điều sóng ngược bèo xuôi.
Sóng bèo xuôi ngược cuộc đời,
Con đường cảnh-ngộ chia đôi bước đường !
Hồ Đông nọ thê-lương trăng gió,
Thành Trúc kia ủ-rũ cỏ hoa.
Mây thu phong bức tiên-hà,
Mưa thu chuốc chén quan-hà lệ sa !
Cuộc ly-hợp gần xa nỗ bận,
Chỗ tâm-giao xa vẫn như gần ;
Biết nhau trong chốn tinh-thần,
Dầu xa non nước vẫn gần tấc gang.
(Viết trên đường Hương-điền Tân-trụ)

. . .

Bài tản-văn này tôi viết, xin kính đáp lại bài vận-văn của ông. Tôi chú-ý là muốn đáp lại các lời tâm-huyết của ông bạn, chứ không phải muốn làm theo thói đời « tâng bốc lẫn nhau » đâu.

Lại tôi phòng sự bất-ngờ mà vội viết bài này. Nghĩ rằng hoặc sẽ vì một cớ « nhỏ-nhen » nào mà sẽ không viết được chăng.

Ông Saad Zaglhoul pacha, ông Gandhi, dân nước bảo-hộ, đành rằng có khi mất tự do. Còn như ông Amundsen, ông Lebrix, dân nước tự-do, mà có khi bất-ngờ, phải mất cả sinh-mệnh, thì ai dám định trước được việc xảy đến.

Các cụ ở về đời Nguyễn Trịnh phân-tranh, các ông ở về đời Quốc-ước hội-nghị (*la Convention*) bên Pháp cũng « đêm ngày vẫn lo nơm-nớp », thì chỗ lo sợ đó nào phải chỉ riêng một thân tôi.

Không, tôi không hề muốn « tâng-bốc lẫn nhau » đâu.

Cái tình yêu-quí ông Đông-hồ, tấm lòng tin cậy ông Đông-hồ, tôi chỉ mong nó « đừng thấm chớ phai » mà « thoang-thoảng như bông hoa lài », từ trước, bây giờ, và cho đến bao giờ tôi cũng chỉ mong được như thế.

Tân-trụ, tháng trọng-xuân, nhâm-thân
(tháng 3, năm 1932)

Trọng-Toàn

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ-HỌC SỬ NƯỚC TÀU (1)

IV

Thuyết giáo-dục. — Khổng-tử là một nhà giáo dục về lý-tưởng có cái nhân-cách vĩ-đại, vẫn thường đem thân mình để làm mô-phạm, dẫn-dà khéo dạy bảo mà không biết mỏi, tự-nhiên làm cho học trò cảm-hóa, ai cũng lấy làm kính-dị. Đó là một cái khuôn mẫu về lý-tưởng của nhà giáo-dục thực-tế vậy. Những ý-kiến về giáo-dục mà ngài tùy-thời thuật ra, đã hàm có những tư-tưởng hữu-ích, nay tóm kể những điều đại-yếu như sau.

Mục-đích giáo-dục. — Khổng tử lấy điều *nhân* 仁 cho là một lý-tưởng về đường luân-lý, bậc *nhân-nhân* 仁人 là một nhân-cách lý-tưởng về phần cứu-cánh, mà hạng nhân-cách lý-tưởng về đường thực-tiễn thì là người *quân-tử* 君子. Mục-đích giáo-dục của Khổng-tử là cốt nuôi lấy cái nhân-cách lý-tưởng ấy cho hoàn-thành, cái cứu-cánh về giáo-dục là cốt dạy cho người làm điều nhân. Nhưng bậc nhân-nhân thì hạng người thường chửa dễ ai đã học đến được, vậy nên Khổng-tử mới lấy cái nhân-cách về lý-tưởng thứ hai là hạng người quân-tử để làm mục-đích cho việc giáo dục. Quân-tử là bậc nhân-cách phát-đạt mà điều-hòa cả trí, tình, ý, vậy nên mục-đích giáo-dục của Khổng-tử cho là một bậc nhân-cách hoàn-toàn đạo-đức cũng là phải.

Phương-pháp giáo-dục. — Khổng-tử thường nói rằng: « Kẻ học-giả không biết tức-bực ở trong tâm để cầu hiểu cho thông, thì chẳng lấy ý mà khai bảo cho được; chẳng biết ấp-úng ở cửa miệng để cầu nói cho hoạt, thì cũng chẳng dạy nói cho đạt được; bảo cho một góc mà không biết đem ba góc kia để phản-chứng lại, thì ta cũng chẳng lại bảo cho nữa ». (*Thuật-nhi*). Đó là phương-pháp giáo-dục của ngài chỉ cốt mong cho lý-tính tự mình khai-phát, chứ bài-xích cái cách dạy chỉ nhồi lấy tri-thức kỹ-năng vào cho nhiều. Nói tóm lại cái cách giáo-dục ấy không phải là chủ-nghĩa chú-nhập, mà là cái chủ-nghĩa khai-phát, đối với học-trò vẫn chú-ý về cái cá-tính của từng người, tùy từng người hỏi mà đáp lại một cách khôn-khéo, để mong cho học-trò tự siển-phát cái tài-năng cố-hữu của mình. Xem thế thì biết Khổng-tử rất tôn-trọng á-tính của từng người, mà tiệu thì cái giáo-dục vừa phải cho cá-tính, vậy nên tuy cũng là một câu hỏi, mà vì cá-tính của mỗi người khác nhau, nên đáp lại mỗi người cũng một khác. Thiên *Tiên tiến* chép rằng: « Thầy Tử-Lô hỏi đức Khổng-tử rằng: « Nghe được điều phải thì cứ làm ngay đi chăng? » Khổng-tử nói rằng: « Trên còn phải bẩm mệnh với cha anh, sao lại nghe mà cứ tự-chuyên làm đi được? » Thầy Nhiễm Hữu hỏi rằng « Nghe được điều phải thì cứ làm đi chăng? » Khổng-tử nói rằng: « Nghe được điều phải thì cứ làm đi. » Công-Tây-Bà hỏi rằng: « Do kia hỏi nghe được điều phải thì cứ làm đi chăng? Thầy bảo rằng: Trên còn phải bẩm mệnh với cha anh, chứ không nên tự-

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phố-đẳng-tác làm ra; Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra chữ Hán. Xem N.-P. từ số 168.

chuyên mà làm. Cầu kia hỏi nghe được điều phải thì cứ làm đi chăng? Thầy lại bảo rằng : Nghe được điều phải thì cứ làm đi. Xích tôi lấy làm ngờ lắm, dám xin hỏi. » Đức Khổng nói rằng : « Cầu là người thoái-súc, cho nên tiến lên ; Do là người hăng-hái hơn người, cho nên thoát bớt đi. » Đó là một câu hỏi, mà đáp thầy Tử Lộ với đáp thầy Nhiễm-Hữu đều trái khác nhau. Vì thầy Tử Lộ dũng-khí hơn người, việc gì cũng hăng-hái làm ngay, thầy Nhiễm-Hữu thì gặp việc hay trù trừ, nên ngài mới đều bảo lấy cái phương-châm cho thích-nghi về cái tính của mọi người, bảo thầy Tử-Lộ là cách tiêu-cực, bảo thầy Nhiễm-Hữu là cách tích-cực.

Giáo-khoa. — Đức Khổng-tử chỉ chuyên lấy cái đạo của đấng tiên-vương đấng thánh-nhân để dạy cho học-trò ; mà ghi chép cái đạo của đấng tiên-vương thánh-nhân là sách lục-kinh. Lục-kinh với lục-nghệ tức là giáo-khoa trong cửa Khổng. Lục-kinh là : *Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân-thu* ; Lục-nghệ là : *Lễ, Nhạc, Xạ* (nghề bắn), *Ngự* (nghề ngự xe), *Thư* (nghề viết chữ), *Số* (nghề tính). Tựu-trung trong cửa Khổng hay dùng làm giáo-khoa nhất là kinh *Thi*, kinh *Thư*. Khổng-tử đối với kinh *Thi* thuần là giải-thích về đạo-đức cả, như câu rằng : « *Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phiên nhi ; khởi bất nhĩ tư, thất thị viễn nhi* 唐棣之華。偏其反而。豈不爾思。室是遠而。 » nghĩa là : *Cây Đường phấp-phới bóng hoa, nhớ ai ngại nỗi nhà xa thêm buồn* ! Lời thơ ấy vốn là giọng thơ ái-tình, hoa đường ý là trỏ người giai-nhân, thế mà Khổng-tử lại giải-thích cho là đạo nhân, bảo rằng : « Đạo nhân có xa đâu, ta đã chú-ý về đạo nhân thì đạo nhân theo đến ngay ». Thầy Tử Hạ dẫn lời thơ đặt-thi rằng : « Khéo cười mỉn vậy, mắt đẹp lóng-lánh vậy, phải có nền trắng trước rồi mới vẽ văn-vẻ vào sau. » Khổng-tử suy ý-vị thơ ấy mà đáp rằng : « Việc vẽ ở sau khi đã có nền trắng rồi ». Thầy Tử-Hạ lại hỏi rằng : « Thế thì người ta trước phải có lòng trung-tín, lễ-văn còn là sau ư ? » Đức Khổng lấy làm cảm-động mà khen rằng : « Khởi-phát được ý ta là thầy Thương vậy, khá cùng bàn nghĩa kinh *Thi* vậy ».

Lời phê-bình. — Học-thuyết của Khổng-tử cũng có nhiều phương-diện, muốn phê-bình tổng-quát hết cả rất là khó. Tuy vậy, cái chỗ sở-trường nhất về đạo học của ngài tức là ở về cái tư-tưởng cốt thực-tiễn lấy đạo-đức ; cái chỗ sở-đoản là thiếu mất cái tư-tưởng về triết-học, về luân-lý, về khoa-học, chỉ chuyên theo về cái chủ-nghĩa cổ, mà không xét đến lý-tưởng vị-lai.

Phê-bình về thuyết triết-học. — Thuyết triết-học của Khổng-tử tức là xét về thế-giới-quan và nhân-tính-luận. Thế-giới-quan sở-trường nhất là chỗ giải-thích cái nguyên-lý căn-bản của vũ-trụ cho làm nó vốn hoạt-động ; hai là hay do cái chủ-nghĩa kinh-nghiệm chắc-chắn, bài-xích sự mê-tín, chỉ theo lẽ phải mà thuyết-minh cái hiện-tượng trong vũ-trụ ; ba là hay do đạo trời mà diễn-dịch ra đạo người, khởi-xướng luận về cái lẽ thiên-nhân hợp-nhất. Sở-đoản là tại nhiều chỗ giải-thích không được phân-minh. Về nhân-tính-luận thì nói tính phân ra có loài giống, thực là khởi-nguyên luận về tính-lý ở phương Đông, thực là có giá-trị phải nên xem xét ; nhưng cũng nhiều chỗ nói không rõ, mà lời bàn lại có chỗ mâu-thuẫn nhau. (Về nhân-tính-luận có chỗ trái khác nhau, kỳ trước đã thuật rõ rồi, nay xin lược bớt).

Phê-bình về thuyết tôn-giáo. — Thuyết tôn-giáo của Khổng-tử, chỉ cốt lấy điều tín-ngưỡng trời và việc tế-tự làm chủ-yếu. Tưởng-tượng trời cũng hình như có nhân-cách, có luân-lý, làm

chủ-tể cả vũ-trụ, mà ông trời cũng đủ có ý-chí cường-đại, thông-minh trí-thức, nên mới xướng lên cái thuyết người ta phải kính sợ mệnh trời, lại rất bài-xích những việc tế-tự bởi lòng mê-tín, mà chỉ trọng những việc tế-tự về nghĩa luân-lý; đó là những điều sở-trường trong thuyết tôn-giáo. Nhưng cái chỗ quan-niệm về trời, lại nhiều chỗ nói không được rõ-ràng, cũng phải nhận cho là chỗ sở-đoản về thuyết tôn-giáo của Khổng-tử vậy.

Phê-bình về thuyết luân-lý. — Thuyết luân-lý của Khổng-tử sở-trường nhất là cái tư-tưởng căn-bản chỉ căn-cứ về cái chủ-nghĩa lý-tưởng và chủ-nghĩa đạo-đức. Khổng-tử lấy đạo-đức cho làm cái mục-đích cứu-cánh, vì thế mới trái hẳn với cái chủ-nghĩa công-lợi, vì rằng chủ-nghĩa công-lợi thì cho những sự công-lợi khoái-lạc là cái đường phương-tiện của đạo-đức. Nhưng không biết trong cái quan-niệm về đạo nhân đã hàm có cái ý-nghĩa vui-sướng ở đó, chứ không phải chỉ chủ về nghiêm-kính quá. Hai là thuyết luân-lý của Khổng-tử chỉ cốt giữ lấy nhân-cách, ngài đã tiên-yết lên bảo rằng trước phải sửa mình rồi mới trị được người, cho rằng cái gốc của thiên-hạ quốc-gia là bản tự ở trong nhà, mà cái gốc trong một nhà là bản tự thân mình, cái cơ-sở về đạo-đức cốt nhất là phải sửa mình làm cho hoàn-toàn được cái nhân-cách của cá-nhân. Ba là tư-tưởng cốt trọng về việc thực-tiễn; những hạng người lý-tưởng của Khổng-tử là những đấng nhân-nhân quân-tử, mà ngài thuyết ra những đức nhân, nghĩa, hiếu, đễ, đều là những đạo-đức người ta sinh-tồn ở trong xã-hội phải nên thực-tiễn, chứ không thể thiếu được, như thế thì không phải lạt-lẽo khô-khan như cái lối triết-học về đạo-giáo mà cũng không phải như những lời lý-luận về tính-lý hình-nhi-thượng của Tống-nho. Bốn là ngài lại xướng rõ cái đại-nghĩa về danh-phận, để thúc-giục cái tư-tưởng tôn-vương. Nguyên dân-tộc Tàu từ khi mới dựng nước đã có cái tư-tưởng đời đời cách-mệnh in sâu vào trong óc người Tàu, ngài xét biết cái tệ ấy đã lâu, nên mới nói rõ cái đại-nghĩa về danh-phận để sửa-đổi lại cái tư-tưởng từ cổ truyền lại, thực là một điều trác-kiến nên kính-phục vậy. (Cứ như thuyết này chẳng biết có hợp về lý-luận không, nhưng gần đây những chủ-nghĩa dân-trị, chủ-nghĩa xã-hội đã phát-minh ra thịnh lắm, mà tác giả còn nói như thế, xem thế thì biết người Nhật trọng về nghĩa tôn-vương mà vẫn khoe rằng một giòng thiên-hoàng vạn-thế nhất hệ).

Thuyết luân-lý của Khổng-tử sở-đoản nhất là luận về nội-dung đạo nhân và quan-niệm về đạo trung-dung, lời bàn vẫn không được rõ-ràng, và không có cơ-sở triết-học sâu-xa. Hai là luận về bản-vụ, luận về đức, đều không được hoàn-toàn, như là Khổng-tử nói về bản-vụ đáp lời vua Cảnh-công nước Tề rằng: « Vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, cha phải đạo cha, con phải đạo con. » Như thế thì mới nói đến cái đạo vua tôi cha con quan-hệ với nhau, chứ còn đến cái hình-thức về bản-vụ như thế nào vẫn chưa nói được hoàn-toàn. Khổng tử lại thường nói về đức nhân cho là một điều đức tổng-hợp cả; nói về cái đức hiếu-đễ cho là đạo-đức phải nên thực-tiễn. Trong cái đức nhân tuy rằng đã hàm cả nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, năm đức thường, nhưng mới kể có đức nhân thì luận về đức cũng chưa được hoàn-toàn vậy. Ba là quan-niệm về nhân-cách cũng chưa được rõ-ràng. Thuyết luân-lý của Khổng-tử tuy rằng chủ về nhân-cách cốt trọng làm cho hoàn-toàn được tư-cách cá nhân, nhưng cái quan-niệm về tư-cách cá-nhân thế nào cũng chưa được rõ lắm. Bốn là Khổng-tử

chỉ nói về cái đạo-đức tự mình phải làm, thì ra chỉ nói về nghĩa-vụ chứ tuyệt không kể gì quyền-lợi, thành ra kết quả về cái quan-niệm nhân-cách nó không được rõ. Năm là tư-tưởng đạo-đức có điều thiên quá, chỉ trọng về đạo-đức cá-nhân mà về mặt nhân-đạo, quốc-gia, xã-hội thì lạ coi khinh quá, thế thì cái quan-niệm về công-đức lại kém hơn tư-đức. Còn như cái tư-tưởng vệ-sinh thì không khi nào nói đến. Sáu là chỉ thiên-trọng về đạo cổ, chỉ xét tìm cái lý-tưởng về quá-khứ, mà vị-lai thì không nghĩ tới, bởi thế mới lưu về chủ-nghĩa thoái-hóa, mà thành ra tiêu-cực, phương-hại về đường văn-hóa phát-đạt cũng không phải là ít vậy. Bảy là quá câu-nệ về hình-thức, xem như cứ trọng cái lễ tang ba năm thì khá biết vậy.

Phê-bình về thuyết chính-trị. — Thuyết chính-trị của Khổng-tử sở-trường nhất là cốt làm cho cái lý-tưởng quốc-gia đạo-đức nó thực-hiện ra. Khổng-tử lấy cái đạo trị-quốc bình thiên-hạ cho là cái lý-tưởng về chính-trị, mà giải-thích cái nghĩa trị-quốc bình thiên-hạ thì không trọng công-lợi, chỉ cốt khiến cho đạo-đức nhân-dân phát-đạt thì mới đạt được cái mục-đích về chính-trị. Hai là trọng về chủ-nghĩa đức-trị mà bài-bác cái chủ-nghĩa pháp-trị, chủ-nghĩa đức-trị thì cốt trọng về nhân-cách làm sao cho trọn vẹn được trách-nhiệm về nghĩa-vụ, thực là một điều trác-kiến vậy. Ba là ngài lại nói rõ cái đại-nghĩa danh-phận, mà bài-bác cái tư-tưởng cách-mệnh. Thuyết chính-trị của Khổng-tử sở-đoản nhất là coi khinh cái đường kinh-tế; hai là coi khinh cái yếu-tố pháp-trị. Phàm muốn cho nhân-dân sinh-hoạt yên ổn, thì phải làm cho dân giàu, thế thì quốc-gia phải làm thế nào cho đường kinh-tế phát-đạt. Nay Khổng-tử luận về trị quốc bình thiên-hạ mà chỉ thiên về mặt đạo-đức, tuy rằng vẫn muốn lập nên một nền quốc-gia đạo-đức cho thực-hiện ra, nhưng coi khinh công-lợi thì cái chủ-nghĩa đạo-đức ấy cũng thành ra hư-không vậy. Cái thủ-đoạn làm chính-trị chỉ cốt về đức-trị thì cũng phải, nhưng không dùng pháp-trị, mà muốn làm cho đạt được cái mục-đích trị-bình, thì rất là khó. Nói tóm lại thuyết chính-trị của Khổng-tử mới là lý-tưởng, vậy nên có phần coi khinh cái đường thực-hiện.

Phê-bình về giáo-dục. — Thuyết giáo-dục của Khổng-tử chỉ cốt dạy cho người hoàn-toàn được cái nhân-cách đạo-đức làm mục-đích, mà lấy cái chủ-nghĩa khai-phát làm phương-pháp, vả lại tôn-trọng cá-tính, cứ như cái thuyết giáo-dục bây giờ mà xem ra, thì cũng nhiều điều sở-trường đáng khen. Nhưng chỉ trọng hun-đúc lấy đạo-đức, mà không nghĩ gì đến đường kinh-tế và những điều tri-thức khác, như là thể-dục cũng không dạy đến, thế thì cũng còn nhiều điều khuyết-điểm vậy.

TIẾT THỨ II

Học-trò của Khổng và những việc trước-tác. — Học-trò Khổng-tử hơn ba nghìn người, có hơn bảy mươi thầy học thông lục-nghệ, tựu-trung có những người kiệt-xuất hơn cả là bậc tứ-khoa và thập-triết. Tứ-khoa như là khoa đức-hạnh thì có thầy Nhan Uyên, Mẫn Tử-Khiên, Nhiễm Bá-Ngưu, Trọng Cung; khoa chính-sự thì có thầy Nhiễm Hữu, Quý-Lộ; khoa ngôn-ngữ thì có thầy Tể-Ngã, Tử-Cống; khoa văn-học thì có thầy Tử Du, Tử-Hạ. Lại còn những thầy Tử Trương, Tăng Xâm, Hữu Nhược, Công Tây-Ba, đều là những bậc nhân-vật tuấn-tú. Sách *Khổng-tùng-tử* lại cho Nhan Uyên, Tử Cống, Tử Lộ, Tử Trương là bậc tứ-hữu. Sách *Thi-tử* lại cho Nhan Uyên, Nhiễm Bá-Ngưu Tử Lộ, Tể Ngã, Tử Cống, Công Tây-Ba là bậc lục-thi.

Nhan Uyên người nước Lỗ tên là Nhan Hồi 顏回, kém Khổng-tử ba mươi tuổi, là một bậc quân-tử đệ-nhất trong bọn học-trò Khổng-tử, đời sau khen là bậc Á-thánh, đức Khổng-tử vẫn thường khen ngợi, chẳng may đoản-mệnh ba-mươi tuổi đã chết. Mẫn Tử-Khiên 閔子騫 cũng là người nước Lỗ tên là Mẫn Tổn, kém Khổng-tử mười-lăm tuổi, có hiếu-hạnh, Khổng-tử vẫn thường khen, không thèm ăn lộc của đời vua ô-trọc, thường nói rằng vua có đòi ta ra làm quan, thì ta trốn ra ở trên sông Văn ; đó cũng là một người liêm-sĩ vậy. Nhiễm Bá-Ngưu cũng là người nước Lỗ, tên là Nhiễm Canh 冉耕, mắc phải ác-tật, ngài thường than tiếc rằng : « Người ấy mà mắc phải tật ấy dư ! » Trọng Cung tên là Nhiễm Ung 冉雍 cũng là người nước Lỗ, kém Khổng-tử hai-mươi-chín tuổi. Ngài thường khen rằng : « Thày Ung kia, khá khiến ngảnh mặt bên nam mà trị nước được. » Nhiễm Hữu tức là Nhiễm Cầu 冉求 cũng là người nước Lỗ, làm quan Tề họ Quý, từng đi đánh nước Tề lập được công to. Tử-Lộ tức là Trọng Do 仲由, là người nước Tề, cũng có tên là Quí-Lộ, kém Khổng-tử chín tuổi, có tiếng là người hiếu-dũng, chết về nạn nước Vệ. Tề-Ngã tức là Tề-Dư 宰予 người nước Lỗ, thường bị ngài trách khi ngủ ngày. Tử-Cống tên là Đoan-Mộc Tứ 端木賜 người nước Vệ, kém Khổng-tử ba-mươi-mốt tuổi, để tang Khổng-tử sáu năm. Tử-Du tên là Ngôn-Yển 言偃 người nước Ngô, kém Khổng-tử bốn-mươi-lăm tuổi, làm quan tề đất Võ-thanh. Tử Hạ tên là Bốc-Thương 卜商 người nước Vệ, hơn Tử Du một tuổi ; khi Khổng-tử mất rồi, lưu ở đất Tây-ha dạy học trò. Tử-Trương tên là Chuyên Tôn-Sư 顓孫師 người nước Trần, kém Khổng-tử bốn-mươi-tám tuổi. Hữu-Nhược tên là Tử-Hữu 子有 người nước Lỗ, dung-mạo hệt giống như Khổng-tử. Tăng Xâm tên là Tử-Dư 子輿, sẽ thuật riêng lịch-sử ở sau.

Học trò cửa Khổng cũng nhiều bậc nhân-tài, nhưng đều tổ-thuật học-thuyết của thầy, không có điều gì sáng-kiến cả. Còn như Nhan Uyên tuy là bậc nhân-vật kiệt-xuất, nhưng học-thuyết không thấy truyền lại. Trong bọn học trò Khổng-tử làm ra sách trứ-danh nhất là hai quyển : *Hiếu-kinh* và *Đại học* mà thôi.

Hiếu-kinh

Người làm ra sách Hiếu-kinh. — *Hiếu-kinh* là tự ai làm ra, xưa nay vẫn có nhiều thuyết khác nhau. Hoặc bảo là tự Khổng-tử làm ra, hoặc bảo là tự Tăng-tử hay là học trò Tăng-tử làm ra. Có người bảo rằng sách ấy là ghi-chép những lời khi Khổng-tử nhàn-cư dạy bảo cho Tăng-tử, ai cũng thừa nhận thuyết ấy là phải. *Hiếu-kinh* phân ra có cổ-văn và kim-văn. Bản *Hiếu-kinh* kim-văn, gặp buổi đời Tần đốt sách, có ông Nhan Chi 顏芝 ở đất Hà-gian cất giấu được bản sách ấy đi ; đến đầu đời Hán con ông Chi là Viên-Chi mới đem truyền ra đời. Bản *Hiếu-kinh* cổ-văn thì từ đời Cảnh-đế nhà Hán vua Cung-vương nước Lỗ tìm thấy được giấu ở trong tường nhà cũ của Khổng-tử. Hai bản sách ấy phân ra từng chương với số chữ cũng như nhau, tuy có một đôi chỗ khác, nhưng đại-thể ý-nghĩa cũng giống nhau cả. Tác-giả tuy chưa biết đích là ai, nhưng chắc là sách tự trong cửa Khổng làm ra, thuộc về mối tư-tưởng của Khổng-tử truyền lại, thì đích-xác không còn sai nữa.

Cái tư-tưởng trong sách Hiếu-kinh. — *Hiếu-kinh* giải thích về đức hiếu có nhiều nghĩa : Nghĩa thứ nhất cho nết hiếu là cái tính cố-hữu của người ta, lấy cái đạo cha con cho làm thiên-tính. Nghĩa thứ hai cho nết hiếu là gốc cả trăm nết, đứng đầu cả mọi đức. Thứ ba thì nói thêm về cái ý-nghĩa rộng lớn về phần hình-nhi-thượng, bảo rằng : « Hiếu là trời kinh, đất nghĩa, mà là

cái hạnh của dân, vốn là đạo kinh-thường của trời đất mà người phải bắt chước. » Đạo hiếu thì một là phục-tùng, hai là ái-kính, ba là phụng-dưỡng, bốn là can-ngăn. So với trong sách *Luận-ngữ* nói về đạo hiếu, chỗ thì nói về nuôi chí cha mẹ, chỗ thì bảo nên phụng-dưỡng cha mẹ, can ngăn thì bảo phải giữ lòng kính-cẩn mà sẽ can, tựu-trung tuy có ít nhiều chỗ khác nhau, nhưng về phần tinh-thần thì đại-thể cũng như nhau cả. Trong *Hiếu-kinh* lại cho những sự làm thương-hại đến di-hài cha mẹ là bất-hiếu, mà trọng nhất là sự cúng-tế tiên tổ.

Tư-tưởng về đạo hiếu của Tăng-tử. — Tồ-thuật cái đạo hiếu của Khổng-tử mà hay sáng tỏ cái ý-nghĩa thì có thầy Tăng Xâm 曾 參. Tăng Xâm người đất Nam võ-thành, tên tự là Tử Dư, kém Khổng-tử bốn mươi sáu tuổi. Khổng-tử bảo thầy ấy tính chất lỗ-độn mà thầy ấy cố gắng sức theo học, kết-quả lại hay truyền được tư-tưởng của Khổng-tử rất là đắc lực. Thầy Tăng là người thiên-tính hậu, hiếu tâm sâu, xem những ngôn-hành của thầy ấy thấy chép ở trong các sách : *Luận-ngữ*, *Mạnh-tử*, *Lễ-ký*, *Trang-tử*, *Tuân-tử*, *Hàn Phi-tử* thì khá biết. Lúc thầy ấy gần mất, lại tự xét xem thân mình là di-thể của cha mẹ mà không đến thương-hại gì, mới tự lấy làm mừng, câu chuyện ấy thực là giai-thoại. Vì thầy ấy thiên-tính chí-hiếu, nên mới thiệu-thuật được sử-thuyết bàn luận về đạo hiếu, mà những lời thầy ấy bàn về hiếu thì thấy chép ở bốn thiên : *Tăng-tử bản-hiếu*, *Tăng-tử lập hiếu*, *Tăng-tử đại-hiếu*, *Tăng-tử sự phụ mẫu*, ở trong mười thiên *Tăng-tử* sách *Đại-Đới-ký*. Thầy Tăng vốn là người trọng đức hiếu, cho đức hiếu là đầu cả trăm nết, và lại phụ diễn thêm cái ý-nghĩa về phần hình-nhi-thượng, có nói rằng : «Hiếu là đạo thường-kinh lớn nhất trong thiên-hạ, đem đạo hiếu mà suy ra thì đầy cả trời đất, diễn ra thì khắp cả bốn bể » (Đại-Đới Lễ-ký), Tăng-tử tiêu-yết đạo hiếu ra có bốn điều : 1) Vâng theo, 2) Yêu kính, 3) Nuôi chí, 4) Sẽ can. Xem thế thì sách *Hiếu-kinh* cũng hợp như in lời *Hiếu-luận*, bởi thế mới có cái thuyết bảo rằng *Hiếu-kinh* là tự Tăng-tử làm ra,

Đại-học

Tên sách và người tác-giả. — *Đại-học* là một thiên trong sách *Lễ ký*, đến sau mới đóng riêng ra thành một sách. Ông Hàn Dũ 韓 愈 đời Đường lấy làm tôn-trọng lắm, đã từng thuật ra ở thiên *Nguyên-đạo*. Tư-Mã Quang 司 馬 光 đời Tống có làm ra một quyển *Đại-học quảng-nghĩa*. Hai ông Trình-tử 程 子 thấy nguyên-văn nhiều chỗ lầm-lẫn, có đính-chính sửa đổi lại. Đến ông Chu-tử 朱 子 thừa sau hai ông Trình lại làm ra bài bổ truyện, gọi là sách *Đại-học chương-cú*, hợp với sách *Luận-ngữ*, *Trung-dung*, *Mạnh tử* gọi là *tứ-thư* 四 書, hoặc gọi là *tứ-tử* 四 子, thực là một kinh-điển cần để nghiên-cứu về đạo thánh-nhân. Thầy Chu-tử nói rằng : Sách *Đại-học* là thuật những lẽ cốt-yếu về thánh học, là cái cửa nhập đức cho kẻ sơ-học, vậy nên muốn tu thánh-học thì phải trước học sách *Đại-học*, cho biết cái tinh-thần ; thứ hai học đến sách *Luận-ngữ*, để cho hiểu được lời nói nghĩa-lý của Khổng-tử ; lại đọc đến sách *Mạnh-tử*, để khuếch-sung tư-tưởng cho rộng ra ; rồi đọc đến sách *Trung-dung*, để cho biết cái thú-vị về học-vấn. Kẻ học-giả sau này đều tôn theo cái thuyết của Chu-tử cả.

Giải nghĩa về tên sách *Đại-học* có nhiều thuyết khác nhau : Trịnh Huyền 鄭 玄 đời Hán nói rằng : « Gọi tên là *Đại-học* nghĩa là ghi chép những đạo học rộng lớn có thể thi ra làm chính-trị được. » Tư-Mã Quang đời Tống nói

rằng : « Tách ra từng chương, ngắt ra từng câu, giải-thích nghĩa ngờ, thúc-kết cho gọn, là việc học còn nhỏ; còn như học để chính-tâm, sửa mình, tề nhà, trị nước, rồi tỏ rõ chính-đức ra trong thiên-hạ, như thế mới là học rộng lớn.» Đó đều giải-thích *Đại-học* là cái nghĩa rộng lớn cả. Thầy Chu-tử thì giải thích trái hẳn nghĩa trên ; đầu sách *Đại-học chương-cú* có nói rằng : « Sách *Đại-học* là ghi chép những cái phép-tắc của nhà đại-học khi xưa dạy bảo người. » Người ta đều nhận cái thuyết của Chu-tử là xác-đáng.

Tác-giả sách *Đại-học* chưa biết rõ là người nào. Hán Giả-Qui 賈逵 bảo rằng khi Khổng Cấp 孔伋 cùng quẫn ở nước Tống, sợ rằng sách học của tiên-thánh không rõ ra, thì đạo đế-vương bỏ đổi-phế mất cả, mới làm ra sách *Đại-học* để làm kinh, sách *Trung-dung* để làm vĩ ; thế thì *Đại-học Trung-dung* đều là Tử-Tư làm ra cả. Mao Kỳ-Linh 毛奇齡 đời Thanh có xét chứng kỹ-càng, cho cái thuyết trên kia là sai lầm. Chu-tử có phân sách *Đại-học* ra làm một phần kinh, một phần truyện, kinh-văn là tự thầy Tăng-tử, thuật lại cái ý của Khổng-tử mà làm ra ; truyện-văn là ý của thầy Tăng-tử, mà học trò thầy ấy làm ra. Song cái thuyết bảo rằng Tăng-tử làm ra sách *Đại-học*, thì nhiều nhà học-giả vẫn không nhận. Người Nhật là Y-đằng-Nhân-trai trong sách *Đại-học định-bản* có nói rằng : « Xét sách *Đại-học* là do các nhà Nho nước Tề nước Lỗ, học kinh *Thi* kinh *Thư* mà chửa biết thấu được tôn-chỉ của Khổng-giáo, mới làm ra sách này, vậy nên học-thuyết cũng có điều trái với Khổng, Mạnh. Song những chỗ nói về lẽ tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ, thì cũng có nhiều thú-vị hay, đó là sở-đắc tự kinh *Thi* kinh *Thư* vậy. » Nay xét ra sách *Đại-học* thực là thuật được tinh-thần nho-giáo, thế mà Nhân-trai lại bảo là sai mất tôn-chỉ Khổng-giáo, thì thực là lời bàn sai. Song Nhân-trai bảo sách *Đại-học* là tự các nhà Nho nước Tề nước Lỗ đời Chiến-quốc làm ra, nói như thế cũng có lẽ. Xem như trong sách có dẫn lời thầy Tăng-tử là bởi tự người sau bảy-mươi gã học-trò trong cửa Khổng làm ra cả.

Chú-thích sách Đại-học. — Xưa nay chú-thích sách *Đại-học* rất nhiều, như là: *Đại-học chương-cú* và *Đại-học hoặc-vấn* của Chu-tử ; *Đại-học sở nghĩa* của Kim Lý-Tường ; *Đại-học cổ-bản bàng-chú* của Vương Dương-Minh; *Đại-học dực-chân* của Hồ Vị đời Thanh ; *Đại-học diễn-nghĩa* của Chân Đức-Tú đời Tống; *Đại-học diễn-nghĩa-bổ* của Khâu Tuấn đời Minh; người Nhật thì có bản *Đại-học định-bản* của Y-đằng Nhân-trai, *Đại-học-giải* của Vật-tổ lai; *Cổ-bản Đại-học* của Đại-điêm-bát lang; *Đại-học nguyên-giải* của Thái-điền cầm-thành, đều là những sách chú-giải có danh tiếng cả. Song từ đời Nguyên Minh trở lại đây duy có sách *Đại-học chương-cú* của Chu-tử là quảng-hành hơn cả. Sách *Đại-học chương cú* vốn theo cái thuyết của Trình Y-xuyên, Chu-tử mới lấy ý mình phân ra chương cú. Trong sách chia ra một chương kinh, mười chương truyện ; chương thứ năm trong truyện giải về nghĩa cách-vật trí-tri, Chu-tử thấy còn thiếu có làm bổ truyện thêm vào. Khi người ta đương học theo sách chương-cú của Chu-tử, thì Vương Dương-Minh chủ-trương theo sách *Cổ-bản Đại-học*, làm cho nhất thời phải kinh-động. Song sách *Cổ-bản Đại-học* giản-lược mà còn lẫn-lộn, kẻ học-giả vẫn phải theo sách chương-cú của Chu-tử. Tuy rằng phân ra chương-cú cũng có nhiều người dị-nghị, song đại-thể nó cũng khá nhận cho làm thích-đáng lắm rồi.

Cái tư-tưởng căn-bản của sách Đại-học. — Cứ lấy một câu : « tu-kỷ trị-

nhân » thì đã đủ rõ cái tư-tưởng căn-bản của sách *Đại-học*. Cái tư-tưởng ấy là một điều cốt-tử về giáo-dục tự đời Nghiêu Thuấn truyền lại, Khổng-tử mới rõ-ràng thiệu-thuật lấy. Dạy người lấy đạo-đức, sửa mình cho thành nhân-cách để làm căn-bản cho mọi đức, thì thuật rõ cả ở trong sách *Đại-học*. Như trong kinh-văn có câu rằng: « Từ vua thiên-tử cho đến kẻ thứ-nhân, đều phải lấy sửa mình làm gốc ; nếu gốc đã loạn thì không khi nào ngọn trị được ; điều nên hậu đã xử bạc, mà điều nên bạc lại hay xử hậu, chưa có thế bao giờ. » Đó đều là dạy cho người ta phải sửa mình. Nếu bảo sách *Đại-học* là không phải di-thư của của Khổng, thì không phải là lời chính-đáng. Cái tư-tưởng căn-bản để sửa mình trị người, tổ-chức ra tức là ba điều cương-lĩnh và tám điều-mục.

Ba cương-lĩnh. — Mở đầu sách *Đại-học* nói rằng : « Đạo học của người lớn cốt ở về sáng cái đức sáng, thân yêu dân, ở về điều chí-thiện ». Xem thế thì 1° sáng đức sáng, 2° thân yêu dân, 3° ở về chí-thiện, đó tức là ba điều cương-lĩnh trong sách *Đại-học*. Đạo Đại-học cứ theo nghĩa thầy Chu giải-thích thì tức là cái cốt-yếu giáo-dục của người lớn vậy.

Sáng đức sáng. — Sáng đức sáng tức là sáng cái đức sáng của mình, để cảm-hóa thiên-hạ. Mình đã sáng được đức thì người trong thiên-hạ đều cảm-hóa theo, mà hiện-tượng nên được bốn bể thái-bình. Vậy nên sáng đức sáng của mình là có quan-hệ đến thiên-hạ, đã hàm có cái tư-tưởng sửa mình để trị người. Giải-thích về nghĩa minh-đức thì cổ-chú với Chu-chú khác nhau. Cổ chú thì cho rằng tu đạo mà được cái đức sáng ; Chu chú thì cho rằng đức sáng là vốn cái bản-tính tự tiên-thiên. Cứ theo nghĩa thầy Chu thì đức sáng của người là tự trời phú-bẩm cho, nó vốn hư-linh không mờ tối, đủ cả mọi lẽ mà ứng được muôn việc, vốn là thiên-tính tự - nhiên. Song, vì khí bẩm người ta nó bị phải nhân - dục che đi thành ra tối mờ, bởi vậy phải sửa bỏ nhân-dục, để cho thiên-lý lại tỏ sáng ra, sáng đức sáng là nghĩa thế. Tức như thầy Chu bảo rằng minh-đức là cái lương-tâm tự tiên-thiên phú-bẩm cho vậy.

Thân-dân. — Thân-dân là bởi cái thân mình đã tu rồi suy ra cảm-hóa đến cái thân phần nhiều người, tức cũng là cái tư-tưởng sửa mình để trị người. Sáng đức sáng là nói về phương-diện đạo-đức ; thân-dân là nói về phương-diện cảm-hóa đến chúng dân. Cổ-chú giải nghĩa chữ « thân 親 » là thân-yêu ; ý bảo rằng trị thiên-hạ cần phải thân yêu dân. Chu-chú giải nghĩa chữ « thân 親 » là « tân 新 », nghĩa là làm cho đạo-đức nhân-dân đều tiến lên nhất-tân cả. Cứ theo thuyết thầy Chu thì sau khi mình đã sáng được đức sáng rồi mới suy ra đến thiên hạ, biến đổi cái thói tệ cũ đi, làm cho lòng người nhất-tân mà theo về đạo-đức cả.

Chỉ chí-thiện. — Chí-thiện là điều thiện rất mực, tức là vua phải nhân, tôi phải kính, con phải hiếu, cha phải từ, bạn phải tín. Ở về điều thiện nghĩa là làm những điều nên làm chứ không dám sai khác. Tức là những điều nghĩa-vụ về trên đường đạo-đức, mình cứ phải theo thế mà làm chứ không dám di-dịch. Kinh *Thi* có nói rằng : « Đất kinh-kỳ nghìn dặm là chốn nhân-dân đều ở về đó. » Kinh *Thi* lại rằng : « Rích-rít đàn chim nó chỉ đậu ở chốn bụi rậm trên gò. » Đức Khổng-tử nói rằng : « Đàn chim lúc nó đậu thì nó biết tìm chỗ nó nên đậu, đàn chim còn biết chốn đậu, nữa là người lại chẳng bằng chim ư ? » Đó là nói người ta mà không biết ở về điều chí-thiện thì không bằng đàn chim vậy. Cổ-chú giải nghĩa « Chỉ

chí thiện » bảo rằng làm điều thiện mà không đến cực-chí, thì không thể trị dân được. Nếu tự mình mà không biết thao-thủ sửa mình, thì không thể hóa được dân. Cho nên bảo rằng phải : « Chỉ ư chí thiện. » Chu-chú thì cho rằng: «Chí-thiện là những sự-lý đương-nhiên rất phải, là cái chốn mình phải ở về đấy mà không dám dời. » Cứ theo thuyết thầy Chu thì chí-thiện là cái lẽ cực-chí của sự-lý đương-nhiên, sáng đức sáng, thân yêu dân, cũng phải ở theo về chốn chí-thiện ấy mà không dám dời. Tức là sung hết được thiên-tính mà tuyệt không có một chút nhân-dục nào vậy.

Tám điều-mục. — Sách *Đại-học* lại lần lượt thuyết-minh cái tư-tưởng căn-bản về đạo sửa mình trị người mà nói rằng : « Đời xưa muốn sáng đức sáng ra trong thiên-hạ, trước phải trị nước mình ; muốn trị nước mình trước phải tề nhà mình ; muốn tề nhà mình trước phải sửa thân mình ; muốn sửa thân mình, trước phải chính tâm mình ; muốn chính tâm mình trước phải thực ý mình ; muốn thực ý mình trước phải suy cùng cho đến biết, muốn suy cho biết thì phải cách-vật. » Như thế thì một là sáng đức sáng, hai là trị nước, ba là tề-gia, bốn là tu-thân, năm là chính-tâm, sáu là thành-ý, bảy là tri-tri, tám là cách-vật, đó tức là tám điều-mục trong sách *Đại-học* vậy.

Cách-vật tri-tri. — Sáu điều-mục từ điều thành-ý trở xuống thì trong bản-văn giải-nghĩa đã tường; còn hai điều cách-vật tri-tri thì trong bản-văn không có giải-thích. Thầy Chu với Vương Dương-Minh giải-thích về nghĩa tri-tri cách-vật thì khác nhau. Thầy Chu giải-nghĩa là phải theo từng sự-vật một mà suy cùng cho biết hết lẽ. Vậy nên Chu-chú giải rằng : « *Tri* nghĩa là suy cho cùng-cực. *Tri* là tri-thức, nghĩa là suy cho cùng cái tri-thức của mình, cho biết hết cả mọi lẽ. *Cách* nghĩa là đến, là cực-chí, *Vật* nghĩa là mọi việc. Phải suy cho cùng lẽ mọi sự-vật, cho thấu-đáo đến cực-chí. » Ý là bảo cách-vật tri tri phải do cái công-phu học-vấn để họp lấy tri-thức cho biết đến cùng. Nhưng ông Lục Tượng-Sơn lại giải-thích ra một nghĩa khác. Tượng-Sơn bảo rằng cùng-lý cách-vật không phải là việc ở ngoài phụ thêm cho mình. Duy cứ theo cái ý-thức của mình đã sẵn có mà phát-huy cái điều thiện ở trong tâm mình, cái phép phát-huy điều thiện ở trong tâm thì tức là trừ bỏ những điều vật-dục đi. Vậy nên bảo rằng : « Người đời nay bàn về sự học chỉ chuộng ở người mà về phần mình thì lại coi khinh, nên mới khác nhau. » Vương Dương-Minh lại nói thêm cho rõ cái thuyết của Tượng-Sơn mà rằng : « *Tri* nghĩa là suy cùng cho đến nơi, như việc tang thì phải cho rất là thương. Kinh *Dịch* có nói rằng : « Đã biết thì phải biết cho đến nơi, đến nơi là phải suy cho cùng vậy. *Tri-tri* không phải như thuyết hậu-nho bảo rằng sung rộng cái tri-thức của mình, *tri-tri* nghĩa là suy cho cùng cái lương-tri của tâm mình cho sáng tỏ ra. » Dương-Minh cho nghĩa chữ *tri* là cái lương-tri tự tiên-thiên ; *tri-tri* là suy cho cùng cái lương-tri của mình bẩm-thụ tự tiên-thiên. Dương-Minh lại nói rằng : « Vật là sự-vật. Phàm ý mình phát ra thì tất là có sự-vật. Mình phải theo cái ý ấy mà xét cho biết mọi sự-lý. *Cách* nghĩa là chính, chính cái điều bất-chính để cho nó theo về chính, tức là bỏ điều ác vậy. » Ý là bảo rằng muốn suy cùng lương-tri thì phải cách-vật. *Vật* là sự-vật, ý mình phát ra tất là có sự-vật, như những việc thờ cha mẹ, thờ vua, chơi với bè bạn, yêu con ; lại như việc đối người, việc bất-hiếu với cha mẹ, không cứ gì là việc thiện hay việc ác, đều là sự-vật cả. *Cách* nghĩa là chính, chính điều bất-chính mà bỏ điều ác đi. *Cách-vật* tức là thực làm điều thiện mà bỏ điều ác

vậy. Dương-Minh bảo rằng chính điều bất-chính để cho theo về điều chính, tức là làm cho sáng cái lương-tri tự tiên-thiên phú-bẩm cho mình, đó tức là cái thuyết tri-hành hợp-nhất của Dương-Minh vậy. Ngoài cái thuyết Dương-Minh và Chu tử ra, lại còn nhiều nhà giải-thích ra nghĩa khác. Vật-tổ lại *Biện danh luận* giải rằng : « *Vật* là những điều-kiện để dạy, cổ-giả học để cho thành đức mình, cho nên dạy người phải dạy lấy điều-kiện, mà người học cũng phải giữ theo điều-kiện, như là ba vật ở trong hương-học, năm vật ở lễ hương-xạ vậy. » Ba vật ở trong hương-học tức là sáu đức : trí, nhân, thánh, nghĩa, trung, hòa ; sáu hành là hiếu, hữu, mục, nhân, nhâm, tuất ; sáu nghệ là lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số. Sách *Châu-lễ* quan đại tư-đồ lấy ba vật trong chốn hương-học để dạy muôn dân, tức là năm vật về lễ hương-xạ quan hương đại-phu dạy người ta lấy những điều hòa nét mặt, chủ tín bia, hòa-tụng, đứng dậy, học múa, tức là năm vật ấy vậy. Cứ theo như thuyết của Tổ-Lai thì giáo-khoa đại-học dạy về lục-nghệ tức là những vật ấy vậy. *Cách-vật* là phải thông-hiểu lục-nghệ ấy. Cái thuyết ấy so với thuyết Chu-tử, Dương-Minh cũng có phần chính-đáng.

Thành-ý chính-tâm. — Thành-ý là không tự dối mình, vấn-tâm mình tự lấy làm thỏa sướng mà không thẹn vậy. Trong sách *Đại-học* nói rằng : « Kinh-văn mà bảo rằng nên thực ý mình, nghĩa là chớ tự dối mình. Ghét điều ác thực như ghét hơi xấu, yêu điều thiện thực như yêu sắc đẹp, chỉ cầu cho trong lòng thỏa-sướng không hổ thẹn mà thôi. Vậy nên người quân-tử tất phải cẩn-thận lúc một mình. Kẻ tiểu-nhân thì khi ở rỗi một mình hay làm điều bất thiện, không điều gì là nó chẳng dám làm, đến khi trông thấy người quân-tử thì nó mới chán ngắt ra mà thẹn-thò, che cái điều bất-thiện đi mà phô điều thiện ra, nhưng người ta coi nó đã như trông thấy cả gan phổi rồi, còn có ích gì. Thế cho nên bảo rằng đã thực có điều gì ở trong thì nó tất hình-hiện ra ngoài, vậy nên người quân-tử phải cẩn-thận lúc một mình. » Chính-tâm nghĩa là không bị những cái tình tức giận, sợ-hãi vui sướng, lo-lắng nó sai khiến được mình, nếu để nó sai khiến mình thì cái tâm thất chính ngay. Trong sách *Đại-học* nói rằng : « Kinh-văn bảo rằng sửa mình phải cốt ở chính-tâm, là vì tâm mình có điều tức-giận thì cái tâm không được chính ; có điều sợ-hãi thì cái tâm không được chính, có điều vui sướng thì cái tâm không được chính ; có điều lo-lắng thì cái tâm không được chính. Tâm mà đã bị dục-tình nó đem đi, thì trông cũng chẳng thấy gì, nghe chẳng hiểu gì, ăn cũng chẳng biết mùi gì, vậy nên bảo sửa mình phải trước chính lấy cái tâm ».

Tu-thân tề-gia. — Sách *Đại-học* rằng : « Kinh-văn bảo rằng tề nhà phải cốt ở sửa mình, là vì người ta về tình thân-yêu mà có điều thiên-lệch, về tình khinh ghét mà có thiên-lệch, về tình nên tôn-kính mà có thiên-lệch, về tình thương-xót mà có thiên-lệch, về tình khinh-nhờn mà có thiên-lệch, thì không sửa được mình. Vậy nên yêu đấy mà biết cái điều xấu, ghét đấy mà biết cái điều tốt, trong thiên-hạ ít được người như thế vậy. Lời ngạn có nói rằng : « Người mà thiên-ái quá, thì không biết cái điều xấu của con mình, tham-dắc quá thì không biết lúa của mình đã tốt. Như thế là yêu ghét thiên-lệch, thân mình không hay sửa được, không thể tề được nhà ». Lại rằng : « Kinh-văn bảo rằng trị nước tất trước phải tề lấy nhà, nghĩa là nhà mà không dạy được thì không khi nào dạy được người. Vậy nên người quân-tử không ngoài cái khuôn-phép tề nhà mà hay nên dạy ở nước. Điều hiếu ở nhà thờ cha suy ra nước là để thờ vua vậy, điều để ở nhà thờ anh suy ra nước là để thờ người trên vậy,

đều từ ở nhà yêu em suy ra nước là để sai khiến kẻ chúng vậy ».

Trị nước. — Kinh-văn bảo rằng : « Bình thiên-hạ cốt ở trị nước, nghĩa là người trên biết kính người già thì nhân-dân nó cũng biết hưng-khởi làm điều hiếu ; người trên hay tôn người trưởng thì nhân-dân nó cũng hay hưng-khởi làm điều dễ, người trên biết thương kẻ cô thì nhân-dân nó cũng không dám trái, thế cho nên người quân-tử có cái đạo hiệt-củ. » Đạo hiệt-củ như thế nào ? thì lại giải-nghĩa rằng : « Không muốn người trên gia điều vô-lễ cho mình thì mình cũng chớ nên lấy điều vô-lễ khiến kẻ dưới; không muốn kẻ dưới bất-trung với mình thì mình cũng chớ đem điều bất-trung thờ người trên ; không muốn người trước gia cho mình, thì mình cũng chớ đem điều ấy gia cho người sau ; không muốn người sau gia cho mình thì mình cũng chớ đem điều ấy gia cho trước ; không muốn bên hữu gia cho mình, thì mình cũng chớ gia cho bên tả ; không muốn bên tả gia cho mình, thì mình cũng chớ gia cho bên hữu ; đó là suy bụng ta ra bụng người, đều đo-đắn phải cho vuông-vắn, tức là cái đạo hiệt-củ vậy ».

Nghĩa minh minh-đức đã kể như trên kia, đây lược bớt.

Ba cương-lĩnh với tám điều-mục có quan-hệ với nhau. — Ba cương-lĩnh tám điều-mục là những mục đạo-đức để sửa mình trị người. Ba cương-lĩnh là cái nguyên-lý căn-bản ; tám điều-mục là cái công-phu thực-hành. Ba cương-lĩnh là để sửa cái đức mình, để suy ra đến nhân-dân, mà phải ở về điều chí-thiện ; tám điều-mục là nói về cái công-phu sửa mình, rồi suy ra để trị thiên-hạ. Mà cốt nhất là phải lấy tu-thân làm gốc, rồi suy ra trị nước bình thiên-hạ mới là cực-trí. Vậy nên nói rằng : « Từ đấng thiên-tử cho đến kẻ thứ-nhân đều phải lấy tu-thân làm gốc. » Vả lại ba cương-lĩnh với tám điều-mục đều cốt phải trước sửa đức mình rồi suy ra để trị thiên-hạ, đó là nói rõ cái chủ-nghĩa đức-trị vậy. Xét ra ba cương-lĩnh với tám điều-mục nó có quan-hệ với nhau, như là cách-vật, trí-tri, thành-ý, chính-tâm, tu-thân, năm điều-mục ấy đều là để trị mình, tức là để sáng cái đức sáng của mình ; tề nhà, trị nước và sáng đức sáng ra trong thiên-hạ (tức là bình thiên-hạ). Ba điều-mục ấy đều cốt ở thân yêu dân, mà lại cốt ở về điều chí-thiện, nó thống-nhất cả cái đạo sửa mình và trị người vậy. Sáng đức sáng là cái cách tu-dưỡng của cá-nhân, về phần tu-đức ; thân-dân là làm cho xã-hội đều thân yêu nhau, đó là về phần công-đức. Chỉ chí-thiện là một cái phẩm-tính thống-nhất cả đạo-đức công tư. Ba cương-lĩnh với tám điều-mục có quan-hệ với nhau sẽ thu-quát lại xem đồ như sau :

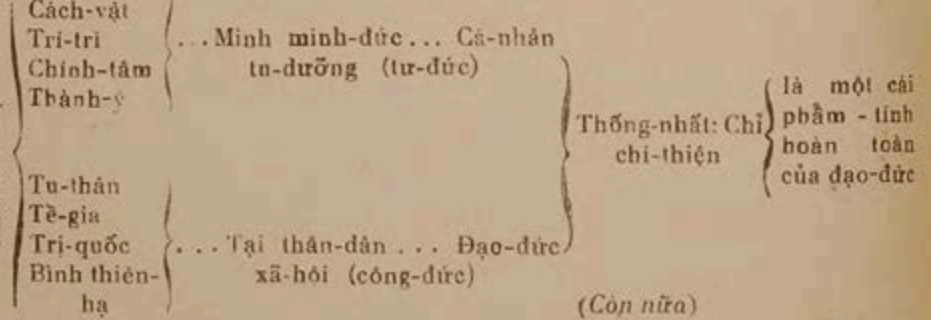

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *biên-dịch*

QUỐC-ÂM THI-VĂN TÙNG-THOẠI

國音詩文叢話

Cái tình chung của loài người, hễ có cảm-xúc, thì phát ra làm thi-văn, để tỏ ý-chí của mình; hễ làm thi-văn, thì lại thích xem thi-văn, để so-sánh câu hay câu dở, đấy là một lẽ tự-nhiên.

Nhưng xem thi-văn, thì không gì bằng xem thi-văn tùng-thoại, bình-luận những câu văn đặc-sắc, chép những sự thực và hoàn-cảnh của nhà làm thi-văn, có lịch-sử, có văn-chương, để đưa người vào cảnh vui, ngâm-nga ngẫm-nghĩ, không dễ quên được.

Ai đã từng xem thi-văn, đều công-nhận như vậy, cho nên tập thi-văn tùng-thoại, cần phải có lắm.

Thi-văn quốc-âm của ta, từ xưa đến nay, các bậc anh-hùng hào-kiệt, cao-nhân dật-sĩ, trứ-thuật đã nhiều, kỳ-tài ở sử-sách, truyền-tụng ở dân-gian, không thể kể hết được.

Thế mà chưa có tập thi-văn tùng-thoại nào xuất-hiện, để làm một tập tiên-khiên cho các nhà thích làm thi-văn, xem thi-văn. Thế có khác gì núi ngọc chứa đầy, mỏ vàng còn dấu, há không phải là một sự thiệt-hại cho nền văn-học nhà làm ru!

Tập Thi-văn tùng thoại này, chính để cung-cấp cái nhu-cầu ấy. Tôi biên tập này, sưu-tập những câu văn hay và sự-tích lạ cũ, thấy đâu chép đấy, không phân thứ-tự gì, nhưng thử xem qua cũng đủ biết quốc-văn ta xưa, đã có một kho văn-chương phong-phú, nếu ai ai cũng gia công phát-huy quang-đại thêm lên, thì cái trình độ văn-học nước nhà, tương-lai tiến-bộ biết chừng nào, đấy là cái vi-ý của nhà biên-tập.

SỞ-CUỒNG

. . .

Xưa vua Thánh-tôn nhà Lê, đi ngự chơi nhà Quốc-tử-giám (國子監) có đi ngang qua chùa Bà-Đanh, nghe ở trong chùa có một người sư nữ đương đọc kệ, giọng đọc thanh-cao, vang đến trên vân-tiêu, sau khi ngài ngự về, vào chơi chùa ấy, người sư nữ để một câu lên trên tường rằng:

Đến đây thấy cảnh thấy thầy,
Tuy vui đạo Phật, chưa khuây sự người.

Để rồi, liền đi vào nhà trong, vua sắc-mệnh 28 học-sĩ ứng-chế làm bài thơ ấy, các học-sĩ đều từ-chối không thể làm được, vua bèn sai phó-nguyên-súy là ông Thân Nhân-Trung (申仁忠) vịnh, ông thừa-mệnh vịnh rằng:

Gẫm sự trần-gian khéo nực cười,
Sắc không tay bụt hãy lòng người!
Chày kình mấy tiếng tan niềm tục,
Hồn bướm ba canh lần sự đời;
Bể ái nghìn trùng mong tát cạn,
Sông ân muôn trượng dễ khơi vơi;
Nào nào cực-lạc là đâu tá?
Cực-lạc là đây chín rõ mười.

Ông làm xong, dâng lên cho vua xem, vua bảo người sư nữ ấy bình-duyệt, sư nữ phê rằng: « Câu trạng thiếu ý tả đến cảnh », bèn chữa lại rằng:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục,
Hồn bướm mơ tiên lần sự đời.

Vua khen hay, đón nàng về cung, đi vừa đến cửa Đại-hưng (tức về phía cửa Nam bây giờ), thì sư nữ thình-lình mất

tích, không thấy đâu nữa, vua lấy làm la-lùng, nhân dựng một cái lầu ở trên cửa ấy, tên là Vọng-tiên-lâu (望仙樓) để tỏ lòng quyến-luyến. Lầu này trải qua mấy cuộc tang-thương, nay làm đền ở tại hàng Bông Cây-đa-cửa-quyền, còn có đề ba chữ « Lầu Vọng-tiên », nhưng không phải lầu Vọng-tiên xưa. Tuy vậy, trông thấy ba chữ ấy còn phảng-phất nhớ được cái sự-tích kỷ đời xưa, và cũng khiến người như phảng-phất nghe tiếng có người đọc kệ như xưa vậy.

.·.

Ông Lê Duy-Bá (黎惟伯) người ở quê nào không được rõ; ông học giỏi chữ *Latin* và chữ Nho, lại rất sở-trường thơ-văn quốc-âm, xem mấy bài ông vịnh ở sau này, đủ biết văn-chương của ông tài-tình và khí-tượng bao nhiêu:

1º Bài vịnh đánh cờ:

Đời chiến-quốc, có anh-tài,
Hoành sơn một dải, phân đôi sơn hà!
Tướng thần sĩ tốt vào ra,
Bốn phương họp lại, một nhà mà thôi.

2º Bài vịnh con cóc:

Bên thời thong-thả ngồi chơi,
Gan vàng tiếng kẻ, trong đời khiếp thay!
Muôn dân khổ hạn lâu ngày,
Mong nghe thấy tiếng, để rày đặng [trông.

3º Bài vịnh cái nón:

Có người quân-tử đứng lên,
Hình-dung chễnh-chện, đứng trên người đời,
Đân con cầm đức tày trời,
Cứu cơn khổ hạn, mưa rơi giữa đường.

4º Bài hịch:

Nghĩ ta nay: nộn-dức kém tài, có đâu dám mở bày mối cả; song đau tác dạ, xét sinh-linh, rời-rã đêm ngày, nên phải ra tay, đem xích-tử đặt ngay chăn nệm; giải một cơn nắng cháy, trừ thói kẻ gian; dẹp bốn bề sóng cản, cho an trước đã. Ta nay sắp dựng nền Hán-xã, chớ có điều chống trả thiên-oai...

Xem mấy bài văn này, biết chí-khí của ông Bá to biết chừng nào, tiếc ông chưa làm được việc gì mà chết, thành ra chỉ còn có mấy câu văn truyền đời mà thôi.

.·.

Xưa có một anh huyện-lại kia, tính hay làm bộ sang-trọng, có một hôm anh ta ngủ ngày, chợt có người bạn cũ ở nơi xa đến chơi, người nhà không dám đánh thức, ra bảo với người khách rằng: « Quan tôi còn giấc đang say.» Người khách giận viết một câu thơ để lại mà về.

Thơ rằng:

Một buổi hầu là một buổi ngơi,
Nào còn nghĩ bạn viễn-phương lai;
Ấy sang chừng ấy ngơi chừng ấy,
Sang nữa thì ngơi biết mấy đời.

Người khách tặng cho ông chủ-nhân bài thơ này, thực không khác phạt cho người bạn tự-tôn tự-đại kia mấy chục roi đòn rất đau, và lại có thể làm gương cho đời, ai là người tự-tôn tự-đại, cũng nên đọc bài thơ này mà chừa đi.

.·.

Xưa ở làng Hưng-tổ, huyện Thụy-nguyên, xứ Thanh-hóa, có một cô con gái đã đính-ước gả cho một người học-trò ở cùng làng, không may chưa kịp thành-hôn, mà người học trò ấy phải bệnh mất, cô ấy muốn về nhà chồng, để tang, bà mẹ khuyên giải không cho đi, cô ấy cũng làm thinh, không nói gì, liền ra vườn sau, lấy giây treo cây thắt cổ mà chết, ông Trần Huệ-Chiêm (陳惠甜) có bài thơ vịnh rằng:

Lã-chã hạt châu còn ướt má,
Bảng-khuâng phách quế đã treo ngành

Hay là có trước lời đồng-huyệt,
Cho phải đem mình chữ xả thân.

Bài thơ này tuy còn nhờ có mấy câu, nhưng tả ra một cách rất thống-thiết, cô trinh-nữ ấy như có linh, thì cũng ủy được chút tình riêng của mình vậy.

∴

Lúc cuối đời chúa Nguyễn xưa, phải mất nước, có một người di-thần là ông Hàn-lâm kia, hiệu là Hạo-trai cư-sĩ (皓齋居士) bỏ quan về đi ở ẩn, lấy nghề bán than làm kế sinh-hoạt, tình-cờ đi gặp toán quân Bắc-hà (北河), tướng chúa Trịnh là Hoàng Ngũ-Phúc (黃五福) trông thấy cái thái-độ lấy làm kỳ, hỏi ra biết là di-thần chúa Nguyễn, nhân bảo cư sĩ vịnh một bài thơ bán than bằng quốc-âm, cư sĩ liền vịnh rằng:

Một gánh kiền-khôn cuối xuống ngàn,
Hỏi gì bán đấy gỏi rằng than;
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt,
Hơn-thiệt bao nài gốc củi tàn;
Ở với lửa-hương cho vẹn tiết,
Thử xem vàng đá có bền gan;
Giận vì nhem-nhuốc toan nghề khác,
Song lệ trời kia lắm kẻ hàn.

Ông Hoàng Ngũ-Phúc nghe đọc bài thơ rất kính-phục, thưởng cho năm quan tiền, cư-sĩ không chịu lấy, liền gánh than đi.

Đương thời ấy ở Nam-hà có bà quốc-mẫu là bà Nguyễn Thị-Cầu (阮氏球) và bà tổ-mẫu là bà Nguyễn Thị-Kiều (阮氏橋) đều phải bắt ra ở thành Thăng-long, cư-sĩ lại từ Phú-xuân (富春) lên ra Bắc-hà; có người khuyên ra làm quan, cư-sĩ bảo rằng: « Nước phá vua mất, đã không chết theo, sở-dĩ đến đây, là vì có Lưỡng-cung ở đấy, tôi có thể nào lại khuất thân đi làm tôi-tớ người khác.» Nhân có vịnh mấy bài thơ để tỏ ý mình rằng:

Đương sơ hận bất tử trung trinh,
Thiên lý khí-khu phó ngọc kinh;
Kỵ-tử tây hành bi mạch tú,
Văn-sơn bắc độ thán dương linh;
Sơn-hà cử mục hương-tinh trọng,
Chung-đỉnh đài đầu thế-vị khinh;
Dao vọng Tống sơn hà xứ thị,
Ngô tiên liệt-thánh cựu phần doanh.

Nguyên chữ Hán:

當初恨不死忠貞
千里崎嶇赴玉京
箕子西行悲麥秀
文山北渡嘆洋冷
山河舉目鄉情重
霧雨接頭世味輕
遙望宋山何處是
吾先列聖舊墳塋

Thời phân thời hợp vi như hà,
Nam bắc tòng lai thị nhất-gia;
Đăng-đỉnh quan quân ca cổ-giác,
Bôn-bôn thần tử khốc sơn-hà;
Ba ba bạch-phát qui hà xứ,
Cảnh cảnh đan-tâm thỉ mĩ tha:
Kỷ ngữ hoàng thiên tảo hối họa,
Miễn giao thương-xích hãm can-qua

Nguyên chữ Hán:

時分時合未如何
南北從來是一家
鼎定官軍歌鼓角
奔逃臣子哭山河
皤皤白髮何處他
耿耿丹心矢靡他
寄語皇天早悔禍
免教赤陷干戈

Bài thơ bán than chép trên kia, có nhiều người cho là thơ của ông Trần Khánh-Dư (陳慶餘) nhà Trần, thực là lầm lẫm, tuy ông Khánh-Dư cũng có làm nghề bán than một độ thật, nhưng cho bài này là bài của ông, thì không phải, vì cái từ-khí trong bài này là từ-khí của một nhà nghĩa-sĩ, có những cảnh-ngộ quốc-phá gia-vong, mới hình ra lối thơ như vậy, ông Khánh-Dư thì bất-quá bị cách quan mà về, chớ có gì cảm-khái đâu, mà làm lời như vậy được, bài thơ này cho là thơ của một

nhà di-thần nhà Nguyễn, trong bộ sách *Tang-thương ngẫu-lục* của ông Phạm Đình-Hổ (范廷琥) là người đồng-thời với nhà di-thần ấy chép lại, cho nên dám chắc là đúng lắm.

∴

Ở về đời Tây-sơn (西山) cụ Nguyễn Khải-Xuyên (阮啓川) hiệu là Lạp-phong (笠峯), người xứ Nghệ-an, không chịu ra làm quan, vì cụ nghĩ tổ-tiên mấy đời làm tôi nhà Lê, không lẽ mình lại ra làm quan triều Tây-sơn và cụ cũng suy biết triều Tây-sơn thế nào cũng không được dài lâu, cho nên trốn đời để tự-toàn, cụ thường bị triều Tây-sơn đòi ra, bách phải đến kinh-đô triều-kiến, cụ lấy cái cớ mình đã già yếu, không làm gì được, xin từ tước-lộc, chỉ điều-trần mấy điều, rồi về ngay, lúc cụ đi ngang qua núi Điệp-sơn (疊山) có câu thơ rằng:

Đã chót lên đèo phải xuống đèo,
Tay không mình tưởng đã treo-leo
Thương thay thiên-hạ người gồng-gánh,
Thảng trọn ngày thâu chỉ những trèo.

Bài thơ này, có ý thương mình cầu-toàn tính-mệnh, mà thương người ngộ-nhập phần-lưng, tự-xử cao mà bàng-quan rẻ, và cái ý ưu-thời mẫn-thế, đều tỏ bày ra trên câu thơ, thật là một bài thơ có cái ý-nghĩa rất hay, bây giờ chúng ta thử ngâm bài ấy, còn phảng-phất biết được tiên-sinh là người bậc nào vậy.

∴

Xưa nay lữ-khách qua lại Đèo-Ngang, tức-cảnh ngâm vịnh rất nhiều, mà còn truyền-tụng lại, chỉ có hai bài, một bài của vua Lê Thánh-tôn và một bài của bà huyện Thanh-quan. Bài của vua Thánh-tôn là tả cái cảnh-tượng Đèo-Ngang, có ý bao-hàm vũ-trụ, ra khí-tượng đế-vương. Bài của bà Thanh-quan, là bài tả cảnh-vật Đèo-Ngang, có ý xúc-cảnh thương-hoài, cảm thương thân-thế, mỗi bài có một cái đặc-sắc riêng.

Bài của vua Lê Thánh-tôn:

Ngàn thẳm bãi sâu đuôm vắng teo;
Đèo-Ngang lợi bể nước trong veo.
Thà-là cúi xuống cây đòi sụt,
Xô-xát trông lên sóng muốn trèo;
Lảnh-chảnh đầu mầm chim vững tổ,
Lanh-đanh cuối vũng cá ngong triều;
Cuộc cờ kim-cổ dường bao nả,
Non nước trông qua vẫn bấy nhiêu.

Bài của bà huyện Thanh-quan:

Quá đình Đèo-Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa;
Lom-khom dưới núi tiều vài chú,
Lác-đác bên sông quán mấy nhà;
Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia;
Dừng chân đứng lại trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

∴

Ông Vũ Duệ (武睿) người đời Lê, lúc ông còn bần-tiện, thường bận áo rách nhịn đói, một mình nằm trên cái cầu ván, chợt gặp có quan Thái-phóng đi qua, ông cũng cứ nằm yên mà không dậy, quan Thái-phóng lấy làm kỳ, hỏi ra thì biết là một nhà nho nghèo kiết, cùng-khốn đến thế, quan nhân bảo ông làm bài thơ «nằm co» bằng quốc-âm, ông liền vịnh một bài rằng:

Ba gian lều cỏ dãi che sương,
Rét phải nằm co hà phải cuồng;
Cá cả nép vây miền bắc-hải,
Rồng thiêng náu khúc núi Nam dương;
Một lòng trung-hiếu bo còn giữ,
Hai chữ công-danh nốn chửa vuông;
Có khuất bao nhiêu thì có duỗi,
Ra xuân đầm-ấm sẽ xênh xoang.

Lúc chưa gặp thời, thì phải lạc-thiên an-mệnh, mà chịu nằm co, nhưng

không nhân nằm co mà có làm việc gì khuất-nhục, ấy mới chính là một nhà cao-sĩ. Ôi! rồng thiêng cá cả, có phải là một vật nằm co đâu, tất thế nào cũng có một ngày vùng-vẫy mà dọc-ngang trời đất, cái thần-tình bài này lại ngụ ở hai câu kết. Quan Thái-phó xem thơ kinh-phục, bảo ông rằng: « Ngươi có cái khí-tượng tể-phụ, sau này thế nào cũng hiển-đạt, nên trân-trọng mà đãi-thời. » Nhân tặng cấp cho ông rất nhiều, sau ông quả thi đỗ Trạng-nguyên, làm quan đến chức Thiếu-bảo.

Tích này chép trong sách *Trần-Lê ngoại-truyện* như vậy, nhưng xem trong tập *Bị-khảo* của ông Phạm Đình Hổ (范廷琥) lại thấy chép rằng: « Quan thượng-thư tên là Nguyễn Tùng-Cán (阮松幹) lúc còn hàn-vi, mùa đông vẫn chỉ bận có một cái áo là, đương-thời ở phố Diên-hưng (nay là hàng Ngang) có nhà ông Nguyễn Giám-sinh, trước cửa có quán bán hàng, con gái ông Giám-sinh thường ngày ra bán hàng tại đấy, cô ấy là một người nhan-sắc tuyệt-trần, ai cũng chú-mục, ông Tùng-Cán sáng sớm mai đến trước quán nằm quèo lại mà ngủ, cô ấy sáng ra dọn hàng, thấy có người nằm ngủ tại đấy, bảo mãi không chịu đi, vào thưa với Giám-sinh, Giám-sinh ra gặng hỏi, ông đáp lại rằng: « Tôi là một người học-trò nghèo, sáng sớm phải đến trường Giám tập bài, nhân rét quá phải tạm nằm đỡ ở đây một chút ». Giám-sinh thấy người diện-mạo khôi-ngô, có ý kính-trọng, nhân bảo làm một bài thơ quốc-âm, đầu đề là « nằm co », ông Tùng-Cán liền vịnh thành bài này, Giám-sinh xem lấy làm kỳ, nhân ước với ông Tùng-Cán rằng: « Hễ sau này thi đỗ, thì gả cô con gái ấy cho ». Sau quả được như lời. Một việc mà mỗi sách chép một khác, nên chép hết ra đây, cũng là để truyền nghi vậy.

* * *

Câu « anh-hùng hào-kiệt, sở-kiến lược-đồng », chính là một câu đúng với sự thật lắm, không cần phải chứng đến việc gì to-tát, chỉ xem về phương-diện thơ-văn, cũng đủ biết quả thật như vậy, như câu:

Đập cỗ-kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn-y lại để dành hơi.

đấy là câu thơ « diệu-nội » của Ôn-như-hầu, khi ông vừa vịnh câu ấy xong, chợt gặp ông Trần Danh-Án (陳名案) đến chơi, ông Trần liền dịch ra một câu thơ bằng chữ Hán rằng:

Kích toái lăng-hoa tầm cựu-ảnh,
擊碎菱花尋舊影
Trùng phong xam-tử hộ dư-hương.
重封彩子護餘香

Câu thơ chữ Hán này, đã đúng với câu Nôm như hệt, mà cũng vẫn hay, Ôn-như-hầu đọc lấy làm phục, đấy là tích xưa.

Lại xem bài thơ của vua Tự đức khóc bà Bằng-phi rằng:

Ớ chị Bằng ơi đã mất rồi,
Ớ tình ớ nghĩa ớ duyên ơi!
Mưa hiên nắng trải oanh ăn nói,
Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi;
Đập cỗ-kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn-y lại để dành hơi;
Mối tình muốn dứt càng thêm bận,
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

Câu luận bài này, giống hệt như câu của Ôn-như-hầu, có kẻ nói đấy là Ôn-như-hầu xưa thuật lại câu của vua Tự-đức, nhưng tôi thì cho là anh-hùng hào-kiệt, sở-kiến lược-đồng.

Lại tôi xem tập thơ Liễu-am (柳庵) của ông Trần Danh-Án bài « Đạo thời hữu cảm » (道時有感) có câu rằng:

Võ-tướng phá sầu duy hữu tửu,
Văn thân thoái lỗ cánh vô thi;
Dũ thiên dạ dạ phần hương chúc,
Thùy thị hương hài giáp-mã nhi.

Sau tôi xem thơ của vua Tự-đức cũng có mấy câu rằng :

Võ-tướng phá sầu duy hữu tửu,
Văn-thần thoái lỗ cánh vô thi ;
Thiên tâm quả dục khai bình-trị,
Thùy thị hương-hải giáp mã nhi.

Bốn câu này giống như câu của ông Trần Danh-Án cả, thế không phải sở-kiến lược-đồng là gì ?

. . .

Vịnh thơ mà thành một lời sấm, cũng là một sự lạ.

1º Ông Nguyễn Thái-Thường (阮泰常) người đời Mạc, lúc ông còn làm học trò, có đi cầu thần ở núi Yên-tử (安子山), thần bảo mộng cho ông biết rằng : « Mày đến năm sáu mươi tuổi mới thi đỗ tiến-sĩ. » Ông thức dậy, liền làm một bài thơ bằng quốc-âm để bẻ lại lời của thần rằng :

Sách thuộc, văn hay, sự chẳng ngờ,
Trong ba-mươi tuổi đỗ thi vừa ;
Thần-nhân sao biết mà rằng vậy,
Đến sáu-mươi thì đã Thượng-thư.

Quả-nhiên khi ông ba-mươi tuổi, thì thi đỗ tiến-sĩ, sáu mươi tuổi thì làm đến chức Lễ-bộ Thượng-thư.

2º Lại có một vị triều-sĩ đi thi hội, đi ngang qua một cái miếu thần kia, nhân nghỉ tại đó, đêm nằm cầu mộng, nghe thần bảo cho điềm mộng rằng : « Đến ba mươi mới đỗ ». Ông làm bài thơ bẻ lời thần rằng :

Tiến-sĩ khoa này ta lấy tươi,
Sự chi mà đợi đến ba-mươi !
Thần-nhân chẳng biết mà rằng vậy,
Nên ở người ta, hà ở trời.

Trong năm ấy, vị triều-sĩ kia quả thi đỗ tiến-sĩ. Hai bài thơ ấy, thực là thơ sấm, mà nguyên cũng nhân hai ông ấy có chỗ minh tự-tín, mới phát ra lời thơ như vậy.

3º Thơ vịnh pháo của Bằng Quận-công (鵬郡公)

Bằng Quận-công tên thực là Nguyễn Hữu-Chỉnh (阮有整), khi mới lên chín tuổi, nhân hôm tết đến mừng tuổi ông thầy học, ông thầy cho pháo và thử bảo ông vịnh một bài thơ pháo, ông liền ứng-khẩu vịnh một bài rằng :

Xác không vốn những cậy tay người,
Khôn khéo làm sao bọp cũng rồi ;
Kêu lắm lại càng tan-tác lắm,
Thế nào cũng một tiếng mà thôi !

Ông thầy học nghe đọc bài thơ, ngạc-nhiên một hồi lâu, bảo với người rằng : « Thằng bé con này, mai sau sự-nghiệp to-tát không thể lượng được, song làm rối loạn thiên-hạ, tất cũng thằng này vậy. » Rồi ông bảo ông Chỉnh về tìm thầy khác giỏi mà học. Lúc ông Chỉnh mười-sáu tuổi, thi đỗ hương-cống (cử-nhân), mười tám tuổi thi võ, trúng tam-trường, làm thầy dạy học tại nhà Hoàng Ngũ-Phúc (黃五福), Hoàng Ngũ-Phúc chết, ông lại làm thuộc-tướng con ông Phúc là Hoàng Đình-Ái (黃廷愛). Ái làm tướng phủ chúa Trịnh ; sau phủ chúa Trịnh có sự biến-loạn, Đình-Ái bị giết, ông Chỉnh sợ vạ lây, liền thả thuyền chạy vào Qui-nhân (歸仁) theo chúa Tây-sơn ; ông vì chúa Tây-sơn bày mưu thiết-kế, xui giục đem binh ra phủ Lê. Sau ông giúp nhà Lê, giữ binh-quyền, sự-nghiệp lừng-lẫy, lại chống với Tây-sơn, hai bên lại đánh nhau, quân ông thua, phải tướng Võ Văn-Nhiệm (武文任) giết một cách rất tàn-khốc. Câu thơ ông vịnh trước thành ra câu sấm của ông.

. . .

Xưa có người làm bài thơ gửi cho tình nhân, dùng cái điệu chỉ nói nửa chừng mà tả ra được cái phong-điệu con nhà khuê các vừa lịch-sự vừa có hạnh.

Thấy gái hồng-nhan bỗng chốc mà. .
Chăng hay người ngọc có hay đà...
Hình-dung yểu-điệu in như thể ...
Diện-mạo phương-phi ngỡ-ngỡ là ...
Ăn mặc ra tuồng người ở chốn...
Nói-năng phải lẽ, giống con nhà ...
Ước chi ta được mà ta để ...
Ta để đem về để nữa ta. . .

Văn-thể bài này câu nào nói cũng không hết ý, mà ý đã đủ, rất là thần-diệu, cách này nên gọi là thể thơ triệt-hạ, mà là thể thơ riêng của nước ta.

.·.

Thể thơ nôm ta, có thể « trùng điệp tự » (重疊字), như bài sau này :

Vần-vần vơ-vơ cũng nực cười,
Căm-căm cụi-cụi có hơn ai !
Nay còn chị-chị anh-anh đó,
Mai đã ông-ông mụ-mụ rồi !
Có-có không-không lo hết kiếp,
Khôn-khôn dại-dại chết xong đời ;
Chi bằng láo-láo lơ-lơ vậy,
Ngủ-ngủ ăn-ăn nói chuyện chơi.

Thể thơ này thơ Tàu cũng có, Triệu Cát-Sĩ (趙吉士) nhà Đường, bắt đầu bày ra, nhưng không thấy có mấy người làm, nay cũng thử dẫn một bài chữ Hán như sau này :

Hữu-hữu vô-vô thả nại phiền,
有有無無且耐煩
Lao-lao lục-lục kỷ thời nhàn ;
勞勞碌碌幾時閑
Nhân-tâm khúc-khúc loan-loan thủy,
人心曲曲灣灣水
Thế-sự trùng-trùng điệp-điệp sơn ;
世事重重疊疊山
Cổ-cổ kim-kim đa biến-cải,
古古今今多變改
Bần-bần phú-phú hữu tuần-hoàn ;
貧貧富富有循環
Tương-tương tựu-tựu tùy thời ngộ,
將將就就隨時遇
Khổ-khổ cam-cam mệnh nhất ban.
苦苦甘甘命一般

.·.

Thơ xướng-họa mà được từ-điệu ôn-thuận một hơi xuôi xuống, như mấy bài sau này, cũng đáng cho là bài thơ tái-tình vậy.

1º Thơ của ông Nguyễn Trãi xướng mà bà Nguyễn Thị-Lộ họa.

Nhân ông Trãi có một hôm đi triều về, đi ngang qua phố hàng Chiếu, thấy bà Nguyễn Thị-Lộ đương đứng trước cửa, ông bỡn đọc một bài thơ rằng :

Ả ở đâu đây bán chiếu gon ?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?
Xuân-thu nay độ bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa, được mấy con ?

Bà Thị-Lộ liền họa lại rằng :

Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn ?
Xuân-thu tuổi mới trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, hỏi chi con.

2º Bài thơ của chúa Trịnh Sâm (鄭森) xướng, mà ông Nguyễn Khản (玩侃) họa.

Ông Nguyễn Khản người làng Tiên-điền (仙田) huyện Nghi-xuân (宜春) xứ Nghệ-an, con trai cả của ông Nguyễn Nghiễm (玩儼).

Ông là bạn bố-y của chúa Trịnh, khi chúa nối ngôi, ông rất được sủng-hạnh, vào ra trong cung-cấm, xem như người quốc-thích, không kiêng kỵ gì, có một hôm ông bận việc xin nghỉ, lúc chúa ra thị-triều, và lúc chúa ra đi câu chơi, đều không thấy mặt ông, chúa nhân hạ lệnh mỗi việc phạt ông năm đồng tiền, và làm bài thơ, rồi sai thị-tùng đưa đến cho ông rằng :

Đã phạt năm đồng bỏ lối chầu,
Lại phạt năm đồng bỏ thiếu câu ;
Nhắn-nhủ ông bay về nghỉ đấy,
Hãy còn phạt nữa chửa thôi đâu

Ông Khản liền họa lại rằng:

Bận vặt cho nên phải cáo chầu,
Phiền chầu còn cáo lọ phiền câu;
Trông ân phạt đến là thương đến,
Cũng của nhà vua chớ của đâu!

Bốn bài thơ này, đều là văn khẩu-ngữ, từ-điệu rất là trơn-chuốt và có vẻ thần-tình tự-nhiên.

∴

Một bài thơ sấm của cụ Trạng Trình.

Niên-hiệu Cảnh-hưng nhà Lê, về năm đinh-dậu (1777) có trận bão lớn, có một cây đa ở làng Cổ-am bị ngã, dân làng ấy thấy ở dưới gốc cây đa ấy, có một tấm đồng khắc một bài thơ rằng:

Thuở đôi dê mới mọc ra,
Thương già tuổi-tác đã ban già;
Lửa vô-tình nọ phùng cơn dậy,
Của bất-nhân kia phút thoảng qua;
Cơm-cháo khôn ngăn người hóa quỉ,
Oản-xôi dễ khiến bụt nên ma;
Người Hà-đông, về Hà-nội,
Chỗ nước-non kia ấy cõi nhà.

Ở sau bài thơ ấy, có đề câu rằng: « Nhờ Dương Trọng-Huống (楊仲貺) dâng lên.»

Khi dân làng ấy thấy cái bài thơ này, chính họ Dương đương làm chức Hiến-sát ở Hải-dương, lý-trưởng và bọn sinh-đồ trong làng ấy, nhân có làm một bài biểu và đưa cả tấm đồng ấy dâng lên cho Trấn-quan, họ Dương liền dâng lên vua.

Trong sách *Sơn-cư tạp-thuật* có chép rằng: « Đời xưa truyền lại ông Trạng Trình có trồng một trăm cây đa tại bến Cổ-am, gần vài trăm năm đã khô gãy hết nhiều, bài thơ trên tấm đồng đó, chính là một bài thơ sấm vậy, vì đương-thời ấy vua Hiển-tôn tuổi đinh-dậu (thuộc con gà) hai cha con chúa Trịnh là Trịnh Sâm (鄭森) và Trịnh Khải (鄭楷) đều là tuổi mùi (thuộc con dê) cũng là một sự lạ vậy ».

∴

Thơ-văn quốc-âm ta, từ xưa đã có nhiều người có tài-danh lừng-lẫy trong sử sách, như Vịnh-kiều-hầu (詠橋侯), Đường-xuyên-tử (唐川子), Ôn-như-hầu (溫如侯), Bằng Quận-công (鵬郡公), Tố-như-tử (素如子), đều là tay văn-hào trong cõi quốc-học ta cả; nay thử kể lối văn-thơ của Ôn-như-hầu ra sau này.

Hầu rất sở-trường quốc-âm, vịnh thơ có hai cách, một cách là ứng-khẩu làm ra bài ngay, mà ai nghe cũng cho là trơn-chuốt, một cách là đoàn-luyện mới làm nên bài, mà ai nghe cũng phải kính-phục. Hầu thường có gọi đứa đầy-tớ tên là Cam đi lấy đồ vặt ở các đình viện trong nhà, mà thành bài thơ như sau này:

Cam bước ra thăm gốc hải-đường,
Lấy hoa về để kết làm trang;
Những cành với nhánh đừng vin nặng,
Mấy đóa còn xanh chớ bẻ quang;
Vội lại tây-hiên tìm liễn xạ,
Rồi sang đông-viện lấy bình hương;
Mà về cho chóng đừng thơ-thẩn,
Kẻo lại rằng chưa dặn kỹ-càng.

Lại một hôm ông ngồi chơi trong vườn con, trông thấy các thứ rau như: gừng, tỏi, đều phải mưa gió làm tồi-tàn rời-rạc, Hầu nhân cảm-khái mà vịnh câu rằng:

Lõm-đõm đôi hàng toán,
Lơ-thơ mấy luống khương;
Vẻ chi tèo teo cảnh,
Thế mà cũng tang-thương.

Như mấy bài ấy, là bài thơ ứng-khẩu làm ra ngay. Còn như câu « vịnh năm canh »:

Dễ gọi người nằm thiên-cổ dậy,
Sương trùm cảnh đứng bỗn canh đi.

Câu « điệu-nội »:

Đập cổ-kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn-y lại để dành hơi.

Những câu thơ ấy đều là câu đoản-luyện mà làm ra cả. Lại như bài gửi cho tình-nhân rằng:

Khạc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào!
Miếng tình nghẹn mãi biết làm sao?
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,
Rằng ở ai ơi, khốn thế nào!

Bài này là bài làm cả hai cách, đã kể trên kia; làm thơ quốc-âm, đến được như Ôn-như-hầu, thật là đủ cách vậy.

Hầu tên là Nguyễn Gia-Thiệu (阮嘉紹), người làng Liễu-ngạn (柳岸), huyện Siêu-loại (超類縣), xứ Kinh-bắc (京北處), con trai của Đạt-vũ-hầu (達武侯), Nguyễn Gia-Ngô (阮嘉珞) và Quỳnh-liên công-chúa (瓊蓮公主), mà chính cũng là dòng-dõi ông Hàn Thuyên (韓詮) xưa vậy.

Hầu làm thơ quốc-âm, quán-tuyệt xưa nay, lập ý thì mới-mẻ mà thâm-thúy, đặt lời dịu-dàng mà kỳ-cồ, có những câu thơ thiên-hạ còn truyền-tụng như sau này, thật là ít người nghĩ ra được.

1º Trù-dạ minh-mang thuyền hạo-kiếp,
Cồ kim man-mác võng huyền-cơ.
2º Minh-triều ấy thốc cười thiên-địa,
Thịnh thế là phen nói thánh-hiền.
3º Vó mèo sơn-trại luồn Ngô Sở,
Tiếng chó lâm-thôn cần Việt Hồ.
4º Nóc nhà thú-phụ mưa hoàng-điệp,
Đầu ngựa hành nhân gió tịch-dương.
5º Man-mác cảnh đâu người vạn dặm,
Bàng-khuâng sự những mấy trăm năm.
6º Quần-quại cửu hồi đau nhật-nguyệt,
Chập-chùng song-nhãn chạnh sơn-hà.
7º Trướng gió lá thêu hầu muốn rụng,
Vách sương nhạn vẽ cũng mong kêu.

∴

Thơ quốc-âm ta mà làm thể «yết-hậu», là từ Trang-Định vương (莊定王) nhà Trần, nhưng tập thơ ấy thất-truyền, nay dẫn mấy bài của ông Chiêu Lý (昭離) vịnh như sau này, để cho biết thơ quốc-âm ta cũng đủ các thể vậy.

Nguyên khi ấy ông thấy hai cha con nhà kia cãi nhau, rồi đập phá tan-hoang cả nhà, ông mới tức-cảnh vịnh thực sự như sau này:

1º Cha mắng con hay đánh bạc
Ác lăn xăm-xăm chạy,
Gà kêu lên-lên về,
Quan ngắn hết, quan dài hết, ghê!

2º Con chế cha hay rượu
Một năm mười hai tháng,
Một tháng ba mươi ngày,
Hũ lớn cạn, hũ nhỏ cạn, hay!

3º Cha giận phá nhà
Trông lên nhà cửa nát,
Trông xuống vách tan rồi,
Cha thế ấy, con thế ấy, thôi!

Thể thơ « yết-hậu » này, nguyên do ông Trịnh Khải (鄭榮) nhà Đường bày ra đầu, nhưng thơ chữ Hán, cũng không thấy được mấy bài, nay dẫn vài bài như sau này, để làm tham-khảo.

Xưa ở Tàu có một viên tri-huyện tham-ô tàn-bạo, không việc gì không làm, lúc gặp trời hạn, lập đàn đảo-vũ, có một ông đồ làm bài yết-hậu để chế-nhạo rằng:

Huyện quan cầu vũ-trạch,
Vạn dân giai hoan-duyệt;
Bán dạ khai song khán,
Hảo nguyệt.

Dịch:

Quan huyện đi cầu mưa,
Vạn dân hết ta-thán;
Canh khuya mở cửa trông,
Trăng sáng!

Quan huyện nghe được, sai lính bắt ông đồ ấy đến, hống-hách trăm cách, có ý muốn xơi của mới tha tội cho, phải ông đồ cũng biết ít nhiều lý-sự

không thể nào dọa nạt được, bèn sai lính đánh mười tám roi, đuổi ra.

Ông đồ ấy học giỏi văn hay, gặp quan huyện hiếp-chế như vậy, lại tức mà phun ra một bài nữa.

Tác thi thập thất tự,
Bị tá nhất-thập-bát ;
Nhược hiến thiên vạn ngôn,
Tá sát !

Dịch :

Thơ ngâm mười bảy chữ,
Phạt đòn mười tám roi ;
Nếu dâng vạn-ngôn thư,
Giết tôi !

Ông huyện cho ông đồ là người ngạo-thượng, sai lính bắt giam lại, kết án đầy ra đất Tuy-dương.

Khi ông đồ bị đầy, có một ông cậu đi tiễn đưa ; ông cậu ấy mù một mắt, ông đồ lại vịnh một bài rằng :

Phát-phối khứ Tuy-dương,
Kiến cữu như kiến nương ;
Lưỡng nhân tề lệ hạ,
Tam hàng !

Dịch :

Đi đầy đất Tuy-dương,
Thấy cậu như mẹ còn ;
Hai ta sa nước mắt,
Ba hàng !

Thơ « Yết-hậu » bằng quốc-âm, ta lại có một thể 22 chữ, như bài say rượu của ông Chiêu-Lý vịnh sau này :

Sống ở nhân-gian đánh chén nhè,
Chết về âm-phủ ngáy khè-khè.
Diêm-vương phán hỏi rằng ai đó ?
Be !

Ông Chiêu-Lý tên là Phạm Thái (范彩) người thôn Yên-thị (安市) xã Yên-thường (安常社 phủ Từ-sơn, xứ Kinh-bắc (tức tỉnh Bắc-ninh bây giờ), ông là con trai Trạch-trung hầu-tước nhà Lê, tư-chất rất thông-minh, học giỏi văn hay, và rất sở-trường về thơ-văn quốc-âm, vì gặp vận nhà Lê suy-vi, Hầu-tước lại vì nước tuẫn-nạn, ông mồ-côi sớm, ngoài xem vận nước, trong ngó lại cái cảnh gia-đình, rất lấy làm buồn-bã, nhân sinh cái lòng yếm-thế, cạo tóc đi tu, hiệu là Phổ-chiêu thiền-sư (普昭禪師), năm 1801 ông mới 25 tuổi, ông lại hồi-tục.

Ông có quen với Thanh-xuyên-hầu là con Kiến-xuyên-hầu, người làng Thanh-nê, xứ Sơn-nam (山南處), (tức tỉnh Nam-định bây giờ, nhân thường đến nhà Kiến-xuyên-hầu chơi, ông Hầu thấy ông là một vị thiếu-niên công-tử, thông-minh khác thường, có lòng yêu, nhân lấy một bức đồ mỹ-nữ, bảo ông vịnh một bài thơ, hạn trong mười chén rượu phải vịnh xong, thuận-độc thành thơ chữ Hán, nghịch-độc thành thơ quốc-âm, ông liền vịnh xong, Kiến-xuyên-hầu rất khen ngợi, có phê bốn chữ rằng « thanh-quang thắng-tuyệt » (清光勝絕). Thơ như sau này :

Thanh xuân tỏa liễu lãnh tiêu phòng,
青春鎖柳冷椒房
Cầm trục đình châm ngại điểm trang ;
錦軸停針礙點妝
Thanh đẳng độ liên pha-phất lục,
情等度蓮披拂綠
Bạm hy tàn các thác-sơ hoàng ;
淡希殘菊托疎黃
Tình si dị tỏ liêm biên nguyệt,
情癡易訴簾邊月
Mộng xúc tăng liêu trướng đỉnh sương ;
夢觸增撩帳頂霜
Tranh khúc cường khiêu sầu mỗi bạn,
箏曲強挑愁每伴
Oanh ca nhật vĩnh các tiêu hương.
鶯歌日永各消香

Bài thơ này đọc ra quốc-âm :

Hương-tiêu các vắng nhật ca oanh,
Bạn mối sầu khêu gượng khúc tranh ;
Sương đỉnh trướng trêu từng giục mộng,
Nguyệt bên rèm tỏ dễ si tình ;

Vàng thưa-thớt cúc bay hơi đạm,
Lục phất-phơ sen độ đáng thanh ;
Trang-điểm ngại kim dừng trục cầm,
Phòng tiêu lạnh-lẽo khóa xuân xanh.

Chỗ tuyệt-diệu của bài thơ này, là viết ra có một thứ chữ mà đọc ra thành hai thứ tiếng.

Nước ta từ xưa chưa có thứ chữ quốc-ngữ bằng chữ La-mã, phải mượn chữ Tàu, hoặc thêm hoặc bớt, chế ra một thứ chữ gọi là chữ nôm, để viết tiếng ta, hoặc mượn cái tiếng, hoặc mượn cái nghĩa, bài thơ chữ Hán dẫn trên này, đều là dùng chữ Hán mà đọc thành tiếng Nôm, xem rất thần-diệu.

Ông Chiêu Lý lại có hai bài thơ tự-thuật rất là siêu-thoát, xem hai bài này, cũng đủ biết thân-thế và cảnh-ngộ của ông ra thế nào.

1º *Có ai muốn biết tuổi tên chi,*
Vừa chẵn ba-mươi gọi chú Lý ;
Năm bảy bài thơ gầy gối hạc,
Một vài đứa trẻ béo răng nghé ;
Tranh vẽ sơn-thủy mầu nhem-nhuốc,
Bầu dốc kiền-khôn rượu bấm-be ;
Miễn được ngày nào cho sướng kiếp,
Sống thì nuôi lấy chết chôn đi.

2º *Năm bảy năm nay những loạn-ly,*
Cũng thời thân-phận cũng thôi thì ;
Ba mươi tuổi lẻ là bao nả,
Năm sáu đời vua khéo chán ghê !
Một túi thơ đầy ngâm sảng-sảng,
Vài nơi rượu kếch nốc tỷ-tỷ ;
Chết về tiên-bụt cho xong kiếp,
Đeo họa trần-gian sống mãi chi.

.·.

Sách có câu : *Cầu quan tu loạn-thế, mịch phú tại hoang-niên.* Nghĩa là đời loạn dễ làm quan, năm mất mùa dễ làm giàu, mà thật vậy. Ở Hà-nội mấy mươi năm về trước, gặp cơn loạn-lạc, nhiều người không ra gì mà được làm quan, cho nên tục có câu rằng : « *Trời làm một hội lăng-nhăng ông hóa ra thằng thằng hóa ra ông.* » Cô chú bán gà kia, được làm chức tri-huyện ở huyện sở-tại đây, là huyện Thọ-xương (壽昌縣) nên ông Ba-Giai có bài thơ rằng :

Khéo ngẩn ngơ thay ! chú bán gà,
Tuy-toe trọng-nhậm chốn phồn-hoa...
.....
Cũng toan ăn quần trong thành-phố...

Bài thơ có thú-vị như vậy, mà tôi chỉ nhớ được có ba câu, thực cũng tiếc thay !

.·.

Vịnh thơ mà bắt phải dụng những vận khó, không phải là người có xảo-tứ, không dễ làm được. Như thơ vịnh cái chuông mà bắt phải dùng vận « Uông » ; thơ vịnh con voi, mà bạn phải dụng vận « Gà », đều là vận cay chua cả, thế mà xưa có người vịnh hai câu thơ ấy rằng :

1º Thơ vịnh cái chuông, dụng vận « Uông » :

Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông,
Cùng bảo nhau rằng : ấy ái uông !

2º Thơ vịnh con voi, dụng vận « Gà ».

Phèng-phèng cồng đánh tiếng xa-xa,
Chẳng phải voi xin cuộc một gà.

Tuy là mấy câu thơ chơi, mà cũng phải bậc người có tài-tình, mới vịnh ra được có thú-vị như vậy. Tương-truyền là câu thơ của ông Trạng Quỳnh, không biết phải không ?

Lại như bài thơ vịnh « Hang núi Sài-sơn » mà bắt dụng vận « Hom », cũng là một vận rất khó, cô Hồ Xuân-Hương vịnh rằng :

Tạo-hóa sinh ra có một chòm,
Xoi ra một lỗ hỏm-hòm-hom ;
Giọt nước hữu-tình rơi thánh-thót,
Con đường vô-tích tối om-om.

Thơ vịnh hang núi, mà có chỗ cảm-xúc sâu xa, thơ của cô Hồ Xuân-Hương, phần nhiều như vậy, cho nên đọc một bài này, đủ biết giọng thơ-văn của cô ra thế nào.

Cô Hồ Xuân-Hương người làng Quỳnh-đôi (瓊堆), huyện Quỳnh-lưu (瓊瑠), xứ Nghệ-an, con gái ông Hồ Phi-Diễn (胡丕衍), cháu họ ông Hồ Phi-Tích (胡丕績). Xưa ông Tích ra làm quan ở ngoài Bắc, ông thân-sinh cô là ông Diễn đi theo ra dạy học ở Hải-dương, nhân cưới vợ hầu ở đấy, mà sinh ra cô (xuất trong tập gia-phả của họ Hồ Quỳnh-đôi), cô có tài làm thơ quốc-âm, lúc cô đã lấy ông phủ Vĩnh-tường (永祥), hai vợ chồng cùng nhau ngao-du sơn-thủy, mỗi khi gặp nơi thắng-cảnh, cùng nhau ngâm-vịnh, có khi bồi-hồi không nỡ bỏ đi, phụ-lão truyền lại rằng: « Có một hôm hai vợ chồng cô lên chơi núi Sài-sơn (柴山) thấy có một cái hang núi tự-nhiên mà xem rất có thú, cô bảo ông Phủ vịnh một bài tức-cảnh, hạn lấy vận « Hom », ông Phủ nghĩ mãi không ra bài, cô liền đọc một bài tứ tuyệt như trên kia.»

(*Còn nữa*)

Sở-cuồng

HỒN NƯỚC

Trong một cái rừng lù-mù kia, cây thì sâu cành đỏ lá, xiêu ngang đổ dọc; cây thì rườm-rà tươi-tốt, đỏ ngành xanh ngọn; ấy sao? Khách lâm-quan suy-cứu đến điều đó, thường cho những cây khốn-nạn ấy là tự sức-lực không đủ tự-dưỡng; mà cây rườm-rà tươi-tốt đỏ ngành xanh ngọn là tự sức-lực có thừa, cho nên tự-dưỡng được đầy-đủ, được giàu thịnh. Sức-lực là gì? là nhờ về phần gốc có nở-nang, có vững-chãi chắc-chắn. Ấy nước nhà sở-dĩ quan hệ với dân, cũng như cái cây mà quan-hệ với gốc. Người xưa bảo: « Dân làm gốc nước » (民爲邦本) là thế, dân có giàu-mạnh thì nước mới giàu-mạnh, nước mà suy-hèn yếu-ớt là tự dân phần nhiều hôn-ám nhu-nhược.

Nước ta thuộc về ôn-đới, ở nam bán-đảo châu Á, Ai-lao và Cao-miên giáp mặt tây, Chi-na giáp mặt bắc, còn đông và nam giáp bể Thái-bình. Cứ như đồ bản hiện-kim thì ba đoạn, đoạn trên là Bắc-kỳ và dưới là Nam-kỳ, thì phình rộng ra, còn Trung-kỳ là đoạn giữa thì thắt hẹp lại. Nước non gấm vóc, như thêu như vẽ, kẻ suy về hình-thế tỉ-dụ như là « một cái đòn, gánh hai quang gạo » (一擔擡兩筐). Theo số thống-kế năm 1930 thì dân-số được trên dưới là 19 triệu.

Giang-sơn ấy, dân-tộc ấy, đã có một cái hồn chung gọi là «hồn nước» chưa?

Hai tiếng « hồn nước », người Tàu nói trước, mới xuất-hiện ra cách đây ba-mươi năm, tự Lương Khải-Siêu làm bộ sách *Trung-quốc-hồn* 中國魂 (Hồn nước Tàu) trước nhất. Người Nam ta theo sau, người thì ra tờ báo *Việt-Nam-hồn* 越南魂, kẻ thì ra tập thơ *Chiêu hồn nước*. Các báo chí cũng thường nói đến « quốc-hồn », « hồn nước.»

Trộm nghĩ « hồn nước », hai tiếng lan rộng khắp cả hoàn-cảnh. Phong-tục thuần-mĩ chẳng là hồn nước doanh-đạt đấy ư? Công-nghệ tinh-xảo chẳng là hồn nước uất-mậu đấy ư? Lễ-nghĩa thi-trương, học-tập tiến-ích, lại chẳng là hồn nước hưng-khởi đấy ư? Nào rộng đường kinh tế, nào cao nền giao-thiệp, lại chẳng là hồn nước tỉnh-ngộ đấy ư? Không kỳ những khi xông-pha

mũi tên hòn đạn, chống giáo nâm sương, là khi hoành-hành việc vũ mới cho là hồn nước phục-hưng.

Nhân tiện bàn về hồn nước, tôi đây trộm suy ngược về lịch-sử và khảo rộng ra. Vậy muốn khảo về hồn nước xưa nay «linh-lợi», hay «bình-tĩnh» hay, « mờ tối » thế nào, phải xét đến gốc nước là dân trước đã. Mà muốn xét đến dân lại phải lược xét lịch-sử mọi triều, mới có chỗ làm căn-bản cho việc khảo-chứng.

.·.

1.— Triều Hồng-bàng 鴻 厖 20 đời, 2622 năm. Khởi năm nhâm-tuất, mất năm quý-mão (2879-256 trước Gia-tô).

Triều Hồng-bàng thuộc đời Thái-hoàng nước ta, gọi nước là Xích-quỷ 赤 鬼 lại đổi là Văn-lang 文 郎, chia bộ đặt quan, dựng đô sửa chính, nghề thủy thì dạy dân chài lưới, nghề nông thì dạy dân trồng-trọt. Rồi lại thông-hiếu với nhà Đường nhà Châu, cùng là cử người dân Phù-đổng phá được giặc Ân, vũ-công lừng-lẫy. Thời-thế phôi-thai, hồn nước cũng mới khai-tạo.

2.— Triều Thục 蜀 một đời, 50 năm. Khởi giáp-thìn đến quý-tị (255-208 trước Gia-tô).

Thục An-dương-vương 蜀 安 陽 王 đắp Loa-thành ở xã Cổ-loa Bắc-ninh, là một nền kiến-trúc tối-cổ nước nhà. Vua lại đổi tên nước là Âu-lạc 甌 貉, phá được giặc Doanh-bồn. Dân Tử-liêm lại có người là Lý Ông-Trọng 李 翁 仲 nghề học tinh về nghĩa *Xuân-thu* và *Tả-truyện*, Tần Thủy-hoàng tìm sang ban cho quan-tước đến Tư-lệ-hiệu-úy, Hung-nô nghe tiếng phải phục. Hồn nước triều Thục chút đã linh-lợi.

3.—Triều Triệu 趙 năm đời, 97 năm. Khởi năm giáp-ngọ đến năm canh-ngọ (207-111, trước Gia-tô).

Triệu Đà 趙 陀 đổi Thục ra Triệu, gọi nước là Nam-Việt 南 越. Vua giận về bà Lã-hậu triều Hán cấm chợ ngăn sông, trở đường buôn-bán, nhân tự-xưng là hoàng-đế, cử binh chiếm đất Trường-sa. Lúc này Nam Bắc bình-đẳng, có lẽ Nam-triều quật-cường hơn, cho nên Hán Văn-đế sai sứ-thần là Lục Giả đưa thư sang, trong thư lời-lẽ khiêm tốn, có ý tự-hạ không dám khoe mình là Trung-quốc, bỉ người là Di-địch Như nói rằng: « Ông trước là vương, nay lại xưng đế, thế thì thiên-hạ hai vị hoàng-đế, tranh mà chẳng nhường, kẻ quân-tử không bao giờ làm... » Hồn nước Nam-Việt ảnh-hưởng đến cả Trung-quốc.

4.—Nội-thuộc lần thứ nhất (Tây-Hán 西 漢) 149 năm. Khởi năm tân-mùi đến năm kỷ-hợi (110 trước Gia-tô — 38 sau Gia-tô).

Nhà Hán đổi nước Nam-Việt là Giao-chỉ-quận 交 趾 郡, tên nước đã mất, hồn nước cũng theo mà mờ tối. Sau nhờ có hai quan Thái-thú là Tích-Quang 錫 光 dạy dân lấy lễ-nghĩa và Nhâm-Diên 壬 延 dạy dân lấy hôn-lễ, hồn nước vì đó còn lại.

5.— Triều Trưng 徵 ba năm, khởi năm canh-tí đến năm nhâm-dần (39-41).

Nhà Tây-Hán mạnh về vũ-lực, vua là Quang-Vũ, tôi là Mã Viện, giẹp đâu tan đấy, rợ Tiên-linh, rợ Tham-lang theo gió mà phục. Quan Thái-thú quận Giao-chỉ là Tô Định 蘇 定 ỷ quyền cậy thế, tham-bạo nhũng-lạm, lại giết cả đến lương-dân là Thi-Sách 詩 索. Bấy giờ vợ ông là bà Trưng Trắc 徵 側 cùng em gái là Trưng Nhị 徵 貳 khởi-binh báo thù. Lá cờ nương-tử, tiếng trống anh-thư, đuổi ngay Tô Định về Tàu, khôi phục lại được hơn 60 thành ở Lĩnh-nam. Vua tôi triều Hán đã phải kinh dị, quân tướng khó-nhọc, sáng sớm vận áo giáp, đêm khuya mới được ăn, phiền-phức tốn-phí, mãi sau mới giẹp yên được. Nữ-quyền nước ta khởi-

xướng tự đây, người Tàu biết An-Nam còn có người, không dám áp-chế quá nghiệt như cũ. Hồn nước hoạt-động được ngoài hai năm.

6.—Nội-thuộc lần thứ hai (Đông-Hán 東漢) 145 năm, khởi năm quí-mão đến năm đinh-mão (42-186).

Nội-thuộc lần này Hán-triều dùng nhiều người hiền sang bổ quan-lại, như ông Thái-thú Nhật-nam là Lý Thiện 李善 thì lấy ái-huệ làm chính, quan Thứ-sử Giao-chỉ là Trương Kiều 張喬 thì lấy thành-tín giẹp giặc. Giả Kiên 賈堅 đến quận dân hô là cha mà xuất-thú. Xét ra non-sông tuy mất cả quyền tự-do, mà hồn nước dìu-dặt không đến nỗi mờ tối.

7. — Họ Sĩ 士 40 năm, tự năm mậu-thìn đến năm đinh-vị (187-226).

Đời Sĩ-Nhiếp 士燮 cũng thuộc về Đông-Hán, duy Sĩ-Nhiếp tính về nghĩa *Thượng-thư* cùng *Tả-truyện*, khi làm Thứ-sử ở Giao-châu có lượng khoan-dung bao-tuất. Mỗi khi việc công rỗi-rãi, ông đem văn-học dạy dân, nghĩa là từ ông về trước dân ta không phải là toàn vô-học, song học còn mỗ-mãng, sách còn ít-ỏi, thầy thì trễ-nải. Kịp được ông sang giáo-hóa, nguồn đạo tẩm sâu, lửa văn soi tỏ, đồng-dân tôn-xưng là Sĩ-vương-tiên 士王仙, lại hô là Nam giao học-tổ 南交學祖. Vì vậy sử-thị chép riêng họ Sĩ về một thời-đại mà không phụ vào đời Nội-thuộc. Hai cái hồn Chi-na và Giao-châu gặp nhau phối-hợp mà diễn ra cái văn-hóa tối-cổ ở Đông dương, từ đây là đầu.

8.— Nội-thuộc lần thứ ba (Nam Bắc triều 南北朝) 319 năm, tự năm đinh-vị đến năm ất sửu (226-544).

Sau đời họ Sĩ, nước ta chìm-đắm hết vào tay Lưỡng-Tấn thì lại chuyển sang Nam-Bắc-triều, thời-thế xoay-đổi như tấn trò, vai này vai khác, mạnh được yếu thua, thôi thì tham-quan ô-lại, không thiếu một hạng nào. Loạn đã cực, quận Cửu-chân có bà Triệu Âu 趙嫗 chiêu-tập nghĩa-dũng, mở cờ khôi-phục, bà tự khoác áo hoàng-bào ngồi trên đầu voi, đốc-suất cho bọn thủ-hạ giao chiến, quân Tàu thất-đảm reo bà là « Lệ-hải bà-vương 癘海婆王» mà xin ra hàng. Hiềm vì mệnh trời ghét kẻ đa-tài, má hồng đen-đủi, hồn nước vừa như ngọn lửa bốc lên, lại bị gió mưa nén lại. Sau nhờ có hai quan Tàu là Đào Hoàng 陶璜 và Đỗ Tuệ-Độ 杜慧度 thay làm Thứ-sử, nổi tiếng năng-lại, dân ta nương-tựa khỏi nỗi lầm-than.

9. — Triều Lý 李 ba đời, 67 năm, khởi năm ất-sửu đến năm quý-hợi (544 - 602).

Khi nội-thuộc Lương, Tiêu Tư 蕭諮 làm Thứ-sử, hà-khắc độc-ác. Dân ta có Lý Bôn 李賁, gia-thế hào-hữu, văn-vũ gồm tài, nhân tuyên-bố cùng quốc-dân phản-đối người Tàu, Tiêu Tư sợ trốn về Quảng-châu. Ông Bôn tự xưng là Nam-Việt đế 南越帝, kỷ-nguyên là Thiên-đức 天德, gọi nước là Vạn-xuân 萬春, nghiễm-nhiên trời nam thành một đế-quốc.

Không lâu quân Lương lại sang, ông ủy quyền cho quan Tả tướng là Triệu Quang-Phục 趙光復 đốc-chiến, còn ông quy-ẩn vào động Khuất-liêu.

Từ đây nhất quốc lưỡng vương, tranh nhau lộn bậy, anh ông Bôn là Thiên-bảo 天寶 xưng là Đào-lang-vương 桃郎王, Triệu Quang-Phục phá được quân Lương cũng xưng là Việt-vương 越王. Về sau Lý Phật-Tử 李佛子 là viên tộc-tướng của ông Bôn, cùng với Việt-vương trước là kẻ thù, rồi lại đổi thù ra thông-gia. Vì thế Phật-Tử áp-đảo được Việt-vương, tự xưng là Hậu-Lý Nam-đế 後李南帝. Hồn nước triều Lý phảng-phất đã có cái cơ tự-lập.

10. — Nội thuộc lần thứ tư. (Tùy, Đường 隋 唐) 336 năm, tự năm quí-hợi, đến năm mậu-tuất (602-938).

Thế-kỷ thứ 7 đến thứ 10, nước ta nội-thuộc hết Tùy rồi Đường, trải một quãng thời-gian rất dài xưa nay chưa có. Song trong lúc hồn nước mờ-tối, đôi khi lại có tia sáng chiếu ra, Hoan-châu có kẻ xưng là Hắc-đế 黑帝, tức là ông Mai Thúc-Loan 梅叔鸞, Giao-châu có kẻ xưng là Bố-cái đại-vương 布蓋大王, tức là ông Phùng Hưng 馮興. Hai ông ấy cũng có quan-hệ đến cuộc khởi-xướng ra nền tự-chủ nước nhà.

11. — Triều Ngô 吳 hai đời, 27 năm, khởi năm kỷ-hợi, mất năm ất-sửu (939-965).

Ngô Quyền 吳權 mắt sáng như điện, bước chậm như hổ, năm đinh-dậu bày trận ở sông Bạch-đằng, phá được quân Hoằng-Thao, năm kỷ-hợi tự-xưng là Ngô-vương 吳王, đặt ra quan-lại, định ra phục-sức và chế ra triều-nghi, chính-trị đời duy-tân có vẻ rực-rỡ khá coi.

Năm giáp-thìn vương bị bệnh mất, thác chính cho anh vợ là Dương Tam-Kha 楊三哥. Tam-Kha cướp ngôi, tiếm xưng là Bình-vương 平王. Sáu năm sau con thứ vương là Xương-Văn 昌文 thu-phục lại nước, xưng là Hậu-Ngô-vương 後吳王. Hồn nước lúc này so với thời họ Mai họ Phùng xuất-sắc phần nhiều.

12. — Đời Sứ-quân 使君 hai năm, khởi năm bính-dần đến năm đinh-mão (966-967)

Hậu-Ngô vương chết trở về sau, thế nước đã suy, lòng dân lại ly-tán, loạn-lạc dấy lên như ong. Ngô Xương-Xí 吳昌熙 là con Hậu-Ngô-vương giữ đất Bình-kiều; Ngô Nhật-Khánh 吳日慶 giữ Lập-dương-lâm; Kiều Tam-Chế 喬三制 giữ Phong-châu; Nguyễn Văn-Bình 阮文平 giữ Tam-đới và Nguyễn Gia-Trang; Đỗ Cảnh-Thạc 杜景碩 giữ Động-giang, Nguyễn Lệnh-Công 阮令公 giữ Tây-phù-liệt; Lữ Tả-Đường 呂佐唐 giữ Tế-giang; Nguyễn Thủ 阮守 giữ Tiên-du; Lý Lang-Công 李郎公 giữ Siêu-loại; Kiều Lệnh-Công 喬令公 giữ Hồi-hồ; Phạm Phong Ất 范房逸 giữ Bạch-đằng; Trần Minh-Công 陳明公 giữ Bố-hải; gọi là 12 Sứ-quân 十二使君, mỗi người cát-cứ mỗi phương, lửa binh rộn-rạc, gió thét mưa gầm, máu chứa thành bể, xương chất thành cồn, trăm dân không có nơi làm sinh-nghiệp. Hồn nước rất là mờ-tối, vì như một chàng bệnh phù mới tỉnh, mà đã trèo non vượt bể vậy.

13. — Triều Đinh 丁 hai đời, 13 năm, khởi năm mậu-thìn mất năm canh-thìn (968-980).

Cõi nam khởi nền đế-thống, sử-ký cho tự triều Đinh là trước, hồn nước cũng theo đế-thống ấy mà bành-trướng, mà hoạt-bát.

Vua Đinh người ở Hoa-lư, tên là Bộ-Lĩnh 部領, là con ông Đinh Công-Trứ 丁公著. Còn bé chơi cùng trẻ mục-đồng, khoanh tay làm kiệu, bẻ lau làm cờ, nghi-vệ như một ông thiên-tử. Lớn lên gặp lúc nước nhà rối-loạn, 12 Sứ-quân chia nhau cát-cứ, vua nhân đến nhờ ông Trần Minh-Công là một phần sứ-quân ở Bố-hải. Minh-Công mất, sẵn có binh-quyền trong tay, vua liền đem ra giẹp loạn, qua đâu lướt đấy, tự-hiệu là Vạn-thắng-vương 萬勝王.

Đảng Sứ-quân đã bình, quần-thần tôn vua là Tiên-hoàng-đế 先皇帝, kỷ-nguyên là Thái-bình 太平, nước gọi là Đại-Cồ-Việt 大瞿越, định đô ở Hoa-lư-thành. Và lại chia nước làm 12 đạo, chế ra hình-pháp, đặt mọi quan-lại cai-trị. Ở ngôi 12 năm, truyền cho con thứ là Toàn 璇.

Toàn làm vua mới 6 tuổi, mẹ là Dương-hậu nhiếp-chính, quan Thập-đạo tướng-quân là Lê Hoàn ra vào cung cấm, đối với Dương-hậu có chút tư-tình. Vì vậy Lê Hoàn thoán-nghịch, đổi Đinh làm Lê.

14.—Triều Lê 黎 ba đời, 29 năm, khởi năm tân-tị, mất năm kỷ-dậu (981-1009).

Lê Hoàn lên ngôi vua xưng là Đại hành 大 行, dựng bà Dương-hậu cũ lên làm hoàng-hậu, kể trong gia-đình thì luân-thường rối loạn, không thể làm phép cho thiên-hạ, song xét kỹ bề ngoài, bắc phá được giặc Tống, nam bình được giặc Chiêm, hồn nước vì đó thêm cứng.

Đại-hành mất, con là Long-Việt 龍 鉞 nối ngôi, sau bị Long-Đĩnh 龍 錠 là em giết mất. Long-Đĩnh tửu-sắc hoang-dâm, thành ra phế-tật, chỉ nằm mà coi triều-chính, vì thế gọi là Ngọa-triều. Gia-dĩ hình-pháp khốc-nghiệt, tính lại hiếu-sát, bạ-dân oán-thán mà không dám nói.

15. — Triều Lý 李 tám đời 216 năm, khởi năm Canh-tuất, mất năm Ất-dậu (1010-1225).

Triều Lý minh-quân nhiều, hiền-tá bẫy, ngoài ra hôn-chủ ám lại không mấy, cho nên văn-mô vũ-liệt là cái linh-hồn của nước quang-minh hơn trước. Như vua thứ nhất là Thái-tổ 太 祖 húy là Công-Uẩn 公 蘊, gặp lúc triều Lê suy yếu, tiêu-tường khởi loạn, bọn Đào Cam-Mộc 陶 甘 沐 suy-đời lên. Rồi mà rời đô sang Thăng-long, vua tự tướng dẹp được dẳng giặc Hoan và Ái, Chiêm-thành Chân-lạp nghe tiếng vào thần-phục.

Vua thứ hai là Thái-tôn 太 宗, bình được Nùng, phục được Mán, phá được Chiêm-thành. Vận nước thịnh-trị, bốn phương không việc, vua lại chú ý về thực-nghiệp, ra lệnh để chế ngoại-hóa, lập ra xưởng dệt gấm, dạy bọn cung-nữ chăm nghề thủ-công, bao nhiêu gấm Tàu ban cho quần-thần còn vua thì dùng toàn gấm nhà.

Vua thứ tư là Nhân-tôn 仁 宗 dùng ông Thường-Kiệt 常 傑 đem quân đi đánh nhà Tống; hãm được hai châu Khâm và Liêm; cũng lúc ấy Tôn Đản 孫 覺 lại hãm được châu Ung, Sử-ký khen rằng: « Tự cổ chí kim, vũ-công trận này là thứ nhất »

16. — Triều Trần 陳 mười bốn đời 188 năm, khởi năm bính-tuất, mất năm qui-tị (1226-1413).

Triều Trần so với triều Lý, nghề vũ tương-đang, còn văn thắng-đoạt phần nhiều. Như đời vua Thái-tôn 太 宗 thì Thái-học sinh có phân ra Kinh và Trại, đường mây mở rộng, nhân-tài xô nhau tới cửa. Đời Thánh-tôn 聖 宗 mỗi khi thoái-triều, anh em tôn-thất đều vào nhà trong yến-ẩm, vua tự cùng chiếu cùng ngồi, cùng chăn cùng đắp, hữu-ái hòa-mục có vẻ phong-nhã tự-nhiên. Đời Nhân-tôn 仁 宗 có Nguyễn Thuyên 阮 詮 tiên-sinh làm ra văn nôm, quốc-văn từ đó ra đời. Lúc đó lại có rợ Thát-đát hùng-cứ bên Âu-châu, lan tới cả Chi-na, Kim vì đó tuyệt, Tống vì đó diệt, nghiễm-nhiên làm hoàng-đế mới trong trung-quốc, gọi là Nguyên-triều. Thanh-thế ấy, sức lực ấy, đi đâu ai là chẳng phục, chiếm-đoạt đất nào còn ai dám cự. Thế mà ngấp-ngó vừa tới cõi ta, vua Nhân-tôn mệnh đức Hưng-đạo đại-vương 興 道 大 王 thống-lĩnh mọi quân, và mở cuộc dân-nghị hỏi kế-hoạch các bậc phụ-lão. Tướng-sĩ cùng lòng, quốc-dân hợp-lực, một lần đánh mà phá được ở Hàm-tử, hai lần đánh mà phá được ở Tây-kết, ba lần đánh mà toàn-thắng ở Vạn-kiếp. Sau quân Nguyên lại sang, lớp chiến-trào này bành-trướng hơn trước, đức Hưng-đạo đại-vương ngài lại cùng quốc-dân đốc-chiến, đại-phá ngay được trên sông Bạch-đằng. Sơn-hà xã-tắc vững như âu vàng. Hồn nước sôi-nổi biết bao!

Về sau Trần-tô dần suy, thường bị nước ngoài lăng-nhục, đời Đế-Nghiễn 帝睍 giặc Chiêm thường vào quấy nhiễu, có bao đồ quốc-bảo phải giấu kỹ trong núi Thiên-kiện và am Khả-nẵng. Đời Thiếu-đế 少帝 vị Hồ Qui-Ly cướp ngôi, không bao lâu non sông đất nước lại xiêu giạt vào cái bề Tàu kia lần nữa. Hồn nước ẳng-ỏi khá thương.

17.— Nội-thuộc lần thứ 5 (Minh 明), 14 năm, tự năm giáp-ngọ đến năm đinh-mùi (1414-1427).

Người Minh lại đổi An-Nam làm Giao-chỉ, chia làm 10 phủ, 30 châu, đặt 12 vệ khống-chế các nơi địa-đầu yếu-hại. Thu cao thuế tơ, tăng nặng thuế thóc, vơ-vét hết sạch mỏ vàng mỏ bạc, và lại săn bạch-tượng, hải hồ-tiêu, mò châu cấm muối, nhiều điều hại dân. Từ năm giáp-ngọ đến năm mậu-tuất vừa được 5 năm, Lương-giang trời mở chân-nhân, có ông Lê Lợi 黎利 xướng nghĩa ra đời, xưng là Bình-định-vương 平定王. Can-qua khống tống, binh-hỏa tiêu-điều, kẻ sinh-linh lại bị cái thời-kỳ 10 năm bôn-ba, là thời-kỳ chiến-tranh người Nam cùng người Bắc. Hồn nước sắp quật-cường.

18.— Triều Lê 黎 26 đời, 357 năm, khởi năm mậu-thân mất năm giáp-thìn (1428-1784).

Giặc Minh quét sạch, ông Lê Lợi tự lên ngôi hoàng-đế, tức là vua Lê Thái-tổ 黎太祖, trải cơn binh-hỏa, tới hội thăng-bình, qua cái thời-đại bắc-thuộc, bước sang cái thời-đại tự-chủ, non sông mở mặt, hoa cỏ mừng xuân, đọc quốc-sử mà tới thế-kỷ thứ 15 này, ai sẵn có tâm-huyết, có nhiệt-thành, phủ kim hoài tích, hết thầy cổ-vũ thân-thưởng, hồn nước phảng-phất mà tự hân-yết trong tim trong óc. Đời Thái-tôn 太宗, đời Nhân-tôn 仁宗, quốc-dân bình-thường, đời Thánh-tôn 聖宗, thềm văn mở rộng, nền vũ xây cao, sử-thần vi như Hán Văn-đế và Đường Thái-tôn, Hai đời Hiến-tôn 憲宗 và Túc-tôn 肅宗 vận-hội vẫn hẹp. Đời Uy-mục-đế 威穆帝 trở xuống vua yếu tôi mạnh, trộm giặc đồi dấy, bọn quyền-thần tiếm-thiết, hết Mạc lại Trịnh, bốn phương non nước thành ra một bãi chiến-trường.

19.— Triều Tây-sơn 西山 hai đời, 17 năm, khởi năm ất-tị, mất năm tân-dậu (1785-1801).

Hai anh em Nguyễn Văn-Huệ 阮文惠 và Nguyễn Văn-Nhạc 阮文岳 khởi lên triều-đình Tây-sơn, chủ-ý lúc mới là phù Lê diệt Trịnh, bất-đồ Chiêu-thống-đế 昭統帝 ỷ lại người Thanh, cũng tưởng rước ông voi Tàu về chẳng bung-xung cho qua chuyện. Quân Thanh kéo sang Long-thành, uy-thế chấn-tủng, Tôn Sĩ-Nghi là tướng có ý khinh-địch. Ông Huệ ở Qui-nhơn được tin nổi giận, liền lập đàn tế thiên-địa, để chính vị-hiệu, kỷ-nguyên là Quang-trung 光中. Tế xong, tướng-sĩ kéo ra bắc-phạt tiến tới Thăng-long, quân Thanh kiêu-ngạo không cho ra gì, ông Huệ thân-đốc quân-sĩ xông vào trận tiền, quân Thanh tan vỡ, xô xuống sông Nhị-hà chết đuối quá nửa. Sĩ-Nghi may thoát thân trốn được. Trận này vào ngày mồng 5 tháng giêng, xưa nay ta giao-binh cùng Tàu chưa được toàn-thắng như vậy. Nên nay ở Thái-hà-ấp vẫn còn nhớ ngày kỷ-niệm, gọi là «Giỗ trận», tức là ngày hồn nước thiêng-liêng đến cực-điểm vậy. Đoạn rồi trong nước vô-sự, ông chứa góp binh-lương, quyết-kế khôi-phục lại Lưỡng-Quảng. Không may bị mất, con là Quang-Toản 光纘 nối ngôi, kỷ-nguyên là Cảnh-thịnh 景盛.

Anh-hùng thay vua Quang-trung, hào-kiệt thay vua Quang-trung, phỏng-sử vua Quang-trung mà thoát được cái lưới đoản-mệnh, có lẽ hai tỉnh Quảng, Đông và Tây cũng đã thu-nhập vào đồ-bản Tây-sơn. Thế mà sử-thần cho Tây-

sơn là ngụy-triều, nghị-luận chưa chắc đã đúng.

20. — Bản-triều 本朝 khởi năm nhâm-tuất (1802).

Bản-triều nguyên là thế-thần triều Lê, khởi tự đức Nguyễn Kim 玩 淦 làm Tả-vệ tiền tướng-quân đời Lê Chiêu-tôn. Lúc ấy Mạc Đăng Dung thoán-vị, ngài lẻn đi tìm hoàng-tử Ninh 寧 phù lên làm vua ở Ai-lao, đó là đời Trang-tôn 莊 宗 trung-hưng triều Lê.

Đức Nguyễn Kim bị thuốc độc mất, con là đức Nguyễn Hoàng 阮 潢 thay quyền, phụng-mệnh triều Lê vào kinh-lý trong Thuận-hóa, đời gọi là « Chúa Tiên ».

Về sau Lê triều thất-thế về Tây-sơn, đức Thế-tổ Cao-hoàng 世 祖 高 皇 ta ngài nghĩ đến công-nghiệp tiền-nhân mới tự ra tay chuyển loạn làm trị, đổi nguy ra an, lấy năm nhâm-tuất làm năm Gia-long 嘉 隆 (1802 1819) nguyên-niên. Ngài thật là bậc sáng-nghiệp anh-hùng, và cũng là bậc trung-hưng lệnh-chủ. Hồn nước theo đó mà phấn-khởi, trải qua đời Minh-mệnh 明 命 (1820 1840) đời Thiệu trị 紹 治 (1841 1847) càng ngày thêm rạng.

Tiền-bán thế-kỷ 19, là đời Tự-đức 嗣 德 (1848-1883) về sau, phong-trào văn-minh bành-trướng tự Âu-châu, các nước Đông-phương thường bị ngọn dư-ba ấy nó cuốn đổ. Trong phái liệt-cường văn-minh ấy nhất là người Anh hăng hái hơn cả, xem như ở Ấn-độ và Hương-cảng đều bị lung-lạc vào tay họ. Nước ta lúc ấy như miếng thịt ngon, không bị đồng-hóa với người Anh thì cũng suýt xâm-phạm về người Hà, vì vậy ta mới ỷ-lại vào người Pháp, nên mới có tờ « điều-ước Bảo-hộ » lập ở Huế ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884 (Kiến-phúc nguyên-niên).

Bảo-hộ là gì ? là bảo-nhiệm hộ-vệ hết thảy mọi việc của một nước chưa đủ sức tự-lập, nghĩa là khai-hóa cho cái nước mà chưa khai-hóa. Lúc trị-an thì mở-mang dạy-dỗ, lúc rối-loạn thì ngăn - ngừa cấm dẹp. Ấy nghĩa bảo-hộ là như vậy. Hồn nước trong thời-kỳ bảo-hộ ấy ra thế nào ? Lịch-sử đoạn này, cũng còn phân-vân, chưa thể đoán-định.

Như khi Đại-Pháp mới lập chính-phủ Bảo-hộ, ông Đề-đốc Hiệu, ông Thủ-khoa Cao và ông Hoàng-giáp Bích, thì chiêu-mộ quân-sĩ kháng-cự ngoài Bắc, ông Phan Đình-Phùng, ông Nguyễn Xuân-Ôn, và ông Nguyễn Hữu-Chỉnh thì mở cờ xướng nghĩa phản-đối trong Trung, hào-hiệp vừa thấy phiến-động, thì bị quân Pháp phá vỡ. Còn như Hoàng-Hoa-Thám và đảng Nguyễn Văn-Cẩm (Kỳ-đồng), đảng Mạc Thiên-bình (sư Thọ), đảng đội Cấn, hoặc đã công-thành phá-lũy, hoặc còn ẩn-núp bưng-bít, hoặc vài ba năm, hoặc mới một tháng, rồi kết-cục cũng bị lá cờ « ba sắc » rủ xuống mà che lấp cả.

Nước ta chưa có Bảo-hộ về trước, tuy thực là « độc-lập », mà danh-hiệu vẫn còn chửa phân-minh, thực-lực vẫn còn chửa sung-thiệm, cái tinh-thần tự-lập còn như phảng-phất mơ - màng. Nói đến quốc-hiệu, thì người Tàu có đặt cho mới được gọi. Nói đến quân-chủ, thì người Tàu còn phải sách-phong là quốc-vương. Đến như sĩ, nông, công, thương : Sĩ thì chuyên chuộng hư-văn, quen lối cử-tử; còn bé đi học thường nhảu miệng những câu : *cử trực thố uổng* 舉 直 措 枉, « cất kẻ ngay, bỏ kẻ queo », và như câu : *sử dân như thừa đại-tế* 使 民 如 承 大 祭, « sai khiến dân phải kính-cẩn như lúc đương vào tế », miệng đọc mà đầu rung tai nghe mà đầu gật tự-phụ là đức Khổng đã dạy, nho giả hơn kẻ vũ-phu là có đọc sách, có biết chữ, hiểu thấu những lời hay lẽ phải đem mà lợi-dụng. Kịp khi đoạt-giáp tranh-khôi, nhiệm-chức phò-lị, là khi có thể đem cái sở-học bấy lâu mà thi-hành, đem cái sở-chí bấy lâu mà giúp dân

phủ nước, bậc thực-hành ấy là bậc chính-nhân quân-tử, thượng-lưu xã-hội, không phụ với triều-đình, không phụ với sử-học, như cha họ Thiệu, như mẹ họ Đỗ, không được là mấy ; còn đứng hàng đa-số là phải vị-kỷ, chỉ tự-phụng cho phong-phú, dân có kiện-cáo, bên nào nặng túi thì phải, hơi đồng ít là trái, *trực* có thể biến ra *uổng*, queo có thể chuyển thành ngay; lòe dân nạt dân, hiếp dân cưỡng dân, khinh-bỉ dân, rẻ-rúng dân, vườn-tược gọi dân quét dọn, chơi-bời bắt dân võng-cáng, thôi thì hết sức phiền-ức, hết sự những lạm. Nông thì mặt rừng không hay khai-phá, mặt bể cũng vụng trưng-khẩn, đến như đê-điều cống-rả lại càng vô-tâm sơ-suất. Công thì chuyên-môn từng nhà, không chịu công-bố. Thương thì vị nghề nhỏ-mọn, buôn cái món lặt-vặt, tham cái lợi con-con, đến như cửa hàng to, mặt phố rộng, thì nhường cho người Tàu chiếm-đoạt. Nói đến tình-trạng như thế, nông-nỗi như thế, kẻ sốt-sắng chuyện đời phỏng có cầm lòng được chăng.

Ngày 11 tháng 5 năm 1884 chính-phủ Thanh bên Tàu đã ký tờ điều-ước ở Thiên-tân, trả quyền cho người Pháp bảo-hộ An-Nam, ngày mồng 6 tháng 6 năm ấy người Pháp lại lập tờ điều-ước Bảo-hộ ở Huế mà rồi nước ta tự gọi tên nước, vua ta tự là hoàng-đế. Đến như tú-dân thì cũng nhờ Bảo-hộ mà dần-dần thấy có khởi-sắc.

Tuy-nhiên, chính-thể mới dẫu có vẻ tốt đẹp hơn xưa, mà chưa phải là đã hoàn-toàn hẳn. Cái hồn nước dẫu không bị bó-buộc mờ-tối như hồi nội-thuộc nước Tàu khi xưa, mà cũng chưa có thể tự-do phát-siển được hẳn.

Thiết-tưởng cứ tình-thế như bây giờ, cách Bảo hộ xử-trí với nước Nam duy có một chính-sách lợi cho cái quốc-hồn Nam-Việt, là chính-sách bảo-hộ thành-thực, để cho người Nam quyền nội-trị mà Đại-Pháp chỉ giám-đốc mà thôi. Đó tức là cái chính-sách bảo-hộ chân-chính thuộc về phần Đại-Pháp và quân-chủ lập-hiến thuộc về phần Nam-triều, như ông Phạm Quỳnh đã chủ-trương bấy lâu nay.

Đã không nói đến quốc-hồn thì thôi, còn nói đến quốc-hồn thì duy chỉ có cái chính-sách bảo-hộ chân-chính đó là lợi cho hồn nước, chứ cái chính-sách trực-tiếp cai-trị là diệt hồn nước vậy.

Than ôi, hồn hỡi hồ hồn, tiếng còn dân còn, dân còn nước còn, nước còn thì hồn còn. Tôi đây hương-hoa cúng-dạng, muôn mong trời đất a-hộ, thần-tổ độ-trì, chứng cho hồn nước Việt-Nam cùng với hồn nước Đại-Pháp ngày càng thân-mật khẩn-khoản, ngày càng dồi-dào êm-ái, ngõ-hầu cái hạnh-phúc « Pháp Việt đề-huề » kia có ngày kết-quả được đầy-đủ, được vĩnh-viễn vô-cùng.

NHÂN-VÂN-ĐÌNH

KHẢO VỀ CÁCH-THỨC LÀM BÁO (1)

II

BIÊN-TẬP TỜ BÁO

1) **Những điều cốt-tử về cách biên-tập.** — Khi đã cóp-nhặt được các tin-tức rồi thì phải biên-tập ra, cái cách biên-tập có hai điều cốt-tử:

1) *Báo-cáo cho xác-thực.* — Người phóng-viên đối với người xem báo, vẫn có một cái nghĩa-vụ về đường đạo-đức, là cốt phải cung-cấp những tin-tức cho đích-xác. Không nên bịa-đặt những tin mới ra, cũng không nên làm điên-đảo mất sự-thực; không nên dụng-ý mà bịa ra, cũng không nên vô-ý mà làm sai đi; cá-nhân đối với cá-nhân còn phải trọng sự tin-thực, nữa là những người xem báo đọc những tin của phóng-viên biên-tập lại đó, nhiều ra thì đến hàng nghìn người, mà ít ra cũng đến hàng mấy trăm người. Vậy những lời phóng-viên biên-tập ra đó phải cốt là báo-cáo cho xác-thực. Trong khi biên-tập phải cẩn-thận mà làm, những điều sự-thực không nên bịa đặt thêm mà làm điên-đảo đi, những điều trọng-yếu cũng không nên bỏ sót mà làm mất chân-tướng đi; lại không nên hiệp cái tư-kiến của mình mà thiên bênh-vực cho một bên nào, hay là làm hại người ta.

2) *Dẫn cho người ta chú-ý phải xem.* — Những người xem báo khá chia làm hai hạng: Thứ nhất là hạng người rỗi-dài không có việc gì, hằng ngày mua lấy tờ báo, từ đầu đến đuôi đọc cho kỹ hết. Thứ hai là hạng người bận nhiều việc, mỗi ngày chỉ nhân lúc ăn cơm, hay là chợt nhân lúc nào bớt chút thì-giờ, mở tờ báo ra xem qua một lượt, thấy chỗ nào có đáng chú-ý thời mới đọc qua, còn thì chẳng thèm ngó đến nữa. Hạng người thứ nhất là đã có cái chứng nghiện báo, không kỳ tờ báo biên-tập ra thế nào, cũng là xem hết cả; người làm báo chỉ cốt chú-ý về hạng người thứ hai, làm thế nào cho được nhiều tin mới để dẫn-dụ cho hạng người thứ hai ấy phải để ý đến mà xem. Xưa kia, những người làm báo, cứ theo cái thể-tài văn kỷ-sự lối cũ, dàn bày sự-thực cứ theo cái thứ-tự việc trước việc sau, có khi những việc kể ra ở trên đầu tờ báo đều là việc nhỏ-mọn tế-toái cả; mà cái tính-thái của tờ báo để cho người ta xem phải chú-ý, thì lại dìm mãi ở dưới cuối tờ báo, mất cả cái hứng-thú dẫn cho người ta phải chú-ý mà xem; thậm-chí người biên-tập lại quen dùng cái lối văn tiểu-thuyết, cố-ý đem những sự người ta chú-ý xem để xuống cuối cùng; còn những tin hay tin mới về hạng người thứ hai thích xem, thì chỉ vì không khéo biên-tập, không hay làm cho người ta phải chú-ý đến, thành ra chỉ có hạng người nghiện báo đọc mà thôi, cái giá-trị tờ báo cũng vì thế mà giảm bớt đi. Cái nhược-điểm về cách làm báo như trên đã nói, thì trong báo-giới nước Mĩ khi xưa vẫn thường thấy, đã trải mấy lần cải-lương sửa-đổi mãi, mới tạo-thành ra được cái cách-thức mới, lúc biên tập tờ báo, không cứ gì là phải theo cái thứ-tự trước sau của sự-thực nó phát ra, chỉ xét xem cái điều gì người ta chú-ý xem

(1) Nguyên hán-văn của Từ Bảo-Hoàng 徐寶璜. Xem *Nam-Phong* số 172.

nhất thì đem kể ngay lên đầu, rồi mới kể đến tình-hình tường-tế. Cái cách-thức làm báo như trên ứng-dụng ra rất có thành-hiệu, các nhà làm báo phải nên bắt-chước theo mà làm.

2°) **Cách-thức làm báo.**—Cái cách-thức của tờ báo, chia ra có hai phần : một là phần *loát-yếu* của tờ báo, hai là phần *tường-ký* trong tờ báo. Những đoạn đầu trên tờ báo là phần *loát-yếu*, những đoạn thứ hai là phần *tường-ký*

Phần loát-yếu của tờ báo, là cốt lấy những điều tinh-thái của tờ báo và những điều giải-đáp đan-giản về vài vấn-đề cốt-yếu mà biên-tập lại cho rõ-ràng. Tờ báo nào cũng phải có cái tinh-thái của tờ báo ấy, nếu không thì không có cái giá-trị là tờ báo nữa. Những chỗ tinh-thái là để dẫn cho người ta phải xem đến, vậy phóng-viên phải nhận rõ trong các việc điều gì là tinh-thái, phải thuật rõ ngay lên đầu. Ngoài cái điều tinh-thái ấy ra, lại còn có mấy vấn-đề người xem báo muốn biết cho rõ-ràng, thì người phóng-viên cũng phải đồng-thời giải-đáp cho rõ, nhưng cũng không phải nói cho tường-tận quá ; vì những điều tường-ký trong tờ báo cũng tức là những điều giải-đáp tường-tế về mấy vấn-đề ấy mà thôi. Xem thế thì lúc biên-tập tờ báo, đoạn thứ nhất là phải trước phô những điều tinh-thái, rồi thứ hai đến giải-đáp mấy vấn-đề đan-giản cho rõ-ràng thì thôi, đó là những đoạn loát-yếu trong tờ báo ; còn đến như việc lặt-vặt không nên nói vào đó. Nếu vì phải theo văn-pháp, mà những điều tinh-thái không thể đặt lên trước những điều giải-đáp đan-giản được, thì trong những bài giải-đáp ấy chỗ nào là tinh-thái nên dùng chữ in to, để cho nó biểu-chương lên.

Những vấn-đề mà người xem báo muốn cần biết, đại-khái phân làm sáu, là : việc gì, ở chỗ nào, về lúc nào, người nào, vì sao, nó như thế nào. Đại-loại như cái việc hồi tháng năm năm 1918, chiếc tầu quân-hạm Sở-tài đi đến gần cửa sông Hán-khẩu đánh đắm chiếc tầu buôn là Giang-khoan, người xem báo đã thấy báo tin trên tờ báo, thì đã biết có việc ấy rồi, không cần phải hỏi là việc gì nữa, chỉ cần muốn biết chiếc tầu Giang-khoan ấy ngộ-hiểm ở chỗ nào, đắm về lúc nào, hành-khách những ai bị nạn, tầu binh Sở-tài vì sao lại đánh đắm tầu Giang-khoan, và cái tình-hình hai chiếc tầu ấy tổn-hại như thế nào. Cái chỗ tinh-thái về tin ấy tức là cái tin và trăm người cùng chôn trong bụng cá, vậy khi phóng-viên đăng tin lên tờ báo thì trong cái đoạn loát-yếu phải thuật lên trước rằng : Chết đuối đến vài trăm người ; rồi đan-giản kể rõ cái sự tầu Sở-tài đánh đắm tầu Giang-khoan, chìm ở chỗ khúc sông nào, chìm đắm vào lúc nào, người trọng-yếu bị nạn là những ai, vì cớ sao mà đến nỗi đánh đắm, và cái tình-hình tầu Sở-tài không can sao, tầu Giang-khoan đắm đò như thế nào. Sáu điều ấy không cứ là phải thuật tường hết cả, tựu-trung điều gì không quan-hệ lắm cũng không cần phải thuật ; còn như cái thứ-tự trước sau thì không nhất-định, vì trong sáu điều so xem điều gì trọng hơn cũng không nhất-định, ở tờ báo này thì điều này là trọng-yếu, đến tờ báo khác thì điều ấy lại là trọng vừa ; song người phóng-viên cứ theo giữ một qui-tắc, chỉ xét xem cái vấn-đề nào trọng-yếu hơn liệu mà đặt thứ-tự trên dưới, trước đặt cái vấn-đề trọng-yếu hơn nhất, rồi đến cái vấn-đề trọng vừa. Sau cái đoạn loát-yếu rồi, mới đặt đến đoạn tường-ký, phóng-viên cứ xét xem cái thứ-tự các tin-tức nó phát-sinh ra, liệu đặt trước sau mà thuật kỹ ở trong bài tường-ký ; nếu gặp ký không có mấy việc thì trong bài tường-ký cũng không phải phân từng đoạn, hoặc chỉ xem cái tính-chất mọi việc mà chia làm và đoạn ; cần phải phân đoạn là có hai lẽ.

1o) *Tiện-lợi.*—Trong bài tường-ký mà phân ra từng đoạn, thì người xem báo khi muốn tìm cái việc mình chú-ý muốn xem cũng dễ, bớt việc rườm, bớt thì-giờ, đó là một điều tiện-lợi. Vả lại cái thói quen người ta khi đọc một bài văn, vẫn thường dừng lại nghỉ, thì mới dễ nhớ được; nếu trong bài tường-ký mà phân ra từng đoạn, thì người xem báo được nhiều đoạn nghỉ hơn là đọc đại-dài; như thế những việc trong tờ báo dễ in vào óc người xem.

2o) *Mĩ-quan* — Trong một trang báo phải phân ra làm mấy cột, mỗi cột có và mươi dòng, mỗi dòng có hai ba mươi chữ, trang báo rộng đến hơn nghìn chữ (1), nếu không phân ra đoạn-lạc, thì khi xem không được đẹp bằng chia ra nhiều đoạn, mới là có phần mĩ-quan.

Trong các đoạn tường-thuật những việc trọng-yếu không hẳn là bằng nhau cả; người phóng-viên phải dùng cái phép loát-yếu, trước chép lấy những việc cốt-tử cần nhất, rồi mới đến những việc cần vừa. Bài tường-thuật dài hay ngắn thì tùy theo cái giá-trị cao-thấp của tờ báo; cái tờ báo có giá-trị cao, thì bài tường-thuật nên làm dài, cái tờ báo giá-trị thấp thì bài tường-thuật ngắn, những việc lặt-vặt đều nên san bỏ bớt đi. Vậy nên cũng là một tin mới, mà tờ báo ở tỉnh này đăng tin, kể dài ra đến hơn nghìn chữ, người thông-tin truyền sang đến tỉnh khác thì chỉ kể tóm-tắt trong và trăm chữ là xong; đó là vì cái giá-trị tờ báo kia ở về tỉnh khác, không cao bằng tờ báo ở bản-tỉnh, vậy nên những sự trong bài tường-thuật phải san bớt đi nhiều. Xem thế thì biết cái giá-trị của tờ báo mà thấp kém quá, thì cũng không cần phải tường-thuật cho lắm vậy.

3o) **Cái cách cóp nhặt các tin mới.** — Cóp nhặt lấy các tin mới cần có hai điều:

1) *Cần sao cho người xem phải chú-ý.* — Trong bài loát-yếu về tin gì phải nói rõ lên trước, hoặc in chữ to ra, thì thực là làm cho người ta phải chú ý đến tình-thái tờ báo, như thế thì dẫu người lắm việc chỉ xem đại-lược cũng phải lưu-ý đến mà xem; còn như người nghiện báo thì lại càng ham xem lắm. Tờ báo mà thêm được một người chú-ý thích xem, thì lại càng thêm đắt, vậy nên cái cách cóp nhặt tin mới, cũng có ích-lợi cho tờ báo nhiều lắm.

2) *Cốt làm cho tiện người xem báo.* — Trong bài loát-yếu, ngoài những điều tình-thái của tờ báo ra, lại phải chép lấy những bài đan-giản rõ-ràng, như thế thì tuy không có bài tường-thuật, nhưng cái bài loát-yếu ngắn cũng đã là một bài báo tin rõ-ràng; dẫu người bận việc đến đâu, chỉ xem qua lấy cái đoạn loát-yếu về tin mới lấy trong một thời-gian rất ngắn, cũng có thể biết được những điều cương-yếu về sự-tình hiện-thời trên thế-giới; dẫu không xem bài tường-thuật cũng không sao. Nếu mình đối với một việc gì mà chú-ý muốn xem cho biết rõ cả tình-hình, thì đã có bài tường-thuật, bài tường-thuật nào mà dài thì đã phải phân ra làm nhiều đoạn, người xem nếu hay đọc hết cả một lượt cũng được, nếu chỉ đọc qua lấy một đoạn, thì cũng đã hiểu rõ rồi. Vậy cái cách nhặt lấy tin mới mà chép lại cho giản-ước, cũng rất là tiện-lợi cho người xem lắm.

4o) **Các tờ báo Tàu còn nhiều chỗ nên cải-lương.** — Trong ít lâu nay các nhà làm báo trong nước Tàu cũng đã có tiến-bộ; nhưng cũng còn nhiều chỗ nên cải-lương; tựu-trung quan-hệ về việc biên-tập tờ báo nên cải-lương có ba điều:

1) *Nên theo cái cách-thức mới mà biên-chép tờ báo.* — Nước Tàu các viên

(1) Đây là nói về báo chữ tầu.

biên-tập tờ báo, vẫn thường làm cái lối văn kỷ-sự như các nhà văn-nhân trước, có khi làm mai-một mất cái tinh-thái của tờ báo đi; hoặc biên chép ra bài dài đến hơn nghìn chữ, mà chẳng có đoạn-lạc gì cả, nên không hay làm cho người ta chú-ý đến, vả lại muốn xem cũng khó, thường làm mất cả thì-giờ người xem báo; vậy nên cách biên-tập tờ báo phải nên cải-lương, là phải nên theo cái cách-thức mới để mà biên chép.

2) *Nên phân câu-đậu.* — Tờ báo Tàu thường ít khi chấm câu, vì chửa biết cái cách chấm câu là có ích-lợi lắm; chấm câu là dùng các dấu chấm, để cho văn-nghĩa lại càng rõ thêm ra, khiến cho người đọc báo được dễ hiểu. Văn báo chữ Tàu không phải là không rõ, những người đã đọc báo thì vẫn là hiểu biết ngay, nhưng cũng cần phải nên chấm câu, vì có chấm câu thì văn-nghĩa trong bài báo lại càng rõ hơn, những người ngày nay xem báo mà không được hiểu rõ lắm, rồi cũng có thể đọc mà hiểu ngay được. Nhiều người xem được báo, thì tự-khắc là nhiều người mua báo xem, nhiều người mua báo xem, thì cái phạm-vi ảnh-hưởng của tờ báo nó lan ra càng rộng, báo bán ra lại càng đắt; vậy nên sự chấm câu là có ích cho tờ báo lắm. Ta muốn dùng cái cách chấm câu, không phải như cái cách các nhà báo bây giờ cứ khuyên liền điểm liền đi đâu; khuyên liền điểm liền đi như thế thì không khác gì như là chửa khuyên chửa điểm, cái ý-nghĩa của văn-tự cũng không vì nét khuyên điểm ấy mà rõ thêm ra; cũng không phải là bắt-chước cả các dấu chấm của văn Tây đâu; chẳng qua chỉ lấy mấy cái dấu thích-dụng, như là lấy cái khuyên (o) để chấm câu, lấy cái chấm (.) để chấm đậu, lấy cái sổ (1) để tỏ cho rõ những cái danh-từ cố-hữu, như là những tên người tên đất, lấy cái vòng ( ) để phân-biệt những câu nói thuật lại.

3) *Bỏ hẳn cái thói dùng tờ báo làm chính-sách riêng.* — Cái chức-vụ cốt-tử của tờ báo, là cốt để cung-cấp được nhiều tin mới, nhưng đồng-thời cũng phải hết cái chức-trách dẫn-bảo cho dư-luận; vậy nên tờ báo đối với mọi việc đều phải có chủ-trương, hoặc là bảo-thủ hay tiến-thủ, hoặc là tán-thành hay phản-đối, hằng ngày đều phát-biểu cái ý-kiến ra bài xã-thuyết để làm ủng-hộ, như thế mới là chính-đáng. Chính-sách của tờ báo nào mà được như thế, thì chúng ta đối với cái ý-kiến của tờ báo chủ-trương, hoặc cũng có chỗ hoài-nghi, nhưng ta không thể trách tờ báo ấy có chủ-trương nhất-định được. Nói cho phải ra thì cái chính-sách của các nhà báo cũng phải nên giữ, nhưng tiếc cho rằng chính-sách các nhà báo bây giờ lại không được như thế, chỉ mượn tiếng là bênh-vực chính-sách, mà vẫn có cái ý tư-hiềm bịa đặt lời ra để chê bai đảng khác, xem như tờ cơ-quan báo của một chính-đảng kia, vì muốn làm cho đạt cái mục-đích về chính-trị, vậy đối với kẻ lĩnh-tụ về đảng khác, thường bịa-đặt ra một bài thật dài đăng lên tờ báo để nói phao đi, cho hỗn-loạn những lời phải trái lúc bấy giờ, lại mượn tiếng cho đẹp mà bảo đó là chính-sách của tờ báo. Lại hằng ngày muốn cho những người xem báo sinh lòng ác-cảm với đảng kia, thì thường đem những câu truyện ngắn, bịa truyện ra cho to, làm ra một bài rất là lâm-li thống-khái, chan-chứa đến nghìn lời nói, thành ra một bài đại-văn-chương để công-kích đảng kia, cũng mượn lấy tiếng tốt mà bảo rằng đó là chính sách của tờ báo. Tuy rằng cái ý-kiến với tờ báo vốn không thể phân-ly nhau được, nhưng cái chính-sách tờ báo nào mà chỉ to gan bịa lời nói phao, tuy rằng ở chính-

đảng kia vẫn nhận cho nó làm cái lợi-khí để hoạt-động chính-trị, nhưng tự cả toàn-thể báo-giới xem ra, thì phải nên trừ bỏ hẳn đi mới được, vì tờ báo chỉ cốt lấy những cái tin chính-đáng báo cho người xem, nay để những chỗ cột báo quí-báu ấy, đăng những câu bịa đặt nói phao nói xấu người ta, thế là không hết cái chức-vụ dẫn bảo dư-luận, mà lại bỏ mất cái chức-vụ báo tin chính-đáng cho người xem, thực là không hợp về cách làm báo vậy ; phương-chi lại hiệp lòng riêng bịa-đặt thêm ra, thì không phải là nhà đạo-đức nên làm như thế. Vả lại một bài chính-sách mà nói bịa ra thật dài, thì người xem bị nhiều điều bất-tiện, phải bỏ hẳn đi mới được. Làm cho người xem bị lừa là một điều bất tiện ; trong một bài dài mà làm cho người xem phải đò mãi mới biết được một vài dòng về tin mới, thì phí mất thì-giờ lắm, là hai điều bất-tiện ; người xem báo nếu biết được cái tin mới đích-xác, thì đối với mọi việc tự hay chủ trương lấy ; nếu tờ báo chỉ cốt cổ-động cho một chính-sách nào, thì lại hết sức làm cho người xem không hiểu đầu đuôi ra thế nào mà tự làm chủ-trương được, đó là ba điều bất-tiện.

5·) Cách biên-tập tờ báo nên sửa đổi lại cho gọn. — Năm xưa các tờ báo Kinh Hồ có đăng cái tin nói về « Bộ giao-thông vận - thâu hội-nghị khai-mạc », cứ xem nguyên-văn thì đủ biết khi xưa các nhà làm báo Tàu còn kém lắm.

Trong bài nguyên-văn (1) ấy dài đến hơn nghìn lời, mà không những là không có câu loát-yếu và chỗ tường-thuật, trong bài lại không có phân ra đoạn-lạc gì cả, không có chấm câu, cả toàn-thiên cứ theo cái thứ-tự công việc nó phát-sinh ra trước sau như thế nào thì dàn bày ra như thế ; đọc mãi cho đến dòng thứ hai-mươi-sáu, mới biết tin là Tào Tổng-trưởng vì bận việc không đến dự hội, ủy cho Lục Mộng-Hùng làm đại-biểu đọc bài huấn-từ, lại xem mãi đến dòng thứ ba-mươi-tám mới biết là Diệp-thứ-trưởng có đến dự hội đọc bài huấn-từ ; phải đọc cho hết cả bài báo mới biết được ngày hôm ấy trải qua có những việc gì, xem đọc đã khó mà tốn thì giờ lắm, và lại lời văn yếu-ớt không có khí-lực gì cả. Nếu theo cái cách-thức mới mà biên chép cho rõ công-việc, thì phải chấm câu, mà lời văn với cách-thức nên như sau này :

« — *Bộ giao-thông vận-thâu hội-nghị lần thứ nhất, mục-đích cốt mưu-tính việc vận-thâu cho thống-nhất, ngày hai-mươi bốn tháng này đã mượn sở Thiết-lộ hiệp-hội họp hội-đồng. Trước nhất do ông Lộ-chính tư-trưởng là Quan Canh-Lân làm chủ-tịch đọc bài khai-mạc* (sẽ thuật ở sau) ; *thứ hai đến ông Lục Mộng-Hùng thay mặt Tào Tổng-trưởng và ông Diệp thứ-trưởng lần-lượt đọc bài huấn-từ* (sẽ thuật sau) ; *rồi đến lượt đại-biểu hội-viên là Bình Sĩ-Nguyên đọc bài đáp từ* (sẽ thuật sau), *đều nói về việc thống-nhất các đường thiết-lộ vận-thâu cho là việc cần nhất. Cuối cùng có mấy ông hội-viên lần lượt lên diễn-thuyết, xong rồi vào tiệc trà chụp ảnh rồi giải-tán.*

« — *Đúng hai giờ ngày hôm ấy khai hội-đồng, có hai-mươi-nhăm ông hội-viên đến dự hội, tân-khách và viên-chức các bộ đến bàng-thính hơn bốn-mươi người. Tào Tổng-trưởng vì bận việc không đến dự hội, có ủy cho quan tham-sự là Lục Mộng Hùng ra thay mặt. Lời huấn-từ thì do hội-viên công-cử Trần Quốc-Hoa dịch ra tiếng Anh. Lời huấn-từ của Diệp thứ-trưởng thì do hội-viên công - cử Lưu Cảnh-San phiên-dịch. Hội-viên diễn-thuyết thì có*

(1) Lược bớt không dịch ra đây nữa.

hai ông cục-trưởng là Vương Cảnh-Xuân và Ngu Ngu ; tôn-khách diễn-thuyết thì có Lục Mộng-Hùng. Ngày hôm ấy làm lễ khai-mạc xong, từ sau cứ mỗi ngày từ hai giờ chiều đến sáu giờ, vẫn có nhóm họp ở sở Thiết-lộ hiệp hội, để bàn xét các nghị án ».

Lời khai-hội của quan tư-trưởng như sau : « Cuộc vận-thâu hội-nghị từ tháng mười năm ngoái đã ban rõ chương-trình rồi... Nay phải nên bỏ hết cái ý-kiến riêng của mình, cứ do cái lương-tâm mà xem xét cho phải ».

Lời huấn-từ của Tào tổng-trưởng như sau : « Cuộc vận-thâu chính là mệnh-mạch của các đường thiết-lộ ; các nước về việc vận-tải sắp đặt đã hoàn-bị cả rồi... Bao nhiêu những điều-tệ lầm lẫn khi trước, đều sửa đổi hết cả ».

Lời huấn-từ của Diệp thứ-trưởng như sau : « Cái vị-trí đường thiết-lộ ở Trung-quốc mỗi năm một khác. Nay phải nên nghị-định biện-pháp thế nào cho chóng thành, để thỏa lòng người mong đợi ».

Lời phúc-đáp của đại-biểu hội-viên Đinh-quân như sau : « Về việc thiết-lộ ở Trung-quốc, từ khi khai-biện đến nay đã hơn bốn-mươi năm. Nay chúng ta phải hết lòng làm cho việc vận-thâu càng thêm phát-đạt ».

Xem cái cách biên-tập lối mới như trên mà so với bài nguyên-văn cũ, thì đàng nào hơn kém đã rành ra đó, lại tỏ ra rằng cách-thức làm báo phải nên kíp sửa đổi lại. Nay đem cái cách biên-tập lối mới sẽ kể rõ như sau.

Bài biên-tập theo lối mới trên này chia ra hai phần : Đoạn đầu là phần loát-yếu, còn đoạn dưới là phần tường-ký. Phần loát-yếu câu mở đầu : « *Bộ giao-thông vận-thâu hội-nghị lần thứ nhất* » tức là tỏ ra cái tinh-thái về tin mới của tờ báo. Vì rằng bộ giao-thông là một cái cơ-quan trứ danh trong nước, mà cuộc vận-thâu hội-nghị là một cuộc mới bắt đầu, vả lại cái việc vận-tải ấy lại có quan-hệ đến phần nhiều các nhà buôn bán, những nhà học-giả muốn nghiên-cứu về cách vận-tải đường thiết-lộ cũng đều phải chú-ý, vậy nên cái câu : « *Bộ giao-thông vận-thâu hội-nghị lần thứ nhất* » chỉ độ mười chữ, mà tức là cái tinh-thái của tờ báo ở đó. Thứ hai đến câu : « *Mục-đích cốt mưu-tính việc vận-thâu cho thống-nhất* », vì rằng trong cái tin khai hội-nghị phải cốt biết cái cớ là vì lẽ gì nên phải nói rõ lên trước như vậy. Thứ nữa đến câu : « *Ngày hai-mươi-bốn tháng này đã mượn sở Thiết-lộ hiệp-hội họp hội-đồng* », trong mười sáu chữ ấy là nói rõ về việc họp hội-đồng và họp ở nơi nào, lúc nào. Còn như những câu nói về « *Ông Lộ-chính tư-trưởng là Quan Canh Lân làm chủ-tịch và ông Lục Mộng-Hùng thay mặt Tào tổng-thống, ông Diệp thứ-trưởng, ông đại-biểu hội-viên là Đinh Sĩ-Nguyên* », đều là nói rõ về những người nào đến dự hội. Còn đến những câu nói về « đọc lời khai-mạc, đọc bài huấn-từ đọc bài đáp-từ, rồi đến lần lượt diễn-thuyết, tiệc trà xong rồi giải-tán », đó đều là nói rõ về các việc vậy. Đến như mọi người diễn-thuyết cũng không có câu lạ khác, nên không kể lôi-thôi ra nữa, chỉ tóm lại một câu là : « Đều nói về việc thống-nhất các đường thiết-lộ vận-thâu là việc cần nhất ». Còn đến như việc hội bàn quyết-định như thế nào, thì khi ấy chưa bàn đến, nên cũng chưa nói rõ ra thế nào vậy. Trong một tin báo về việc gì, ở nơi nào, lúc nào, người nào, kết-cục như thế nào, năm cái vấn-đề đan-giản ấy phải giải-đáp ra cho rõ, cùng với cái tinh-thái về tin mới ấy, loát-yếu mà biên chép lại đã thành ra một tin báo gọn-gàng ai xem cũng hiểu, mà có thể biết được những việc trọng-yếu trong hội, tuy không đọc đến phần tường-ký cũng được. Còn đến

những việc đầu đuôi lặt-vặt đều biên chép cả vào phần tường-ký chia ra làm năm đoạn, để cho người dễ xem mà tra xét.

.·.

CÁCH ĐẶT ĐỀ-MỤC ĐẦU BÀI BÁO

Bài báo đã biên-tập rồi, thì phải đặt một cái đề-mục, do phóng-viên hay là người biên-tập phải tóm ý lại mà đặt lấy một cái đầu bài, để nói cho đạt mục-đích.

1· Cách đặt đề-mục đầu bài báo

Xét những cách đặt đề-mục đầu bài báo của các báo Tàu khá chia làm ba hạng, và cũng có mấy cách thường dùng, sẽ kể mấy lệ như sau.

Lệ thứ nhất

Hải-cảng Xâm-uy nhiễu-động.
Phái quá-khích thất-bại.

Tình-hình quân Tiệp-khắc chiếm-lĩnh Hải-xâm-uy (tin điện Đông-kinh ngày mồng 3.) — Quân Tiệp-khắc đã chiếm-lĩnh hết cả các sở hội-nghị thành-phố, nhà Ngân-hàng, nhà điện-báo của bản-bộ phái quá-khích ở Hải-xâm-uy (lược bớt).

Quân Tiệp-khắc lo tính mọi việc. — Quân Tiệp-khắc đã chiếm-lĩnh hết cả bản-bộ hội lao-binh ở Hải-xâm-uy, và đã đặt ra một chính-phủ là Tây-bá-lợi-á chính-phủ (lược bớt).

Lệ thứ hai

Vua Tuyên-thống tập võ,
Tuổi ngựa mới tập cưỡi ngựa.

Phép cũ nhà Thanh hoàng-đế phải tập võ, vua Tuyên-thống hiện nay 13 tuổi, chiếu lệ ra học tập cưỡi ngựa. Bà Cần-thái-phi đã sai quan Kiều-thanh-môn thị-vệ là Đô-Lâm làm chức giáo-thụ, những cách cưỡi ngựa thống-ngự buông-bắt, đều do chức giáo-thụ ấy hằng ngày luyện-tập. Hiện đã phái quan nội-đình là Tô-lạp-đát chuyên chở đất Hoàng-thổ để sửa đắp đường ngự-đạo trong cửa Cảnh-tinh. Đương khi sắc liễu dủ xanh, bông đào khoe đỏ, một roi giong-ruổi, bốn vó như bay, lại làm điểm-tô thêm đẹp cho xuân-sắc vườn Thượng-lâm vậy.

Lệ thứ ba

Tỉnh Hắc-long cũng phái đại-biểu đến tranh-biện về việc lâm-khoáng.

Tỉnh Cát-lâm đã phái đại-biểu vào Kinh tranh-biện về việc bỏ tờ hợp-đồng lâm-khoáng tá-khoản, nhưng cũng chưa ra manh-mối sao. Nghe đâu tỉnh Hắc-long-giang cũng phái Lương Thanh-Đức làm đại-biểu vào Kinh để trần-tình, đã có điện về yêu-cầu vào yết-kiến các quan.

Đề-mục đầu các bài báo Tàu khá chia làm ba hạng là chính-đề, phụ-đề và phân-đề. Trong lệ thứ nhất ở trên như câu: «*Hải-xâm-uy nhiễu-động*» là chính-đề; «*phái quá-khích thất-bại*» là phụ-đề; đến như câu: «*Tình-hình quân Tiệp-khắc chiếm lĩnh Hải-xâm-uy*», và «*quân Tiệp-khắc lo tính*», đều là phân-đề cả. Song những khi dùng đến cả ba đề-mục thì rất ít, phần nhiều các bài báo chỉ có đề-mục chính với đề-mục phụ, chứ không có phân-đề, xem như lệ thứ hai ở trên. Lại như những tin tân-văn ngắn-ngủi thì thường chỉ có đề-mục chính, đề-mục phụ cũng không, xem như lệ thứ ba ở trên.

Tờ báo có khi đăng những tin trong một tỉnh vào một chỗ, mà mỗi việc không có liên-tiếp với nhau, khi ấy ngoài đề-mục chính ra mỗi một việc lại có một đề-mục riêng để cho nó rõ, xem như lệ thứ tư sau này. Lại những khi đặt đề-mục chính thì thường nói tóm-tắt, như những câu: «*Cận-sự kỷ-yếu về tỉnh nào, yếu-văn vậng-chỉ về tỉnh Mỗ*» và những câu: *Tình-hình về tỉnh ấy gần đây*, và những: *việc linh-tinh về tỉnh ấy*, có khi nói tắt chỉ gọi là: «*Mỗ tỉnh thông tin*».

Lệ thứ tư

Việc vặt tỉnh Tích-giang.

Cổ-phần đường sắt. — Cổ-phần đường sắt Tích-giang đương tính-toán thanh-khoản để trả lại các nhà cổ-đông, v. v. (Lược).

Trả lãi công-trái. — Bộ Tài-chính sức cho các nơi tuần-biện tra xét, xem những ai có phiếu công-trái, đến kỳ đem ra mà lấy lãi, v. v. (Lược).

Tin về tư-pháp. — Bộ Tư-pháp đã ủy hai ông phái-viên đến Tích-giang tra xét, để đặt thêm ra các tòa địa-phương thẩm-phán, bỏ bớt cái chức tri-sự kiêm-lý việc tư-pháp đi.

2· Cách xếp đặt đề-mục

Cái cách xếp đặt đề-mục đầu bài báo tuy không có định hẳn ra thế nào, nhưng cũng đã có mấy cách thông-hành đã làm quen.

1) *Cách đặt chữ lớn chữ nhỏ.* — Chữ đặt đầu đề-mục chính thường to hơn chữ bài báo; chữ đặt đề-mục phụ và đề-mục riêng thường cũng bằng với chữ bài báo; lại có khi chữ đề-mục chính to hơn chữ đề-mục phụ và to hơn cả chữ đề-mục riêng, cũng có khi lại đều nhau cả, chứ không nhất-định; xem những lệ dẫn ra sau đây và đầu bài các báo thì sẽ biết.

2 *Số chữ đầu bài.* — Số chữ đầu bài chính với đầu bài phụ tuy không nhất-định, nhưng ít khi làm dài quá một dòng. Đến như đầu bài phụ thì không có cách-thức nhất-định, có khi chỉ một dòng (xem lệ 5), có khi đến hai dòng (xem lệ 6), có khi đến ba dòng, bốn dòng (xem lệ 7, lệ 8), có khi đến năm dòng trở lên, nhưng cũng ít khi dùng. Có khi một dòng có hai câu hoặc hai câu đối nhau (xem lệ 9); lại có khi một câu mà chia ra làm hai dòng (xem lệ 10). Còn như cách đặt dòng cao thấp, có khi đặt từng tầng cao mãi lên (xem lệ 7); có khi đặt thấp sụt dần xuống (xem lệ 8, lệ 9); các lệ sau này vẫn thường dùng mà hoạt-động để làm, nhất là cách đề-mục phụ.

Lệ thứ năm

Ô Lương-Bằi xin về nội-phụ,
Mong chính-phủ chú-ý lo toan.

Lệ thứ sáu

Cái nghị-án mở thương-phụ ở trong Nội-các.
Nghe đã thừa-nhận mở ra sáu nơi.
Thế-lực người ngoài sắp lấn vào khắp đất Nội-Mông.

Lệ thứ bảy

Việc tá-khoản tỉnh Cát-lâm lại tiến-hành.
Quan tỉnh-trưởng Cát-lâm tỏ đồng ý.
Người giới thiệu là Lục Tôn-Dư.
Bộ Nông thương vẫn phản-đối.

Lệ thứ tám

Tường-tình về cuộc đầu-phiếu nội tuyển-cử trung-ương.
Bộ thứ nhất còn khuyết bốn người chưa cử
Bộ thứ ba còn đương tranh nhau.
Bộ thứ sáu còn chưa tuyển-cử.
Còn các bộ đã tuyển-cử xong.

Lệ thứ chín

Thời-cục yếu-văn.

Ngô Bội-Phu hoãn-hòa.
Phùng Ngọc-Tường dũng-tiến.
Cuộc biến tỉnh Mân.
Lời điện họ Lý.
Trù-liệu tiền chiến-phí.
Thu lấy bạc hiện-ngân.

Lệ thứ mười

Kiếp vận huyện Lễ

Bách-tính trong thành,
Chỉ còn sót hai mươi bốn người.

3. Mục-đích về cách đặt đầu đề

Đặt đề-mục lên đầu bài báo mục-đích để làm gì? Ngoài đầu đề chính ra lại có đề-mục phụ, đề-mục riêng là dụng-ý làm gì, sẽ nói kỹ sau này.

Đặt đầu đề không phải là để cho đầy trang báo, tuy cũng có tờ báo vì không được nhiều tin-tức, mới đặt đề mục nhiều ra để cho đầy trang báo, nhưng đó không phải là cách chính-đáng. Tờ báo không được đủ tin-tức, chính là lộ ra cái cách nhà báo ấy đi cóp nhặt lấy tin không được tài giỏi, huống-chi lại đặt ra những đề-mục vô-vị để cho đầy vào những cột báo quí-báu ấy ư?

Đặt ra đề-mục cũng không phải là để phát-biểu ý-kiến, phát-biểu ý-kiến ra cái đề-mục trong tờ báo, chẳng phải là không nên làm, nhưng cũng phải có chừng hạn, chứ không nên làm cho mờ-tối mất cả mục-đích chân-chính. Tờ báo thường dùng đề-mục phụ để phát-biểu ý-kiến, chứ không hay dùng đề-mục chính với đề-mục riêng, sẽ xem lệ 11 lệ 12 sau này; song trong lệ 12 cái câu dùng để phát-biểu ý-kiến chỉ là dòng thứ hai ở đề-mục phụ mà thôi.

Cái mục-đích chân-chính đặt ra đề-mục có hai cách: Một là để dẫn cho người xem phải chú-ý, hai là tóm-tắt những nội-dung trong cái tin mới ấy mà nói tỏ ra.

1) *Dẫn cho người xem phải chú-ý.* — Chữ đề-mục chính thường to hơn chữ bài báo, chữ đề-mục phụ với đề-mục riêng cũng có lúc to hơn chữ bài báo, trên kia đã nói rõ cả rồi; vả lại ba cái đề-mục ấy vẫn đặt lên trên đầu bài báo thực là chiếm một cái địa-vị hơn cả, nếu hay khéo đặt để cho tỏ được cái tinh-thái tờ báo, và những sự thực trọng-yếu khác, thực là hay dẫn cho người xem phải chú-ý đến tờ báo, đó chính là một việc có ích cho tờ báo, cái mục-đích thứ nhất là cốt vì thế.

2) *Tóm tắt những nội-dung trong các tin mới mà nói rõ ra.* — Nếu đặt đầu đề mà ý-nghĩa được rõ-ràng, mà lại hay tỏ được cái tinh-thái của tờ báo và những điều sự-thực trọng-yếu khác, thì người xem đọc qua cũng đã đủ biết được nội-dung trong tờ báo. Những người không có thì giờ xem báo kỹ-càng, mà lại muốn biết những việc lớn trong thế-giới, chỉ xem qua đầu đề đã hiểu thì rất là tiện-lợi; vậy tờ báo phải đặt đề-mục thế nào cho rõ để cho những hạng người xem báo trên ấy được thỏa lòng. Mục-đích thứ hai đặt ra đầu đề là cốt tóm-tắt được nội-dung trong tờ báo.

Lệ thứ mười-một

Bộ Tài-chính muốn thực-hành thu lấy thuế.

Hơn là vay nợ ngoại-quốc mà chịu thiệt.

Lệ thứ mười hai

Cái nghị-án khai thương trong Nội-các.

Nghe đã thừa nhận mở sáu nơi.

Thế-lực ngoại-quốc từ đó lấn khắp đất Nội-Mông.

4. Cách đặt đề-mục

Muốn đặt ra đề-mục để cho đạt được hai mục-đích như trên, thì lúc nghĩ đặt đề-mục phải chú ý những việc sau này.

1) Trong đầu đề chính mà hay tỏ được tinh-thái của tờ báo, thì rất là hay, làm cho người ta phải chú-ý, vì rằng chữ đầu đề chính không những là to hơn chữ bài báo, mà lại to hơn chữ đầu đề phụ và to hơn cả chữ đầu đề riêng nữa, đầu đề chính lại đặt lên trên cả đầu đề phụ, đầu đề riêng. Xem như lệ thứ 13 nói về bốn người: Long, Tôn, Chu, Từ, và lệ thứ 14 nói về Vương Ấp - Đường, đều là những hạng nhân-vật phần nhiều người vẫn

chú-ý đến; lại xem như lệ thứ 15 nói về « Tình-thế mới đất Tây-tị-lị-á » chính là cái việc phần nhiều người dương chú-ý xem; cho nên những việc ấy là cái tình-thái của tờ báo phải nên nói rõ lên trên đầu đề chính.

2) Đầu đề phụ và đầu đề riêng là cốt để bổ thêm ý-tứ, nếu đầu đề chính đã nói rõ cả ý-tứ và đã thuật hết được những việc trọng-yếu trong bài báo rồi, thì không phải đặt thêm đầu đề phụ và đầu đề riêng nữa; nếu không thì mới phải đặt thêm đầu đề, hoặc hai hạng đầu đề ấy đặt thêm một đề, để bổ thêm ra. Xem như lệ thứ 13 ở sau, phần đầu đề chính ý-nghĩa đã rõ-ràng, ngoài cái việc « Đi tế ông Hạng-Thành » ra, không còn có việc gì cần nữa, vậy nên không phải đặt ra đầu đề phụ và đầu đề riêng nữa. Lại xem như lệ thứ 15, đầu đề chính chưa được rõ-ràng, cho nên phải đặt thêm một câu rằng: « Hoắc-nhĩ-ngõa-đặc lại tổ-chức Chính-phủ » để làm một đầu đề riêng cho rõ cái câu đầu đề chính nói về « Tình-thế mới đất Tây-tị-lị-á » nó biến đổi như thế nào. Lại xem như lệ 14 về phần đầu đề chính ý-nghĩa tuy đã rõ, nhưng vì trong cái tin ấy lại có cái việc « Phái An-phúc sắp đổi tên là Thái-bình », thì ai cũng chú-ý muốn xem, vậy phải đặt thêm một đầu đề phụ nữa để cho rõ. Những câu đầu đề riêng số chữ ít khi quá một dòng, mà đầu đề phụ cũng không có số chữ nhất-định là bao nhiêu; trong hai cách đầu đề ấy, đầu đề phụ rất hay giúp thêm cho đủ ý-tứ.

3) Đặt đầu đề không nên dụng chữ hàm-hồ, xem như lệ thứ mười-sáu với mười-bảy, ý-nghĩa câu đầu đề chính rất là hàm-hồ, vì rằng chữ tin mới với chữ tin gần đây phần nhiều đều là truyền-văn cả. Nếu dùng chữ « Tin gần đây 近聞 » và chữ « Ta nghe như thế 如是我聞 » mà đặt làm đầu đề, thì không những là chẳng rõ được cái nội-dung trong bài báo, mà cũng chẳng hay dẫn được cho người ta chú-ý phải xem. Lệ thứ mười-sáu câu đầu đề cũ nên đổi ra làm đầu đề phụ sẽ xem như sau.

Lệ thứ mười-ba

Tôn, Long, Chu, Từ đi tế ông Hạng-Thành

Viên Hạng-Thành từ khi mất đến nay đã hai năm, những bạn trong chính-giới ở kinh trước được tri-ngộ với ông, nay định thân đến đất Nghiệp-hạ để tế viếng. Hồi 9 giờ 20 phút hôm qua, đường Kinh-Hán đã có một chuyến xe hỏa riêng để đưa các ông đi, trong xe có ông Long Tế-Quang, Tôn Bảo-Kỳ, Chu Khải-Linh, Từ Thụ-Tranh đều cùng xe đi, định ngày 16 lại trở về kinh.

Lệ thứ mười-bốn

Vương Ấp-Đường thết tiệc các nghị-viên mới.

Phái An-phúc sắp đổi tên là Thái-bình.

Tin Tân-văn giao-thông-xã rằng: Cuộc tuyển-cử tân-quốc-hội, trừ năm tỉnh mặt tây-nam và một phần tỉnh Hồ-nam Hồ-bắc còn chưa xếp xong; còn các tỉnh khác đều đã tuyển-cử xong cả rồi. Bộ Câu-lạc của phái An-phúc những người nhanh chân khéo múa đều chiếm được phần thắng-lợi, vì cái nền cũ An-phúc hơi chật hẹp quá, mới thiên bộ Câu-lạc đến trên hồ Thái-bình, sửa lại cái hội-quán của đảng tiến-bộ mà họp-hành, mới có cái tin muốn đổi tên là *Thái-bình câu-lạc bộ*, cái tên mới tốt lành sao. Ông Vương Ấp-Đường lấy là tư-cách bộ-trưởng có thiết tiệc đãi các ông nghị-viên mới trong khi lai-kinh, xe như nước ngựa như rồng, rất là rộn-rịp, dự tiệc ước chừng đến sáu bảy mươi người.

Lệ thứ mười-lăm

Tình-thế mới đất Tây-tị-lị-á.

Hoắc-nhĩ-ngõa-đặc lại tổ-chức chính-phủ.—Quan Đốc-quân Hắc-long có thông-

điện về kinh báo rằng đăng Quả-khích nước Nga bị phải dân-tộc Tư-lạp-phu đánh thua. Hoặc-nhĩ-ngõa đặc định lập tại Tây-tị-lị-á một chính-phủ mới Hoặc-thị nếu đã đảm nhiệm chức chính-phủ mới, thì không kiêm được chức tổng-biện đường thiết-lộ Đông Thanh, vậy nên đàm-phán xếp-đặt như thế nào, xin chính-phủ bảo cho để tuân-biện, v. v.

Lệ thứ mười sáu

Tin gần đây về cái án tầu Sở-tài đánh chìm tầu Giang-khoan. — Cái án tầu Sở-tài đánh chìm tầu Giang-khoan, bộ Hải-quân đã mở phiên tòa thẩm xét, mà chưa giải-quyết xong. Duy chính-phủ thương-hại tầu Giang-khoan tổn-hại rất nhiều, muốn bắt phải bồi-thường ; nhưng chủ tầu Sở-tài không chịu bồi-thường, đã mượn trạng-sư viện lẽ cãi, cho rằng tầu Giang-khoan đã móm, dầu không có ai đụng đến, cũng phải chìm v. v. (Lược.

Lệ thứ mười-bảy

Ta nghe có tin vận-động hòa-bình. —Gần đây các phương-diện đều chủ hòa-nghị, ký-giả đều đã lục-đăng. Nay lại nghe tin từ Đông hải muốn tránh xa ra ngoài vòng chính-giới, có đưa hai phong thư cho Tong-thống và tổng-lý, hết sức khuyên-giải bãi việc chiến-tranh để cứu lấy nhân-dân, v.v.

4) Mỗi dòng chữ đầu đề phải nên đặt chữ động-từ.—Muốn cho câu đầu đề có sức mạnh và rõ ràng, thì trong câu đầu đề phải có chữ động-từ, để cho tỏ rõ cách động-tác nhất-định. Như là những câu đề-mục : «*Tầu Giang-khoan đã móm chẳng đụng phải cũng chìm. Chủ tầu Sở-tài không chịu bồi-thường, chỉ vin cái lẽ đó, v. v.*» Mỗi dòng đề-mục đều có một hai chữ động-từ cả, như thế thì lời nói mới linh-động.

(Còn nữa)

ĐÔNG CHÂU *biên-dịch*

VIỆT-NAM TỔ QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

VII. — Nhân-cách

174 — Đã sinh ra giống ở đời,
Trai thì trung, hiếu đôi vai cho tròn.
Gái thì trinh-tĩnh lòng son,
Sớm hôm gìn giữ kẻo còn chút sai (1).

175 — Ngựa mạnh chẳng quản đường dài,
Nước loạn mới biết tài trai anh-hùng (2).

1) Đây là nói về nhân-cách của người con trai và người con gái.

Trung đối với nước, *hiếu* đối với nhà, nó có cái nghĩa đã hi-sinh thân-thể để làm trọn việc. Hai việc ấy là phận-sự chung cả trai với gái. Nhưng ngày xưa lấy cái tư-cách khỏe mạnh xông-pha mà ủy-thác cả trách-nhiệm *trung hiếu* cho người con trai. Đó là lệ trực-tiếp, lệ-thường. Còn người con gái, *trung* thì giúp cho chồng con, *hiếu* thì chuyển sang nhà chồng, đó là lệ gián-tiếp. Khi nào người con gái mà trực-tiếp làm *trung hiếu* thì là lệ biến. Ý cổ-nhân mà chia như thế là để tiện tư-cách làm phận-sự, chứ không phải miệt gì con gái. Đọc cổ-nghĩa phải thể-tất cho cổ-nhân như vậy mới không sai. Xem trong lịch sử, thiếu gì đàn bà *trung*, con gái *hiếu*, đã từng làm nên những sự-nghiệp oanh-oanh liệt-liệt với nước với nhà, thì sử-sách đều biểu-chương tôn-sùng để làm

gương cho bạn mà hồng đời sau. Chứ có ai đám cho là làm việc quá phận bao giờ.

Người con gái lại còn phải giữ một điều rất quan hệ cho nhân-cách là đức *trinh-tinh*, nghĩa là một lòng kiên-cường tinh-sạch, không võng-động về tà-dục. Nhưng không những con gái, mà con trai cũng phải như thế. Nếu con trai không giữ được một lòng kiên-cường tinh-sạch, thường võng-động về tà-dục, thì tất bị hãm vào đường ác nghiệp mê-muội, còn đâu mà làm được những sự-nghiệp hay.

2) Đây là nói về những nhân-cách đặc-biệt càng những khi gian nan mới biểu-lộ. Xem như khi ta cưỡi ngựa, nếu quãng đường vừa độ tầm-thường, thì ngựa mạnh với ngựa yếu không phân-biệt gì. Nhưng gặp khi cần-cấp, trèo non vượt hiểm, nghìn dặm một hơi, bấy giờ mới biết sức của con ngựa mạnh. Còn các ngựa tầm-thường thì đều giữa đường hết sức phải bỏ cả rồi. Người ta cũng vậy. Lúc đời đang trị-bình dễ hành-động, thường kẻ dở lại nghênh-ngang đắc-chí hơn người hay, ai còn phân-biệt.

Đến lúc cuộc đời rối loạn, thời-thế nguy-nan, những kẻ nghênh-ngang đắc-chí khi xưa đều bỏ tay ngồi nhìn. Hoặc lánh xa, hoặc chịu nhục để toàn lấy thân. Người đời đều cam phó mặc thế-sự cho vận trời. Thế mà ngờ đâu một vài kẻ vô-danh, hai bàn tay trắng, bỗng đứng ra thổi dống tro tàn cho lại cháy, quét sạch cỗi bờ, chống yên non nước, khiến cho đời lại được trông thấy cảnh-tượng thăng-bình. Há không phải đấng tài trai anh-hùng, mà làm được như thế dư? Ấy cái nhân-cách người đời khác nhau ở những chỗ khó-khăn ấy.

.˙.

176— « Dẫu may ra tán tía tàn vàng,
« Mười phương thiên-hạ xem thường vào đâu.
« Tấm thân em chẳng nghĩ mặc dầu,
« Bọn đàn bà còn để tiếng xấu về sau muôn đời (1)».

177— Xấu đánh trấu ra vàng (2).

178— Xấu có cấu mà ăn (3).

179— Tốt gỗ nhưng xấu nước sơn,
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người (4).

180— Vàng thì thử lửa thử than,
Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời (5).

181 — Vàng-tâm xuống nước cứ tươi,
Anh-hùng lâm-nạn nói cười như không (6).

182— Vàng thật chẳng sợ chi lửa (7).

183— « Trông anh như thể sao mai,
« Biết rằng trong có như ngoài hay không (8) ».

184— Những khi cả gió mới biết cây cứng mềm (9).

185 — Tưởng rằng đá nát thì thôi,
Ai ngờ đá nát nung vôi lại nồng (10).

1) — *Tán, tán* là hai cái đồ nghi-vệ của vua chúa, khanh tướng. *Tía, vàng* là hai mầu gấm vóc. « *Em* » là chỉ vào người con gái ấy.

Đây là lời sỉ-mạ cái nhân-cách của người con gái con nhà gia-giáo mà hư-thân giang-hồ. Ý nói người đáng quí là ở giá-trị nhân-cách. Nay *em* đã đem cái thân ngà-ngọc mà dấn vào nơi giang-hồ nhơ-bụi, thế là làm ô-nhục cho giá-trị nhân-cách của *em* rồi. Thì dù may mà vào được nơi tán tía tàn vàng đi nữa, người đời cũng vẫn khinh.

Em phải biết cái thân ta không phải của một ta, nó quan-hệ cho giống loài, cho danh-giáo. Vậy *em* dù không nghĩ đến thân mình thế là nhơ xấu mặc lòng, nhưng như thế là để tiếng xấu lây cho cả bọn đàn bà mãi về sau muôn đời. Coi đó thì nhân-cách há không quan-hệ lắm dư!

2) Trấu là vỏ hột thóc, nó ráp dùng đánh những đồ kim-loại thì sáng ra ngay.

Đây là nói phải có nhân-cách thực ở trong mới được. Ví như hòn vàng bị

đất cát phủ ngoài làm xấu đi. Nhưng đánh trấu thì vàng thực lại hiện ra vẻ đẹp biết bao. Người có nhân-cách thực cũng vậy. Dù bị hoạn-nạn, nhưng qua rồi thì nhân-cách chân-chính lại hiển-lộ ra một cách vẻ-vang.

3, 4) Đây là nói nhân-cách trọng ở đức chứ không ở sắc.

5) Đây là nói cách thử nhân-cách bằng lời nói. Người ta thường lầm người ở lời nói khéo, nhưng đây nói thủ lời, là phải thử-thách suy-xét, biết lời nói của kẻ *ngoan* là kẻ có tài-đức nó do tự trong cõi lòng mà ra một cách thành-thực, khác với lời nói điêu-ngoa giả dối. Cho nên trên nói thử vàng thì dùng lửa than mới biết tốt xấu, thử chuông thì đánh nghe tiếng mới biết hay dở, thì biết thử cách như thế đã kỹ-càng cẩn-thận.

6) Đây là nói cái nhân-cách kiên-cường bất-biến. Các thứ gỗ xuống nước lâu đều mục, chỉ có vàng-tâm xuống nước lâu cũng vẫn tốt tươi. Người thường lâm-nạn thì sợ-hãi mất vía, mà anh-hùng lâm-nạn thì vẫn nói cười như không chút lo sợ gì.

7) Đây là ví nhân-cách thực hay cũng như vàng thực tốt, dẫu lửa than càng thử-thách nấu-nung càng tỏ cái hay cái tốt ra chứ có sợ gì.

8) *Sao mai* là sao mùa xuân mọc về buổi sớm mai ở phương đông, lên cao độ ngọn tre thì sáng bạch. Về sao trong sáng lóng-lánh mà to, trông đẹp lắm. Mùa thu sao ấy cứ chập tối lại mọc ở phương tây gọi là *sao hôm*. Nó nguyên là một sao Kim-tinh mà mọc theo độ khác đi.

Đây là lời người con gái ngờ cái nhân-cách của người con trai. Trông bề ngoài thì lóng-lánh sáng đẹp, nhưng không biết tài-đức ở trong có xứng với ngoài hay là không.

9) Đây là ví nhân-cách hay hèn với cây cứng mềm. Một cơn giông-tố phũ-phàng, cỏ cây đều đổ lướt, thì cây nào còn đứng vững lại là cây cứng. Một cuộc đảo-điên, bọn dung-thường đều xô về bên thế mạnh, thì người nào còn giữ được khí-tiết, chịu nghèo hèn là người giỏi.

10) Đây là lấy tính chất đá xanh mà ví với cái nhân-cách bất-biến. Xem hòn tảng nhà hay là cái cột cầu bằng đá xanh lâu ngày đã gẫy vỡ, tưởng tiêu-trầm hết tính-chất rồi, thế mà đem nung vôi thì cái tính-chất nồng-nàn mãnh-liệt nó lại càng phát-hiện ra. Anh-hùng gặp khúc cũng vậy.

. .

186 — Tằm vương tơ nhện cũng vương tơ,
Mấy đời tơ nhện được như tơ tằm (1).
187 — Tôm tép vũng chân trâu đắc-ý,
Cá kềnh nghẻ ngoài bể giong chơi (2).
188 — Quân-tử, ư-hự đã đau,
Tiểu-nhân, dùi đục đập đầu như không [(3).
189 — Lớn nhưng lớn chuối hột,
Bé nhưng bé hạt tiêu (4).
190 — Nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi (5).
191 — Nhờ ông vải, húp nước suýt (6).
192 — Người đời hữu tử hữu sinh,
Sống lo xứng phận, thác đành tiếng thơm (7).
193 — Người thanh tiếng nói cũng thanh,
Chuông kêu khẽ đánh bên thành cũng kêu (8).
194 — Người trời lại bán chợ trời,
Hễ ai biết của biết người thì mua (9).
195 — Người thì chẳng đáng đồng chi,
Ba hồn bảy vía đòi đi võng đào (10).

1) Đây là ví kẻ không tự-luyện lấy thực-tài thực-đức cho có cái nhân-cách người hay mà đã chực học-đòi làm cái việc của người hay. Việc tuy tương-tự mà công-hiệu có đọ kịp bao giờ. Xem con nhện với con tằm cùng làm một việc vương tơ, mà cái tơ của con nhện với cái tơ của con tằm khác nhau thế nào thì đủ biết.

2) *Kình, nghê* là hai thứ cá rất to ở ngoài bể. Đây là lấy hai giống vật cực nhỏ, cực to mà hình-dung hai cái độ-lượng rộng hẹp của hai nhân-cách. Kẻ tiểu-nhân độ-lượng hẹp-hòi, được chút vinh-hanh cỏn-con đã ra vẻ kiêu-căng, có khác gì giống tôm-tép được một cái vũng nước chân trâu đã ngo-ngoe lấy làm đắc-ý. Đến như kẻ đại-nhân thì độ-lượng lớn-lao vô-hạn. Những chỗ phú-quí tầm-thường không đủ bận lòng, không khác gì như giống kình nghê phải nơi bể khơi mới đủ giong-chơi vùng-vẫy.

3) Ừ-hư là một tiếng không bằng lòng với ai mà còn ngậm miệng chưa phát-lộ to-tát ra.

Đây là nói cái cảm xúc của hai cái nhân-cách khôn dại khác nhau. Quân-tử là người minh-mẫn, có khí-khái. Mới nghe thấy kẻ đối với mình ra giọng bỉ bạc còn ở trong cổ họng, thì đã lấy làm đau, tức là lấy làm nhục rồi. Tiểu-nhân thì không thế, ngu-độn mà vô-sỉ. Dù dùi đục nó đập vào đầu mà cũng không biết đau, cứ liều lẫn vào để nhờ-vả.

4) Đây là nói nhân-cách không cứ bé con với lớn tuổi. Ví như quả chuối hột với quả hồ-tiêu thì lớn bé khác nhau là dường nào. Thế mà quả chuối hột thì vô-vị chát sì, quả hồ-tiêu thì cay thơm lừng-lẫy.

5) Đây là nói nhân-cách rất quan-hệ cho đời. Xem vợ hiền với tướng giỏi về những khi nhà khó nước loạn mà giữ vững được « *giang-sơn* » thì biết nhân-cách đáng qui là bao.

6) Đây là lời hoạt-kê giễu những kẻ không có cái nhân-cách tự-lập, chỉ dựa vào cái danh thừa thế cũ của ông cha mà nương thân. Cũng như anh trưởng-tộc chỉ dựa vào bóng ông vải, mỗi khi giỗ tết, họ đem đến đóng góp, anh ta không mất gì mà được húp nước suýt no-nê.

7) *Hữu tử hữu sinh* 有死有生, là có sống có chết.

Đây là nói về phải tu lấy nhân-cách cho trọn-vẹn. Thế nào là nhân-cách trọn-vẹn ? Khi sống ở địa-vị nào, vô-luận là cao hay là hạ, phải làm cho xứng-đáng bổn-phận mình đối với địa-vị ấy. Như thế khi chết sẽ để được tiếng thơm về sau. Thì mới bõ sống. Chớ *sinh tử* là việc thường. Sang hèn giàu nghèo rồi cũng chết cả, nào ai có thể cứ sống mãi mà giữ khư-khư lấy cái sang-giàu. Thế mà sống không xứng với bổn-phận, chết để tiếng thối lại, thì có uổng không.

8) Đây là nói về nhân-cách thanh-lịch, mà thanh-lịch thì tiếng nói là đầu. Tiếng nói là cái văn-vẻ của người, nó biểu lộ cái tư-tưởng cùng những ý-kiến ở trong người ra. Cho nên nghe tiếng nói thanh-lịch, biết con người thanh-tao, cũng như cái chuông nào kêu thì mới gõ một tí ở bên thành cũng đã thấy có âm-hưởng khác thường rồi. Xem đó thì biết cách ăn nói cũng quan-hệ cho nhân-cách người ta lắm.

9) Đây là lời kẻ tự lấy nhân-cách của mình làm có giá-trị đặc-biệt mà tự-cao. Cổ-giả ví người hiền-tài như ngọc quí, ai biết thì tới nơi mà cầu chuốc, chứ ngọc qui không chịu đem bán rao bao giờ. Cho nên đây nói người trời là kẻ thiên-tài, chợ trời là chốn tự-nhiên. Kẻ thiên-tài mà có bán thì lại phải bán ở chốn tự-nhiên. Người ngoài ai có con mắt tinh đời mà biết của biết người thì mua lấy.

10) *Đồng chi* là đồng tiền bằng chì. Ngày xưa ta đúc tiền bằng kẽm để tiêu, nên cũng gọi là *tiền chi*. — Ba hồn là phần tinh-thần, bảy vía là phần thể-chất. Đây nói ba hồn bảy vía là hám cả vào cái nghĩa dục-vọng. — Ngày xưa chưa có xe, người giàu sang đi bằng võng khiêng. Võng nhuộm có phẩm tước phân-biệt. Quan nhỏ thì nhuộm xanh, quan to thì nhuộm điều.

Đây là lời hoạt-kê giễu người con gái không có chút giá-trị gì về nhân-cách, tài không, sắc chẳng có gì, nết-na cũng hỏng nốt, mà lại cứ mơ tưởng cao xa là muốn lấy chồng quan to.

∴

196— Người lớn tính trẻ con (1).
197— Người ta là hoa đất (2).
198— Người chết nết còn (3).
199— Nồi đồng đánh ra lại sáng (4).
200— Mạch trong nước chảy ra trong,
Thế nào đi nữa con dòng cũng hơn
201— Làm trai cho đáng nên trai, [(5).
Một trăm đám giỗ chẳng sai đám nào
202— Làm trai cho đáng nên trai, [(6).
Vót đũa cho dài ăn vụng cơm con (7).
203— Làm trai đã đáng nên trai,
Ăn cơm với vợ lại nài cây niêu (8).
104— Làm trai quyết chí tang-bồng,
Sao cho tỏ mặt anh-hùng mới ngoan [9).

1) Đây là chê cái nhân-cách không đứng-đắn, tuổi tuy cao mà tính không ra người lớn.

2) Đây là nói cái nhân-cách có quan-hệ cho đất nước. Người làm vẻ-vang cho đất nước cũng như hoa làm tốt đẹp cho cây. Cho nên nói người là cái hoa của đất.

3) Đây là khen người có đức-hạnh tốt, tuy chết rồi mà đời vẫn nhớ mến và thường nhắc đến cái nết tốt của mình.

4) Đây là ví nhân-cách tốt cũng như cái nồi bằng đồng. Nồi đồng tuy nhọ-nhem mà đánh đi thì đồng lại sáng đẹp. Nhân-cách tốt càng mài rũa càng thêm hay.

5) Đây là nói nhân-cách có quan-hệ đến dòng giống. Xem như dòng nước kia, từ trong mạch có trong thì nước chảy ra mới trong. Cho nên kẻ con nhà dòng dõi tốt, được chịu những đức-tính di-truyền hay, thì dù có cô-đơn vất-vả, lưu-lạc truân-chuyên thế nào đi nữa, rồi cũng tự-thụ tự-lập mà nên người có giá-trị được. Chứ không phải bảo hễ con nhà dòng-dõi giàu sang, thì dù dốt nát đểu-giả thế nào đi nữa cũng vẫn hơn người. Thế mới phải nghĩa nước trong do từ mạch.

6) Giỗ là lễ kỷ-niệm ngày tiên-nhân qua đời, có làm cỗ cúng. Nhân thế chủ lấy đấy để đãi khách, khách mượn đấy để đến lễ giỗ ăn cỗ. Đây là lời khôi-hài, giễu kẻ bô-chuyết bê-tha. Chẳng có công-việc gì bận, chỉ nhòm nhà nào có giỗ chửa mời đã đến, trăm đám chẳng bỏ qua đám nào. Thật là một nhân-cách dê-tiện.

7) Đây là lời khôi-hài giễu một cái nhân-cách làm bố rất hèn mạt. Anh này không tài-năng, sự-nghiệp và chí-thú gì. Đã không lo-liệu để nuôi gia-đình được, đã phải ăn nhờ vợ, mà không thích khẩu lại thường ăn tranh của con thơ. Nên người ta giễu mà bảo vót lấy đũa cho dài ra để gắp vụng đồ ăn của đứa con bé. Vì vợ đã để riêng chút thức ăn lành cho đứa con còn bé dại, nay bố lại thèm, nhưng gắp trước mặt con thì nó giữ và khóc, bố phải gắp trộm, nên phải dùng đũa dài.

8) Niêu là cái nồi đất nhỏ hay dính « cháy » phải cạy mới sạch. Đây là lời khôi-hài giễu một cái nhân-cách làm chồng rất đê-hèn. Anh này đã không dọc ngang bờ cõi, trầy-trương thông-hành, làm cho phỉ chí nam-nhi, mình thơm danh vợ cũng hả dạ. Mà chỉ rúc-rú ở nhà ăn cơm của vợ suốt đời, đã là hèn rồi. Khi ngồi ăn với vợ, còn cái niêu dính « cháy », lẽ ra thì phần vợ dọn mâm, phải cạy « cháy » ấy cho sạch niêu. Mà cạy như thế được tí cơm cháy nào đút miệng ngay, vừa ăn vừa cạy. Đó cũng là một thứ bánh mứt tráng miệng không mất tiền của nhà nghèo, cũng là một cái lợi nhỏ mọn của người đầu bếp, một việc vui tay thơm miệng của người nội-trợ hàn-vi. Ngờ đâu anh ta lại cố vật-nài mà tranh đòi lấy nốt !

9) *Tang* 桑 là cây dâu ; *bồng* 蓬 là cây bồng giống cây cỏi, hoa nó có tua mỗi cái nhọn như cái gai to. Cổ-lễ Tầu, khi mới sinh con trai thì người ta lấy cành dâu làm cái cung, lấy tua hoa bồng làm cái tên, rồi bắn ra bốn phương, cầu cho người con trai ấy sau này giong-ruổi bốn phương, lập nên sự-nghiệp với bờ cõi. — *Anh* 英 là thứ hoa thơm trong các hoa. *Hùng* 雄 là con thú mạnh trong loài thú. Vậy gọi anh-hùng là chỉ ra một đấng anh-hoa hùng-vĩ tót vời trong loài người.

Đây là nói sự lập-chí của kẻ tài trai. Kẻ tài trai phải quyết chí tang-bồng cho tỏ mặt anh-hùng. Như thế mới là một cái nhân-cách phi-thường, mà đời đáng quí, mình mới cam lòng.

Đây là nói làm trai ai cũng phải quyết chí như thế, chứ không phải bảo làm trai ai cũng làm được như thế.

Anh-hùng có nhiều hạng, về vũ-công, về học-vấn, về kinh-luân, phàm việc có ích cho đất nước, cho loài người, đời không làm nổi mà mình làm được, đều là sự-nghiệp anh-hùng. Việc đã tót vời hiếm có như thế thì không phải dễ. Nhưng đã có chí như thế, mà ai cũng nên có chí, tất có việc như thế, còn thành hay là bại, tuy không tất-nhiên được, song người ấy cũng vẫn không thẹn là giống anh-hùng.

(Còn nữa)

ĐỖ-NAM và ĐÔNG CHÂU

Vấn-đề giáo-dục ở thôn-quê hiện nay

—Nghe đồn lẳng-vẳng, vua ta đi du-học ở Âu-châu, nay Ngài đã ra về sắp đến nước. Bảo-hộ sẽ cùng Ngài thỏa-thuận làm một cuộc cải cách lớn về chính-giáo, cho trong thuận với xu-hướng của quốc-dân, ngoài theo với trào-lưu tiến-hóa của thế-giới ...

Đó là câu chuyện mà ở dân-gian ngày nay người ta đang thi-thào, bàn nói, mong đợi khắp nơi. Xem ra phần nhiều họ lấy làm tin và lấy làm mừng, như đói mong sắp được ăn, khát mong sắp được uống vậy. Chỗ người ta mong đã cố-nhiên, mà chỗ người ta tin cũng là lấy cái thành kiến của lịch-sử chính-trị, chứ không phải toàn là người ta nhẹ dạ cả đâu.

Quả có thế chăng? Đại-phàm chính-trị mà cải-cách là vì dân. Vậy trước phải nhằm đúng vào chỗ khuyết-hám, nghe lọt lấy những lời than-phiền của dân mà lưu-ý. Có như thế, gãi mới tin chỗ ngứa, hàn mới đúng chỗ rỏ, trên dưới mới đều có lợi, cải-cách mới bỏ công mà được thực-hiệu.

Nghĩ như thế, tôi xin thành-thực tỏ bày về vấn-đề giáo-dục ở thôn-quê hiện nay.

Ở thôn-quê hiện nay có hai cái khủng-hoảng rất lớn hơn và rất cần hơn hết mọi cái khủng-hoảng khác là: khủng-hoảng về kinh-tế và khủng-hoảng về sự học.

Kinh-tế khủng-hoảng là vì hột thóc mất giá. Sự học khủng-hoảng là vì trẻ con không đủ trường học. Cái nạn kinh-tế khủng hoảng nguy cho việc làm ăn, cái nạn học-hành khủng-hoảng nguy cho tinh thần. Hai cái nạn đều quan-hệ cho dân mà tức là cho nước. Nước lấy dân làm gốc, gốc đã long lở, nước thịnh-vượng được sao? Điều đó người tầm-thường cũng nghĩ tới. Tuy-nhiên, hột thóc là món lợi-tôn của dân quê mà mất giá thì cũng khốn-đốn thực. Nhưng nó là bởi ở thị-trường thế-giới. Một

mai số tiêu-thụ ở thị-trường tăng cao như cũ, thì hột thóc lại có giá ngay mà nạn kinh-tế tự thoát khỏi. Đến như cái nạn thất-học thì không thể ngồi mà phó mặc vận thời.

Gọi là khủng-hoảng là chỉ về một cái tình-trạng mới sút kém, chứ không phải là từ trước vẫn chưa đủ. Nay muốn biết cái tình-trạng khủng-hoảng về sự học ở thôn-quê hiện giờ thế nào, nên đem mà so-sánh cái hiệu-quả giáo-dục ngày xưa với ngày nay. Ta cũng chưa nên vội phán-đoán sự học ở đất này ngày xưa là hư-văn mà ngày nay là thực-dụng, ta chỉ hãng nói về số học-trò tòng-học trong hai thời-đại nhiều ít khác nhau thế nào mà thôi.

Nhà nước ngày xưa đối với sự giáo-dục, chỉ giữ có hai việc, một là dự-định lấy một cái qui-thức giản-dị về việc thi-cử, cứ học như thế thì thi mà đỗ nọ đỗ kia được ; một là cử học-quan về các địa-phương để cổ-lệ việc học việc thi và cũng rèn-tập ít nhiều học-trò để làm khuôn-phép cho các trường tư. Còn Nhà-nước phó mặc trách-nhiệm giáo-dục cho dân, muốn đỗ-đạt như trên kia thì cứ tìm thầy mở trường mà học, Nhà-nước không giám-đốc, cũng không đặt học-qui niên-hạn gì cả.

Làm như thế ngày nay coi ra như cẩu-thả và e có nguy-hiểm. Thế mà dân vẫn sốt-sắng mở-mang, vẫn châu-tuần trong khuôn-khép sự học, chẳng hề xảy ra có nguy-hiểm về tà-thuyết dị-học làm mê-hoặc bao giờ. Bởi vì dân người ta đủ trí-thức phổ-thông, tự biết cái gì không trúng-cách và không lợi thì người ta tự không theo. Nhà-nước thì cứ ngồi yên mà thu cái hiệu-quả lớn về giáo-dục. Vả Nhà-nước ngày xưa cũng không phải là không sợ tà-thuyết dị-học, nhưng đã tự tin ở cái cách cổ-lệ chân-tác khôn khéo của mình như trên kia đủ giàng-buộc lòng người rồi.

Cách thi-cử để ban học-vị ngày xưa đại-khái có ba bậc : Bậc tiểu-học là « Khóa-sinh » thì ở trong tỉnh, đại-khái học-lực vào khoảng Tiểu-học tốt-nghiệp với Thành-chung tốt-nghiệp bây giờ ; Bậc trung-học là Tú-tài, Cử-nhân, hoặc giả như Tú-tài, hay tốt-nghiệp Cao-đẳng bản-xứ bây giờ. Còn bậc đại-học thì Tiến-sĩ so với Bác-sĩ, toàn-khuyết có khác nhau, nhưng đại-khái cũng vào hạng ấy. Thế mà cứ mỗi năm mỗi tỉnh thi Khóa-sinh, dự-thi kể có hàng nghìn. Ba năm toàn Bắc-kỳ mở một khoa thi hương lấy Cử Tú, dự-thi hầu tới vạn. Sau năm thi hương thì có khoa thi hội, lấy Tiến-sĩ mỗi khoa, Bắc-kỳ cũng đỗ được một vài chục vị là ít.

Những người đỗ Khóa-sinh không kể, cho đến cả những người đỗ Tú Cử Tiến-sĩ, đại-đề cũng chỉ học loanh-quanh ở hương-thôn mà thôi. Trường Đốc-học các tỉnh và trường Quốc-tử Nhà-nước thực không đào-tạo được bao nhiêu.

Coi đó thì biết ở dân-gian phải có bao nhiêu trường mới dạy-dỗ hun-đúc được những số thí-sinh trên kia. Thế nhưng mà dân-gian cũng không phải tổn-phí khó-khăn gì mấy về sự giáo-dục ấy. Nhà-nước thì cho tự-do, sự học thì chỉ có đọc sách viết văn, không có gì phải thí-nghiệm thực-nghiệm, gọi là trường học mà thực là cái nhà ở hoặc nhà khách cứ ngày cho học-trò vào học. Thầy giáo thì lại những Khóa-sinh, Cử Tú, Tiến-sĩ, hoặc không muốn ra làm quan hoặc đã về hưu mà nhiệt-tâm giáo-dục tác-thành cho hậu-sinh. Người thì tự mở trường ở nhà, người thì bị đón đi dạy, bổng-lộc chẳng có là bao, lấy tình thầy trò, lấy nghĩa truyền-đạo làm lợi-ích cao-qui. Bởi vậy sự học ở thôn-quê rất thịnh, chỉ lo không đủ sức mà học thôi, giàu nghèo không hơn gì nhau. Mỗi làng ít ra cũng đến một hai trường học, mà thường nhà quê lại hay chữ hơn thành-thị. Sống bằng tinh-thần như người thn-ô

quê lúc đó, nghi-hồ người ta cũng không sa-vọng gì viển-vông nữa.

Ngày nay thời-thế đổi, học-thuật mới, đành không để y-nhiên cái phong giản-tiện như trước được nữa. Song đem một cái giáo-dục nọ thay vào cho một cái giáo-dục kia, dù không thịnh hơn thì cũng phải ngang độ nhau thì mới không có cái hiểm tượng sa-sút bàng-hoàng. Ví như người ăn, trước ăn cơm nam mỗi bữa mấy lạng, nay đổi ra ăn cơm tây cũng phải ngần ấy mới đủ bổ. Ít quá thì thân-thể hao-mòn, nguy-hiểm cho sự sống, hoặc là thành cái tính thèm ăn.

Từ khi Bảo-hộ Chính-phủ bãi khoa-cử cũ, tới nay gần hai-mươi năm. Theo phép giáo-dục mới, Nhà-nước đảm-nhiệm cho dân hết thầy, dân có mở trường tư cũng phải theo đúng chương-trình và thuộc quyền giám-đốc của Nhà-nước, sách học có định, tuổi có hạn rất nghiêm.

Bởi vậy, về trường tư, trừ thành-thị ra, cái lối tư-thục hán-tự mươi-lăm học-sinh vừa lớn vừa nhỏ, học bất-kỳ sách bậc cao bậc thấp, thế là không đúng chương-trình công phải tự bỏ hết. Mà theo chương-trình công thì ở nhà quê chỉ có lớp Sơ-học, tuổi với sách theo trong hạn đồng-ấu. Người nhà quê coi làm không đủ hứng-vị nên họ cũng chẳng chăm mở thứ trường ấy.

Ở nhà quê bây giờ trừ cách bần-tiện cầu-thả một người bảo năm đứa trẻ học chữ hán được ngoài luật-phép ra, không còn có trường tư nào nữa.

Về trường công, cứ học-chế hiện giờ thì làng được mở trường hương-học, tổng được mở trường tổng-học, phủ-huyện-lỵ và tỉnh-lỵ có trường tiểu-học kiêm-bị, toàn-kỳ có năm trường thành-chung, một trường Tú-tài, một trường Cao-đẳng, còn trường Đại-học thì cả nước chưa có.

Trường hương-học dạy sơ-học, mới có lệnh vài năm nay, phủ Nam-sách một trăm chín xã mà mới có bốn xã có trường. Trường tổng-học cũng dạy sơ-học. Hai thứ trường này đều dân đóng lương thầy giáo mà Nhà-nước quản-đốc. Các trường tổng lúc mới mở thì đều đông, số học-trò năm sáu chục là thường, sau rồi giảm mãi đi, không biết tự thầy giáo không chăm, chức-dịch không đôn-đốc, hay là trẻ con trong tổng đến học xa-xôi bất-tiện. Phủ Nam-sách 13 tổng, có 10 tổng có trường, năm nay bốn trường vì học-trò ít quá phải bãi đi, nhưng số lương nuôi thầy giáo dân vẫn phải góp.

Trường tiểu-học kiêm-bị ở phủ-huyện và tỉnh thì công-quĩ chi. Lại kèm thêm có mấy lớp sơ-học thì chủ lợi cho trẻ con mấy xã mấy phố sở-tại.

Sau trường thành-chung không đủ dong cho số tiểu-học tốt-nghiệp toàn-kỳ vào học (học mất tiền), nên phải hạn tuổi và hạch lấy vào rất nghiêm. Trường thành-chung Hà-nội năm ngoái lấy 5, 6 chục học-sinh mới mà ứng-hạch đến 5, 6 trăm. Đó là mới kể một cái trình-độ tiểu-học mà khó-khăn đến thế, dân nhà quê cũng đủ không theo đòi được cho con, con cũng khó mà đua chen vào được, nữa là còn cái học cao hơn.

Thời-thế chuộng hình-thức, phí-tổn càng nhiều, lẽ tất-nhiên như vậy. Con nhà nghèo ngày nay đành không len-lỏi vào cái bậc học-thức cao được nữa rồi. Vậy còn từ lớp thành-chung thuộc phạm-vi tiểu-học là cái học về tri-thức phổ-thông, các quốc-gia không thể nhãng bỏ mà các quốc-dân không thể khiếm-khuyết được. Vậy thiết-tưởng các bậc có trách-nhiệm với dân cũng nên lưu-tâm mà cải-định lại, mở rộng thêm cho lớp tiểu-học thế nào cho dân được chịu cái ơn-huệ giáo-dục phổ-thông một cách thành-thực để lấy cái

tri-thức thường dùng mới-mẻ ấy mà bổ-khuyết vào cho chỗ học cũ thải bỏ, cho đỡ cái bệnh thèm học mà sinh ra chứng thần-kinh hoảng-hốt chán-nản.

Theo ngu-ý tôi thì tạm cải-định và mở rộng thế này cũng giản-tiện, dù trong thời-kỳ kinh-tế khủng-hoảng cũng làm được:

1º Bãi cả các trường tổng đi, không thu món tiền lương ấy nữa để dân thêm vào cung thầy hương-sư. Khuyến-khích cưỡng-bách mỗi xã phải mở một hoặc hai trường hương-học dạy lớp sơ-học như trường tổng trước. Lương thầy giáo, dân phải lo, thầy giáo thì Nhà-nước bổ về tức là các thầy Tổng sư trước. Học-trò ở hương-học làng phố đỗ sơ-học thì lên trường tiểu-học phủ huyện ly và tỉnh-ly.

2º Trường phủ huyện-ly và tỉnh-ly chỉ dạy lớp tiểu-học do học-trò các trường hương-học đã đỗ sơ-học tiến lên. Những xã và phố sở-tại phải mở lấy trường hương-học, dạy lớp sơ-học, cho trẻ con trong làng, trong phố. Còn mấy lớp sơ-học kèm ở trường tiểu-học như trước thì bãi đi.

3º Mỗi tỉnh phải có một trường thành-chung, dạy học-trò tiểu-học tốt-nghiệp trong tỉnh. Tuổi và sát-hạch lấy vào nên khoan hơn trước. Miễn là cho được rộng có cái học phổ-thông mà thôi. Bấy giờ một tỉnh như có 10 trường tiểu-học, mỗi trường bớt được hai thầy giáo dạy sơ-học thì để được 20 số lương có thể cung được năm, sáu thầy giáo thành-chung. Nhà-nước không tốn thêm gì mà dân có lợi. Đến bấy giờ ở dân-gian dẫu chưa có bậc học cao về ở nhà, nhưng cũng có nhiều người đỗ thành-chung về làm ăn. Tri-thức phổ-thông nhờ ở đấy. Phàm người đã có biết, tất biết an-phận, phong-tục tự hồi-thuần.

Ngoài ra dân có riêng muốn học thêm chữ hán với quốc-ngữ để cứu cho bọn nhỡ-nhàng thất-học thì Nhà-nước cũng rộng cho, miễn là phải khai căn-cước hạnh-kiểm thầy đồ, đừng dạy những sách cấm là được.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Pháp-Việt Tự-điển

Các nhà tây-học thường phàn-nàn hiện nay chưa có một quyển « Pháp-Việt Tự-điển » đủ tường-tận để tra tìm các chữ trong khi dịch pháp-văn ra quốc-ngữ.

Muốn bổ sự khuyết đó, nên bản-chí định từ số sau trở đi (N.-P. 174, Juillet 1932), mỗi số để ra 10, 15 trang, để in dần một bộ « Pháp-Việt Tự điển » của chính bản-chí chủ-bút đương soạn bấy lâu.

Vậy có lời kinh-cáo trước các độc-giả.

N.-P.

TUỒNG HÁT

TRUNG-HIẾU THẦN-TIÊN (1)

(*Truyện Hưng-đạo-vương* 興道王傳)

IV

Hồi Thứ IX

Phụ truyền tử Thánh-tôn hành thiện vị
Cường lăng nhược Nguyên-chúa định hưng binh

Các vai :

Thánh-tôn — Nhân-tôn — Hưng-đạo-vương — Trần Quang-Khải — Hoàng-phi — Nguyên-chúa — Thoát-Hoan — Lý Quân — Ô-mã-nhi — Lý Hằng — Đường-Ngột-Ngại — Phàn Tiếp — Nguyên-sứ — Nhạc-công — Quần-thần — Quân-sĩ.

Thánh-tôn, Nhân-tôn, Trần Quang-Khải, Hưng-đạo-vương cùng văn võ bá-quan đều ra.

Thánh-tôn nói :

Ta nghĩ lại công-việc bây giờ : Việc nước còn đương bối-rối ; nghiệp vua âu cũng gian-nan. Bởi vậy cho nên : trẫm mình già đành mượn cảnh thanh-nhàn; Hoàng-tử : con tuổi lớn cũng có tài gánh vác. Như nay cha truyền vị cho con làm vậy : Một là nối phép nhà từ trước ; hai là giữ nghiệp lớn về sau.

Nhân-tôn nói :

Dạ dạ, trăm lạy cha, nay cha truyền ngôi cho con làm vậy : Cha đã đem lòng phó-thác ; con âu hết dạ lo toan. Bá-quan : Tôn cha làm Thái - thượng - hoàng ; trẫm nối lấy ngôi hoàng-đế. Các quan nghe ta truyền : Đăng quang tuân cựu-lệ; hành khánh bái tân-ân. 登光遵舊例。行慶拜新恩。 Quần-thần, như nay đức Thượng-hoàng truyền ngôi cho Hoàng-thượng làm vậy : Thuấn-bệ long phi lợi kiến ; Chu-đình hổ bái dương hưu 舜陛龍飛利見。周庭虎拜揚庥. Âu mở tiệc vui chơi ; quân, truyền cho đòi phường nhạc-công ra đây: đặng thỏa tình hân duyệt, a !

Nhạc-công ra múa hát xong rồi đều vào.

Nhân-tôn ra.

Quân ra báo rằng :

Kiệu hoa vừa kéo trước ; nữ nhạc lại theo sau. Có bá-phụ vào chầu ; tiến hoàng-phi nhập nội.

Nhân-tôn nói :

Thỉnh nhập.

Hưng-đạo-vương cùng hoàng-phi ra.

Nhân-tôn mời Hưng-đạo-vương cùng hoàng-phi yên vị.

Nhân-tôn nói :

Hảo a ! Dòng-dõi vốn là cửa tướng ; phong-tư dáng tựa cung tiên. Như thế này cũng chẳng qua là lòng trời xui khiến mà thôi : Bởi lòng trời sánh phượng là duyên ; đành nghiệp chúa quan-thư phải trước. Cậm bá-phụ hết lòng vì nước ; em nghe ta dặn : khuyên Hoàng-phi giữ đạo tề-gia. Chữ «tòng» (2) đành phải giữ lấy ba ; tôi « loạn » sẽ đành cho có một.

Hưng-đạo-vương nói :

Như nay con tôi đưa vào chầu đền rồng làm vậy : Vẽ mở vì nương cung quế ;

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 170.

(2) Loạn = Trị ; Đời nhà Chu có mười bảy tôi trị yên nước thì một người đàn bà với chín người nữa.

còn như phận tôi : tình thân dám cậy buồng tiêu. Con ơi, như cha con nhà ta : Quốc-ân thế thế biết bao nhiêu ; con phải nhớ lấy mà : gia-huấn rành-rành âu phải giữ : Hiếu trung hai chữ ; phụ tử nhất-tâm. Dù quyên ai cũng trả nghĩa cao thâm ; nhưng ghi tạc chớ sai lời vàng đá.

Vãn rằng :

Ghi tạc chớ sai vàng đá,
Cha lui về tử giã cùng con.

Thôi con ở lại nghe con :

Giữ-gìn đặng lấy vuông tròn,
Vẻ-vang cho nước phấn son cho nhà.

Hoàng-phi nói :

Dạ dạ trăm lạy cha : Cha cứ đành yên dạ ; con dâu dám sai lời. Điểm-trang dẫu có mầu tươi ; kim chỉ dám quên nghiệp cũ.

Vãn rằng :

Kim chỉ dám quên nghiệp cũ,
Nhờ sinh-thành dạy-dỗ đến nay.
Quế hằng dù tựa cung mây,
Cành kia cũng bởi cỗi này mà ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Trăm lạy bệ-hạ, hạ-thần xin lui.

Nhân-tôn nói :

Trăm chào bá-phụ,

Vãn rằng :

Từ nay xum-họp một nhà,
Xưa là bá-phụ nay là nhạc-ông.

Hưng-đạo-vương cùng Hoàng-phi vào.

Nhân-tôn nói :

Giận cha chả là giận ! Ta nhớ lại từ khi Nguyên-sứ về, ta đã sai người đi lại lắm lần, nhưng bây giờ nó bảo ta rằng nếu ta không chịu vào chầu, thì nó bắt cống một người bằng vàng, mà hai con mắt thì bằng hạt chai : Ta đã chịu lắm bề ủy-khúc ; nó cứ thêm những việc yêu cầu. Ta lấy của dân mà đưa mãi cho nó mà : Như sách ngã kim-châu ; e tuấn dân cao-huyết. Nếu trái mạng chắc tài-đàn lực-kiệt ; mà cự lời thì cấu-oán hưng-binh.

Quân ra bảo rằng :

Dạ dạ nay có Nguyên-sứ là Bốc-nhan-thiếp-mộc đến ở sứ-quán, bảo tôi vào tâu với Thượng-hoàng rằng : Nay Nguyên-chúa đặt tòa Tuyên-phủ ; sai quan sang cai-trị Nam-bang. Đem liêu-thuộc cùng sang, thiết các nơi phủ-huyện. Nay sứ-thần đã đến ; dạy tôi tới tâu qua. Phải dọn dẹp đền tòa, cho người vào nhận việc.

Nhân-tôn nói :

Lạ cha chả là lạ ! Nó làm như vậy vua tôi nước mình có ra chi đâu : Chịu lễ đâu mà chịu ; quyền phải giữ lấy quyền. Nghĩ như nước ta cũng đã chịu nhún với nó lắm lần mà : ta đã đành cam chịu phận hèn ; nó lại cứ ra điều oai hiếp. Quân, mày ra bảo cho nó nghe : Sứ thì đành chịu tiếp ; quan thời chẳng cần sang. Đã có đây Nam-quốc vương Nam ; bảo cho nó Bắc-nhân qui Bắc, nghe.

Quân nói

Phụng mệnh. (*Đều vào*)

Nguyên-chúa, Thoát-Hoan, Toa-Đô, Ô-mã-nhi, Lý Hằng, Lý Quán, Đường Ngật-Ngại và Phàn Tiếp đều ra.

Nguyên-chúa bạch rằng :

Vạn lý giang-sơn chưởng ác-trung,
Bán cầu nghiễm tác chủ-nhân-ông ;
Anh-hùng tự cổ chân vô-địch,
Khẳng phạ An-Nam nhất tiểu-đồng.

萬里江山掌握中。
半球儼作主人翁。
英雄自古眞無敵。
肯怕安南一小童。

Lại nói :

Mông-cổ xưa còn nước nhỏ ; Đại-Nguyên nay dựng nghiệp hồng. Ta nhớ lại từ khi cha ông ta khởi tự đất Mông-cổ khoảng bảy-mươi năm trời, nào là diệt nhà Tây-Hạ, diệt nhà Bắc-Kim, cùng là nhà Nam-Tống cho đến nước Ấn-độ nước Nga-la-tư, đâu đâu cũng lấy được, thế thì bờ cõi chẳng là rộng-rãi lắm mà : nửa địa-cầu đã lên mặt chủ-ông ; nhưng thế mà : một Nam-quốc chửa chịu bề thần-thiếp.

Quân Nguyên ra báo rằng :

Vâng lời quan Tuyên-phủ ; về tâu đạt thánh hoàng. Trần-chúa thậm quật-cường, đuổi hết quan cai-trị.

Nguyên-chúa nói :

Thế a ! Nếu nó chẳng phục-tòng như vậy ; tưởng cũng là phải đánh mới xong ; chư-tướng. Tính sao cho nhất cử thành-công ; ấy là đặng vạn toàn thủ thắng.

Thái-tử Thoát-Hoan nói :

Dạ dạ, trăm lạy phụ-hoàng, như việc ấy xin giao cho con cũng đặng mà. Cha không phải đem lòng tiêu-cán ; con thề xin hết sức anh-hùng. Xin phụ-hoàng cho con mà : Quản tương bách vạn hổ-hùng ; quét sạch mấy đoàn ong kiến.

Toa-Đô, Ô-mã-nhi cùng nói :

Dạ dạ, như hai anh em chúng tôi : Xin theo ngôi thái-tử ; sang dẹp giặc An-Nam. Phải làm cho bờ cõi mở-mang ; ấy mới đặng cao thâm báo đáp.

Lý Quán, Lý Hằng, Đường-Ngột-Ngại, Phàn Tiếp cùng nói :

Dạ dạ trăm lạy bệ-hạ, anh em chúng tôi nghĩ rằng : Lự nhi hậu thắng ; sự quí hữu-danh. Bây giờ xin làm thế này : Đánh tiếng rằng qua đánh Chiêm-thành ; ắt là phải mượn đường Nam-Việt. Lúc ấy : Bắt nó phải quân lương ứng tiếp ; ta sẽ thừa hư-nhược tập công. Nếu làm như vậy : Âu nhất cử thành-công ; chắc vạn toàn thủ thắng.

Nguyên-chúa nói :

Hảo a ! Ta giao cho Thái-tử ; phong vi Trấn-nam-vương. Lý Quán với Lý Hằng, cho cao trù quân-vụ. Còn Toa-Đô, Ô-mã-nhi, Đường Ngột-Ngại, Phàn Tiếp : Còn như bốn tướng nữa ; đều được thưởng gia-phong. Quản năm-mươi vạn hổ-hùng, thủy lục chia làm hai đạo, nghe.

Thoát-Hoan nói :

Dạ dạ trăm lạy phụ-hoàng : Đã có lòng phó thác ; xin hết sức đua bơi. Nước non muôn dặm xa khơi ; vàng đá mấy lời ghi tạc.

Vãn rằng :

Vàng đá mấy lời ghi-tạc,
Giang-sơn này gánh vác hai vai.
Phen này âu cũng ra oai,
Gươm thiêng mà phải chém ruồi tiếc thay.

Nguyên-chúa nói :

Như nay con đã đành gánh vác ; cha không phải lo toan. Như phen này : đạp bằng Nam-quốc giang-sơn ; thống nhất Bắc-triều thổ-địa.

Vãn rằng :

Thống-nhất Bắc-triều thổ-địa,
Từ xưa nay mấy kẻ anh-hùng.
Mở-mang vạn-lý đề phong,
Từ đây Nam Bắc lại chung một nhà.

Con đi, nghe. *(Đều vào)*

Thoát-Hoan ra, nói :

Chư-tướng thính mệnh.

Chư-tướng ra.

Thoát-Hoan nói :

Ta giao lại : Toa-Đô cùng Ngột-Ngại ; giả hải phạt Chiêm-thành. Ta cùng chư tướng, Ta quản suất đại binh ; vọng Nam-quan tiến phát. Chư tướng nghe ta dặn : Hai mặt phải cho tương-tiếp ; hội nhau ở tại Thăng-long. *(Đều vào)*

Toa-Đô, Đường Ngột-Ngại ra cùng xướng rằng :

Phạt bỉ Chiêm-thành, tự cổ Hoành-sơn nguyên hữu giới ; binh tòng thủy-đạo, hạnh kim Nam-hải dĩ vô ba
伐彼占城自古橫山原有界。兵從水道幸今南海已無波.

(Đều vào)

Lý Quán, Lý Hằng, Ô-mã-nhi và Phàn Tiếp ra cùng xướng :

Nam khứ thử hồi, tiêu chương bất tu chứ ý-dĩ ; Bắc qui hà nhật, hành nang chỉ thị tái đồ thư
南去此回消瘴不須儲荳蔻。北歸何日行囊只是載圖書.

Thoát-Hoan ra xướng :

Hách hách thiên-oai, Bắc-địa kim phiên cô tác tướng; hoàng-hoàng đế-mệnh, Nam-bang tha nhật cảnh vi vương 赫赫天威北地今番姑作將。皇皇帝命南邦他日更爲王.

(*Đều vào*)

Trần Nhân-tôn ra.

Quân ra báo rằng :

Dạ dạ, trấn-thủ Lạng-giang Lương-ủy; sai tôi tấu đạt phi-chương. Thám đã đặng rõ - ràng, việc cũng tường nguyên-ủy. Nay Nguyên - chúa giao quyền Thái-tử; phong Thoát-Hoan làm Trấn-nam-vương. Quân năm-mươi vạn kéo sang; thủy lục chia làm hai toán. Bắt ta phải quân-lương cung-đốn; mượn tiếng rằng giả đạo phạt Chiêm. Lời này không dám nói thêm; việc ấy thế nào cũng có.

Nhân-tôn nói :

Văn ngôn chân quải - lự; thính thuyết thâm quan-hoài. Dù rằng việc chửa tới nơi; nhưng cũng ta nên lo trước. Hoặc thủ hoặc công nên định chước; nghị hòa nghị chiến phải tiên-phòng. Quân, nghe ta dặn : Trên tự các đấng vương-hầu; dưới đến bá-quan tướng-súy. Khai ngự tiền đại-nghị; quân, sắm-sửa quân-giả ra đây : mệnh giả hạnh Bình-than, nghe.

Quân nói :

Phụng-mệnh.

Hồi thứ X

Định hưng-binh Bình-than khai đại-hội

Thủy khả tướng Hưng-đạo thụ nguyên-nhung

Các vai :

Nhân-tôn — Hưng - đạo - vương — Trần Nhật-Hiệu — Trần Quang-Khải — Trần Nhật-Duật — Trần Quốc-Toản — Trần Khánh-Dư — Quân-sĩ.

Hưng-đạo-vương, Trần Nhật-Hiệu, Trần Quang-Khải, Trần Nhật-Duật cùng ra, đều nói :

Nay vâng lời thánh-chỉ; theo hội tại Bình-than. Đây ta đã tỏ mưu gian; bảo đó đừng khoe sức mạnh.

Cùng vãn rằng :

Bảo đó đừng khoe sức mạnh,
Quyết phen này phải gánh giang-sơn.
Miếu-đường sẵn đã lo toan,
Cơ-đồ chắc cũng thái-bàn như xưa.

(*Đều vào*)

Trần Quốc-Toản ra bạch :

Tự trị nhũ sú khẩu do hàm,
Sát Thát như kim chí dĩ cam;
Túng sử yêm la như bất-cập,
Hoàn tu toái tận thủ trung cam.

自知乳臭口猶含
殺賊如今志已甘
縱使菴羅如不及
還須碎盡手中柑

Lại nói :

Như ta : Vương-hầu nguyên hữu chủng, tướng tướng bất hư sinh 王侯原有種相將不虛生. Ta nghĩ lại như ta dẫu là tuổi trẻ, nhưng tài-lược có kém ai đâu. Xét tuổi mình còn hãy đầu xanh; nhưng yêu nước vẫn là lòng đỏ. Như nay quân Hồ-lỗ nó sinh ra cơ-sự làm vậy, có lẽ ta chịu vậy hay sao : Giận vì loài Hồ-lỗ; mong giúp việc gian-nan. Nghe lệnh truyền đại-hội Bình-than; âu tới đó luận-bàn quốc-sự.

Vãn rằng :

Tới đó luận-bàn quốc-sự,
Dù khẩu hàm nhũ-sú kể chi.
Một mai tế-hiểm phú nguy,
Thử xem nhụ-tử kém chi tiên-đồng.

(*Vào*)

Trần Khánh-Dư chèo thuyền ra ăn mặc rách-rưới đầu đội nón mê. Bạch rằng :

Bần phú do lai cảnh mĩ thường,
Hốt-nhiên tê dịch hốt hầu vương;
Vân đồn túng thị kinh kê khuyển,
Sương tái hoàn năng trục lộc lang

貧富由來境廉常
忽然斷役忽侯王
寡屯縱是驚雞犬
霜塞豈能逐鹿猴

Lại nói :

Như ta : Nay gặp cơn gấp khúc ; xưa vốn cũng giàu sang. Cam khổ thay ! tôi bây giờ phải vào núi đốt than làm vậy, chẳng là bần-khổ lắm thay ! Nào ngờ đâu lá ngọc cành vàng ; mà phải nỗi bán than chặt củi. Ta nghĩ lại : Cũng vì mang tội lỗi ; nên phải chịu cơ-hàn. Phải phải : Nghe lệnh truyền đại-hội Bình-than ; âu tới đó đón theo ngự-hạm, a.

Vãn rằng :

Tới đó đón theo ngự hạm,
Hồ phận hèn nào dám trông mong.
Bán than âu chờ thẹn-thùng,
Vận đen đã hết vận hồng tới sau.

(*Vào*)

Thuyền vua Nhân-tôn ra.

Nhân-tôn vãn rằng :

Buồm thuận gió theo dòng Nhị-thủy,
Thuyền quay chèo trông núi Chí-linh ;
May sao « than » gọi là « bình »,
Gặp khi hoàng-khủng dễ mình lánh sao?

Thuyền Khánh-Dư ra vãn :

Thuyền ta cũng cứ theo sau,
May ra gặp-gỡ ở đâu chốn này.

Nhân-tôn nói :

Thuyền ai chèo đến đó ; nhân-huệ chắc không sai. Mình mang áo ngắn tả-tơi ; đầu đội nón mê rách-rưới. Quân: Đòi lại đây ta hỏi ; bởi duyên-cớ làm sao.

Khánh-Dư sang thuyền ngự.

Nhân-tôn nói :

Trông qua lòng đã thảm ; nhìn kỹ lệ thêm rơi. Ta không ngờ ngươi làm vậy : Việc chẳng qua lầm lỗi nhất-thời ; đâu ngờ nỗi cơ-hàn chung-nhật. Thôi ta ban áo, ngươi mặc nghe : Ta ban cho ngự-phục ; ngồi ở dưới hầu-vương.

Trần Khánh-Dư nói :

Như tôi bây giờ : Phận đã an bần-tiện; duyên lại đặng tao-phùng. Cúi đầu lĩnh lấy áo rồng ; nối gót theo cùng tướng hổ.

Vãn rằng :

Nối gót theo cùng tướng hổ,
Cân đai thay bố-tố là đây.
Cao sâu mong trả nghĩa dầy,
Áo kia dù nát lòng này không nguôi.

(*Đều vào*)

Đại-hội ở Bình-than.

Nhân-tôn cùng các vương-hầu cùng ra. Trần Quốc-Toản cũng dự đại-hội.

Nhân-tôn nói :

Ở Quốc-Toản ! Ta bảo cho: gã hãy còn tuổi trẻ, việc âu thực lớn-lao. Bởi làm vậy, cho nên : Việc này chưa được dự vào ; ngày khác sẽ chờ khôn lớn.

Trần Quốc-Toản vâng lệnh đi ra, nhưng trong lòng vẫn lấy làm cám-tức, song cũng đứng nghe lóng chuyện mà quả cam cầm trong tay bóp bẹp ra lúc nào không biết.

Nhân-tôn nói :

Ở các quan vương-hầu, như nay : Nghe Hồ Nguyên khởi-hấn ; toan Nam-Việt mượn đường. Dù rằng hư thực chưa tường ; nhưng thế mà: âu phải cơ-mưu sớm định. Trẫm xin hỏi ý các ngươi: Phải hòa hay phải đánh ; nên thủ hoặc nên công. Việc này xin hỏi chư-công ; ai nấy các trần nhất sách, nghe.

Trần Nhật-Hiện nói :

Dạ dạ, Như Hồ Nguyên nó lấy cường-quyền mà hiếp ; ta e cô-lực nan đương. Thà đành rằng cho nó mượn đường ; nếu chống lại ắt là sinh-sự.

Trần Quang-Khải :

Dạ dạ tôi xem công-việc nó bấy lâu nay sứ nó thường hay đi lại nước ta: Xem ý Nguyên-đình sai sứ ; muốn cho chúa-thượng nhập triều. Nhưng thế mà cho nó mượn đường còn lấy làm e lắm mà : Cho mượn đường khôn xiết nỗi treo-leo ; thêm đồ

cống để tỏ lòng chiều đãi. Như ta chịu dâng cống làm vậy, có lẽ rằng nó không mượn đường nước ta nữa mà: Ý nó còn mong thay đổi; việc ta khôn phải lo toan.

Trần Khánh-Dư nói:

Dạ dạ, tôi xem ra Hồ Nguyên: Dương khuyển lòng không có chán; hồ lang tính vẫn nan thường. Như nay có mượn đường đánh Chiêm, nào có phải nó đánh Chiêm đâu: Ngoài giả tiếng mượn đường; trong âm-đồ mưu chước. Tôi nhớ thuở xưa ông Tấn Hiến-công mượn đường qua nước Ngu để đánh nước Quắc, vì vua nước Ngu dại mà nghe, khi nó lấy được nước Quắc rồi nó lấy cả nước Ngu: Ta chẳng khác như Ngu thuở trước; nó cũng như nhà Tấn đời nay. Ta chẳng phải người ngày; nó đừng quen chước quyệt. Trăm lạy Bệ-hạ, như công-việc bây giờ: xin nói lời này là quyết; thôi thời phải đánh mới xong.

Nhân-tôn nói:

Như Nhân-huệ-vương đã nói làm vậy; còn Hưng-đạo-vương ý nghĩ thế nào?

Hưng-đạo-vương nói:

Dạ dạ, tôi nghe Nhân-huệ nói làm vậy, tôi lấy làm phải lắm, mà: Y điều-trần rất phải; tôi ý-kiến lược đồng. Bởi nhờ ta trên dưới hiệp lòng; nào sợ nó hùng-cường khoe mạnh. Tôi nghĩ như trong binh-pháp, thời như nó sang ta bây giờ, tôi có hai điều rất là quan-trọng: Thủy-thổ lạ dễ sinh tật-bệnh; đường-sá xa chắc cũng bi-lao. Đến lúc bấy giờ: Ta sẽ dụng mưu cao; nó không hay địch lại. Như nay mà chịu nó đi thì tôi lấy làm e lắm mà: Nếu vâng lời chiều đãi; tôi e: khôn xiết nỗi gian-nguy.

Trần Nhật-Duật nói:

Dạ dạ, tôi xem như quân Hồ Nguyên: Nó chẳng khác hùm thiêng rắn độc; ta coi như lũ kiến đàn ong. Việc này nếu chẳng lo xong; ngày khác sẽ mang vạ lớn.

Nhân-tôn nói:

Hảo a! Nghị hòa xem cũng ít; chủ chiến thực là nhiều. Như làm vậy, Đã đành một ý nương theo; khôn phải tái tam nghĩ lự. Ta xin các vương-hầu cử cho ta một người tướng, mà: Ta muốn lựa sư-trung trưởng-tử; ai khả đương khổn-ngoại tướng-quân?

Trần Nhật-Duật nói:

Dạ dạ, Chúng tôi đều trí thiền; Hưng-đạo thực tài cao. Như đem quyền nguyên-súy phó trao; chắc các tướng hầu vương cũng phục.

Nhân-tôn nói:

Hảo a! Cho Hưng-đạo làm quan Tiết-chế; các hầu-vương theo lệnh Nguyên-nhung. Trần Khánh-Dư trước cũng có công; cho nó theo để mà thục-tội.

Hưng-đạo-vương nói:

Cúi đầu từ bệ ngọc; ngửa mặt trông ngai vàng. Tài tôi nhỏ bé khôn đang; việc nước gian-nan dám chối.

Vãn rằng:

Việc nước gian-nan dám chối,
Lòng trung thành giữ mãi dám nguôi.
Phen này ngựa đã mồ-hôi,
Dầu lòng nhọc đến mấy hồi cũng cam.

Nhân-tôn nói:

Nay đã đành dạ trẫm; bởi cậy có tài tôi. Đền rồng may đặng thảnh-thơi; trướng hổ mặc dầu phó-thác.

Vãn rằng:

Trướng hổ mặc dầu phó-thác,
Lòng tin dùng từ trước đến nay.
Gươm vàng ấn ngọc trao tay,
Bình-than nhớ lấy hội này chớ quên.

(Đều vào)

Trần Quốc-Toản ra nói:

Nghĩ lại như tôi mà không được dự hội này, cũng là thẹn-tủi túc-tối lắm thay, bởi vậy cho nên: Trên mặt đã ủ-ê lá liễu; trong tay quen bóp bẹp quả cam. Chẳng mấy đời mấy thuở có cơ-hội thế này! Tiếc thay cơ-hội khá làm; mà lại phải:

lấy cờ trẻ con không dự. Nhưng thế mà không cho tôi làm, tôi cũng làm. Phải phải: Cờ cũng liền đề sáu chữ; quân đà lựa được hơn nghìn. Làm sao cho: phá cường-địch báo hoàng-gia; để mà đặng: tỏ tài trai lo nghiệp chúa.

Vãn rằng:

Miễn đặng khuông phù nghiệp chúa,
Cho cường hồ máu đỏ sông Thương;
Ấy là trả nợ quân vương,
Mới hay hoi sửa lại càng thơm danh.

Hưng-đạo-vương cùng các vương-hầu tướng-súy quân-sĩ đến ra.

Hưng-đạo-vương nói:

Nay vâng lời minh-chỉ; âu mở chốn diễn-tràng. Trên từ đấng hầu vương; dưới đến hàng tướng súy. Nghe ta dặn: Thuyền-sưu tu chỉnh-bị; khí-giới phải sẵn-sàng. Tam-quân nghe lệnh rõ-ràng; chư-tướng vâng lời ước-thúc. Trần Bình-Trọng: Bình-thân nọ quân-dung chỉnh-túc; Trần Khánh-Dư: Vân-đồn kia lục-lộ đề-phòng, các vương hầu: Chư hầu vương phần trú yếu-xung; còn ta cùng chư-tướng: Đại đồn sẽ chọn nơi Vạn-kiếp.

Chư-tướng cùng nói:

Nay xin vâng lệnh súy; âu phải hết phận mình. Mấy lời huấn-thị đã rành, một dạ trung-trinh xin tạc.

Vãn rằng:

Một dạ trung-trinh xin tạc,
Dù vàng phai đá nát quản chi.
Phen này tế-hiểm phù-nguy,
Tì hưu trăm vạn sợ gì Hồ Nguyên.

Hưng-đạo-vương nói:

Tường-thần nên hiệp-lực; trên dưới phải đồng lòng. Khuyên cho hai chữ hiếu trung; giữ lấy nghìn năm xã tắc.

Vãn rằng:

Giữ lấy nghìn năm xã tắc.
Thề phen này sát tặc từ đây;
Dù rằng cờ đã đến tay,
Hiếu trung vẫn giữ lòng này dám sai.

Hồi thứ XI

Phạm Ngũ-Lão mới vầy duyên tế-ngộ Hưng-đạo-vương mừng được kẻ anh-hùng

Các vai:

Hưng-đạo-vương — Phạm Ngũ-Lão — Thụy-ngọc phu-nhân — Thị-Nguyên — Thị-nữ — Quân-sĩ.

Hưng-đạo-vương ra.

Quân ra bảo rằng:

Dạ dạ, Nay vâng lời quốc-trưởng; mời nguyên-súy nhập-triều.

Hưng-đạo-vương nói:

Kíp sắm sửa xe loan; trở Thăng-long tiến phát.

Vãn rằng:

Thẳng trở Thăng-long tiến phát.
Kéo quân từ Vạn-kiếp mà sang.
Cờ mao áo giáp rõ-ràng,
Tiếng quân nghe đã thét đường xa xa.

(*Vào*)

Phạm Ngũ-Lão ra bạch:

Hoành sóc giang-sơn xuất tướng-tài,
Thôn ngưu chí-khí hướng thủy khai;
Thiên sinh Ngũ-Lão phi vô-ý,
Chỉ vị tiên đồng dẫn xuất lai.

橫 槊 江 山 出 將 才。
吞 牛 志 氣 向 淮 開。
天 生 五 老 非 無 意。
只 爲 仙 童 引 出 來。

Bạch rồi ngồi bên đường. Nói rằng:

Tôi nghĩ lại như tôi: Trời đã sinh Ngũ-Lão; nước ắt có tiêu-đồng. Nhưng thế mà: Công danh chưa trả nợ tang-bồng; dù thế mặc lòng: chí-khí vẫn dục thôn Ngưu đầu. Tôi có nghe Hưng-đạo-vương là một đấng anh-hùng đó, mà; Nếu tốt đặng thầy Hưng-đạo; không thì thẹn với Vũ-hầu. Nhưng cũng chẳng bao lâu; chắc có phen sẽ gặp. Tôi nghĩ lại như tôi bây giờ không có lẽ cứ ở nhà mà học mãi, bởi vậy cho nên cũng có khi ra đồng tập võ, có khi ra đường đi chơi.

cũng là để mà tiêu - khiển đó mà thôi: Nghề võ lựa gò cao mà nhảy; bên đường thường xách sọt mà chơi. Nhưng thế mà ta nghĩ lại thân-phận ta bây giờ: Việc đời luống những ngậm-ngùi; bởi vậy cho nên: hành-khách mặc ai qua lại.

Ngũ-Lão đương ngồi đan sọt, quân ông Hưng-đạo-vương kéo ra thét to lên, mà ngồi đan sọt vẫn điềm-nhiên; quân lấy giáo đâm vào đùi mà cũng không kinh-động chi cả.

Quân nói:

Ai kia đứng dậy; kẻo nữa mất đầu.

Ngũ-Lão không dậy.

Quân bảo với Hưng-đạo-vương:

Dạ da, Rằy quân ta đã tới; có đứa cứ ngồi hoài. Bởi vậy chúng tôi: Giáo nọ đã đâm đùi; chẳng thấy hề nhúc-nhích.

Hưng-đạo-vương nói:

Nào nó ở đâu?

Quân nói:

Dạ da, bẩm Đại-vương ở đây.

Hưng-đạo nói:

Như tên kia: Tính-danh âu phải tỏ; quê-quán ở về đâu? Hỏi sao đâm chẳng thấy đau; cũng cứ ngồi mà không dậy?

Ngũ-Lão nói:

Dạ da bẩm Đại-vương: Tôi họ Phạm tên là Ngũ Lão, Phủ-ủng này thực chốn quê hương. Như tôi ngồi bên đường đan sọt làm vậy chẳng qua lúc buồn gặp đâu ngồi đó thế mà thôi: Cơn buồn sầu cam đan sọt bên đường; tủi thân phận khác chi sàng gác bếp. Bởi tôi còn đương nghĩ; thì tôi biết chi đau, cho nên: Giáo đâm nào có biết; máu chảy cũng không hay. Trăm lạy Đại-vương; xin Đại-vương thứ lỗi cho tôi cùng: Thừa-dư đâu ngở đến đây; phạm-giá đành cam chịu tội.

Hưng-đạo-vương nói:

Hão a! Khẳng-khái khen cho có chí; thông-minh chắc cũng lắm tài. Ta hỏi ngươi học những sách chi, nói cho ta nghe: Sách bao nhiêu quyển hay coi; tóm một vài lời cho rõ? nghe.

Ngũ-Lão nói:

Trăm lạy Đại-vương, như tôi: Nhà vẫn cam bần-bạc; nhưng thế mà: học từ thuở ấu-trung. Tôi học những sách chi, tôi nói lại cho Đại-vương: Trước thánh-kinh hiền-truyện kiêm-thông; sau tam-lược lục-thao gồm đủ. Như tôi học làm vậy; Bởi phải biết văn biết võ, đặng mà giúp nước giúp dân. Nghe Đại-vương rộng lượng khoan nhân; nên hạ-sĩ ra tài chống vác.

Hưng-đạo-vương nói:

Duyên đã vầy nước cá; cánh cũng bồng mây hồng. Bây giờ ngươi theo ta, nghe: Khuyên ngươi đừng cao-ngọa Long-trung; theo ta sẽ vào chầu khuyết hạ.

Quân, truyền lấy thuốc dịt cho chàng, cùng sửa soạn xe sau để cho chàng đi, nghe: Thuốc này ban vội-vã; xe nọ kịp sửa-sang. May sao gặp-gỡ giữa đường; âu cũng lòng trời xui đẩy.

Vãn rằng:

Âu cũng lòng trời xui đẩy,
Duyên tao-phùng nhớ lấy từ đây.
Sao cho bồng cánh hồng mây,
Mượn tài Ngũ-Lão giúp tay tiên-đồng.

Ngũ-Lão vãn:

Đường mây muôn dặm xa trông,
Chim phàm dễ biết chí hồng là cao.

(*Đều vào*)

Thị-nữ ra bảo rằng:

Phu-nhân, hỉ-sự.

Phu-nhân ra nói:

Hà-sự mà hay?

Thị-nữ nói:

Thủy-xa ắt gần tới; cầm-chướng đâm thưa qua.

Phu-nhân nói:

Thế a! Con ơi ra mẹ bảo.

Thị-Nguyên nói :

Dạ dạ, dám thưa mẹ : Mẹ gọi con ra đó ; chẳng hay có việc chi ?

Phu-nhân nói :

Nghe nói cha con đã về, mẹ con ta sắm-sửa đi đón, nghe.

Phu-nhân ngâm rằng :

Ta nghĩ lại phu-quân ta bây giờ không phải là chỉ đóng ở đồn Vạn-kiếp mà thôi đâu :

Một dải mênh-mông sóng Lục-đầu,
Mây che Vạn-kiếp biết về đâu ;

Bởi vậy cho nên :

Nỗi nhà việc nước chia hai ngả,
Giờ tôi biết làm sao cho đặng mà :
Chàng những lo toan thiếp những sầu.

Thị-Nguyên ngâm :

Tôi nhớ lại như cha bây giờ đương phải đóng đồn Vạn-kiếp đó mà :

Linh sơn mây rợp bóng tinh-kỳ,

Bởi vậy cho nên :

Xe hạc đi về dễ mấy khi ;

Tôi nghĩ như thân-phận tôi bây giờ cũng tại ở cha tôi đó mà :

Vạn-kiếp cha còn mang nợ ấy,

Như thế thời :

Ba sinh con chắc có duyên gì !

Hưng-đạo-vương nói :

Phu-nhân ơi ! mừng cha-chả là mừng !

Thụy-Ngọc nói :

Chẳng hay có việc gì mà phu-quân mừng rỡ làm vậy ?

Hưng-đạo-vương nói :

Ta mừng là mừng : Nước gặp cơn nguy-biến ; trời giúp kẻ anh-hùng.

Thị-Nguyên nói :

Nghe qua đà đẹp ý ; thấy nói cũng vui lòng. Trăm lạy cha, cha phân lại cho con nghe cùng : Cha đã được kẻ anh-hùng ; con cũng muốn tường danh-tính.

Hưng-đạo-vương nói :

Như người này quê ở làng Phù-ủng, tên Phạm Ngũ-Lão, cha cũng tinh-cờ mà gặp đó mà thôi : Hồ lai tai, lộ thượng hốt tao-phùng ; phi nhiên giả, trần-trung nan vật sắc 胡來哉路上忽遭逢。非然者塵中難物色。 Con ơi ! như người này còn phải nói chi nữa : Địa-bộ thông-minh rất mực ; thiên-tư tài-mạo tót vời. Thật là một đấng tài-trai ; nhưng đã giáng-sinh ra người này ! Chắc cũng năm ngôi sao lão. Cha chắc rằng sau này : Giang-sơn nọ đã hoành một giáo ; xã-tắc này âu vững nghìn thu, đó mà.

Thụy-Ngọc nói :

Nếu như vậy : Lạ là đáng lạ ; tài thực là tài. Gặp gỡ thay âu phải cơ trời ; xui dẫy lại cũng là vận nước.

Hưng-đạo-vương nói :

Như người ấy : Cho đại tướng cũng là đáng bậc ; e gia-thần chưa hẳn chịu nhường.

Quân hay, sắm-sửa trường hầu đi, nghe : Âu phải mở xạ-trường ; cho đặng xem tài lạ.

Hồi thứ XII

Khai diễn-trường Hưng-đạo sẽ thử tài
Huyền thưởng-bạch Ngũ-Lão đà lĩnh giải

Các vai :

Hưng đạo-vương — Thụy-ngọc phu-nhân — Thị-Nguyên — Phạm Ngũ-Lão — Dã-Tượng — Yết-Kiêu — Nguyễn Địa-Lôi — Cao Mang — Đại-hành — Kim-cúc.

Hưng-đạo-vương, Thụy-Ngọc phu-nhân và Thị-Nguyên ra.

Thị-Nguyên nói :

Dạ dạ, trăm lạy cha : Nay phụ-vương duyệt xạ, cho ấu-tử theo hầu.

Hưng-đạo-vương nói :

Quân, cho mời các gia-tướng ra ứng-hầu.

Chư-tướng ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Ư các gã gia-tướng, như bây giờ : Đường cầu-sĩ vốn là rộng-rãi ; cách lựa tài cũng phải cân đo. Phải phải, Bày xạ-pháp được thua ; xem nhân-tài hơn kém. Nay ta đã mở trường thí-nghiệm ; gia-tướng, xem ai là phép bắn tinh-thông. Nghe lời ta truyền cho mà nghe : Liền ba tên đều trúng tâm hồng ; treo một giải sẽ ban tấm bạch.

Chư-tướng cùng nói :

Phụng-mệnh.

Yết-Kiêu nói :

Dạ dạ, Tôi Yết-Kiêu nhảy ngựa ; xin ra trước giương cung.

Xướng rằng :

Cạnh lực bản phi quân-tử đức,
Tranh hùng thiên-sinh tiểu-nhân tâm.

競 力 本 非 君 子 德
爭 雄 偏 逞 小 人 心

Quân nói :

Một phát trúng hồng-tâm, còn như hai phát sau : một phát thời tin ngoài niếp, một phát tin vào lá cờ.

Cao-Mang nói :

Dạ dạ, Tôi Cao-Mang tiếp ra, xin bắn luôn ba phát.

Xướng rằng :

Tam-niên quán sắt tâm phương ngộ,
Bách bộ xuyên dương nghệ dĩ tinh.

三 年 貫 虱 心 方 悟
百 步 穿 楊 藝 已 精

Quân nói :

Hai phát vào giữa, một phát ra ngoài.

Nguyễn Địa-Lôi nói :

Dạ dạ, Tôi là Nguyễn Địa-Lôi, xin nối hai người trước.

Xướng rằng :

Trâm anh cộng thán xuyên dương diệu,
Kim cổ tranh khoa trúng đích thanh.

簪 纓 共 嘆 穿 楊 妙
今 古 爭 誇 中 的 聲

Quân nói :

Phát đầu tiên tuy vào hồng-tâm, hai phát sau đều rá một chỗ.

Dã-Tượng nói :

Dạ dạ, Tên tôi là Dã-Tượng ; cưỡi ngựa bắn khoe tài.

Xướng rằng :

Fách-lý điểu phi tùy lạc diễn,
Nhất thanh nhạn trụy tại minh huyền.

百 里 鳥 飛 隨 落 點
一 聲 雁 墜 逐 鳴 弦

Quân nói :

Dạ dạ, hai mũi tên đều trúng vào hồng-tâm, phát thứ hai thời tin ra ngoài.

Lúc Dã-Tượng bắn thì chúng đều cười ầm lên, Dã-tượng lấy làm thẹn lắm.

Ngũ-Lão nói :

Xem tài kia cũng giỏi ; xin ai nấy đừng cười. Vì gió tên phải ra ngoài, không thời đều là trúng đích.

Dã-Tượng nổi giận nói :

Anh đừng cười khúc-khích ; ta đã chịu thua hèn. Nếu có tài cán hơn, sao chẳng ra mà bắn ?

Ngũ-Lão nói :

Tôi vẫn không có giỏi ; nhưng cũng biết ít nhiều. Vậy tôi phải vâng lời, xin anh đà xem thử.

Xướng rằng :

Trương cung thử nhật đa kiêu-tướng,
Đoạt cầm kim phiên thuộc hổ-hầu.

張 弓 此 日 多 梟 將。
奪 錦 今 番 屬 虎 侯。

Quân sĩ nói :

Dạ dạ, Bao nhiêu tên bắn trước ; thời đã lạc ra ngoài. Ba tên này đều trúng chẳng sai ; hồng đích ấy hãy còn ở đó.

Ngũ-Lão lại gần Hưng-đạo-vương nói :

Dạ dạ : Fa tên đều trúng đích ; một giải dễ nhường ai. Phần thưởng này xin phát cho tôi ; hỏi ai có còn tranh chi nữa ?

Dã-Tượng nói :

Bản vẫn nhường cho đó ; sức hầu dễ thua ai. Nếu như gã có tài ; xin cùng ta đấu kích.

Ngũ-Lão nói :

Ta vẫn không đấu lực ; gã luống những khoe hùng. Âu là quyết thu-hùng ; đặng cho phân thắng-phụ.

Đấu kích một hồi, Ngũ-Lão được, Dã-Tượng thua lui, Ngũ-Lão đuổi thì các tướng ngăn lại.

Thị-Nguyên nói :

Trăm lạy cha, như người ấy giỏi cha chả là giỏi : Bắn tên đã trúng đích ; đấu kích cũng cao tài. Tư-dung kia thực đáng là trai ; Trăm lạy cha, người ấy là ai ? tài bộ ấy dễ hầu mấy kẻ.

Hưng-đạo-vương nói :

Con quên đi hay sao ? Y thiệt là Ngũ-Lão ; cha đã thuật cùng con đó mà.

Phu-nhân nói :

Hảo a ! Người nầy thực đã đáng tài ; chờ đó để khi hữu-dụng.

Hưng-đạo-vương nói :

Ngũ-Lão, ta thưởng cho ngươi một tấm lụa và năm-mươi lạng bạc, nghe. Ngũ-Lão đã đành lĩnh giải ; nhưng rừa mà : Chư-quân âu cũng có tài. Cũng ban cho bạc lạng ba-mươi, lại thưởng lấy rượu ngon một chén. Ta nghĩ lại như nay ta mở diễn-trường ra đây làm vậy cũng bởi vì : Sắp đến hồi chinh-chến ; phải lựa kẻ tài năng. Ta hỏi các người như bây giờ : Ai giỏi thời bất thứ siêu thăng ; hỏi ai có ý chi cho nại đi mà, nghe.

Chư-hầu cùng nói :

Dạ dạ như anh em chúng tôi : trước còn đương tị-nạnh ; nay cam chịu suy nhường. Ai chứ như Ngũ-Lão còn nói chi nữa : Địch muôn người sức ấy thiệt khôn đương ; liền ba chúng bắn kia âu dễ ví. Như anh em chúng tôi : Phàm-mã khó so cùng kỳ ký ; dã-kê đâu sánh với phượng hoàng.

Hưng-đạo-vương nói :

Hảo a ! Bởi chư-quân đã có lòng nhường ; bởi vậy cho nên : cho Ngũ-Lão làm đầu gia-tướng. Như ta làm vậy : Ân đương-thưởng cũng vì công đương-thưởng ; tài phi-thường phải đãi cách phi-thường. Quân. Xếp cung tên truyền bãi diễn-trường ; sắm xa giá vào chầu kim-khuyết, a. (Hề vào).

Thị-Nguyên cùng Kim-cúc lại ra.

Thị-Nguyên nói :

Kim-cúc ơi, hai cô cháu ta trở lại đạo chơi chốn diễn-trường đã mà.

Thị-Nguyên ngâm :

Như vừa rồi cô có trông thấy trang Ngũ-Lão đẹp cha-chả là đẹp :

Râu hùm cằm én nhác trông qua.

Chẳng biết cô có duyên nợ gì với người ấy chăng :

Chắc có duyên gì bạn với ta.

Như bây giờ ta biết nghĩ làm sao cho đặng mà.

Mong đặng mối tơ cho quấn-quít.

Thế thì phải có bà nguyệt-lão mới đặng mà.

Sao giá qua lại bởi trăng già.

Kim-cúc nói :

Dạ dạ, như được làm vậy thì còn nói chi nữa. Chàng thực tài hào-kiệt, cô đương mặt thuyền-quyên. Thôi thì xin cô lấy quách đi cho xong : Đành là duyên lại bén duyên ; mới thực lứa đà đáng lứa.

Thị-Nguyên nói :

Con ơi, cô nhớ lại lời tiên-mẫu ; may gặp kẻ anh-hùng. Nhớ những khi đấu-chiến trương cung, thực đáng đấng huyền-hồ xạ-thỉ. Như làm vậy : Ý thật là thuận-ý ; nhưng họa mà : duyên đã chắc gì duyên. Tình tóc-tơ âu xếp một bên ; bây giờ ta phải về bầu cha mẹ đã mà : đạo khuya sớm phải lo hai buổi, a.

(*Hề vào*)

Ngũ-Lão ra nói :

Lúc nãy ta ở chốn nầy ta thấy một nàng đẹp, bởi vậy tôi trở lại đây để xem người ấy còn ở đây nữa không ?

Ngâm :

Cung trăng thấp-thoáng bóng hằng-nga,

Tôi xem người ấy cũng là có tình-ý với tôi lắm mà !

Thu cúc xuân-lan ý mặn-mà,

Ấy chẳng qua nhân-duyên gặp gỡ đó mà thôi, mừng cho tôi biết là đường nào !

Nay đặng hằng-nga đã biết mặt,

Bởi vậy cho nên :

Danh tuy Ngũ-Lão thực không già.

Lại nói :

Như nay ta gặp mặt nàng đẹp cha-chả là đẹp : Hay đâu nơi trần-tục, lại gặp được thần-tiên. Như người ấy : Cung mây đã tỏ vẻ thuyền-quyên ; đền ngọc cũng rõ-ràng quốc-sắc. Ta thường nhìn đưa mắt ; người cũng thẹn cúi đầu. Nhưng thế mà không biết về sau ra thế nào : Duyên gì có chắc về sau, tình ấy để ghi từ đó. Thôi thôi ! Tình riêng chưa dám ngỏ ; việc nước phải ra lo. *(vào)*.

Hồi thứ XIII

Hội Diên-hồng quốc-dân đều xin đánh Đóng Vạn-kiếp Hưng-đạo mới ra xe

Các vai :

Nhân-tôn—Hưng-đạo-vương—Phụ-lão — Trần Quang-Khải — Phạm Ngũ-Lão — Yết Kiêu — Lê Phụ Trần — Nguyễn Khoái — Hoàng phi — Quân-sĩ.

Nhân-tôn và Hưng-đạo-vương ra.

Quân-sĩ bảo :

Dạ dạ cấp-sự !

Nhân-tôn nói :

Hà-sự mà hay ?

Quân nói :

Dạ dạ, Ám-hao đã đích-xác ; thính-thám thực rõ-ràng. Nguyên-binh năm mươi vạn kéo sang ; đương còn hội ở nơi Hồ-Quảng. Phỏng còn chừng hai tháng ; mới kéo lên Nam-quan.

Hưng-đạo-vương nói :

Dạ dạ, trăm lạy Bệ-hạ : Xưa nay lo việc nước ; cốt phải thuận lòng dân. Làm sao cho thượng-hạ tương-thân ; ấy mới đặng quân-dân nhất thể. Dám thưa Bệ-hạ, như công việc lớn-lao làm vậy, ta phải hỏi lòng dân mới đặng mà ; Âu mở nhất-phiên đại-hội ; đặng cho triệu-tính vui lòng.

Nhân-tôn nói :

Hảo a ! Việc này âu rất phải ; chước nó cũng nên khen. Quân nghe ta dặn ; Đền Diên-hồng đại-hội yến-duyên ; lờ chiếu dỗ thỉnh-lai phụ-lão.

Quân-sĩ :

Phụng-mệnh,

Phụ-lão ra cùng nói :

Đọc mười hàng chiếu dỗ ; rõ một tấm lòng son. Như chúng tôi được đến đây làm vậy. Nhật nguyệt đâu soi đến phủ-bồn ; thảo-mộc cũng âu vi xích-thổ.

Nhân-tôn nói :

Nay giặc Hồ khởi-hấn ; âu việc nước phải lo. Bởi vậy cho nên : Nếu toan chống lại với địch thủ, âu cũng phải lo cùng dân-thứ. Bởi vậy trẫm chưa biết nghĩ ra làm sao đây : Việc này đánh khó xử ; lẽ ấy chửa phân-minh. Một là cam thành hạ yếu minh ; hai là phải trận-tiền quyết-chiến. Cho điều-trần ý-kiến ; đặng châm-chước thi-hành.

Phụ-lão cùng nói :

Dạ dạ, trăm lạy Bệ-hạ, như nay Bệ-hạ hỏi đến ý-kiến chúng tôi, vậy ý-kiến chúng tôi thế nào thì chúng tôi xin tâu như thế : Đánh đã đành phải quyết ; hòa xin chớ tự-ngu. Như quân Hồ Nguyên lòng lang dạ khuyển làm vậy : Khuyển dương kia khôn chán dạ yêu-cầu ; sài hồ nọ lại đem lời khủng hách. Như nay nó kéo năm mươi vạn quân sang nước ta, bởi vậy cho nên : Hình đã phân chủ khách ; thế chắc định hơn thua. Xin Bệ-hạ cử cất quân đi đánh đi : Nghèo thì xin đi lính cùng vua, giàu thì đem tiền lương giúp nước

Nếu mà chịu nó đi thì chúng tôi lấy làm e lắm mà : Gương nhà Tống cầu-thân từ trước ; dấu nước ta nội-thuộc còn gần. Mặc áo xanh dâu lẽ có hai lần ; đồ máu dỏ đành là cam nhất chiến.

Nhân-tôn nói :

Hão a ! Cũng là thật muôn người một ý ; mới hay rằng cử-quốc đồng-tâm. Lời nay trân-trọng thiên-kim ; Xin mời các phụ lão ăn yến đi : Yến nọ vui-vầy một tiệc.

Phụ-lão ăn yến xong.

Phụ-lão cùng nói :

Diên-hồng nay dự yến ; bạch-phát cũng ngồi sầu. Trăm lạy Bệ-hạ cho anh em chúng tôi xin lui. Liễu-bồ dù tới cảnh bi-thu ; qui-hoắc vẫn đem lòng hướng-nhật.

Vãn rằng :

Qui hoắc đem lòng hướng-nhật,
Đành dạ nay một tấc khôn khuây ;
Diên-hồng kỷ-niệm là đây,
Một ngày có hội muôn đời quân-ân.

Nhân-tôn vãn rằng :

Đất không thấp bệ không tôn,
Dẫu cha một nước cũng con một nhà.

Phụ-lão vãn rằng :

Cùng nhau gánh lấy sơn-hà,
Nước ta phải có vua ta mới đành.

Phụ-lão vào.

Quân ra báo rằng :

Thoát-hoan đã trông trừng quan-ải ; Toa-Đô kia theo lối Chiêm-thành. Việc thám đã phân-minh, tôi cấp-lai phi-báo.

Hưng-đạo-vương nói :

Như thế này : Giặc nó đã chia làm hai toán ; quân ta phải ra đón hai đường. mặt Lang-sơn tôi kíp tự đương trấn Hoan-Diễn giao cho Thượng-tướng.

Quân, mời quan Thượng-tướng Quang-Khải Ngũ-Lão ra đây.

Quang-Khải, Ngũ-Lão ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Giao cho quan Thượng-tướng ; giữ lấy đất Nghệ an. Phải nên kiên giữ cửa quan ; chớ để thua qua tắc-đẳng. Lại sai thêm tì tướng, Phạm Ngũ-Lão theo hầu.

Quang-Khải nói :

Nay vâng lời quốc-trưởng ; vào trấn đất Nghệ-an. Tráng tai van-lý giang-sơn; tuân thị nhất-phương bảo-chướng.

Vãn rằng :

Tuân thị nhất phương bảo chướng,
Đành phen này Nguyên-tướng khôn qua.
Càng đi đường lại càng xa.
Ta dù không đánh nó đà phải thua,

Ngũ-Lão vãn :

Phen này giữ lấy cơ-đồ,
Sao cho vượt đuổi được Hồ mới thôi.

Nhân-tôn nói :

Ta phó cho.

Quang-Khải Ngũ-Lão lui.

Hưng-đạo-vương nói :

Quân, cho mời Lê Phụ-Trần, Yết-Kiêu Nguyễn Khoái ra đây.

Lê Phụ-Trần, Yết-Kiêu, Nguyễn Khoái đều ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Nay giặc đà gần tới ; âu ta phải tiên-phòng. Khưu-cấp đồn kíp phải sửa-sang ; các quan-ải giữ cho nghiêm-nhặt. Tướng-quân Lê Phụ-Trần: Cửa Khả-ly trông nom phải chắc ; tướng-quân Nguyễn Khoái : nơi Lộc-châu đồn-lũy cho bền. Tướng-quân Yết-Kiêu : Bãi tân phải đóng chiến-thuyền ; chư-tướng thính-ngô hiệu-lệnh.

Phụ-Trần, Nguyễn Khoái, Yết-Kiêu cùng nói :

Quốc-ân đành phải báo ; thân-phận bất từ-nan. Mau mau trở lối Lạng-sơn ; chóng-chóng trông chừng quan-ải.

Cùng vãn :

Chóng chóng trông chừng quan-ải,
Đành phen này bao nại đá tên.

Ngọc vàng giữ lấy cho bền,
Đuổi quân Bắc-khấu dựng nền Đông-a

Nhân-tôn nói :

Ta phó cho chư-tướng lui.

Hưng-đạo-vương nói :

Như nay ta phân-phái chư-tướng ra làm vậy. Đành đã phân-đồn cứ-hiểm, âu là tiên-sự dự-phòng. Nay Hồ-binh đại-đội gần sang tôi xin tới coi đồn Khưu-cấp.

Vãn rằng :

Xin tới coi đồn Khưu-cấp,
Quân gia ta đã sắp từ đây.
Hồ Nguyên sẽ hỏi tội mày,
Không còn ngất-ngưởng như ngày sứ [sang.

Nhân-tôn nói :

Dưới trăm muôn triệu thứ ; trên các đẳng hầu-vương. Dốc lòng nấu sắt nung vàng ; bao quản dầm mưa dãi nắng.

Vãn rằng :

Bao quản dầm mưa dãi nắng,
Gánh giang sơn càng nặng càng hay.
Vui mừng mong ước từ đây,
Sao cho một tháng chẳng chầy ba thu.

Nhân-tôn nói :

Quân, mời Hoàng-phi ra đó ; tiền bá-phụ lên đường.

Hoàng-phi ra.

Da trăm lạy cha, nay đi việc vương-sự làm vậy : Nước gặp cơn nguy biến ; cha giúp nghiệp gian-nan. Trước dâng hai chữ bình-an ; sau dãi tấc lòng ký-chú.

Vãn rằng :

Sau dãi tấc lòng ký-chú,
Tưởng phen này thắng-phụ khôn phân.
Xin cha liệu làm sao cho con nhờ cùng.
Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
E đài đồng-tước khóa xuân hai kiều.

Hưng-đạo-vương vãn :

Con cứ yên lòng đừng có ngại chi mà :

Có đâu đến nỗi treo-leo,
Lòng trời chắc đã thuận chiều gió đông.

Nhân-tôn vãn :

Phen này ô-thước ba vòng,
Còn đâu đồng-tước mà mong hai kiều.

(*Đều vào*)

(*Còn nữa*)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(*Từ mồng 1 đến 31 tháng 5 năm 1932*)

Mồng 1 tháng 5. — Hôm nay trong suốt địa-hạt nước Pháp mở cuộc tổng-tuyển-cử Hạ-Nghị-viện. Việc đầu-phiếu cũng bình-tĩnh như cuộc vận-động tuyển-cử mấy bữa trước, không có xảy ra việc gì khác thường đáng chú-ý cả.

Mồng 2. — Cuộc tổng-tuyển-cử hôm qua là kỳ đầu-phiếu thứ nhất. Được 252 người trúng-cử, còn 357 người phải bầu lại kỳ thứ nhì vào chủ-nhật mồng 8 sau này. Trong số trúng-cử thời 223 người là chân nghị-viên cũ và 29 người mới. Đại-khái hơi nghiêng về bên tả, nhưng chưa thể đoán định được, phải đợi đến kỳ đầu-phiếu thứ nhì.

— Giám-quốc Pháp tiếp EMIR FAYÇAL là phó-vương đất *Hedjaz*, ở *Paris* đến mồng 6

— Chúng-Nghị-viện nước Mĩ quyết-nghị luật định bình-giá đồng *dollar* theo giá năm 1926. Tổng-thống HOOVER không ưng việc đó.

Mồng 3. — Ở *Genève*, các ban chuyên-môn của Hội-nghị Tài-binh vẫn làm việc.

— Ở Nghị-viện Ý, một người nghị-viên cực-lực bài-bác cái chính-sách của Pháp ở *Tunisie*, nhất là thuộc về việc đồng-hóa các kiều-dân Ý ở đó.

Mồng 4. — Thủ-tướng Pháp TARDIEU lại bá-cáo quốc-dân một lần nữa về kỳ đầu-phiếu thứ nhì ngày chủ-nhật này. Lãnh-tụ đảng Cấp-tiến HERRIOT, cũng bá-cáo lần cuối cùng để nhắc lại chương-trình của đảng mình. Kỳ đầu-phiếu ngày mồng 8 này là kỳ quyết phân thắng-phụ đây.

— Ở Hội-nghị Tài-binh, đại-biểu Anh bàn hạn chế trọng-lượng các tầu ngầm là 250 tấn. Đại-biểu Pháp cực-lực bác.

— Tổng-thống HINDENBURG nước Đức kỳ sắc-lệnh bắt các hội-đảng chính-trị tổ-chức theo tính-cách quân-đội phải thuộc quyền kiểm-sát của bộ Nội-vụ.

Mồng 5. — Thủ-tướng Anh MAC DONALD bị mổ mất tay phải, được hoàn-hảo cả. Nhưng thầy thuốc bắt phải nghỉ dưỡng-bệnh lâu. Trong khi vắng thì ông BALDWIN đứng chủ-tịch Chính-phủ.

— Ở Thượng-hải kỳ ước đình-chiến Trung Nhật.

Mồng 6. — Quan Giám-quốc Pháp PAUL DOUMER bị hung-thủ hành-thích. Ngài đến dự cuộc bán sách của hội Văn-sĩ cựu-chiến-binh (*Journée du livre des écrivains combattants*), thời bị một người Nga bắn bốn phát súng lục. Hung-thủ tên là GORGOULOFF, xem chừng như có bệnh thần-kinh. Vực vào nhà thương *Beaujon* gần đấy, xét ra thì bị một viên đạn vào đầu, một viên vào nách tay phải đứt đôi mạch máu, thầy thuốc phải ba lần truyền máu, coi nguy-kịch lắm.

Mồng 7 — Quan DOUMER bị thương nặng quá, không thể cứu được, sớm hôm nay tạ-thế, đem xác tự nhà thương về điện *Elysée*. Chính-phủ định làm lễ quốc-táng, rước linh-cữu ra làm phép ở nhà thờ chính *Notre Dame*, rồi rước đến điện *Panthéon*, quan Thủ-tướng TARDIEU sẽ đọc điếu-văn. Các nước được tin việc ám-sát này đều lấy làm cảm-động. Tổng-thống Đức gửi điện chia buồn trước nhất.

— Ông ALBERT THOMAS là chánh Quốc-tế Lao động-cục, hốt-nhiên tạ-thế ở *Paris*.

Mồng 8. — Hôm nay là kỳ đầu-phiếu thứ nhì về cuộc tổng-tuyển-cử Nghị-viện Pháp, kỳ này thì rõ-ràng các đảng tả được thắng ; đảng cấp-tiến xã-hội được thêm 49 ghế, đảng xã-hội S. F. I. O. (nghĩa là *Section française de l'Internationale ouvrière* = Chi-bộ Pháp của đảng Quốc-tế Công-nhân) được thêm 18 ghế, đảng Cộng-hòa xã-hội (*républicains socialistes*) thêm 6 ghế.

— Xác quan Giám-quốc DOUMER để trong một phòng khách lớn ở điện *Elysée*, cho thiên-hạ vào viếng.

— Ở *Lyon*, đất ở đồi *Caluire* bị lún, lại đứt các ống khí thành ra cháy nhà, bị hại nhiều lắm.

— EMIR FAYÇAL, phó vương *Hedjaz* đến *Londres*, ngày mai sẽ vào bệ-kiến vua GEORGE V.

— Quân Nhật ở Thượng-hải bắt đầu rút về.

Mồng 9. — Hôm nay mới tính trục cả hai kỳ đầu-phiếu tổng-tuyển-cử, các đảng ở Nghị-viện mới chia ra như sau này : Đảng Cấp-tiến xã-hội 159 ghế, đảng Xã-hội S. F. I. O , 129 ghế ; phái Cấp-tiến không thuộc đảng *Valois* ở trên (*Radicaux non valoisiens*, nguyên đảng Cấp-tiến xã-hội có hội-sở trung-ương ở đường *Valois* tại *Paris*, nên thiên-hạ thường gọi là đảng *Valois*) và các phái tả độc-lập (*indépendants de gauche*), 77 ghế ; đảng U. R. D. (nghĩa là : *Union républicaine démocratique* = Dân-chủ cộng-hòa liên-đảng), 76 ghế ; Tả-đảng cộng-hòa (*Républicains de gauche*), 65 ghế ; các phái độc-lập về hữu (*indépendants de droite*), 34 ghế ; cộng-hòa xã-hội và xã-hội Pháp, 34 ghế ; cộng-sản, 11 ghế ; cộng-sản biệt-lập (*communistes dissidents*), 10 ghế.

— Bà PAUL DOUMER xin với Chính-phủ sau khi làm lễ quốc-táng ở điện *Panthéon* sẽ đem chôn quan Giám-quốc ở mộ-địa nhà.

— Chính-phủ Pháp định kịp họp Quốc-hội (Thượng Hạ nghị-viện) để bầu quan Giám-quốc mới. Các đảng tả mới thắng định đề-cử ông PAINLEVÉ, nhưng nhân việc quốc-tang, không muốn có cuộc cạnh-tranh, ông từ chối. Vậy chỉ có một mình ông ALBERT LEBRUN là nghị-trưởng Thượng-nghị-viện ra ứng-cử.

— Ở *Genève* khai hội-đồng Hội-nghị H. V. Q. kỳ thứ 67, ông MATHOS là đại-biểu nước *Guatemala* làm chủ-tịch.

— Phái-bộ điều-tra của H. V. Q. về việc Mãn-châu đã đến *Kharbine* (Cáp-nhĩ-tân).

Mồng 10. — Quốc-Hội họp ở *Versailles* để bầu quan Giám-quốc mới. Chỉ có một mình ông ALBERT LEBRUN là nghị-trưởng Thượng-Nghị-viện ra ứng-cử, được bầu bằng 633 phiếu trong tổng-số 826 phiếu ; 114 nghị-viên về đảng xã-hội bầu cho tổng-thư-ký đảng ấy là PAUL FAURE để biểu-tình ; 8 nghị-viên về đảng cộng-sản cũng bầu cho MARCEL CACHIN để biểu-tình. Sau khi tuyên-bố ông LEBRUN được bầu lên chức quốc-trưởng, thủ-tướng TARDIEU quyền-nhiếp chức ấy trong mấy ngày khuyết quan Giám-quốc, liền đệ đơn xin từ chức cả Nội-các, nhưng lưu lại để tạm coi công việc thường cho đến khi lập Nội-các mới.

— Ông DOLLFUSS nhận lập Nội-các mới nước Áo.

Ngày 11. — Ở *Champigny* làm lễ táng ông ALBERT THOMAS, là Chánh Quốc-tế Lao-động-cục. Có đại-biểu của H. V. Q. đến đưa đám. Nguyên thủ-tướng PIERRE LAVAL, tổng-trưởng Bộ Lao-động đọc điếu-văn.

— Thầy dòng HAEGY, là người chủ-trương cái phong-trào lìa Pháp (*mouvement autonomiste*) ở *Alsace*, hôm nay tạ-thế.

— Chính-phủ Sô-viết tuyên-bố rằng tên hung-thủ giết quan Giám-quốc DOUMER không phải là người đảng cộng-sản.

Ngày 12. — Hôm nay làm lễ quốc-táng quan Giám-quốc DOUMER Đại-biểu các nước đến đưa đám đông lắm. Có quốc-vương nước Tỉ, thái-tử nước Anh, công-tước AOSTE nước Ý, thân-vương PAUL DE SERBIE, vua Bảo-đại nước Nam. Làm lễ độ-vong ở nhà thờ chính *Notre Dame*, chức Hồng-y-giáo-chủ VERDIER chủ lễ, rồi đưa linh-cữu đến điện *Panthéon*, thủ-tướng TARDIEU đọc điếu-văn, thuật lại công-nghiệp của Giám-quốc. Đoạn rồi rước ra nghĩa-địa *Vaugirard*, là nơi đã chôn bốn người con chết trận của Giám-quốc, để chôn ngay cạnh đấy.

— Đảng *Nazis* (là đảng Quốc-gia xã-hội của HITLER) gần đây bách tướng GRŒNER là tổng-trưởng bộ lục-quân *Reichswehr* phải từ-chức, hôm nay bộ tham-mưu của quân-đội Đức đến tỏ ý với Tổng-thống HINDENBURG là quan Tổng-trưởng không được lòng tin của quân-đội nữa, tướng GROENER liền phải từ chức. Đại-biểu của đảng ấy ở Nghị-viện càng thắng-thế, buổi họp hôm nay làm om-sòm quá, nghị-trưởng phải gọi cảnh-binh can-thiệp.

— Chính-phủ Anh gửi giấy mời họp hội-nghị *Lausanne* để bàn về vấn-đề bồi-thường.

Ngày 13. — Chính-phủ Pháp đặt lệ nghiêm-phòng những người ngoại-quốc ngụ-cư ở Pháp.

— Ở bộ Ngoại-vụ Pháp ký một bản hiệp ước tạm-thời để điều-đình các việc thông-thương Nhật-bản với Đông-dương.

Ngày 14. — Ông THOMASON, là nghị-viên hạt *Constantine* (*Algérie*) là ông nghị nhiều tuổi nhất ở Nghị-viện Pháp tạ-thế.

— Bộ Ngoại-vụ Nhật-bản thông-cáo cho đại-sứ các nước một bản dự-án đặt Thượng-hải thành một thành-phố tự-do của Vạn-quốc (*ville libre internationale*).

— Ở *Bombay* (Ấn-độ), đảng Ấn-giáo và Hồi-giáo xung-đột nhau dữ.

Ngày 15. — Thủ tướng Nhật INUKAI bị ám-sát, do đảng-viên một hội bí-mật tự-xưng là quân-quan và liền nhận tội ngay. Đồng-thời lại mấy quả « bom » ném vào nơi hội-sở đảng *Seiyukai* (Chính-hữu hội) và mấy nhà « băng ».

— Việc xung-đột ở *Bombay* chết mất 29 người, và bị thương ngót 2 nghìn người.

Ngày 16. — Chiếc tầu *Georges-Philippar* là một chiếc mới và đẹp nhất của hãng *Messageries Maritimes*, ở Á-đông về đi đến gần *Aden* bị cháy và đắm. Hành-khách cứu được nhiều, nhờ có chiếc tầu Nga và mấy chiếc tầu khác nữa gần đấy.

— Sau việc hành-thích thủ-tướng INUKAI, Nội-các Nhật-bản từ chức. Nghe đâu việc này là do đảng quốc-gia và quân-nhân cựu-đoan khởi lên.

Ngày 17. — Chưa biết rõ số người bị hại về tầu *Philippar*, nhưng xét ra có lẽ không phải có kẻ âm-mưu làm hại.

Ngày 18. — Giám-quốc LEBRUN mời ông HERRIOT đến tiếp chuyện, nói về việc lập Nội-các mới sau này.

— Giáo-hoàng PIE XI ban thượng-dụ (*encyclique*) nói về nạn kinh-tế khủng-hoảng.

— Có lẽ ông SUZUKI lãnh-tụ đảng *Saiyukaï* lập Nội-các mới ở Nhật.

Ngày 19. — Ở Hội Hàn-lâm Pháp, làm lễ nghênh-tiếp đại-tướng WEYGAND được bầu vào chân Thống-chế JOFFRE. Đại-tướng diễn-thuyết tán-dương công-nghiệp của Thống-chế. Hàn-lâm JULES CAMBON diễn-thuyết đáp lại.

— Cứ tin-tức của hãng *Messageries Maritimes* nhận được thì số người bị-hại về nạn tầu *Philippar* là 49 người.

— Ông GEORGES RENKIN nhận lập Nội-các mới nước Tỉ.

Ngày 20. — Trong khi tạm-thời giữ việc đợi lập Nội-các mới, Nội-các TARDIEU định không giải-quyết việc gì về ngoại giao cả.

Ngày 21. — Ở *Séville* (Tây-ban-nha) tìm thấy 200 quả « bom » đã nạp rồi và 700 quả đương chế, xét ra thì có một cuộc âm-mưu cách-mệnh lớn, định tuần sau sẽ khởi lên ở khắp nước Tây-ban-nha.

Ngày 22. — Các chi-bộ của đảng Xã-hội S. F. I. O. họp ở nhiều nơi, thảo-luận về vấn-đề có nên tham-dự vào Chính-phủ cùng với đảng Cấp-tiến hay không. Có nhiều chi-bộ thuận tham-dự, nhưng phải theo các điều-kiện của chương-trình LÉON BLUM.

— Hải-quân đại-tướng SAITO được cử lập Nội-các mới nước Nhật.

Ngày 23. — Cảnh-sát đã tra hỏi xong tên hung-thủ giết quan Giám-quốc DOUMER. Xét ra thì tên GORGULOFF làm nhiều sự bất-lương, nhưng không phải là ăn công của đảng chính-trị nước nào mà làm bậy.

— Nghị-viện Mĩ bác cái dự án luật cho phép uống rượu « bia » bằng 228 phiếu đối với 169 phiếu.

Ngày 24. — Giám-quốc LEBRUN họp các quan Nội-các TARDIEU cùng với ông HERRIOT, để thủ-tướng TARDIEU thuật tường về tình-hình tài-chính cùng ngoại-giao cho lãnh-tụ đảng Cấp-tiến là người sắp ra lập Nội-các mới được biết. Ông TARDIEU lại giao các bút-lục cho ông HERRIOT để xem kỹ các việc.

— Trường Đại-học *Paris* tặng chức «danh-dự tiến-sĩ» (*docteurs honoris causa*), cho ông SUGIYAMA, là giáo-sư về luật nước Pháp ở trường Đại-học *Tokyo*.

— Quân Nhật ở Thượng-hải rút về đã gần hết.

Ngày 25. — Thủ-tướng nước Thổ ISMET PACHA và ngoại-tướng TEFWIK ROUCHDI BEY tới *Rome*, yết thủ-tướng Ý MUSSOLINI.

— Nội-các Nhật đã thành-lập, từ-tước SAITO làm thủ-tướng.

Ngày 26. — Ban chuyên-môn của Hội-nghị Tài-chính ở *Genève* đương thảo-luận về không-quân, thứ nhất về vấn-đề thế nào phân-biệt cho biết tầu bay thế công (*avions offensifs*) và tầu bay thế thủ (*avions défensifs*).

— Nhân Nội-các VENIZELOS nước Hi-lạp từ chức, nay mới thành-lập Nội-các PAPANASTASIOU.

Ngày 27. — Ở mấy thành-phố bên Đức, đảng HITLER cùng với đảng Xã-hội và đảng Cộng-sản gây ra cuộc đấu-đả kịch-liệt lắm.

— Nội-các mới nước Nhật tuyên-bố không thay đổi gì về chính-sách ngoại-giao.

Ngày 28. — Ông HERRIOT đương nghiên-cứu các vấn-đề tài-chính và ngoại-giao, thương-thuyết với các nhà chính-trị, để dự-bị lập Nội-các sau này.

Ngày 29. — Đảng xã-hội S. F. I. O. họp hội-nghị để bàn về vấn-đề nên tham-dự hay không nên tham-dự Chính-phủ. Cái thuyết không tham-dự (*thèse antiparticipationniste*) nghe như có phần thắng.

— Ở Tây-ban-nha có âm-mưu cách-mệnh, xảy ra xung-đột ở mấy thành *Madrid*, *Barcelone*, *Valence* và *Séville*.

Ngày 30. — Vì không đồng-ý với tổng-thống HINDENBURG, thủ-tướng BRUNING nước Đức từ-chức.

— Ở Thượng-hải đặt giới-nghiêm ở các tô-giới.

Ngày 31. — Đảng ông HERRIOT xét lời quyết-nghị của Hội-nghị đảng Xã-hội S. F. I. O., tuyên-bố không thể hai bên hiệp-tác được.

— Tổng-thống Đức cử ông VON PAPEN lập Nội-các mới thay Nội-các BRUNING, lần này thiên hẳn về bên hữu.

Việc hành-thích thủ-tướng ở Nhật-bản.— Ngày 15 tháng 5 ở *Tokyo* là một kỷ-niệm ngày lưu-huyết ghê-gớm. Vào khoảng 5 giờ rưỡi chiều, có chừng mười người thiếu-niên mặc quân-phục, tay cầm súng lục, sấu vào nhà riêng thủ-tướng Nhật, là ông INUKAI. Bắn bị thương bốn người cảnh-binh, ba tên gia-nhân cùng một người đương đợi ở phòng bên ngoài. Ông INUKAI can-đảm lắm, không chạy trốn, mở cửa buồng giấy ra đối-diện với bọn kia. Chúng bắn vào người ông chín phát, ông bị thương ở đầu, ngã lăn xuống đất. Vết thương nặng, cách mấy giờ thì chết. Cũng cùng một lúc bấy giờ thời trong phố cũng có bọn thanh-niên mặc quân-phục như vậy, ném sáu quả «bom» vào mấy nơi. Bốn quả ném tự trong một cái ô-tô ra, và ném vào cửa nơi hội-sở trung-ương của đảng *Seiyukai*, vào sảnh cảnh-sát trung-ương và vào nơi nhà ở của Bá-tước MAKINO, là quan Chưởng-ấn Cơ-mật. Quả thứ năm nổ ở trước cửa nhà «Nhật-bản Ngân-hàng», còn một quả nữa thì nổ ở trước cửa nhà «băng» *Mitsubischi*, không ai bị hại cả, nhưng có một người cảnh-binh và một nhà biên-tập báo phải mấy phát súng lục bắn bị thương ở sảnh Cảnh-sát trung-ương. Ngay tối hôm ấy, mười tám người thanh-niên — năm viên võ-quan về hải-quân vào chức «hậu-bổ thiếu-úy» (*Aspirants*), và mười-ba viên học-sinh trường Quân-bị, — tự ra thú tội.

Mấy việc bạo-động đó là do một hội các thiếu-niên võ-quan về lục-quân cùng hải-quân âm-mưu chủ-trương. Hội này từ trước cũng đã từng rắc truyền-đơn tố-cáo « cái hiện-trạng các chính-đảng, cùng cách hành-vi của bọn quan-liêu về ngoại-giao, về ngân-hàng, về hải-quân cùng lục-quân. »

Muốn hiểu rõ các việc đó thời phải biết tình-trạng nước Nhật ngày nay, nhân-tâm đương sôi-nổi là dường nào. Nước Nhật muốn theo phong-trào văn-minh Âu-Tây, mãi đến giữa thế-kỷ thứ 19 còn giữ cái chủ-nghĩa thần-bí đời Phong-kiến, đột-nhiên thấy một phần thanh-niên ùa theo những tư-tưởng rất cực-đoan về chủ-nghĩa xã-hội cùng chủ-nghĩa cộng-sản. Nhất là trong bọn học-sinh các trường, khởi ra cái phong-trào cấp-tiến (*shinshiho*) đó, muốn khuynh-đảo cả các đạo-lý cổ, phá cả cái lòng sùng-phụng Thiên-hoàng nữa. Bọn thiếu-niên cách-mệnh này có học-thức hơn đồng-bào, mà không kiếm được công-việc làm, sẵn lòng oán-giận xã-hội bạc-đãi mình. Thành ra dễ làm tai nghe đảng Cộng-sản tuyên-truyền cổ-động; cảnh-sát thường khám-phá ra nhiều những hội-kín to, có học-sinh và thợ-thuyền lẫn nhau.

Phản-động với cái phong-trào quá-khích đó, lại nổi lên một cái phong-trào quá-khích trái lại, về chủ-nghĩa quốc-gia cực-đoan, lý-thuyết thời hơi giống chủ-nghĩa «pha-xi» mà cách hành-động thời toàn dùng lối bạo-động. Đồ-đệ của phái này thường là những kẻ mê-tín về đạo tôn-quân, cho người Nhật có trung-thành với quốc-túy Nhật-bản thời nước Nhật mới phú-cường được. Ngày nay phong-hóa suy-đồi, oai-quyền của Nhà nước kém đi, lại phải kinh-tế khủng-hoảng dữ-dội như bây giờ, là lỗi tại các Chính-phủ đặt ra cái chính-thể đại-nghị tai-hại, khiến cho mấy nhà lũng-đoạn cả tài-chính trong nước. Những kẻ đó là phản-bội Thiên-hoàng, phản-bội Tổ-quốc, phải nên nghiêm-trị không dung. Chính để làm cái công-việc tiễu-trừ đó, mới lập lên các hội kín về cực-hữu, đặt tên là Hội « Thanh-long », hội « Đồng-huyết».

Nay họ trách ông INUKAI về tội gì? Trước nhất là trách để nhục cho nước trong việc đánh nhau với Tàu. Xem đó thời biết cái ấn-tượng các việc Mãn-châu Thượng-hải vừa rồi. Chính-phủ *Tokyo* thủy-chung vẫn bị dằng quân-

phiệt họ sai khiến, việc họ gây ra trước, rồi sự đã dĩ-nhiên rồi, bất-đắc-dĩ phải theo. Nhưng theo mà lại vì lẽ quốc-tế không thể theo đến cùng được. Hội Vạn-quốc can-thiệp vào, bắt nửa chừng phải thôi, dường như phải thoái-bộ, bọn kia cho thế là nhục cho quốc-thể. Lại thêm trong hồi kinh-tế khủng-hoảng này, nước Nhật là một nước bị khủng-hoảng hơn cả, thành ra cái không-khí trong nước lại càng nồng-nàn lắm, lòng oán-phẫn lại càng kịch-liệt.

Nhân việc hành-thích thủ-tướng mà Nội-các phải từ chức. Cuộc khủng-hoảng chính-trị này đã tạm giải-quyết xong, cũng là theo như mệnh-lệnh ngầm của đảng quân-phiệt. Nội-các mới là một Nội-các quốc-gia liên-hiệp, gồm nhân-vật cả hai chính-đảng lớn, là đảng *Seiyukai* và đảng *Minseito*. Chức thủ-tướng giao cho Hải-quân Đô-đốc SAITO MAKOTO, nguyên tổng-trưởng bộ Hải-quân, nguyên tổng-đốc Triều-tiên, cùng với ông WAKATSUKI ký hiệp-ước *Londres* năm nọ, lại có chân Xu-mật cố-vấn của Vua, không từng làm nghị-viên bao giờ, vẫn đứng ngoài các cuộc đảng-tranh, thật là một vị thủ-tướng ngoài Nghị-viện. Thủ-tướng kiêm lĩnh bộ Ngoại-vụ, tỏ ra cái thái-độ cương-quyết, cho các đảng không trách được là Chính-phủ nhu-nhược.

Việc chính-biến nước Xiêm. — Ở Xiêm mới xảy ra một cuộc chính-biến, có tính-cách như một cuộc cách-mệnh, vì nhân đó mà vua phải ban hiến-pháp cho dân, chính-thể chuyên-chế biến thành chính-thể lập-hiến.

Chưa được rõ nguyên-ủy, mới biết sơ-lược theo các điện-tin A. R. I. P. dịch như sau này:

Tin Bangkok, ngày 24 tháng 6. — Sáng hôm nay ở *Bangkok* mới xảy ra một cuộc biến-loạn, do bọn võ-quan về Lục-quân Hải-quân chủ-trương, mà mục-đích xem ra là muốn đả-đảo cái Chính-phủ của các thân-vương. Mấy vị thân-vương DAMRONG, NAKONSAWAN, PURACHATRA, mấy quan thượng-thư cùng mấy vị quan to bị bắt, giam ở cung *Dusit*, do quân-lính canh giữ. Có tin đồn viên chánh bộ Tham-mưu Lục-quân bị giết. Vua cùng Hoàng-hậu đương nghỉ mát ở *Huahin*, có phái một chiếc tầu chiến đề đi triệu vua về. Trong thành-phố *Bangkok* vẫn bình-tĩnh như thường.

Tin qua New-York, ngày 25. — Thân-vương SUBASVASTI, là thân-sinh ra Hoàng-hậu, được tin biến-loạn lấy làm lạ-lùng lắm, nói nhà vua đã hơn một năm nay đã xét về việc lập-hiến cho nước, nhưng còn hoãn chưa quyết-định. Theo ý thân-vương thời quốc-vương cùng hoàng-hậu không có lẽ bị bạo-hành đến thân-thể.

Tin Bangkok ngày 26. — Hãng điện-báo *Reuter* báo tin rằng vua đã về kinh-đô bằng chiếc tầu chiến của các quan Chính-phủ mới đi triệu ở *Huahin* đương nghỉ mát. Nhân-dân tỏ ý hoan-nghênh lắm. Ở *Bangkok* vẫn bình-tĩnh. Đảng binh-dân mới lên cầm quyền vẫn giữ được toàn trật-tự. Các hoàng-thân cùng công-chúa bị giam để làm tin cho đến khi lập thành Chính-phủ mới, nhưng vẫn được đãi tử-tế. Bộ Ngoại-vụ tuyên-bố vẫn hết sức bảo-hộ cho các kiều-dân ngoại-quốc.

— Quốc-vương ở *Huahin* về bằng chuyến xe lửa đặc-biệt, đến *Bangkok* ngày thứ bảy vào 11 giờ đêm. Đỗ ở ga *Chitralade* là ga riêng của nhà vua, liền lên ô-tô về Cung. Sớm chủ-nhật vua tiếp đại-biểu của đảng binh-dân và nghe đâu có tuyên-bố cho Chính-phủ lâm-thời biết rằng sẽ ban hiến-pháp cho dân. Tự ngày thứ sau, lại có bắt thêm mấy vị hoàng-thân nữa. Đâu đấy vẫn giữ được trật-tự bình-tĩnh. Chính-phủ lâm-thời có thông-tư cho các công-sứ ngoại-quốc biết rằng vẫn theo như

các điều-ước hiện-hành, sẽ đảm-đương trách-nhiệm bảo-hộ cho sinh-mệnh tài-sản của người ngoại-quốc.

Tin qua Washington, ngày 26 tháng 6. — Theo điện của viên lãnh-sự Mĩ gửi về thì vua Xiêm đã thuận các điều-kiện của Chính-phủ lâm-thời và từ nay nước Xiêm là một nước quân-chủ lập-hiến. Nhân-dân được tin ấy lấy làm vui mừng lắm.

Điện Paris, ngày 26 tháng 6. — Báo *L'œuvre ở Paris* bình-luận về việc Xiêm nói rằng việc chính-biến này phần nhiều bởi kinh-tế khủng-hoảng mà ra. Quan-lại phải giảm số giảm lương, 1000 viên quan-lại và 450 viên quân-quan bị tại-ngoại không lương. Thóc gạo cùng gỗ *teck* không bán được, dân quê bị nghèo-khổ. Sổ dự-toán mọi năm là 19 triệu « ti-can » năm nay rút xuống 14 triệu. Lại thêm chính-phủ ở trong tay các hoàng-thân quốc-thích cả, và bọn này làm việc như lối tây, dân không quen, lại được vua bênh. Việc biến-loạn là do một hội kín các quân-quan chủ-trương. Lại nghe đâu ở nước Xiêm có lời sấm truyền rằng nhà vua trị vì này, hễ được 150 năm thì đổ. Nay lễ kỷ-niệm nhất-bách ngũ-thập chu-niên của Hoàng-tộc vừa khởi-hành được ít lâu.

Tin Bangkok, ngày 27. — Quốc-vương hôm qua đã tiếp đại-biểu của Dân-đảng ở trong Cung, có 4 viên quân-quan và 4 người thường-dân, khi đại-biểu bước chân vào nơi điện vua ngồi, thì vua đứng dậy và truyền cho tả-hữu cũng đứng dậy cả. Viên cố-vấn LUANG PRADITH thay mặt các đại-biểu, tâu vua như sau này: « Dân-đảng không có ý bạo-động gì. Chỉ muốn đồng-ý với quốc-vương xin thay đổi việc cai-trị trong nước. » Rồi dâng vua một bản hiến-pháp, vua sang phòng bên cạnh để xét, rồi nói không thể trả lời ngay được, để đến 5 giờ chiều sẽ hay. Các đại-biểu về nơi hội-đồng của Dân-đảng, tuyên đọc cho dân nghe một bản thượng-dụ của vua. Lời dụ nói rằng : « Trẫm công-nhận cho Dân-đảng muốn thay đổi chính-thể hiện-hành cho giống các nước khác. Dân-đảng muốn xin với Trẫm đổi chính-thể làm quân-chủ lập-hiến. Thật Trẫm vẫn có ý ấy đã lâu, và bằng lòng cho Dân-đảng đặt các kế-hoạch để giữ trật-tự cùng sinh-mệnh tài-sản của nhân-dân. Vậy Trẫm tuyên-bố rằng các kế-hoạch của Dân-đảng đã thi-hành tới nay, dù có trái với luật-pháp hiện-hành, cũng cho là đúng phép cả ». Lời dụ lại nói rằng suốt các nước có lẽ duy có nước Xiêm là một cuộc chính-biến như vậy vẫn được yên-ổn không phải đổ máu một chút nào. Suốt trong nước vẫn giữ trật-tự như thường.

Thời-cục nước Tàu. — *Quảng-đông với Nam-kinh.* — Việc Tàu vẫn còn rắc-rối lắm, mặt Thượng-hải tuy tạm yên, mà mặt đông-bắc vẫn còn quân Nhật chiếm-lĩnh Mãn-châu ; mặt đông-nam cánh Quảng-đông lại khởi nạn nội-tranh, muốn chiếm giữ lấy địa-bàn. Trần Tế-Đường là đầu đảng Quảng-đông mượn cớ sửa đổi lại Hải, Lục, Không-quân, mà kỳ-thực thì Trần Tế-Đường hạ lệnh sắp đặt quân binh lại để đối phó với Nam-kinh. Song bộ-trưởng Không-quân là Trương Huệ-Trường và bộ-trưởng Hải-quân là Trần Sách nhất-định không phục-tòng mệnh-lệnh.

Trần Sách thì tụ-tập hải-quân ra đóng ở Quỳnh-nhai, dự-bị chống nhau với Trần Tế-Đường, thành ra hai Trần xung-đột.

Luôn mấy ngày, Tôn Khoa và Hồ Hán-Dân hội-nghị tại nhà của Hồ ở Hương-cảng để giải-quyết việc biến Quỳnh-Quảng, quyết-nghị trước phải chế-chỉ Trần Tế-Đường đừng cho tập-

trung quân-đội ở Cao-lôi, cho tránh khỏi sự xung-đột đã, rồi sau sẽ tìm cách điều-giải.

Gần đây có tin Trần Tế-Đường vì bị các giới khuyên-giải và chỉ trách, đừng nên khinh-suất sinh ra nội-chiến cho nên Trần đối với việc giải-quyết vấn-đề hải-quân Quảng-đông coi đã có chiều êm dịu.

Còn đội chiến-thuyền của Trần Sách thì nghe nói sẽ theo lời thương-lượng của Sái Đình-Khải kéo qua Phúc-kiến hiệp-lực với đạo quân thứ 19 để tiễu-trừ quân Cộng. Nếu vậy thì mặt đông-nam cũng tạm yên.

Tưởng Giới-Thạch đi tiễu trừ cộng-sản.— Tưởng Giới-Thạch sai Tống Tử-Văn trù 200 vạn đồng làm quân-phí đi tiễu trừ cộng-sản.

Ngày 7 *Juin*, Tưởng cùng Tống Mỹ-Linh đã từ Nam-kinh đi Hán-khẩu.

Ngày 8 *Juin* Tưởng đến Yên-khánh.

Ngày 9 *Juin* Tưởng đến Lư-sơn, triệu các quân-quan cao-cấp để chỉ bảo mọi việc.

Xem ra thế-lực quân cộng-sản ở Hà-nam không thể coi thường được. Hiện nay quân Chính-phủ đang tiến-hành tiễu Cộng, chỉ là đánh những quân cộng-sản tán-mạn không có tổ-chức, vả khi được khi thua, chứ nếu muốn tiến đánh quân cộng-sản có tổ-chức kia, không có hậu-tập binh-lực, xếp đặt theo qui-mô lớn thì không được, cho nên Tưởng Giới-Thạch đi Hán-khẩu lần này là muốn thân tự chỉ-huy các đạo quân ra sức tiễu-trừ.

Đạo quân 15 thuộc bộ-hạ Mã Hồng-Quì vừa rồi đánh nhau dữ-dội với hai vạn quân cộng-sản ở Hạng-thành, hai bên chết hại rất nhiều. Tại Hán-khẩu đã phái một đội máy bay vào Hà-nam bắn phá cộng-sản, quân cộng-sản cũng có máy bay chống lại. Chắc rằng việc tiễu Cộng lần này không phải một thời-kỳ ngắn có thể kết-thúc được.

Tưởng đối với các tướng-lĩnh có nói rằng: « Bản-nhân đến Hán-khẩu chủ-trì việc tiễu Cộng, nếu quân Cộng-sản một ngày không trừ được, thì một ngày không mặt nào đối với Chính-phủ trung-ương. » Tưởng lại nói: « Quan binh cần phải nhất tâm nhất đức, muốn dẹp ngoài, trước phải yên trong. Phải phản-động bịa tin để hại chúng ta, nếu quả dẹp yên được quân Cộng-sản thì phải phản-động không làm gì được nữa. »

Tưởng sẽ tọa-trấn lâu ở Hán-khẩu. Có triệu-tập cả tỉnh-ủy-viên, đảng-ủy-viên, hiểu-dụ rằng: « Lực-lượng tiễu phỉ, quân-đội chỉ có ba phần, đảng-chính chiếm bảy phần, mong các bạn đồng-chí, họp sức tiễu Cộng. »

Tưởng Giới-Thạch có cáo-giới quan quân đi tiễu Cộng 10 điều như sau này:

1º) Thưởng phạt nghiêm-minh; 2º) Trưởng-quan phải hiểu rõ tình quân-lính; 3º) Quan quân phải cùng ăn uống, cùng khởi-cư, cùng hoạn-nạn; 4º) Yên giữ trăm họ, không được quấy dân, bắt phu và lấy đồ ăn của dân; 5º) Trong quân-đội phải làm như gia-đình; 6º) Kinh-tế công-khai; 7º) Cấm báo tin bậy; 8º) Yên giữ các công-vật võ-khí; 9º) Phải theo làm đúng như mệnh-lệnh; 10º) Chú-trọng việc vệ-sinh chung.

Tình-hình Mãn-châu. — Nhân nghị-viện Nhật quyết-nghị thừa-nhận Chính-phủ Mãn-châu, Chính-phủ Nam-kinh đã phát-biểu lời tuyên-ngôn phản-kháng, lại thông-điện đi cả nước, nói rằng:

« Cứ như tin báo nghị-hội Nhật-bản đã quyết-nghị thừa-nhận chính-phủ nước Mãn-châu, đủ thấy Nhật-bản đã lật cái mặt nạ cuối cùng, thừa-nhận cái chính-phủ nguy đã dùng quân-lực dựng nên, xé bản minh-ước quốc-liên và bản công-ước 9 nước do tự mình đã ký nhận.

«Chính-phủ đã hạ-lệnh cho bộ ngoại-giao phải phản-kháng một cách nghiêm-trọng, quyết theo phương-châm bấy lâu, kiên-quyết đề-kháng, cố mưu thu-phục miền Đông-bắc, anh em đồng-bào chẳng may gặp sự biến lớn ở dưới quyền của ngụy-chính-phủ, sinh-mệnh tài-sản không được chút bảo-chướng mảy-may; về phần tinh-thần chịu đau-đớn lại càng khó nói lắm. Ngày nay nghe tin dữ-dội ấy, chính-phủ lại càng lo nghĩ, nên lại phải tuyên-bố một lần nữa, không kể là người Nhật áp-bách thế nào, quyết không thừa-nhận ngụy-chính-phủ, quyết không thôi việc ra sức thu lại những đất đã mất, vẫn mong nhân-dân cả nước, cứ giữ một lòng như trước, càng tự phấn-lệ, nuốt cay ngậm đắng, cùng đức cùng lòng, đoàn-kết với nhau theo một bụng chân-thành và dự-bị đủ mặt, nếu không ai phá-hoại thì thế nào cũng có ngày thu lại được những đất đã mất...»

Chính-phủ Mãn-châu gần đây lại chiếm thâu quan-thuế ở Đại-liên và các sở gần đó. Tuy chính-phủ trung-ương Tàu nhiều lần bác-xích, và liệt-cường đã đôi phen can-thiệp, song vẫn vô-hiệu. Ngày 28 Juin chính-phủ Mãn-châu thực-hành chiếm-đoạt tất cả các sở hải-quan toàn cõi Đông-bắc.

Nhà đương-cục thuế hải-quan của Tàu tuyên-ngôn rằng chính-phủ Mãn-châu chiếm thâu trọn phần quan-thuế ở Đông-bắc, tương-lai tất gây ra mọi điều khốn-nạn cho khoản nợ bồi-thường năm canh-tí (1900) và khoản công-thái trong nước Tàu; vì ngạch quan-thuế ở Đông-bắc chính là món thế cho các mối nợ ngoại-quốc.

Chính-phủ Anh và Mĩ đều tỏ ý bất-bình về việc Chính-phủ Mãn chiếm thu quan-thuế.

Chính-phủ Mãn-châu lại vâng lệnh của nhà đương-cục Nhật-bản, buộc sở bưu-điện Tàu ở Đông-bắc phải đổi dùng con niêm hiệu Mãn-châu, và đến đầu tháng *Juillet* này thì thực-hành dùng những con niêm mới của Nhật-bản in mà dán vào bao thơ.

Những chức-viên còn thuộc các sở bưu-điện Đông-bắc, sau khi bị Mãn-châu chiếm-đoạt quyền bưu-chính, đã lũ lượt kéo nhau trở về Bắc-bình.

Bộ ngoại-giao của Tàu liền gửi tờ chiếu-hội cho Nhật-bản kháng-nghị về việc ấy, bảo cho Chính-phủ Mãn-châu làm như vậy là cốt phá-hoại cuộc bưu-chính Trung-hoa, chính-phủ Nhật-bản phải hoàn-toàn chịu lấy trách-nhiệm.

Quân nghĩa-dũng tung-hoành. — Ở Đông-tam-tỉnh nguyên có bảy toán quân phản Nhật và phản nước Mãn-châu, đều chia môn-hộ không liên-lạc với nhau, hiện nay đã đoàn-kết với nhau làm một, đều ở dưới quyền chỉ-huy của tướng Đinh Siêu. Ở các nơi trong Đông-tam-tỉnh đều đặt cách liên-lạc, nếu khi việc liên-lạc đã xong hẳn thì thế-lực quân nghĩa-dũng lại càng to. Nhân-dân các nơi dự vào quân nghĩa-dũng càng ngày càng đông, cho nên số người hiện đã khá to, nhất là ở miền Đông, ước có 65.000 quân nghĩa-dũng, nếu hợp cả toàn-bộ quân-đội phản Nhật ước có 15 vạn người.

Có tin Bắc-bình nói Lý Đỗ thân đốc-suất 7 vạn quân cùng quân Nhật kháng-chiến, ngày 21 *Juin*, Lý có thông điện đi các nơi. Lời nói rất khẩn-thiết, đại-ý nói rằng: «Lấy một đạo cô-quân chống Nhật, đánh nhau đã năm tháng trời, trước sau hơn 20 trận, còn giữ được một mảy sinh-cơ. Tôi nay tuổi đầu ngoại 50, nhưng còn sống ngày nào đều là cái ngày báo nước, một hơi thở hãy còn, chưa dám vội lui, còn mong Chính-phủ trung-ương và các vị danh-lưu

trong nước mau mau nghĩ cách ứng-phó chắc chắn thế nào, không thì quyết không thể thắng được. Còn như ý-chí của Lý Đỗ này, có thể trịnh-trọng tuyên-thệ với người nước rằng chỉ có tên Lý Đỗ giết giặc để làm vẻ-vang cho dân-tộc Trung-hoa ta, quyết không có tên Lý Đỗ hàng giặc để làm nhơ-nhuốc dân-tộc Trung-hoa. »

Ngày 21 Lý Đỗ tiến quân đến đóng ở Giai-mộc-sở, rồi theo dòng sông tiến lên cướp được 2 chiếc tàu binh, quân Nhật thua lui đến Tam-tỉnh, quân Lý lại kéo đến đánh Tam-tỉnh.

Về phần Mã Chiếm-Sơn cũng thân suất đại-quân cùng quân Nhật quyết chiến, có phát bức điện thệ-sư đi các nơi, trên đầu kể rõ âm-mưu của người Nhật chực xâm chiếm Đông-tam-tỉnh, dưới có mấy lời nói rất thống-thiết rằng:

« ... Xét cái lòng của người Nhật, há chẳng muốn nhân-dân ba tỉnh ta tự ngửa cổ để cho chúng nó chém hết mới thỏa lòng đó ư ? Ôi, dân nước ta bị nhục đã quá lắm, nhịn nhục đã lâu rồi. Nhưng kinh Phật có câu : Thiên hạ chỉ có sức nhẫn-nhục rất lớn ; điện không tích thì không mạnh, gió không tích thì không dữ, nay tất cả quân lính ta, cốt nên khéo dùng cái sức rất lớn ấy, để đánh đuổi kẻ thù, lấy lại non sông. Nay ta vì lo lấy lại đất nước mà đánh, vì lo rửa thù chung mà đánh, cũng vì tranh lấy sự sống còn cho ta mà đánh, nhận định mục-đích, cùng nhau ra sức, thì quân địch nào mà chẳng đánh được.

« Than ôi ! Đất-cát ba tỉnh ta dầu rộng, nhưng chẳng để cho « quân đi gốc gỗ » nó tung-hoành ; núi rừng ba tỉnh ta dù tốt, nhưng chẳng để cho « bọn chân chữ bát » nó lần mò. Có lẽ đồng cỏ đã khô, cần mượn máu chúng nó để tưới cho tươi ; ngòi rãnh rất sâu, cần đem thây chúng nó để lấp cho đầy chăng ! »

Ngày 23 *Juin*, các đạo quân nghĩa-dũng tỉnh Liêu-ninh nhất-trí liên-lạc cùng nhau cộng được 60.000 người. Rồi bèn chia ra làm ba toán kéo đến giáp-công thành Thẩm-dương : một toán do ngả Liêu-đông tiến đánh đường Thẩm-hải ; một toán quân do ngả Liêu-nam tiến đánh đường Nam-Mãn ; một toán nữa do ngả Liêu-tây tiến đánh đường Đả-thông, thanh-thế rất là lừng-lẫy.

Còn ngoài ra khắp Mãn-châu đều là nơi chiến-trường quân nghĩa-dũng đánh nhau với quân Nhật, nào là trận đại-chiến ở Tùng hóa-giang; trận huyết-chiến ở Cáp-nhĩ-tân ; Hội Hồng-sang tiến đánh dinh quân Nhật ; Tiểu Bạch-Long lẻn đánh thành Thẩm-dương ; quân Nhật thua ở Bàn-sơn, Hắc-sơn ; quân nghĩa-dũng hoạt-động ở gần thành Thẩm-dương ; lại một trận kích-chiến ở đường Trung-đông ; kể ra còn nhiều trận đánh nhau ở các thành các huyện, không sao nói xiết ; tuy dân-quân bị tàn hại cũng nhiều, mà cũng làm cho quân Nhật thiệt-hại cũng lắm, và ứng-phó cũng mệt.

Quân Nhật vì bị quân nghĩa-dũng ở Đông-bắc nổi lên kháng-cự nhiều quá, họ nghi cho là có nhờ sức âm-trợ của các đạo quân ở quan-nội, nên họ định mau xuất-binh xâm-phạm miền Bắc-bình Thiên-tân, rồi sẽ đoạn-tuyệt đường yếu-đạo tiếp-tế của quân Tàu.

Phía quân Tàu cũng đã giới-bị nghiêm-mật khắp cả mặt Bắc-bình Thiên-tân rồi, không sớm thì muộn sẽ có sự biến phát-sinh.

Tướng Bản-trang và Chính-phủ Mãn-châu cùng tuyên-ngôn rằng Trương Học-Lương quả có phái binh quan-nội ra viện-trợ quân nghĩa-dũng và

lấy cớ đó mà cử binh vào đánh Bình-tân.

Nhật-bản lại hiện đương điều binh thêm vào Du-quan, quan trấn-thủ Sơn-hải-quan là Hà Trụ-Quốc được tin, một mặt lo đốc-suất tướng sĩ gia ý phòng ngừa rất cẩn-mật, một mặt đánh điện-tín về Bắc-bình báo-cáo cho Trương Học-Lương.

Uông Tinh-Vệ có cùng bọn Cố Duy-Quân, La Văn-Cán, Tống Tử-Văn, 13 người cưỡi máy bay lên Bắc-bình. Bọn Trương Học-Lương ra đón tận trường bay Thanh-hà, dọc đường quân-cảnh phòng-vệ rất nghiêm. Các ký-giả đến yết-kiến và phỏng-vấn Uông. Uông phái đại-biểu thay mặt tiếp-kiến và nói vì cuộc hội-nghị ở Lư-sơn, đã quyết định việc Đông-bắc, nên phải lên Bắc-bình để cùng Trương tiếp-hợp.

Chính-phủ Tàu lần này quyết thực hành phương-lược thâu phục Đông-bắc. Ở Nam-kinh đã có mệnh-lệnh chính-thức ủy-nhậm Lý Đỗ làm Đông-bắc biên-phòng phó tư-lịnh (nguyên chức chánh tư-lệnh là Trương Học-Lương); Đinh Siêu làm chủ-tịch chính-phủ tỉnh Cát-lâm; Phùng Chiêm-Hải làm quan tư-lệnh đạo quân cảnh-bị Cáp-tuy; Vương Đức-Lâm làm quan tư-lệnh đạo quân cảnh-bị Ninh-an. Bốn vị ấy đều đã chính thức tựu chức, quân-chính Đông-bắc bây giờ đã thành hệ-thống, tự-hậu đều thuộc dưới quyền quản-đốc của hội quân-sự ủy-viên và lương-thực khí-giới sẽ được Trung-ương tiếp-tế cho.

Đạo binh của Phó-tư-lệnh Lý Đỗ ba ngày rày tiến-công thành Phú-cầm, thanh-thế cũng mạnh, có lẽ thâu-phục thành ấy trong nay mai.

Còn kỵ-binh của Mã Chiếm-Sơn thì chiếm-cứ các nhà ga dọc theo con đường xe lửa Hồ-hải.

Binh tiện-y thuộc quân nghĩa-dũng thì lên vào trong thành Thẩm-dương, còn đại-đội nghĩa-quân thì ở ngoài thành đánh vào, lính tiện-y ở trong làm nội-ứng đánh ra, tình-thế thành Thẩm-dương muốn phần nguy-cấp.

Cứ như các tin trên này thì cục diện Đông-bắc không thể tránh khỏi được cuộc binh-đao lớn. Nhưng chẳng hay đất Mãn-châu có lại thu-phục được về bản-đồ Trung-quốc không?

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 6 năm 1932)

Lễ Hưng-quốc khánh-niệm. — *Ngày mồng 2 tháng 5 ta (mồng 5 tháng sáu tây) là ngày lễ kỷ-niệm công-nghiệp khôi phục giang-sơn Nam-Việt của đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế, ngày ấy Ngài lên ngôi vua xưng niên-hiệu Gia-long nguyên-niên (1802). Tại Kinh-đô Huế làm lễ « Hưng-quốc khánh-niệm » có những nghi-văn và những cuộc hỉ-hạ như sau này:*

Sớm ngày mồng 1, bộ Lễ phụng sắc làm lễ kỳ-cáo tại các nơi Tôn-miếu và Tôn-táng, lễ Quốc-tế tại Thế-miếu là miếu thờ đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế, lễ tứ-tế tại Phủ-thờ đức Đông-cung Nguyên-soái Hoàng-thái-tử và tại miếu công-thần.

Sáng ngày mồng 2, làm lễ cầu-hồn đức thầy Bá-đa-Lộc tại Giáo đường Phủ-cam. Nam-triều duyệt binh tại trước Ngọ-môn, phát súng lệnh suốt ngày tại nền Cột-cờ, diễn các trò chơi ở trước Phu-văn-lâu.

Buổi chiều, múa Bát-dật, Tứ-linh, Tam-tinh và đốt pháo bông trước nhà

Lương-tạ (trước Phu-văn-lâu), bơi-chải giữa sông Hương-giang, phụng ngự-giá Lưỡng-tôn-cung đến xem, có mời quan Khâm-sứ cùng quan-tại hai chính-phủ đến xem và dự tiệc rượu mừng ngày khánh-lễ. Từ trong Đại-nội cho đến ngoài thành-phố, các nơi công-tư ngày ấy đều treo cờ đốt đèn, trên cạn dưới nước bày đủ các trò vui của bách-tính.

Nhân cái án-mạng ở Đáp-cầu mà khám-phá được một tiểu-tổ hội kín.— *Nhân cái án-mạng ở Đáp-cầu bọn Nguyễn Trí-Phác trong hội kín giết chết Nguyễn Trung-Khuyến độ trước, mà sở Liêm-phóng lại khám-phá được một tiểu-tổ hội kín. Hiện đã bắt hơn ba chục người vừa đàn ông vừa đàn bà đem tra xét xong rồi giao cho toà án Bắc-ninh nghĩ-xử.*

Hội đồng khám đẻ.— *Hội - đồng khám đẻ đã họp tại phủ Thống-sứ do quan Giám-đốc chánh-trị* DELSALLE *chủ-tọa. Ngoài các hội-viên Hội-đồng Cố-vấn, có quan chánh sở Trị-thủy* GAUTHIER *đến dự. Trong năm 1931-1932 những chỗ đẻ bồi bổ thêm tính ra được 136 cây số.*

Người Mĩ tặng cho thành-phố Sài-gòn một cái tượng Hoa-thịnh-đốn.— *Quan Lĩnh-sự Mĩ ở Sài-gòn tặng cho thành-phố Sài-gòn một cái tượng bán-thân Hoa-thịnh-đốn* (WASHINGTON) *là người có công gây dựng nước Mĩ bây giờ. Cái tượng ấy bằng đồng mạ vàng, đã định dựng ở phiến đất trước dinh quan Thống-đốc Nam-kỳ.*

Sáu nhà mĩ-thuật Nam-Việt được thưởng mền-đay danh-dự ở Pháp.— *Tại phòng Đấu-xảo mĩ-thuật ở* Paris, *trong số được thưởng có sáu người Nam-Việt được thưởng mền-đay danh-dự và giấy khen về món hội-họa và mòn điêu-khắc.*

Tờ thông-tư của bộ Hình ở Huế nói về khoản nấu rượu lậu. — *Ngày tháng năm Bảo-đại thứ 7, bộ Hình thông-tư cho các tỉnh đạo :*

« Nay tiếp quan Khâm-sứ đại-thần thương rằng : gần đây dân xã các tỉnh thường xảy ra khoản nấu rượu lậu, đã có chỗ đem lý-dịch nghĩ phạt, mà xã dân phần nhiều đương còn nữu cựu. Tệ nấu rượu lậu thịnh-hành làm cho rượu công bán phải tổn-sổ, ngân-sách sụt kém, các quan công-sứ phần nhiều nói chuyện đó, giao cho bộ tôi nghĩ cách trừng-phạt thông - tư cho các tỉnh để trừ tệ ấy.

« Bộ tôi xét tệ nấu rượu lậu phần nhiều vì lý-trưởng hương-kiểm phóng-trấp không nghiêm mà sinh ra, và các hương-chức (Phó-lý, hương-bộ, hương-bổn, hương-mục, hương-dịch) cũng có một phần chức-trách. Thói nấu rượu không chừa, trong xã-thôn cứ xảy ra hoài, thời bọn hương-chức cũng nghĩ phạt để cho biết sợ, từ nay về sau các làng phát ra việc nấu rượu lậu, trừ người nấu rượu lậu thì do quan tòa án tây nghĩ phạt ngoại, còn bọn lý-hương chiếu theo trong niên phần việc hễ xảy ra lần đầu nên đem lý-trưởng hương-kiểm chiếu luật vi-lệnh phạt bạc (lý-trưởng phạt 15 $ 00, hương-kiểm phạt 12 $ 00), lần thứ hai lý-trưởng, hương-kiểm cũng phạt như lần trước, nhưng đem thêm bọn hương-chức nghĩ phạt (phó-lý 9 $ 00, hương-bộ, hương-mục, hương-dịch đều phạt 6 $ 00). Lần thứ ba lý-trưởng hương - kiểm phải chiếu luật phạt giam (lý-trưởng giam 5 tháng, hương-kiểm giam 4 tháng) và cách dịch, còn bọn hương-chức đi thứ-đệ giam phạt bạc (mỗi người chỉ đến 15 đồng mà thôi) hoặc nghĩ cách-dịch, đó là chiếu tùy hiện-tình mà nghiêm trừ gian-tệ, đã thương quan Khâm-sứ đại-thần duyệt-hiệp và trình viên Cơ-mật thẩm-chiếu.»

Nấu rượu lậu ở trong sở nấu rượu của Nhà-nước.— *Ngày 25 tháng 4 vừa rồi, quan Thanh-tra sở Thương-chính Sài-gòn xuống xét lò nấu rượu của Nhà nước ở Cái-nhum gần thành Vĩnh-long, có bắt được hơn hai nghìn cân « hèm » và các tang-vật nấu rượu lậu ở trong sở để bán riêng, mỗi tháng bán lậu có hơn sáu nghìn cân, giá chừng mười nghìn đồng.*

Trích trong kho dự-trữ hai triệu rưỡi đồng bạc để giúp các nhà trồng cây ở Đông-dương. — *Quan-báo ở Thuộc-địa có đăng tờ nghị-định bên Pháp ngày 8 tháng 4 và ban-hành vào ngày 14 tháng 6 cho phép quan Thủ-hiến Đông-dương lấy trong kho dự-trữ hai triệu rưỡi đồng để cứu giúp cho nhà đồn-điền ở Đông-dương.*

Quan Thống-đốc Áo-môn thăm Sài-gòn.— *Quan Thống-đốc Áo-môn* De Miranda *từ Bồ-đào-nha sang lý-chức Thống-đốc Áo-môn* (Ma-cao) *là khu đất Trung-hoa nhượng cho nước Bồ-đào-nha từ trước, đáp tầu* Félix Roussel *đi qua có lên thăm Sài-gòn ngày 15 tháng 6, ngài lên thăm có đem theo vợ và hai con cùng các quan tùy-tùng.*

Trung-kỳ lập thêm một tỉnh Mọi nữa. — *Quan Toàn-quyền* Pasquier *đã ký một đạo nghị-định lập thêm một tỉnh Mọi ở xứ* Kontum, *và đặt một quan Công-sứ cai-trị. Tỉnh ấy phía đông giáp Bình-định và Phú-yên, phía tây giáp Cao-miên.*

Tờ thông-tư của quan Thống-sứ về việc hộ đê.— *Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã thông-tư cho các quan Công-sứ các tỉnh, các quan coi các đạo binh, các quan Đốc-lý Hà-nội và Hải-phòng một tờ chu-tri nhắc lại mọi việc phòng-bị và khám xét đê-điều trong xứ.*

Muốn cho nhân-dân đỡ phải nặng-nề về việc canh-phòng đê theo như thể-lệ ở điều 6 nghị-định ngày mồng 1 tháng 7 năm 1917, có chiếu lời xin của hội-đồng khám đê, định sửa lại mọi điều ấy như sau này :

1) Bắt đầu từ ngày mồng 1 Juin *trong số 4 điểm canh, phải ngày đêm túc-trực ở mặt đê như trước, thì nay rút xuống có một điểm thôi, nghĩa là cứ 4 cây số mới có một điểm canh.*

2) Các điểm canh cứ hễ khi nào có tờ thông-điện của sở Hộ-thủy, thì mới bắt đầu canh-phòng.

3) Các vật-liệu cùng những tre để phòng-bị về sự sang-hộ thì nay đều bãi đi

4) Còn các vật-liệu phòng-bị khác của các làng thì chỉ khi nào các điểm canh-phòng riết mới phải đem ra điểm canh.

Quan Khâm-sứ Trung-kỳ đi kinh-lý. — *Ngày 20 quan Khâm-sứ* Chatel *và quan Thủ-tướng* Nguyễn Hữu-Bài *đi kinh-lý tỉnh Nghệ-an. Các Ngài đi thăm cả mấy hạt Đô-lường, Phủ-diễn và Thanh-chương nữa.*

Hội-đồng Cố-vấn đi khám đê các tỉnh Bắc-kỳ. — *Từ ngày 20 đến 30, Hội-đồng Cố-vấn đã đi khám đê ở Bắc-kỳ thuộc những tỉnh Hà-đông, Hà-nam, Nam-định, Thái-bình, Hưng-yên, Bắc-ninh, Phúc-yên, Vĩnh-yên và Sơn-tây.*

Lễ độ-vong các chiến-sĩ ở Huế — *Theo lệ thường ngày 23 tháng năm ta ở Huế có làm lễ siêu-độ cho vong-hồn các chiến-sĩ trận-vong khi thất-thủ Kinh-đô.*

Ở Bắc-kỳ các nhà báo được cử đại-biểu đến dự các kỳ hội-nghị của viện Dân-biểu.— *Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã ký nghị-định đổi lại điều thứ 52*

nghị-định ngày 25 Mars 1913 về thể lệ ở trong viện Dân-biểu như sau này :

« Các báo-quán được cử đại-biểu vào phòng hội-nghị của viện Dân-biểu ; các đại-biểu ấy có giấy riêng của quan Thống-sứ cấp cho;các báo ra hằng ngày thì mỗi báo được cấp hai cái, còn các báo khác thì mỗi nhà một cái. Các giấy ấy cấp cho người nào thì chỉ người ấy được vào thôi. Trên giấy phải đề rõ tính-danh quán-chỉ của người được cấp giấy và chỉ riêng người ấy được dùng thôi. Có giản ảnh của người ấy và đóng dấu hẳn lên trên để làm tin.

« Các đại-biểu báo-quán có chỗ ngồi riêng. Nhưng trong khi viện Dân-biểu hội nghị các công việc, thì đại-biểu các báo-quán không được tỏ dấu hiệu gì là ưng hay không ưng.»

Lòng từ-thiện cầu-cứu cho dân bị nạn bão lụt.— *Đối với dân bị nạn bão lụt ở miền nam Trung-kỳ, ông* Rigaux *đại-biểu ở Thượng-hội-đồng Thuộc-địa Trung-kỳ mới gửi vô-tuyến-điện sang Pháp cho quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa để cầu chính-phủ Pháp cho tiền chẩn-cấp cho nạn-dân bị bão lụt ở miền nam Trung-kỳ.*

Sửa lại tòa-án cai-trị.— *Ngày 26 Mai 1932, chuẩn lời tư của quan Toàn-quyền Đông-dương, quan Thuộc-địa Tổng-trưởng đã đệ trình quan Giám-quốc ký đạo sắc-lệnh bãi tòa án Cai-trị ở Sài-gòn, chỉ để ở Đông-dương một toà án Cai-trị ở Hà-nội thôi.*

Đức Bảo-đại khi về Kinh sẽ không ở trong Đại-nội.— *Trước đức Khải-định lên ngôi rồi, Ngài có làm cái điện riêng của ngài ở bên An-cựu, cách Kinh-đô Huế độ ba cây số. Kiểu điện tự tay ngài vẽ, làm hết hơn 16 vạn đồng, nay đã hư đột. Đức Bảo-đại định khi ở Pháp về cũng ở đó, nên từ năm ngoái đến nay Nam-triều lo tu-bổ cho kịp, mỗi ngày có tới bốn trăm nhân-công làm, sở Công-chính Huế có phái một viên kỹ-sư Tây đến coi công-việc tu-bổ. Nhiều người nói sau này đức Bảo-đại sẽ làm những lâu-đài khác và mới lạ theo kiểu bên Tây mà Ngài đã mục-kích. Còn các bộ thì chưa biết Ngài có cho tu-bổ nữa không.*

Một thứ thuế mới ở Vinh. — *Quan Đốc-lý thành-phố Vinh có sức cho các hộ-phố tuân theo bắt đầu từ tháng Juin 1932, thành-phố đã thi-hành cái lệ nộp cheo về các đám cưới, số tiền ấy định là hai đồng bạc mà giao cho các phố-trưởng thu-nhận, cứ ba tháng một lần các phố-trưởng đem số tiền đã thu được và sổ-sách ra trình tòa Đốc-lý kiểm-soát.*

Đối với các đám cưới nào mà muốn làm lễ tại tòa Đốc-lý, thì số tiền nộp cheo lại định là 20 đồng mà phải báo trước 5 ngày.

Quan trên đối với dân trong vụ thuế này.— *Các quan tỉnh Thái-bình hiểu cái tình-thế túng ngặt của dân, vả lại thóc lúa vụ này bán 3 hào một tháng cũng không có người đong, nên hội cả các quan phủ-huyện, quan Công-sứ đã đồng ý với quan Tổng đốc định rằng : thuế sưu thì toàn nạp, còn thuế điền-thổ làng nào không thể nộp được mà các quan phủ-huyện bẩm xin phân-trưng hay lưu-đông thì sẽ y cho.*

Bắt được người làm tiền trình giả.— *Sở Mật-thám Hải-phòng cho người đến khám nhà số 13 phố* Metz, *là nhà một người khách tên là Sam-Kham, bắt được một cái máy và những lá đồng để làm giả tiền trình Khải-định, đã bắt chủ-nhà và các tang-vật ấy để xét.*

Mĩ-thuật Việt-Nam ở bên Pháp.— *Quan Nguyên Thống-đốc Nam-kỳ* Blanchard de la Brosse *hiệp với quan*

Đốc-học trường học Mĩ-thuật Hà-nội VICTOR TARDIEU *tổ-chức một cuộc chưng bày các bức danh họa của các nhà họa-sĩ Việt-Nam tại* Agence Economique de l'Indochine *bên* Paris.

Mấy bức danh-họa của ông Nguyễn Phan-Chánh, Nguyễn Hữu-Đật, Công Văn-Thung, Nguyễn Nam-Sơn, Trần Phềnh được công-chúng hoan-nghênh lắm.

Các báo bên Pháp có viết bài bình-phẩm các bức danh-họa của người Việt-Nam và có nói rằng ngòi bút của họa-sĩ Việt-Nam thật thần-tình chẳng kém các họa-sĩ danh-tiếng ở Pháp.

Phu mộ Bắc-kỳ làm đồn-điền ở Nam-kỳ bị thất-nghiệp.— *Cách bơ bốn năm trước đây, những người ở Bắc-kỳ ứng-mộ đi làm đồn-điền cao-su trong đảo Phú-quốc (Nam-kỳ), làm được ít lâu, chủ đồn-điền hết vốn, bọn phu bị thất-nghiệp bơ-vơ, nhờ được tầu Nhà-nước chở về Hà-tiên, mấy ông cố-đạo có đồn-điền thấy thế liền mộ cả bọn cho làm ruộng, được đến tháng 6 năm nay, bọn phu không đủ sức làm việc, không đủ lương nuôi thân, mới rủ nhau làm đơn xin quan chủ-tỉnh Hà-tiên cho được về quê-quán. Ngày mồng 8 tháng 6 đã từ-giã Hà-tiên đi bộ lần đường về, cơm không có mà ăn, áo quần thì rách-rưới, đi đến đâu thì nhờ các nhà từ-thiện hoặc Nhà-nước trợ-cấp cho ít nhiều. Khi về đến Sài-gòn, Nhà-nước đã cho chiếc tầu* Claude-Chappe *chở 810 người về Bắc-kỳ và cho tầu thủy chở về quê-quán.*

Phu mộ ở Tân-đảo cũng về.— *Những người ứng-mộ sang làm đồn-điền bên Tân-đảo* (Nouvelles Hébrides) *tuy chưa đủ hạn trong giấy giao-kèo, nhưng các công-ti đồn-điền bên ấy cũng cho về xứ sở. Chuyến tầu* Dumont d'Urville *ở Tân-đảo về ngày 11* Avril *vừa rồi có chở 57 người phu mộ về Bắc-kỳ. Bọn ấy có mang về theo 24 người vợ và 22 đứa trẻ-con.*

Quan Toàn-quyền sang Cao-miên.— *Quan Toàn-quyền* PASQUIER *đã sang tới Nam-vang hồi 5 giờ chiều ngày 27. Ngày 29 Ngài cùng Cao-miên quốc-vương làm lễ khánh-thành con đường xe-lửa «* Phom-penh — Battambang *» là con đường xe-lửa nối liền hai xứ Cao-miên và Xiêm.*

Bắt được một chi-bộ hội-kín ở Từ-sơn.— *Quan phủ Từ-sơn đến làng Ba-kệ phủ ấy bắt ba người rất có thế-lực trong hội kín độ trước đứng chủ-trương chi-bộ hội-kín ở Từ-sơn và các miền gần đấy. Khám ở nhà những người ấy thấy có nhiều giấy-má quan-trọng và các hình-ảnh chụp những khi họp hội-đồng hội-kín. Ba người ấy hiện nay đã giải về sở Liêm-phóng Hà-nội để xét.*

Số thiệt-hại về trận bão ở miền nam Trung-kỳ.— *Báo* Tiếng-Dân *đăng số thiệt-hại về trận bão mồng 4 tháng 5 tây ở miền nam Trung-kỳ ước phỏng như sau này:*

Số thiệt-hại của các công-sở:

Đường-sá.	*140.000*	*đồng*
Cầu.	*160.000*	—
Đường sắt.	*100.000*	—
Các công-sở.	*65.000*	—
Sông đào dẫn thủy.	*5.000*	—
Cộng.	*470.000*	—

Số thiệt-hại của người Việt-Nam:

Nhà, vườn và các khu đất bị phủ cát.	*300.000*	—
Thuyền-bè, súc-vật, hoa-lợi	*150 000*	—
Cộng.	*450.000*	—

Số thiệt-hại của riêng người Pháp :

Sở trồng Agaves. . .	*23.000 đồng*
Nhà thờ Phan-rang. .	*11.000* —
Suối Vĩnh-hòa. . . .	*40.000* —
Ruộng muối Cana .	*120 000* —
Nhà máy cưa Aviat. .	*10.000* —
Đập Cam-ly. . . .	*100.000* —
Cộng. . .	*304.000 đồng*
Tổng-cộng cả số thiệt-hại là.	*1.224.000* —

Báo-chí mới

Mới xuất-bản :

Đông-thanh tạp-chí.— *Xuất-bản mỗi tháng hai kỳ, ngày 1 và ngày 15. Tòa soạn và tòa trị-sự ở số 24-26 phố Nhà Thờ, Hà-nội. Chủ-nhiệm là ông Ngô Tử-Hạ, chủ nhà in. Giá : mỗi năm 5 đồng, sáu tháng 2 đồng 8 hào, mỗi số 2 hào rưỡi.*

Sách mới

Phồ-chiêu thiền-sư thi-văn-tập. — *Dật-sử thi-văn và nguyên-bản « Sơ-kính tân-trang » của ông Phạm-Thái, tức Phụng, tức Chiêu-Lý. Sở-Cuồng văn-khố biên-tập. Nam-ký thư-quán xuất-bản, sách 21×14, dầy 110 trang, bán tại số 17* Boulevard Francis Garnier, *Hà-nội, giá 3 hào.*

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. Phạm Quỳnh soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp :	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết Voltaire	4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai).	5 hào.
11. — La Poésie annamite.	4 hào.

Sắp xuất-bản :
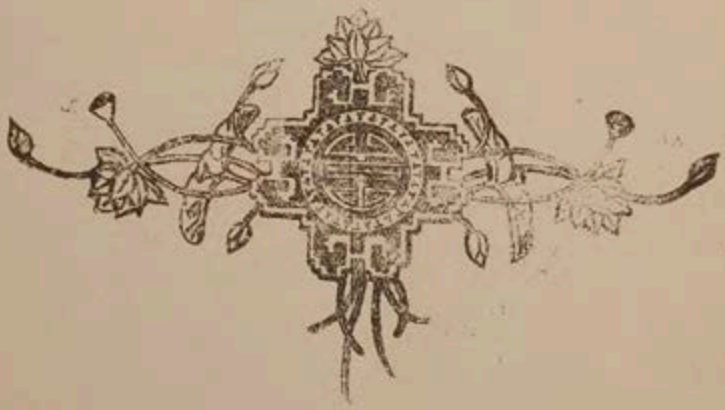
12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hỏa-lạc.